BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGÔ THỊ VÂN ANH

BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ HẠI TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

BỘ TƯ PHÁP

NGÔ THỊ VÂN ANH

BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ HẠI TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

Ngành đào tạo: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 9380104

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Đỗ Thị Phượng

Hà Nội – 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi. Các kết quả nêu trong luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đúng theo quy định. Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của luận án này.

Tác giả luận án

Ngô Thị Vân Anh

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới giảng viên hướng dẫn PGS.TS. Đỗ Thị Phượng đã tận tình giúp đỡ tôi hoàn thành luận án. Đồng thời, tôi chân thành cảm ơn các thầy giáo, cô giáo và cán bộ trường Đại học Luật Hà Nội đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu. Cuối cùng, tôi chân thành cảm ơn các cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình, đồng nghiệp và bạn bè đã luôn động viên, giúp đỡ tôi trong quá trình làm luận án.

Tác giả luận án

Ngô Thị Vân Anh

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
BLHS	Bộ luật Hình sự
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSV	Kiểm sát viên
NCS	Nghiên cứu sinh
XXST	Xét xử sơ thẩm
TAND	Toà án nhân dân
TTHS	Tố tụng hình sự
VAHS	Vụ án hình sự
VKS	Viện kiểm sát

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

STT	Nội dung
1	**Bảng 2.1.** Thống kê số bản kiến nghị của VKS với Toà án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động XXST từ năm 2018 đến năm 2025
2	**Bảng 2.2.** Thống kê kết quả tống đạt bản án/quyết định của Toà án cấp sơ thẩm từ năm 2018 đến năm 2025
3	**Bảng 2.3.** Thống kê số bản án Toà án cấp phúc thẩm huỷ để xét xử lại từ năm 2018 đến năm 2025
4	**Bảng 2.4.** Thống kê số VAHS của Toà án cấp sơ thẩm bị Giám đốc thẩm huỷ để xét xử lại từ năm 2020 đến năm 2025
5	**Bảng 2.5.** Thống kê số lượng kháng cáo của bị cáo, bị hại; kháng nghị của VKS từ năm 2018 đến năm 2025
6	**Bảng 2.6.** Thống kê thẩm quyền của Toà án cấp phúc thẩm từ năm 2018 đến năm 2025
7	**Bảng 2.7.** Thống kê số bị hại có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp từ năm 2018 đến năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1
1. Lý do lựa chọn đề tài 1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 3
4. Phương pháp nghiên cứu 4
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn 6
6. Cơ cấu của luận án 6
PHẦN TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU 8
1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước 8
1.1.1. Các công trình nghiên cứu về bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng hình sự ... 8
1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 12
1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài 21
1.2.1. Các công trình nghiên cứu về bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng hình sự . 21
1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 24
1.3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu 32
1.3.1. Những vấn đề luận án kế thừa 32
1.3.2. Những vấn đề chưa được nghiên cứu hoặc khi nghiên cứu có nhiều quan điểm khác nhau 34
1.3.3. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu 35
1.4. Các lý thuyết nghiên cứu 36
1.5. Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu trong luận án 39
1.6. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu 39
1.6.1. Câu hỏi nghiên cứu 39
1.6.2. Giả thuyết nghiên cứu 39
TỔNG KẾT PHẦN TỔNG QUAN 41
PHẦN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 42
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ HẠI TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ 42
1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 42
1.1.1. Khái niệm 42

1.1.2. Đặc điểm 60
1.1.3. Ý nghĩa 82
1.2. Cơ sở của việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 85
1.2.1. Cơ sở lý luận 85
1.2.2. Cơ sở chính trị 86
1.2.3. Cơ sở pháp lý 89
1.2.4. Cơ sở thực tiễn 90
1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 92
1.3.1. Yếu tố về pháp luật 92
1.3.2. Yếu tố về con người 93
1.3.3. Các yếu tố khác 94
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 99
CHƯƠNG 2 QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ HẠI TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ 100
2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 100
2.1.1. Quy định về các nguyên tắc cơ bản 100
2.1.2. Quy định về quyền của bị hại 106
2.1.3. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người tiến hành tố tụng và các chủ thể khác 116
2.1.4. Quy định về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 127
2.1.5. Quy định về giám sát việc thực thi quyền của bị hại 130
2.2. Thực tiễn bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 135
2.2.1. Những kết quả đạt được 135
2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc 140
2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc 151
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 159
CHƯƠNG 3 YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NHẰM TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ HẠI TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ 160
3.1. Yêu cầu của các giải pháp bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 160

3.1.1. Phù hợp với chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển con người 160

3.1.2. Phù hợp với chuẩn mực quốc tế về quyền con người của bị hại 162

3.1.3. Phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi 163

3.2. Các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 165

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật 165

3.2.2. Giải pháp khác 197

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 202

KẾT LUẬN 203

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN .....

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....

PHỤ LỤC .....

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Trong xu thế phát triển của tư pháp hình sự hiện đại, việc bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng nói chung, bị hại nói riêng đã trở thành một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ dân chủ, nhân văn và hiệu quả của hệ thống tư pháp. Ở phạm vi quốc tế, nhiều văn kiện đã khẳng định vị trí, vai trò của nạn nhân (bao gồm cả bị hại) trong quá trình giải quyết VAHS. Đặc biệt, Tuyên ngôn của Liên Hợp Quốc năm 1985 yêu cầu các quốc gia thành viên đảm bảo "*cho phép trình bày và cân nhắc quan điểm và mối quan tâm của các nạn nhân, ở những giai đoạn thích hợp của quá trình tố tụng khi các lợi ích cá nhân bị ảnh hưởng, mà không gây tổn hại đến người bị buộc tội và phù hợp với hệ thống tư pháp hình sự của quốc gia"*[1]. Những chuẩn mực này đã trở thành cơ sở tham chiếu quan trọng cho quá trình hoàn thiện pháp luật của nhiều quốc gia.

Trong VAHS, bị hại là một trong những chủ thể chịu thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Khác với những chủ thể khác, thiệt hại mà bị hại phải gánh chịu chính là đối tượng mà hành vi phạm tội muốn hướng tới. Vì vậy, bên cạnh những tổn thất ban đầu, họ còn là nhóm đối tượng có nguy cơ cao trở thành "nạn nhân thứ cấp" của quá trình giải quyết VAHS. Nhận thức được vị trí và tính dễ bị tổn thương của nhóm chủ thể này, nhiều quốc gia trên thế giới đã dành sự quan tâm ngày càng cao đến việc xây dựng và hoàn thiện các cơ chế pháp lý nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho họ.

Việt Nam đang tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo định hướng lấy con người làm trung tâm, mục tiêu và động lực của sự phát triển. Quan điểm này được khẳng định nhất quán trong Hiến pháp năm 2013, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, lần thứ XIV của Đảng và được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 27-NQ/TW với yêu cầu "*tôn trọng, bảo đảm, bảo*

[1] Đoạn 6(b), Tuyên ngôn của Liên Hợp Quốc về các nguyên tắc cơ bản của công lý đối với nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực năm 1985, https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Tuyen-ngon-nguyen-tac-cong-ly-co-ban-cho-cac-nan-nhan-cua-toi-pham-va-lam-dung-quyen-luc-1985-275831.aspx, truy cập ngày 01/7/2026

vệ quyền con người, quyền công dân". Trên tinh thần đó, trong TTHS, việc bảo đảm quyền con người không chỉ tập trung vào quyền của người bị buộc tội mà còn bao gồm việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Đặc biệt, trong giai đoạn XXST – giai đoạn trung tâm của quá trình giải quyết VAHS – Tòa án, cùng với các chủ thể có thẩm quyền khác, có trách nhiệm áp dụng đầy đủ quy định của pháp luật nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Thông qua đó, bị hại được tạo điều kiện thực hiện hiệu quả các quyền tố tụng của mình, góp phần hiện thực hóa yêu cầu bảo vệ quyền con người trong hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn này vẫn còn những hạn chế nhất định. *Về lý luận*, chưa có công trình nào nghiên cứu những vấn đề lý luận về "bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST". Các công trình đã có chủ yếu đề cập đến những vấn đề lý luận về bảo đảm quyền hoặc bảo đảm quyền con người của bị can, bị cáo trong các giai đoạn cụ thể. *Về quy định của pháp luật*, BLTTHS năm 2015 đã ghi nhận nhiều nội dung tiến bộ về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tuy nhiên, một số quy định quan trọng về nguyên tắc; quyền của bị hại; nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền; trình tự, thủ tục; cơ chế giám sát chưa được quy định đầy đủ, chi tiết hoặc còn khó thực thi. *Về thực tiễn xét xử* trong những năm gần đây cho thấy, không ít trường hợp bị hại gặp khó khăn trong việc tham gia phiên tòa hoặc không được cung cấp thông tin kịp thời… Những hạn chế đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện pháp luật và nâng cao cơ chế bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST. Từ những lý do nêu trên, NCS nhận thấy việc nghiên cứu đề tài: "*Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS*" có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là làm sáng tỏ và phát triển những vấn đề khoa học về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS trên các phương diện lý luận, pháp luật thực định và thực tiễn thi hành ở Việt Nam. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận án xác định những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của

các hạn chế, đồng thời đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và các giải pháp khác nhằm bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhiệm vụ của luận án tập trung vào một số nội dung sau:

- *Thứ nhất,* làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS: phân tích khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, cơ sở và những yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

- *Thứ hai,* phân tích và đánh giá quy định của pháp luật về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS; phân tích và đánh giá thực tiễn bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS, từ đó chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc trong việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

- *Thứ ba,* phân tích các yêu cầu và đề xuất giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS; quy định của pháp luật về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét XXST VAHS; thực tiễn bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu về nội dung: Luận án được thực hiện dưới góc độ tiếp cận của chuyên ngành luật Hình sự và TTHS về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Phạm vi quyền của bị hại cần được bảo đảm trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự gồm 03 nhóm quyền, đó là: nhóm quyền được tiếp cận thông tin trong giai đoạn XXST VAHS, nhóm quyền tham gia các hoạt động tố tụng tại phiên toà và đưa ra các yêu cầu để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ cho mình, nhóm quyền bảo đảm cơ chế giám sát và khắc phục sai sót trong giai đoạn

XXST VAHS. Đồng thời, luận án nghiên cứu về bảo đảm quyền của bị hại là cơ quan, tổ chức, cá nhân (đã đủ 18 tuổi). Bị hại là cá nhân dưới 18 tuổi là nhóm chủ thể có cơ chế bảo vệ riêng, được điều chỉnh bởi nhiều quy định đặc thù, trong đó có thủ tục tố tụng thân thiện và các nguyên tắc xét xử riêng nhằm bảo đảm lợi ích tốt nhất của họ. Do đó, việc nghiên cứu bảo đảm quyền của bị hại dưới 18 tuổi đòi hỏi cách tiếp cận và nội dung phân tích chuyên sâu. Nếu đưa nội dung này vào phạm vi luận án sẽ làm mở rộng đối tượng nghiên cứu, khó bảo đảm sự tập trung và chiều sâu trong việc phân tích cơ chế bảo đảm quyền của bị hại nói chung cũng như bị hại dưới 18 tuổi nói riêng. Vì vậy, luận án chỉ giới hạn nghiên cứu đối với bị hại là cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên.

Phạm vi nghiên cứu về không gian: Việc nghiên cứu, khảo sát số liệu được tiến hành trong phạm vi cả nước đối với những số liệu mà VKS nhân dân tối cao thống kê. Đối với các số liệu mà NCS tự thống kê (hồ sơ án hình sự sơ thẩm; bản án hình sự sơ thẩm, bản án hình sự phúc thẩm), NCS lựa chọn ngẫu nhiên một số tỉnh thành thuộc khu vực phía Bắc, Trung, Nam của Việt Nam để tổng hợp số liệu lấy cơ sở đánh giá thực tiễn thi hành. (Đối với hồ sơ VAHS sơ thẩm, do việc tiếp cận hồ sơ phụ thuộc vào điều kiện cho phép và khả năng cung cấp của cơ quan có thẩm quyền, NCS tiến hành khảo sát trên cơ sở các hồ sơ có điều kiện tiếp cận và đáp ứng tiêu chí nghiên cứu của đề tài. Đối với bản án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, NCS lựa chọn bản án tại một số địa phương thuộc khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam nhằm bảo đảm sự phân bố về khu vực địa lý).

Phạm vi nghiên cứu về thời gian: Luận án nghiên cứu, khảo sát số liệu trong vòng 08 năm từ năm 2018 đến năm 2025. Riêng số liệu thống kê "số bản án hình sự của Toà án cấp sơ thẩm bị Giám đốc thẩm huỷ để xét xử lại", vì lý do khách quan (phần mềm cũ không có thông tin) nên NCS chỉ nghiên cứu được từ năm 2020 đến năm 2025.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, thể hiện ở việc nghiên cứu về bảo đảm quyền của bị hại trong

giai đoạn XXST VAHS trong mối liên hệ chặt chẽ, không thể tách rời với các quyền con người, quyền công dân và quyền tố tụng của bị hại; phù hợp với các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự.

Các phương pháp nghiên cứu của luận án gồm:

Phương pháp phân tích, tổng hợp: được sử dụng để hệ thống hóa các quan điểm, các quy định pháp luật và từ đó làm sáng tỏ cơ sở lý luận và phân tích, lập luận các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Phương pháp so sánh: được sử dụng để đối chiếu các chuẩn mực pháp lý quốc tế, hệ thống pháp luật một số quốc gia nhằm đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Luận án cũng sử dụng phương pháp này để so sánh một số quyền của bị hại với bị can, bị cáo.

Phương pháp khảo sát điều tra xã hội học: được thực hiện bằng hình thức trực tiếp thông qua khảo sát thực tế, trao đổi với các nhà nghiên cứu, những người làm việc trong lĩnh vực pháp luật như Thẩm phán và Luật sư về việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS (NCS tiến hành khảo sát đối với 100 Luật sư, 94 Thẩm phán Toà án nhân dân hai cấp). *Phương pháp thống kê và vụ việc điển hình:* được sử dụng trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo của các cơ quan tiến hành tố tụng trong công tác XXST. Đồng thời thực hiện khảo sát thực tiễn XXST tại một số tỉnh, thành phố trên cơ sở nghiên cứu bản án, hồ sơ các vụ án hình sự điển hình của Tòa án cấp sơ thẩm để so sánh giữa lý luận với thực tiễn (NCS đã thống kê 1000 bản án hình sự sơ thẩm, 1000 bản án hình sự phúc thẩm tại một số tỉnh như Đã Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Huế, Nghệ An,… và tổng hợp số liệu thống kê từ 300 hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm của một số Toà án nhân dân khu vực tại HN – các đơn vị này đã được NCS mã hoá thông tin theo yêu cầu của nơi NCS thực hiện việc nghiên cứu).

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

5.1. Ý nghĩa khoa học

Kết quả nghiên cứu của luận án đóng góp cho sự phát triển lý luận về bảo đảm quyền của bị hại nói chung, bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng với các nội dung như: khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, cơ sở, những yếu tố ảnh hưởng.

Những phân tích, đánh giá của luận án về thực tiễn thi hành bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS là cơ sở để kiến nghị hoàn thiện pháp luật. Những giải pháp mà luận án đưa ra cũng có thể đóng góp cho việc giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong thực tiễn thi hành pháp luật về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS, đáp ứng yêu cầu của Đảng, Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội, chủ nghĩa.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho cơ quan lập pháp trong việc hoàn thiện pháp luật TTHS, đồng thời cũng có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam. Ngoài ra, luận án có thể dùng làm tài liệu hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ mang tính ứng dụng thực tiễn cho Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư… trong việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Các giải pháp do luận án đề xuất có thể có giá trị tham khảo đối với các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung BLTTHS hiện hành.

6. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan về vấn đề nghiên cứu, kết luận, danh mục các công trình khoa học đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, kết quả nghiên cứu của luận án được thể hiện trong 03 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Chương 2: Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và thực tiễn bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Chương 3: Yêu cầu và giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

PHẦN TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng hình sự

Hiện nay, các công trình nghiên cứu về bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng chủ yếu tập trung vào hai nhóm chủ thể là bị can và bị cáo. Các công trình này được triển khai ở nhiều cấp độ khác nhau, bao gồm sách chuyên khảo, đề tài nghiên cứu khoa học và các bài viết trên tạp chí khoa học:

Ở cấp độ sách/Đề tài nghiên cứu khoa học

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2003 điển hình có cuốn sách chuyên khảo *"Quyền con người trong tư pháp hình sự"* của PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên) (NXB Hồng Đức, 2015); Cuốn sách: "*Về bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự* của Trần Quang Tiệp, (Chủ biên) (NXB. Chính trị Quốc gia, 2009); Cuốn sách: "*Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam"* của tác giả Võ Thị Kim Oanh (chủ biên), (NXB Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2010);

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2015 điển hình có:

Cuốn sách: "*Bảo đảm quyền con người trong thi hành án phạt tù tại Việt Nam*" của PGS.TS. Đỗ Thị Phượng (Chủ biên), (Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022). Sách chuyên khảo "*Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp*" của PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn (Chủ biên), (NXB Tư pháp, 2022)[2]. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường "*Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nhằm bảo đảm quyền con người của bị can, bị cáo*" của TS. Trần Thị Thu Hiền (Chủ nhiệm đề tài) và các thành viên, (Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2022).

Ở cấp độ Luận án:

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2003 điển hình có: luận án tiến sĩ Luật học "*Bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong xét xử hình sự ở Việt Nam*" của tác giả Hoàng Hùng Hải bảo vệ tại Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia Hồ

[2] https://nxbtuphap.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-sachnew.aspx?ItemId=258, truy cập ngày 02/4/2026

Chí Minh năm 2012. Luận án tiến sĩ Luật học "*Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam*" của Lại Văn Trình bảo vệ tại Đại học Luật TP.HCM, năm 2010. Luận án tiến sĩ Luật học: "*Bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Toà án nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay*" của Võ Quốc Tuấn bảo vệ tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2017. Luận án tiến sĩ Luật học: "*Bảo đảm quyền của bị can, bị cáo là người chưa thành niên"* của Phan Thị Thanh Tâm bảo vệ tại Học viện khoa học xã hội năm 2017[3].

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2015 điển hình có: Luận án tiến sĩ Luật học "*Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự"* của Trần Thị Thu Hiền bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2020. Luận án đã xây dựng và luận giải khái niệm "bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra". Trên cơ sở đó, luận án thiết lập hệ thống cơ sở bảo đảm quyền gồm ba nhóm: cơ sở chính trị – xã hội (đường lối, quan điểm của Đảng, bối cảnh cải cách tư pháp), cơ sở pháp luật (quy định của Hiến pháp, BLTTHS và văn bản liên quan) và cơ sở thực tiễn (tổ chức bộ máy, điều kiện bảo đảm, thực tiễn điều tra và bảo vệ quyền của bị can). Luận án tiến sĩ Luật học "*Bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*" của Hoàng Thái Duy bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2025 đã phân tích sâu sắc phần lý luận của luận án về các nội dung như: các khái niệm về bảo đảm, giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, đề cập đến cơ sở bảo đảm quyền (cơ sở về chính trị - xã hội, cơ sở về pháp luật, cơ sở về thực tiễn), các yếu tố bảo đảm quyền (yếu tố về chính sách, yếu tố về pháp luật, các yếu tố khác). Luận án này hệ thống hóa và luận giải các khái niệm cơ bản như "bảo đảm", "bảo đảm quyền bào chữa", "giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự", làm rõ nội hàm cũng như dấu hiệu đặc trưng của mỗi khái niệm, xác định phạm vi "bảo đảm quyền…" trong giai đoạn xét xử sơ thẩm VAHS. Luận án tiến sĩ Luật học "*Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử*

[3] Phan Thị Thanh Tâm (2020), *Bảo đảm quyền của bị can, bị cáo là người chưa thành niên*, Luận án tiến sĩ Luật học (2017), Luận án tiến sĩ, Học viện khoa học xã hội.

sơ thẩm vụ án hình sự ở Việt Nam" của Nguyễn Anh Hoàng bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2026 xây dựng hệ thống lý luận tương đối đầy đủ về bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Luận án làm rõ khái niệm, đặc điểm và nội dung "bảo đảm quyền con người của bị cáo trong xét xử sơ thẩm", coi đó là tổng hợp các điều kiện chính trị – xã hội, pháp luật, tổ chức và hoạt động tố tụng nhằm bảo đảm các quyền của bị cáo được ghi nhận và thực hiện hiệu quả tại phiên tòa.

Ở cấp độ bài tạp chí:

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2003 có bài tạp chí "*Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong hoạt động tranh luận tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự*" của Võ Quốc Tuấn, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 07(287), tháng 4/2015; Bài tạp chí "*Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong hoạt động tranh luận tại phiên toà xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự*" của tác giả Võ Quốc Tuấn đăng trên Tạp chí nghiên cứu lập pháp, Số 7 năm 2015; Bài tạp chí: "*Quyền bào chữa và việc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự*" của tác giả Nguyễn Văn Trượng đăng trên Tạp chí dân chủ và pháp luật số 12 năm 2009; Bài tạp chí: "*Luật sư với việc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo*" của tác giả Nguyễn Văn Tuân đăng trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 3 năm 2008;…

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2015 có thể ghi nhận một số bài tạp chí tiêu biểu như: bài tạp chí "*Bảo đảm quyền con người trong hoạt động xét xử vụ án hình sự theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*" của Trần Thu Hạnh, Tạp chí Khoa học: Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2018. Bài tạp chí "*Bảo đảm quyền bình đẳng của bị cáo trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay*" của Võ Quốc Tuấn, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 03+04, tháng 2/2021. Bên cạnh đó, bài tạp chí "*Bảo đảm quyền im lặng của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự*" của Võ Quốc Tuấn, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 13 năm 2020, và bài tạp chí "*Bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo – Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật*" của tác giả Nguyễn Văn Linh, Tạp chí Dân chủ và

pháp luật, số 2 năm 2021, đã phân tích sâu các quyền cụ thể của bị cáo trong xét xử sơ thẩm. Gần đây, bài tạp chí "*Bảo đảm quyền con người của bị cáo qua việc hoàn thiện chức năng bào chữa trong phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*" của tác giả Nguyễn Anh Hoàng, Tăng Văn Hoàng, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 12 năm 2023. Các bài viết trong hai giai đoạn kể trên tiếp cận hướng nghiên cứu về bảo đảm quyền con người, quyền của người bị buộc trong giai đoạn XXST VAHS. Trên cơ sở đó, các tác giả chủ yếu phân tích, đánh giá một hoặc một số quyền cụ thể. Một số công trình chưa đề cập hoặc đã đề cập nhưng chưa phân tích sâu về những nội dung khác về bảo đảm quyền như: nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết VAHS…

Mặc dù các công trình nghiên cứu trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2003 và năm 2015 chủ yếu tập trung vào quyền con người, quyền của bị can, bị cáo, nhưng vẫn cung cấp nhiều giá trị tham khảo quan trọng cho đề tài luận án. Các công trình này đã xây dựng tương đối hoàn chỉnh khung lý luận về bảo đảm quyền trong TTHS thông qua việc luận giải các khái niệm cơ bản, xác định nội dung, đặc điểm, cơ sở bảo đảm và các yếu tố tác động đến việc thực hiện quyền của chủ thể tố tụng. Đặc biệt, các nghiên cứu đều tiếp cận vấn đề bảo đảm quyền trên nền tảng các cơ sở chính trị - xã hội, pháp luật và thực tiễn, đồng thời làm rõ vai trò của các chủ thể tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm thực thi quyền trên thực tế. Những kết quả nghiên cứu này là cơ sở tham khảo quan trọng để luận án kế thừa trong việc xây dựng khái niệm, đặc điểm, cơ sở, nội dung, mục đích, phạm vi bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Đồng thời, các công trình cũng gợi mở phương pháp tiếp cận nghiên cứu theo hướng kết hợp giữa lý luận, pháp luật thực định và thực tiễn áp dụng nhằm đánh giá toàn diện cơ chế bảo đảm quyền. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có chủ yếu tập trung vào bị can, bị cáo, trong khi việc bảo đảm quyền của bị hại chưa được nghiên cứu một cách chuyên sâu và hệ thống ở giai đoạn XXST. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà luận án cần tiếp tục làm rõ, qua đó góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và đề xuất các giải pháp bảo đảm hiệu quả

hơn quyền của bị hại trong TTHS nói chung, trong giai đoạn XXST VAHS nói riêng.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Hiện nay, số lượng công trình nghiên cứu về bị hại còn khá khiêm tốn. Theo thống kê của một nghiên cứu thực hiện trong khoảng thời gian từ 2002 đến năm 2024 thì: Số công trình nghiên cứu về bị hại, nạn nhân của tội phạm trong *"năm 2002, chỉ có 01 bài báo khoa học. Các năm 2018 và 2021 ghi nhận số lượng nhiều hơn với 06 nghiên cứu, nhiều nhất là vào các năm 2011, 2020 với 07 nghiên cứu. Tuy nhiên, những năm 2003, 2004, 2006 lại có rất ít các công bố. Đặc biệt, năm 2008, 2009 chỉ có 01 nghiên cứu. Tại thời điểm báo cáo này được thực hiện (năm 2024), ghi nhận 03 nghiên cứu về nhóm đối tượng này dưới dạng sách chuyên khảo, kỷ yếu hội thảo quốc tế và bài báo khoa học"*[4]. Vì vậy, phần tổng quan này được xây dựng trên cơ sở hệ thống hóa các công trình nghiên cứu có liên quan đến "bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự". Qua khảo cứu cho thấy, cho đến nay chưa có công trình nào tiếp cận một cách toàn diện, chuyên sâu và có hệ thống đối với vấn đề này.

Ở cấp độ sách/Đề tài nghiên cứu khoa học

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2003 điển hình có cuốn sách "*Quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam*" của TS. Đinh Thị Mai, Nxb. Khoa học xã hội năm 2014 là nghiên cứu chuyên sâu quyền của người bị hại trong TTHS Việt Nam. Cuốn sách đã làm rõ cơ sở lý luận, lịch sử hình thành và nội dung các quyền của người bị hại; phân tích cơ chế, điều kiện pháp lý bảo đảm việc thực hiện các quyền này trong bối cảnh Việt Nam và so sánh với một số nước. Tác phẩm đồng thời đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn, đề xuất giải pháp hoàn thiện

[4] Mai Thanh Sơn, Lê Lan Chi, Lưu Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Nhật Thao (2025), Nghiên cứu về bị hại, nạn nhân của tội phạm tại Việt Nam: Những kết quả đạt được và định hướng nghiên cứu mới, *Tạp chí khoa học pháp lý Việt Nam,* số 02(198), link truy cập: https://khoahocphaplyvietnam.edu.vn/khplvn/article/view/517/339 , truy cập ngày 26/4/2026

pháp luật và hướng dẫn thực hành quyền thông qua bộ chỉ dẫn, được xem là công trình đầu tiên ở Việt Nam tiếp cận toàn diện vấn đề này.

+ Ngoài ra, có một số cuốn sách, giáo trình đã đề cập trực tiếp đến việc xác định vị trí, vai trò, nhiệm vụ, phạm vi của giai đoạn XXST như: sách chuyên khảo "*Xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*" của TS. Võ Thị Kim Oanh (NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2011); Sách chuyên khảo "*Viện kiểm sát nhân dân trong Nhà nước pháp quyền*" do Nguyễn Đăng Dung chủ biên (Nxb Tư pháp, 2014); *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*" của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (Nxb. Nhân dân, 2025); và Giáo trình "*Luật tố tụng hình sự Việt Nam*" của Trường Đại học Luật Hà Nội (Nxb. Tư pháp, 2024). Các công trình này đã góp phần làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về giai đoạn XXST, đặc biệt là vị trí, chức năng, nhiệm vụ và giới hạn của hoạt động tố tụng trong giai đoạn này. Đây là nguồn tham khảo quan trọng để luận án xác định phạm vi và đặc trưng của giai đoạn XXST VAHS. Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu tiếp cận giai đoạn XXST từ góc độ tổ chức và thực hiện hoạt động tố tụng nói chung, chưa tập trung làm rõ giai đoạn này với tư cách là phạm vi tố tụng mà trong đó quyền của bị hại được thực hiện và bảo đảm. Vì vậy, luận án kế thừa những kết quả nghiên cứu về giai đoạn XXST, đồng thời tiếp tục làm rõ những đặc trưng của giai đoạn này có ý nghĩa đối với việc xác định nội dung và cơ chế bảo đảm quyền của bị hại.

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2015, các nghiên cứu về bị hại bắt đầu được quan tâm nhiều hơn, điển hình có"

+ Cuốn sách "*Bảo đảm quyền của nạn nhân và một số nhóm yếu thế trong tư pháp hình sự - Từ quy địnhh của pháp luật đến hoạt động của người hành nghề luật*" của TS. Lê Lan Chi (Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2022). Cuốn sách khẳng định "bị hại" chỉ là tư cách tố tụng của nạn nhân, xuất hiện khi nạn nhân được trao và sử dụng các quyền tố tụng để tham gia giải quyết vụ án hình sự. Sách đề cao vai trò cơ quan tiến hành tố tụng và luật sư/người bảo vệ trong việc bảo đảm các quyền đó. Dựa trên khung nạn nhân học (khái niệm, phân loại nạn nhân, các dạng "nạn nhân hoá"), tác giả phân biệt "bị hại" với "nạn nhân" theo nghĩa rộng, rồi hệ thống

hoá, nhóm các quyền của nạn nhân theo nhu cầu bảo vệ khác nhau. Cách tiếp cận này gợi ý trực tiếp cho NCS khi xây dựng hệ thống nhóm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST.

+ Cuốn "*Giáo trình lí luận chung về Nhà nước và Pháp luật*" của Trường Đại học Luật Hà Nội (Nxb. Tư pháp, 2024) có đề cập đến một trong những khái niệm quan trọng mà luận án có thể tiếp thu đó là khái niệm và nội hàm về "quyền chủ thể". Việc làm rõ nội hàm "quyền chủ thể" là cơ sở để xác định chính xác các quyền của bị hại – đối tượng trực tiếp của hoạt động bảo đảm. Qua đó, luận án xác định đúng phạm vi và nội dung cần nghiên cứu về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

+ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường: "*Chủ thể tranh tụng tại phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự"* của tác giả Nguyễn Thị Mai (chủ nhiệm đề tài) và các thành viên (Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2021) có chuyên đề "*chủ thể tranh tụng ngoài phạm vi buộc tội, gỡ tội tại phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*". Chuyên đề này đưa ra quan điểm: bị hại được coi là một chủ thể tranh tụng độc lập nhưng không thuộc nhóm buộc tội cũng như nhóm gỡ tội. Đề tài đã phân tích một số nguyên tắc cơ bản và ghi nhận quyền của bị hại trong giai đoạn XXST, cùng với trình tự, thủ tục đảm bảo quyền bị hại tại phiên toà. Đề tài cũng đã phân tích và chỉ ra rằng vai trò trung tâm của Toà án trong việc bảo đảm quyền của bị hại tại phiên tòa thông qua việc: giải thích quyền và nghĩa vụ, tạo điều kiện để họ tham gia đầy đủ các hoạt động tố tụng, trình bày lời khai, cung cấp chứng cứ và yêu cầu bồi thường; áp dụng các biện pháp bảo vệ như xét xử kín hoặc hạn chế tiếp xúc với bị cáo trong vụ án nhạy cảm; giải quyết thỏa đáng yêu cầu bồi thường; đồng thời ra phán quyết công bằng, khách quan dựa trên kết quả tranh tụng nhằm bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Nhóm tác giả trong đề tài cũng đã đề xuất những giải pháp có ý nghĩa trong việc bảo đảm quyền của bị hại tại giai đoạn XXSTVAHS. Đặc biệt, là các quy định về trình tự, thủ tục XXST, quy định về quyền của bị hại, đề xuất sửa đổi các quy định pháp lý liên quan đến chức năng thực

hành quyền công tố, quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền, trong đó có VKS…

+ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường: "*Thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*" của tác giả Vũ Gia Lâm (Chủ nhiệm đề tài) cùng các thành viên (Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2019) bao gồm các chuyên đề được sắp xếp từ những vấn đề chung của thủ tục sơ thẩm, kinh nghiệm quốc tế, đến các nội dung như: nguyên tắc tố tụng áp dụng trong XXST, thẩm quyền xét xử của Tòa án, các quyết định của Thẩm phán chủ tọa trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các quy định chung về thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm và cuối cùng là trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa. Mặc dù đề tài không nghiên cứu riêng quyền của bị hại, nhưng cung cấp cái nhìn hệ thống về toàn bộ khuôn khổ pháp lý và trình tự, thủ tục của giai đoạn XXST – chính là "không gian tố tụng" nơi quyền của bị hại được thực hiện. Chính vì vậy, NCS có thể tham khảo nội dung của các chuyên đề này để xác định nền tảng thủ tục, từ đó phân tích sâu hơn vị trí, vai trò và cơ chế bảo đảm quyền của bị hại trong từng bước của quá trình xét xử.

Ở cấp độ Luận án

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS 2003: luận án tiến sĩ Luật học: "*Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự Việt Nam*" của Lê Nguyên Thanh bảo vệ tại Trường Đại học Luật TP.HCM năm 2012 là công trình chuyên sâu đầu tiên về người bị hại và quyền của họ trong TTHS. Luận án hệ thống các cách tiếp cận để xây dựng khái niệm người bị hại (ngôn ngữ học, so sánh pháp luật, luật hình sự – tố tụng truyền thống, tiếp cận dựa trên quyền) và đề xuất khái niệm mang tính mở, tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài nhưng phù hợp bối cảnh Việt Nam. Trên nền đó, tác giả xác định "quyền của bị hại" như một bộ phận của quyền con người, là tổng thể quyền của chủ thể gánh chịu thiệt hại do tội phạm gây ra khi tham gia quá trình giải quyết vụ án hình sự. Ở phương diện bảo đảm quyền bằng pháp luật, luận án phân tích khá đầy đủ các quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và chỉ ra những hạn chế trong thủ tục sơ thẩm, nhất là việc triệu tập, giải thích quyền, giải quyết yêu cầu bồi thường. Công trình sử dụng điều tra xã hội học, phân tích hồ sơ

và thống kê án, qua đó phác họa khách quan khoảng cách giữa pháp luật và thực tiễn, cung cấp cơ sở lý luận, phương pháp và dữ liệu để NCS có thể kế thừa, so sánh khi nghiên cứu đề tài của mình. Luận án tiến sĩ Luật học: *"Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay"* của tác giả Lưu Bình Dương bảo vệ tại Học viện khoa học xã hội năm 2017 đã đề cập chi tiết đến quyền rút yêu cầu khởi tố của bị hại tại phiên tòa hình sự sơ thẩm thông qua việc phân tích quy định tại khoản 2 Điều 155 BLTTHS năm 2015 và văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, tác giả cũng phân tích các quy định về thủ tục xét xử tại phiên tòa để giải quyết yêu cầu cho bị hại. Những nội dung này có thể là điểm gợi mở cho NCS tiếp tục nghiên cứu và kiến nghị hoàn thiện pháp luật đối với thực tiễn bảo đảm quyền rút yêu cầu khởi tố của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Luận án tiến sĩ Luật học: *"Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay"* của tác giả Lưu Bình Dương bảo vệ tại Học viện khoa học xã hội năm 2017 đã đề cập đến thực tiễn bảo đảm quyền yêu cầu và rút yêu cầu khởi tố của của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS (giai đoạn 2010 - 2015). Tác giả đã đề cập đến một nội dung cụ thể liên quan đến thực tiễn bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST, đó là quyền rút yêu cầu khởi tố tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Những con số được đưa ra trong luận án trên có thể có giá trị tham khảo đối với NCS khi tiến hành so sánh thực tiễn thi hành quyền này của bị hại trong các giai đoạn khác nhau. Ngoài ra, có Luận án tiến sĩ Luật học: "*Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án trong tố tụng hình sự Việt Nam*" của tác giả Đinh Thế Hưng (2017) có đề cập đến phạm vi của giai đoạn XXSTVAHS trong khái niệm giai đoạn XXSTVAHS.

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2015 có:

+ Luận án tiến sĩ Luật học: "*Người bị hại chưa thành niên trong các vụ án hình sự theo pháp luật Việt Nam hiện hành*" của tác giả Nguyễn Thị Lộc bảo vệ tại Học viện Khoa học xã hội năm 2019, đã xây dựng khái niệm "người bị hại chưa thành niên" trên cơ sở kế thừa khái niệm người bị hại trong BLTTHS năm 2003, BLTTHS của một số quốc gia như Liên bang Nga, Tiệp Khắc, định nghĩa trong Từ

điển Luật học cũng như quy định tại Điều 62 BLTTHS năm 2015. Mặc dù không đi sâu phân tích về khái niệm bị hại, luận án đã bổ sung được những yếu tố quan trọng trong việc xác định tư cách người bị hại, như điều kiện về thiệt hại và điều kiện được cơ quan tiến hành tố tụng công nhận. Đồng thời, việc sử dụng nhất quán thuật ngữ "người bị hại" thay vì "bị hại" trong luận án cũng thể hiện một lựa chọn có chủ đích, nhằm khẳng định rõ đối tượng nghiên cứu là cá nhân chứ không bao gồm tổ chức. So với các quan điểm trước đó, khái niệm "người bị hại" trong luận án đã góp phần quan trọng trong việc xác định rõ thời điểm một người được coi là người bị hại trong TTHS. Luận án cũng đã phân tích các quy định pháp luật về quyền của bị hại trong giai đoạn XXST. Đây là giai đoạn quan trọng để bị hại thực hiện quyền tham gia tố tụng, trình bày ý kiến, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Từ đó, tác giả chỉ ra một số quy định pháp luật còn hạn chế, vướng mắc liên quan đến quyền của bị hại chưa thành niên, về trình tự, thủ tục để bị hại thực hiện các quyền này, qua đó phản ánh nội dung bảo đảm quyền thông qua thủ tục tố tụng. Tác phẩm cũng đề cập đến trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là tòa án, trong việc công nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và áp dụng các biện pháp bảo vệ. Ngoài ra, luận án đã khảo sát thực tiễn bảo đảm quyền của bị hại thông qua phân tích bản án sơ thẩm, qua đó phản ánh nhiều hạn chế trong việc thực thi quyền này. Từ các phản ánh, tác giả đưa ra giải pháp tăng cường bảo đảm quyền của bị hại nói chung (một số quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS).

+ Luận án tiến sĩ Luật học: *"Pháp luật về thủ tục xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay"* của tác giả Đào Văn Cường bảo vệ tại Học viện khoa học xã hội năm 2018 mặc dù không trực tiếp lấy bị hại làm đối tượng nghiên cứu trung tâm, nhưng đã gián tiếp đề cập đến việc bảo đảm quyền của họ thông qua phân tích các nội dung liên quan đến nguyên tắc tố tụng, trình tự xét xử và vai trò của các chủ thể tiến hành tố tụng tại phiên tòa. Tác giả phân tích một số nguyên tắc như nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, nguyên tắc xác định sự thật vụ án và nguyên tắc xét xử công khai. Mặt khác, tác giả cũng đề cập đến việc xác lập nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là Hội đồng xét xử và VKS.

+ Luận án tiến sĩ "*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*" của tác giả Trần Thị Liên bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2019 cũng đưa ra khái niệm về giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự dựa trên việc phân tích ba yếu tố quan trọng cấu thành như: chủ thể, phạm vi, nhiệm vụ.

Ở cấp độ Bài tạp chí

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2003 có một số bài tạp chí như:

+ Bài tạp chí: "*Một số vấn đề về người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam"*[5] của tác giả Lê Thị Thuý Nga đã phân tích và đưa ra quan điểm cần thiết phải mở rộng khái niệm người bị hại không chỉ là cá nhân mà còn có thể là pháp nhân, tổ chức để bảo vệ một cách tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại.

+ Một số bài tạp chí quan tâm đến thủ tục tố tụng (trong đó có nhắc đến thủ tục tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự) đối với bị hại là người chưa thành niên như: Bài tạp chí "*Vai trò của người bị hại trong lịch sử tố tụng hình sự Việt Nam*" của tác giả Nguyễn Đức Thái, Tạp chí kiểm sát số 23 năm 2015 có giá trị tham khảo trong việc nhận diện sự hình thành và biến đổi về vị trí, vai trò của bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam qua các thời kỳ. bài tạp chí "*Một số ý kiến về việc bảo đảm quyền của phụ nữ khi tham gia tố tụng hình sự với tư cách là người bị hại*" của tác giả Trần Thị Liên, Tạp chí nghề luật, số 1 năm 2015; bài viết cung cấp góc tiếp cận về bảo đảm quyền đối với một nhóm bị hại cụ thể, qua đó góp phần làm rõ yêu cầu bảo đảm quyền phù hợp với đặc điểm của chủ thể tham gia tố tụng.

Trong giai đoạn thực thi BLTTHS năm 2015 có một số bài tạp chí như:

+ Bài tạp chí: "*Lịch sử hình thành và phát triển các quy định về bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam và kiến nghị hoàn thiện"*[6] của tác giả Vũ Duy Linh làm rõ sự hình thành và phát triển của các quy định về bị hại trong hệ thống pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn khác nhau. Trong mỗi giai đoạn, bị hại đều có những đặc

[5] Lê Thị Thuý Nga (2011), *Một số vấn đề về người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*[5], Tạp chí nghề luật (3), tr. 41-47.
[6] Vũ Duy Linh (2020), *Lịch sử hình thành và phát triển các quy định về bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí khoa học kiểm sát.

trưng riêng về khái niệm cũng như địa vị pháp lý của họ. Chính vì vậy, tác giả cho rằng cần xây dựng nên một khái niệm hợp lý hơn. Đồng thời, cần tiếp thu kinh nghiệm của một số quốc gia quy định bổ sung cho bị hại có quyền được từ chối khai báo. Đây là gợi mở quan trọng cho NCS kiến nghị hoàn thiện BLTTHS hiện hành về quyền của bị hại trong TTHS nói chung và trong giai đoạn XXSTVAHS nói riêng.

+ Bài tạp chí: *Hoàn thiện quy định về bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*[7] của tác giả Vũ Gia Lâm đã phân tích và chỉ ra những điểm đạt được cũng như hạn chế của BLTTHS năm 2015 về khái niệm bị hại tại Điều 62. Từ đó, xây dựng nên khái niệm bị hại hoàn chỉnh hơn, có bổ sung thêm thời điểm bắt đầu xác định tư cách của bị hại là "từ thời điểm có căn cứ chứng minh họ bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra".

+ Bài tạp chí: "*Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân*" của PGS.TS Nguyễn Hoà Bình[8] đã thể hiện sự quan tâm đến giai đoạn XXST và hoạt động tranh tụng. Tác giả cho rằng việc xét xử (trong đó có XXST VAHS) và tranh tụng trong xét xử (trong đó có tranh tụng trong XXST) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền. Bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng nói chung, bị hại nói riêng trong giai đoạn XXST VAHS được đặt trên nền tảng lý luận và chính trị vững chắc từ chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam…

+ Bài tạp chí "*Một số bất cập trong quá trình thực hiện quy định về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại theo Điều 84 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015*" của tác giả Lê Xuân Cảnh, Toà án nhân dân Số 6 năm 2020; bài tạp chí "*Vướng mắc, bất cập về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương*

---

[7] Vũ Gia Lâm (2020), *Hoàn thiện quy định về bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Tạp chí luật học

[8] Nguyễn Hoà Bình, *Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, kiêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân*, Tạp chí cộng sản điện tử: https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tiep-tuc-xay-dung-nen-tu-phap-viet-nam-chuyen-nghiep-hien-dai-cong-bang-nghiem-minh-liem-chinh-phung-su-to-quoc-phuc-vu-nhan-dan, ngày truy cập 02/5/2025

sự trong tố tụng hình sự và kiến nghị hoàn thiện" của tác giả Thái Chí Bình, Tạp chí Toà án nhân dân số 8 năm 2022;… Các bài viết trên tập trung nghiên cứu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, qua đó làm rõ một phương thức hỗ trợ bị hại thực hiện và bảo vệ các quyền tố tụng của mình. Kết quả nghiên cứu có giá trị tham khảo trực tiếp cho luận án khi xem xét vai trò của chủ thể này trong cơ chế bảo đảm quyền của bị hại, đặc biệt trong giai đoạn XXST VAHS.

+ Bài tạp chí: "*Bảo vệ phụ nữ là bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự*" của tác giả Trần Thị Liên, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 5(409) năm 2022, đề cập đến một số điểm hạn chế trong quy định của pháp luật trong việc bảo đảm quyền của người bị hại là phụ nữ tại phiên toà như: chưa có quy định rõ ràng, cụ thể về quyền được yêu cầu xét xử kín, quyền được có Hội thẩm là nữ trong thành phần Hội đồng xét xử, quyền không trình bày trực tiếp lời khai tại phiên toà (trình bày lời khai qua băng ghi âm hoặc cơ quan có thẩm quyền sẽ công bố lời khai đã được thể hiện trong hồ sơ). Các bài tạp chí nêu trên nghiên cứu về quyền của bị hại trong TTHS nói chung, nhưng trong nội dung vẫn có đề cập đến quyền của bị hại trong XXST VAHS.

+ Bài tạp chí *"Nghiên cứu về bị hại, nạn nhân của tội phạm tại Việt Nam: Những kết quả đạt được và định hướng nghiên cứu mới"* của Lê Lan Chi và nhóm tác giả đăng trên tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh số 02 (198) năm 2026 đã chỉ ra rằng: bị hại/nạn nhân vẫn là đối tượng nghiên cứu còn mới, nên việc tổng quan là hết sức cần thiết. Bài viết khái quát bối cảnh hình thành, quá trình và hệ thống phân loại các nghiên cứu về bị hại, nạn nhân trong hơn hai thập niên, đánh giá những kết quả chủ yếu và chỉ ra các khoảng trống cần tiếp tục khai thác. Như vậy, tổng quan các công trình trên giúp NCS xác định rõ bối cảnh hình thành và thay đổi của các quy định pháp luật, nhận diện được những tiến bộ, hạn chế cũng như xu hướng lập pháp trong từng giai đoạn. Từ đó, NCS có cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật, bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế. Đồng thời, các tài liệu kể trên còn có ý nghĩa giúp

NCS xác định vị trí luận án trong "bức tranh" nghiên cứu về nạn nhân/bị hại ở Việt Nam, tránh trùng lặp, nhận diện được những nội dung còn bỏ ngỏ, từ đó làm rõ tính mới và đóng góp của luận án.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng hình sự

Các công trình nghiên cứu về bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng hình sự được triển khai ở nhiều cấp độ khác nhau, bao gồm sách chuyên khảo và các bài viết trên tạp chí khoa học

Ở cấp độ Sách:

+ Cuốn sách "*The guarantees for accused persons under article 6 of the European convention on human rights*"[9], tạm dịch:"*Bảo đảm quyền của người bị buộc tội theo mục 6 Công ước Châu Âu về Nhân quyền*" của Stephanos Stavros tập trung phân tích một cách toàn diện nội dung và thực tiễn áp dụng Điều 6 Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR) về quyền được xét xử công bằng thông qua hệ thống án lệ phong phú của Tòa án và Ủy ban Nhân quyền châu Âu. Tác giả làm rõ phạm vi áp dụng của Điều 6 đối với các thủ tục hình sự và bán hình sự, đồng thời phân tích chi tiết các bảo đảm tố tụng cơ bản dành cho người bị buộc tội như quyền được thông báo về cáo buộc, quyền chuẩn bị bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý, quyền tham gia phiên tòa, quyền đối chất và kiểm tra chứng cứ, quyền được phiên dịch, quyền kháng cáo, nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc không bị xét xử hai lần vì cùng một hành vi và quyền được bồi thường khi xảy ra oan sai. Trên cơ sở nghiên cứu án lệ của các thiết chế nhân quyền châu Âu và so sánh với các chuẩn mực quốc tế khác, tác giả chỉ ra sự hình thành của một chuẩn mực tố tụng công bằng chung ở châu Âu, đồng thời phân tích cách các cơ quan tài phán quốc tế cân bằng

[9] Stephanos Stavros (1993), *The guarantees for accused persons under article 6 of the European convention on human rights*,Martinus Nijhoff Publishers, Dordrecht, the Netherlands link truy cập: https://www.semanticscholar.org/paper/The-guarantees-for-accused-persons-under-Article-6-Stavros/e14e34858227a069ad8bef3de99c5f014a0d0325, ngày truy cập 02/5/2026

giữa quyền của cá nhân và lợi ích của Nhà nước trong quá trình giải thích và áp dụng Điều 6 ECHR.

+ Cuốn sách: *The Right to a Fair Trial in International Law*[10] (Tạm dịch: *Quyền được xét xử công bằng trong luật pháp quốc tế*) của Amal Clooney và Philippa Webb được biên soạn bởi đội ngũ tác giả danh tiếng cung cấp một cẩm nang vừa mang tính phổ quát, vừa mang tính thực tiễn cao. Tác phẩm chuyển hóa các chuẩn mực quốc tế về quyền được xét xử công bằng trong TTHS thành một công cụ sắc bén hỗ trợ các luật sư và thẩm phán áp dụng trực tiếp tại các tòa án nội địa trên toàn thế giới. Cấu trúc và nội dung chính: Chương mở đầu xây dựng một nền tảng lý luận vững chắc về nguồn luật, luật tập quán quốc tế và phương pháp luận pháp lý. Hệ thống nội dung chính gồm mười ba chương kế tiếp được thiết kế bám sát mười ba quyền bộ phận quy định tại Điều 14 của Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR). Mỗi chương đều phân tích chi tiết từ nguồn gốc, định nghĩa, các trường hợp ngoại lệ cho đến cơ chế áp dụng biện pháp khắc phục thiệt hại. Phương pháp luận học thuật: Tác phẩm tạo dựng uy tín nhờ việc hệ thống hóa, đối chiếu và trích dẫn một khối lượng án lệ khổng lồ từ Ủy ban Quyền con người Liên Hợp Quốc, Tòa án Nhân quyền Châu Âu và các tòa án hình sự quốc tế. Dù trọng tâm là quyền của người bị buộc tội, cuốn sách thiết lập một tư duy tư pháp tiến bộ: một phiên tòa chỉ thực sự công bằng khi các chuẩn mực tối thiểu được thực thi nghiêm túc để bảo vệ con người, bảo vệ các nhóm thiểu số và mang lại công lý thực chất cho các nạn nhân.

Ở cấp độ bài viết

+ Bài viết: "*The rights and guarantees of the participants in the criminal trial in between the European Court of Human Rights and the Constitutional Court of Romania*"[11], (tạm dịch: "*Quyền và bảo đảm quyền của những người tham gia phiên tòa hình sự giữa Tòa án Nhân quyền Châu Âu và Tòa án Hiến pháp Romania*") của

[10] Amal Clooney và Philippa Webb (2020), *The Right to a Fair Trial in International Law*, Oxford University Press, Oxford United Kingdom, link truy cập: https://digitalcommons.schulichlaw.dal.ca/cgi/viewcontent.cgi?article=2352&context=scholarly_works ngày truy cập ngày 02/5/2025

[11] Mălina Tebieș (2022), Law Review Journal, Universul Juridic Publishing House, Romania, link truy cập: https://internationallawreview.universuljuridic.ro/index.php/journal/article/view/110, ngày truy cập 02/5/2025

Măline Tebieș tập trung phân tích các bảo đảm của quyền được xét xử công bằng theo Điều 6 Công ước châu Âu về quyền con người thông qua án lệ của Tòa án Nhân quyền châu Âu và Tòa án Hiến pháp Romania. Theo đó, nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi không cơ quan nhà nước nào được coi một người là có tội trước khi có bản án có hiệu lực pháp luật. Quyền bào chữa, quyền được tiếp cận luật sư từ giai đoạn đầu của tố tụng và quyền được thông tin đầy đủ về cáo buộc là những bảo đảm thiết yếu để người bị buộc tội thực hiện việc bảo vệ quyền lợi của mình. Tác giả cũng nhấn mạnh rằng các vi phạm nghiêm trọng về quyền tố tụng trong giai đoạn điều tra có thể dẫn đến việc hủy bỏ kết quả truy tố; việc thay đổi căn cứ pháp lý của cáo buộc phải được thông báo và tạo điều kiện để các bên tranh luận. Tính công bằng của tố tụng cũng phải được đánh giá trên toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, trong đó quyền không tự buộc tội và quyền giữ im lặng được xem là những bảo đảm quan trọng gắn liền với nguyên tắc suy đoán vô tội, kể cả đối với những trường hợp người tham gia tố tụng với tư cách nhân chứng nhưng thực tế có nguy cơ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Bài viết "*The Right of the Accused to be Tried in his or her Presence*"[12] (Tạm dịch: "*Quyền của bị cáo được xét xử khi có mặt của mình trước tòa*") của Thilo Marauhn phân tích nội hàm của quyền được tham dự phiên tòa của người bị buộc tội dưới góc độ luật nhân quyền quốc tế và thực tiễn áp dụng tại các cơ chế bảo vệ quyền con người. Tác giả hệ thống hóa các quy định trong ICCPR, Công ước châu Âu và các văn kiện khu vực khác, cùng án lệ liên quan, để chứng minh rằng quyền có mặt không chỉ bảo vệ lợi ích cá nhân của bị cáo (được nghe, được hiểu, được hỗ trợ luật sư, được đối chất nhân chứng…) mà còn phục vụ lợi ích công cộng về tính minh bạch và độ tin cậy của tố tụng.

+ Bài viết: "*The Protection of the Defendant's Rights in Criminal Trial by Default - From the Perspective of Due Process*"[13] (tạm dịch: *Bảo vệ quyền của bị*

[12] Marauhn, Thilo (1997), "The Right of the Accused to be Tried in his or her Presence", trong David Weissbrodt & Rüdiger Wolfrum (eds.)**,** *The Right to a Fair Trial*, Springer, Berlin/Heidelberg.

[13] Bu, Yangyang (2023), The Protection of the Defendant's Rights in Criminal Trial by Default – From the Perspective of Due Process, *Theoretical and Applied Jurisprudence*, số 1(15), tr. 36–46, DOI:10.22394/2686-

cáo trong xét xử hình sự vắng mặt - Từ góc độ quy trình tố tụng công bằng), tác giả đi sâu phân tích các vấn đề pháp lý và rào cản nhân quyền liên quan đến các phiên tòa xét xử vắng mặt bị cáo. Bài viết lập luận về tầm quan trọng của việc thiết lập các biện pháp bảo vệ quy trình tố tụng chặt chẽ nhằm đảm bảo quyền cơ bản của bị cáo khi họ không có mặt trực tiếp tại tòa, qua đó khẳng định sự cần thiết của việc cân bằng giữa hiệu quả thực thi pháp luật và các tiêu chuẩn về công lý hình sự.

Từ việc tham khảo các công trình nghiên cứu nêu trên có thể thấy rằng, tương tự Việt Nam, khoa học pháp lý quốc tế chủ yếu tập trung nghiên cứu việc bảo đảm quyền của người bị buộc tội với nội dung phong phú và cách tiếp cận đa dạng. Trong phạm vi luận án, NCS chỉ lựa chọn những công trình có liên quan trực tiếp và có giá trị tham khảo đối với việc xây dựng cơ sở lý luận về bảo đảm quyền trong tố tụng hình sự, đặc biệt là các nghiên cứu về tiêu chuẩn xét xử công bằng, sự tham gia thực chất của các chủ thể tại phiên tòa và yêu cầu cân bằng quyền giữa các bên có lợi ích đối lập trong tố tụng hình sự. Những nghiên cứu này góp phần làm rõ các điều kiện bảo đảm quyền tham gia tố tụng, quyền được tiếp cận thông tin…, từ đó cung cấp cơ sở tham chiếu hữu ích cho việc nghiên cứu bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Các công trình nghiên cứu liên quan đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS được triển khai ở nhiều cấp độ khác nhau, bao gồm sách và các bài viết trên tạp chí khoa học.

Ở cấp độ Sách

Có một số công trình nghiên cứu về nạn nhân (bao gồm cả bị hại) trong bối cảnh đa mô hình về tố tụng như:

7834-2023-1-36-46. Link truy cập: https://www.ssoar.info/ssoar/bitstream/handle/document/92067/ssoar-theorappllaw-2023-1-bu-The_Protection_of_the_Defendants.pdf?sequence=1&isAllowed=y, ngày truy cập: 02/5/2026

+ Cuốn sách: Victims' Access to Justice: Historical and Comparative Perspectives (tạm dịch: "*Tiếp cận công lý của nạn nhân: Góc nhìn lịch sử và so sánh*"), do Pamela Cox và Sandra Walklate biên tập[14], là công trình chuyên sâu về quyền của nạn nhân trong tố tụng hình sự với cách tiếp cận lịch sử – so sánh. Sách khảo cứu nhiều quốc gia thuộc các hệ thống pháp luật khác nhau (Anh, Ấn Độ, Thụy Điển, Hà Lan, Tây Ban Nha, Brazil…), nên không gắn với một mô hình tố tụng duy nhất mà đặt nạn nhân trong bối cảnh đa mô hình: tranh tụng, thẩm vấn và các mô hình lai. Các chương phân tích cách các hệ thống xác định địa vị pháp lý, nhu cầu và "cảm nhận công lý" của bị hại; quyền tham dự phiên tòa, phát biểu ý kiến, được trợ giúp pháp lý, bồi thường, hỗ trợ tâm lý – xã hội và tiếp cận thông tin. Từ đó, sách gợi mở các hướng cải cách: mở rộng thực chất quyền tham gia của bị hại tại phiên tòa sơ thẩm, tăng cường và chuyên nghiệp hóa hỗ trợ pháp lý – tâm lý – xã hội, hoàn thiện thủ tục thân thiện và cơ chế bảo vệ, củng cố cơ chế khiếu nại – giám sát và nâng cao nhận thức của người tiến hành tố tụng và cộng đồng.

+ Cuốn sách: *The Oxford Handbook of Criminal Process*[15] *(tạm dịch: Cẩm nang Oxford về tố tụng hình sự*), của tác giả Darryl K. Brown, Jenia Iontcheva Turner, Bettina Weisser biên tập, là tuyển tập toàn diện về tiến trình tố tụng hình sự trong cả hệ thống common law và civil law, trong đó một số chương dành riêng cho vị trí và quyền của nạn nhân. Tiêu biểu là Chương 12 về nạn nhân trong truyền thống common law và Chương 13 về quyền nạn nhân trong các nước dân luật, nơi các tác giả hệ thống hóa các nguyên tắc bảo vệ (tôn trọng, bình đẳng, không bị tổn thương lần hai), các quyền tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến, yêu cầu bồi thường, tiếp cận thông tin và được trợ giúp pháp lý, cũng như các cơ chế giám sát, khiếu nại, thủ tục thân thiện và nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc hỗ trợ nạn

[14]Cox, Pamela và Sandra Walklate (chủ biên) (2022), *Victims' Access to Justice: Historical and Comparative Perspectives* (Tiếp cận công lý của nạn nhân: Góc nhìn lịch sử và so sánh), Nxb. Routledge, London. https://www.amazon.com/Victims-Access-Justice-Comparative-Perspectives/dp/0367750422, truy cập ngày 02/5/2025

[15] Brown, Darryl K, Jenia Iontcheva Turner và Bettina Weisser (chủ biên) (2019), *The Oxford Handbook of Criminal Process* (Cẩm nang Oxford về TTHS), Nxb Oxford University Press, New York.
Toàn văn tại: https://www.scribd.com/document/722381597/The-Oxford-Handbook-of-Criminal-Process-2019, truy cập ngày 02/5/2025

nhân. Cuốn sách phản ánh xu hướng hội tụ và phát triển các chuẩn mực chung về bảo đảm quyền trong TTHS, trong đó có quyền của bị hại.

Bên cạnh đó, cũng có một số công trình nghiên cứu về nạn nhân (bao gồm cả bị hại) trong phạm vi các quốc gia theo mô hình tố tụng tranh tụng:

+ Cuốn sách: *Victims in Criminal Procedure, Fifth Edition* (*tạm dịch: Nạn nhân trong tố tụng hình sự, Tái bản lần thứ năm*)[16] được viết trong bối cảnh và trên nền tảng hệ thống common law với mô hình tố tụng tranh tụng của Hoa Kỳ. Đây là một cuốn sách chuyên khảo hiện đại, hệ thống và rất sâu về địa vị pháp lý và quyền của nạn nhân (bao gồm bị hại) trong tố tụng hình sự, chủ yếu trong pháp luật Hoa Kỳ. Tác phẩm bắt đầu từ sự "cách mạng hóa" luật nạn nhân vài thập kỷ gần đây, phân tích Crime Victims' Rights Act (CVRA- Đạo luật về quyền của nạn nhân), án lệ liên bang và tiểu bang, cùng các nguồn luật khác như common law, hiến pháp tiểu bang, đạo luật chuyên ngành và quyền tự quyết của cơ quan tư pháp, công tố. Trọng tâm lý luận là "Mô hình tham gia của nạn nhân" (Victim Participation Model), làm rõ các căn cứ đạo đức – chính trị cho việc đưa nạn nhân trở lại trung tâm quá trình tố tụng và những căng thẳng với mô hình "Nhà nước – bị cáo". Sách phân tích chi tiết các quyền tham gia của nạn nhân: được thông báo, hiện diện, được nghe và được nói (đặc biệt qua victim impact statements), được bảo vệ và bồi thường, cùng nhiều tranh luận án lệ về việc cho nạn nhân dự phiên tòa, có người/chó hỗ trợ, vai trò luật sư riêng, tác động của khán giả, vấn đề trả lại tài sản, và các quy tắc chứng cứ liên quan. Chương 2 tập trung định nghĩa "nạn nhân", cho thấy sự đa dạng chủ thể và tiêu chí "bị tổn hại trực tiếp và gần nhất" dưới CVRA, qua đó chứng minh việc xác định nạn nhân là một lựa chọn chính trị – đạo đức chứ không chỉ kỹ thuật luật học. Chương 9 về Trial đi sâu vào quyền của nạn nhân trong xét xử (từ lựa chọn bồi thẩm đoàn tới sự hiện diện, hỗ trợ, phát biểu, luật sư riêng, tài sản và chứng cứ), đồng thời tổng hợp thực tiễn áp dụng và kiến nghị cải cách

[16]Beloof, Douglas E., Paul G. Cassell, Meg Garvin, Steven J. Twist, Bill Montgomery và Mariam El-menshawi (2025), *Victims in Criminal Procedure* (Nạn nhân trong tố tụng hình sự, tái bản lần thứ năm), Nxb Carolina Academic Press, Durham, North Carolina, Hoa Kỳ. Link truy cập: https://cap-press.com/books/isbn/9781531030568/Victims-in-Criminal-Procedure-Fifth-Edition, truy cập ngày 02/4/2026.

theo ba trục: quyền tham gia, quyền được thông tin và quyền được đối xử công bằng. Đối với luận án "Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự", cuốn sách này vừa cung cấp khung lý luận và mô hình tham gia của nạn nhân để tham chiếu, vừa là nguồn thực tiễn án lệ phong phú về cách mở rộng phạm vi bị hại, cách thiết kế quyền tham gia tại phiên tòa sơ thẩm (thông báo, hiện diện, phát biểu, chất vấn, bảo vệ), cũng như gợi ý định hướng kiến nghị mở rộng chủ thể bị hại và hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền cho phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

+ Cuốn sách: *Crime Victim Rights and Remedies, Third Edition*[17] *(tạm dịch: Quyền và biện pháp của nạn nhân tội phạm, tái bản lần thứ ba)* được viết trong bối cảnh hệ thống tư pháp hình sự Hoa Kỳ theo mô hình tranh tụng. Tác giả trình bày sự hình thành và phát triển các quyền của nạn nhân, phân tích cơ sở hiến pháp, Đạo luật về quyền của nạn nhân và án lệ về các quyền chủ chốt: được thông báo, có mặt, được nghe tại các thủ tục, được bồi thường và có biện pháp bảo vệ. Các chương vừa mô tả quy định, vừa đánh giá mức độ thực thi, khoảng cách giữa luật và thực tiễn, cũng như đề xuất tăng cường thể chế hóa quyền, mở rộng quyền tham gia của nạn nhân ở phiên tòa sơ thẩm, thiết lập cơ chế khiếu nại – kháng nghị hữu hiệu, đào tạo công tố viên và thẩm phán, và phát triển dịch vụ hỗ trợ tâm lý – hành chính tại tòa án. Đây là nền tảng tham khảo quan trọng khi nghiên cứu bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, nhất là để so sánh cách mô hình tranh tụng Hoa Kỳ thiết kế quyền được thông báo, hiện diện, phát biểu và được bảo vệ của bị hại. Cuốn sách: *With Justice for Some: Victims' Rights in Criminal Trials*[18] *(tạm dịch: Công lý không dành cho tất cả: Quyền của nạn nhân trong các phiên tòa hình sự)* được viết trong bối cảnh mô hình tố tụng tranh tụng của Hoa Kỳ. Cuốn sách chủ yếu phê phán

[17] Tobolowsky, Peggy M., Douglas E. Beloof, Mario T. Gaboury, Arrick L. Jackson và Ashley G. Blackburn (2016), *Crime Victim Rights and Remedies* (Quyền và biện pháp của nạn nhân tội phạm, tái bản lần thứ ba), Nxb Carolina Academic Press, Durham, North Carolina, Hoa Kỳ, https://cap-press.com/books/isbn/9781611636949/Crime-Victim-Rights-and-Remedies-Third-Edition, truy cập ngày 02/4/2026

[18] Fletcher, George P. (1995), *With Justice for Some: Victims' Rights in Criminal Trials* (Công lý không dành cho tất cả: Quyền của nạn nhân trong các phiên tòa hình sự), Nxb Addison-Wesley Publishing Company, Reading, Massachusetts, Hoa Kỳ. Link truy cập: https://scholarship.law.columbia.edu/books/81/, truy cập ngày 02/4/2026

thực tiễn XXST thông qua các vụ án nổi tiếng (Harvey Milk, Rodney King, Mike Tyson…), cho rằng quyền và tiếng nói của nạn nhân thường bị bỏ quên so với quyền của bị cáo. Fletcher đề xuất cải cách theo hướng gần với mô hình tố tụng lục địa: hạn chế thay đổi địa điểm xét xử, cho nạn nhân được tham dự và chất vấn nhân chứng, giảm lệ thuộc vào chuyên gia, và tăng vai trò của nạn nhân trong các quyết định như plea bargaining. Tác phẩm nhấn mạnh nhiều nhất đến việc ghi nhận quyền qua quy định pháp luật và cải cách thủ tục xét xử cùng vai trò cơ quan tiến hành tố tụng.

+ Cuốn sách: *Victimology: Victimisation and Victims' Rights (tạm dịch: "Nạn nhân học: Tình trạng bị hại và các quyền của nạn nhân")*[19] là công trình nghiên cứu liên ngành kết hợp giữa luật học, tội phạm học và chính sách xã hội mang đến một góc nhìn toàn diện về vị thế của nạn nhân trong nền tư pháp hình sự đương đại. Tác phẩm đặt ra những câu hỏi nền tảng về sự cân bằng giữa quyền lợi của nạn nhân và mục tiêu đưa bị cáo ra công lý, trước khi đi sâu khảo sát lý luận về quá trình nạn nhân hóa và những tổn thương thực tế của các nhóm yếu thế như phụ nữ, cộng đồng LGBT, người dân tộc thiểu số và người cao tuổi. Bên cạnh việc phân tích các khung pháp lý từ luật nhân quyền quốc tế, Hội đồng Châu Âu và chính sách của Anh, cuốn sách còn đánh giá các mô hình tư pháp thay thế và cơ chế tham gia của nạn nhân tại các quốc gia như Đức, Thụy Điển và Hà Lan. Qua đó, công trình đóng góp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng nhằm bảo vệ quyền lợi, ngăn chặn tình trạng nạn nhân hóa thứ cấp, đồng thời thúc đẩy xu hướng tư pháp lấy nạn nhân làm trung tâm.

Ở cấp độ bài viết:

+ Bài viết: *The Identification of Victims before the Inter-American Court of Human Rights and the International Criminal Court and its Impact on Participation and Reparation: A Domino Effect? (tạm dịch: Xác định nạn nhân trước Tòa án*

[19] Wolhuter, Lorraine, Neil Olley và David Denham (2009), *Victimology: Victimisation and Victims' Rights* (Nạn nhân học: Tình trạng bị hại và các quyền của nạn nhân), Nxb Routledge-Cavendish, London. https://www.routledge.com/Victimology-Victimisation-and-Victims-Rights/Wolhuter-Olley-Denham/p/book/9781845680459 , truy cập ngày 02/4/2026

Nhân quyền Liên Mỹ và Tòa án Hình sự Quốc tế và tác động của việc này đến quyền tham gia và bồi thường: Hiệu ứng dây chuyền?) phân tích vị thế đang thay đổi của nạn nhân trong luật quốc tế bằng cách so sánh việc xác định nạn nhân trước Tòa án Nhân quyền Liên Mỹ và Tòa án Hình sự Quốc tế. Bài viết thảo luận về khái niệm nạn nhân, cách tiếp cận của cả hai Tòa án đối với các yêu cầu về mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại phải gánh chịu và hành vi vi phạm/tội phạm bị cáo buộc, cũng như việc công nhận nạn nhân trực tiếp và gián tiếp. Các thủ tục được cả hai Tòa án sử dụng để xác định nạn nhân trong phạm vi quyền hạn của mình được phân tích, làm nổi bật sự khác biệt giữa các thủ tục được áp dụng cho mục đích tham gia so với mục đích bồi thường. Bài viết đưa ra kết luận về luật và thực tiễn đang phát triển và mở rộng liên quan đến việc xác định nạn nhân và tác động của nó đối với cả hai Tòa án[20].

+ Bài viết: *"Crime Victims' Rights"*[21] *(Tạm dịch: Quyền của nạn nhân tội phạm)*. Trong tác phẩm này, tác giả cho rằng sau hơn 40 năm phát triển, hệ thống pháp luật Hoa Kỳ đã từng bước ghi nhận nhiều quyền quan trọng của nạn nhân trong quá trình xét xử, như quyền được thông báo về các phiên tòa, quyền tham dự phiên tòa, quyền được lắng nghe tại các giai đoạn tố tụng thích hợp và quyền được xét xử không bị trì hoãn một cách vô lý. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh rằng vấn đề cốt lõi hiện nay không chỉ là ghi nhận các quyền này trong pháp luật mà còn phải bảo đảm cơ chế thực thi hiệu quả để các quyền của nạn nhân được bảo vệ trên thực tế[22]. Tác giả đồng thời chỉ ra hạn chế về hiệu quả thực thi, khi nhiều quyền còn mang tính hình thức, và kiến nghị tăng cường cơ chế bảo đảm để bảo vệ quyền của bị hại tại giai đoạn xét xử sơ thẩm. Một số bài viết theo mô hình tố tụng thẩm vấn: *Bài viết: "The Victim in Criminal Proceedings: A Systematic Portrayal of Victim*

---

[20]Contreras-Garduño, Diana và Julie Fraser (2014), The Identification of Victims before the Inter-American Court of Human Rights and the International Criminal Court and its Impact on Participation and Reparation: A Domino Effect? *Inter-American and European Human Rights Journal*, Belgium. Link truy cập: https://www.semanticscholar.org/paper/The-Identification-of-Victims-Before-the-Court-of-A-Contreras-Garduno-Fraser/b386dd00cf5fa9d46c275895cb09dc8fd9875c25, truy cập ngày 28/6/2025

[21]Cassell, P. G. (2017). Crime victims' rights. In E. Luna (Ed.), *Reforming criminal justice* (Vol. 3: *Pretrial and trial processes*). Academy for Justice, Sandra Day O'Connor College of Law, Arizona State University. https://core.ac.uk/download/pdf/217369783.pdf , truy cập ngày 28/6/2025

[22] https://dc.law.utah.edu/scholarship/33/, truy cập ngày 02/4/2026

Protection under German Criminal Procedure Law"[23] *(tạm dịch: "Nạn nhân trong tố tụng hình sự: Phân tích hệ thống về cơ chế bảo vệ nạn nhân theo pháp luật tố tụng hình sự Đức"),* đã phân tích một cách hệ thống cơ chế bảo đảm quyền của bị hại trong tố tụng hình sự Đức, đặc biệt trong giai đoạn XXST. Bài viết cho thấy pháp luật Đức ghi nhận bị hại với vị trí pháp lý tương đối độc lập, thông qua các quyền như yêu cầu bồi thường, có luật sư, được bảo vệ khỏi đối chất trực tiếp và tham gia tố tụng với tư cách Nebenkläger (nguyên đơn phụ). Đồng thời, tác giả nhấn mạnh việc mở rộng quyền thủ tục, tăng cường khả năng tham gia của bị hại trong việc đưa ra chứng cứ, thẩm vấn nhân chứng và yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật Đức còn chú trọng các cơ chế hỗ trợ pháp lý, tâm lý và bảo vệ người dễ bị tổn thương, qua đó bảo đảm bị hại được tôn trọng, được lắng nghe và tham gia thực chất trong quá trình xét xử.

+ Bài viết: "*Civil Action in the Criminal Trial in Romanian Law*" (T*ạm dịch: yêu cầu dân sự trong phiên tòa hình sự theo pháp luật Romania*", đăng trên Juridical Sciences Journal năm 2010 của Florin Streteanu[24] đã thể hiện sự quan tâm đáng kể đến việc bảo đảm quyền được yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại trong giai đoạn xét xử, đặc biệt thông qua yếu tố quy định pháp luật cụ thể và vai trò của cơ quan có thẩm quyền. Tác giả đề xuất tăng cường việc giải quyết yêu cầu bồi thường ngay tại phiên tòa hình sự, phản đối việc tách riêng sang tố tụng dân sự, và nhấn mạnh trách nhiệm chủ động của thẩm phán trong việc xem xét và ra phán quyết về phần dân sự.

[23]Löffelmann, M. (2006). The victim in criminal proceedings: A systematic portrayal of victim protection under German criminal procedure law. *UNAFEI Resource Material Series*, No. 70. United Nations Asia and Far East Institute for the Prevention of Crime and the Treatment of Offenders (UNAFEI), Tokyo. https://www.unafei.or.jp/publications/pdf/RS_No70/No70_07VE_Loffelmann2.pdf, truy cập ngày 28/6/2025

[24] https://lexetscientia.univnt.ro/download/2025_XXXII_1_9_LESIJ.pdf https://heinonline.org/HOL/TextGenerator?handle=hein.journals/zfsrijeci42&collection=journals&section=32&id=467&print=section&sectioncount=1&ext=.txt , truy cập ngày 10/4/2026

+ Bài viết: "*Položaj oštećenika u adhezijskom postupku*"[25] (*Position of the Injured Party in the Adhesion Procedure* – tạm dịch: "*Vị trí của người bị hại trong thủ tục dân sự phụ thuộc trong tố tụng hình sự"*) của các tác giả Mijo Galiot và Vanesa Brizić Bahun, đăng trên Zbornik Pravnog fakulteta Sveučilišta u Rijeci (Collected Papers of the Faculty of Law of the University of Rijeka), tập 42, số 2, năm 2021, tập trung phân tích quyền yêu cầu bồi thường dân sự trong tố tụng hình sự của bị hại, qua đó phản ánh khá rõ những hạn chế pháp lý và thực tiễn đối với quyền này tại Croatia.

+ Bài viết: *The legal status of the injured party and victim of crime của Slađana Jovanović*[26]*(Tạm dịch: Tư cách pháp lý của người bị hại và nạn nhân trong vụ án hình sự)* phân tích địa vị pháp lý của "injured party" (người bị hại) và "victim" (nạn nhân) trong tố tụng hình sự Serbia, đặt trong bối cảnh các chuẩn mực quốc tế và chỉ thị của Liên minh châu Âu. Bài viết phân tích rõ sự khác biệt giữa khái niệm "nạn nhân" (victim) và "người bị hại" (injured party) trong pháp luật Serbia, theo đó "nạn nhân" là khái niệm rộng hơn, bao gồm tất cả những người chịu ảnh hưởng từ tội phạm và có quyền được bảo vệ theo các tiêu chuẩn quốc tế, trong khi "người bị hại" chỉ là người có quyền cá nhân hoặc tài sản bị xâm phạm (hay nói cách khác là bị thiệt hại trực tiếp do hành vi phạm tội gây ra).

+ Bài viết: *"The Procedural Position of the Injured Party in the Criminal Cases in Poland"* (*Tạm dịch: Vị trí tố tụng của bên bị thiệt hại trong các vụ án hình sự tại Ba Lan*[27]) cung cấp một cái nhìn hệ thống và thận trọng về việc bảo đảm quyền của người bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, đặc biệt là quyền kháng cáo. Tác giả

---

[25] https://lexetscientia.univnt.ro/download/2025_XXXII_1_9_LESIJ.pdf https://heinonline.org/HOL/TextGenerator?handle=hein.journals/zfsrijeci42&collection=journals&section=32&id=467&print=section&sectioncount=1&ext=.txt, truy cập ngày 02/4/2026

[26] Jovanović, S. (2015). The legal status of the injured party and victim of crime. In D. Kolarić (Ed.), *Archibald Reiss Days: International scientific conference, Belgrade, 3–4 March 2015. Thematic conference proceedings of international significance* (Vol. 2, pp. 267–273). Academy of Criminalistic and Police Studies, Belgrade, Link truy cập: http://repozitorijum.pravnifakultet.edu.rs/541/2/The%20legal%20status%20of%20the%20injured%20party.pdf, truy cập 02/4/2026

[27] Wiątkowski, J. (2022). The procedural position of the injured party in the criminal cases in Poland. *Studia Iuridica Cassoviensia*. (pp. 147-157) https://zenodo.org/record/6396286
Ba Lan thuộc mô hình tố tụng thẩm vấn, nhưng đang vận hành theo hướng lai (hybrid), kết hợp ngày càng rõ nét các yếu tố tranh tụng.

cho rằng quyền kháng cáo của người bị hại chỉ nên giới hạn trong phạm vi liên quan đến quyền lợi trực tiếp của họ, như vấn đề bồi thường thiệt hại, và cần có thủ tục rõ ràng về điều kiện, phạm vi và thời hạn thực hiện để tránh bị lạm dụng[28]. Đây là tác phẩm giúp NCS có cái nhìn đa chiều về cách thức một quốc gia xem xét và đặt cho bị hại một vị trí trong tố tụng hình sự nói chung và giai đoạn XXST VAHS nói riêng.

1.3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Những vấn đề luận án kế thừa

Về các vấn đề lý luận

Một số công trình đã tiếp cận và làm sáng tỏ những khái niệm như: "người bị hại", "bị hại", "quyền của bị hại". Nội dung này giúp NCS có thể tham khảo để xây dựng khái niệm "bị hại" và xác định chính xác chủ thể được bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Một số công trình đề cập đến "bảo đảm quyền", "bảo đảm quyền con người" là nền tảng lý luận quan trọng để NCS có thể triển khai, phát triển ý tưởng về khái niệm "bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự".

Một số công trình nghiên cứu lý luận về "giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự" giúp NCS xác định được phạm vi "bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự".

Cơ sở, các yếu tố ảnh hưởng, nội dung của bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS chưa được nghiên cứu trực tiếp. Tuy nhiên, một số Luận án tiến sĩ Luật học, sách chuyên khảo, bài viết tạp chí đã đề cập đến những nội dung này khi nghiên cứu về bảo đảm quyền của các chủ thể khác như bị can, bị cáo... Vì vậy, NCS có thể học tập để xác định cơ sở, các yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

---

[28] The Procedural Position of the Injured Party in the Criminal Cases in Poland Swiatlowski, Andrzej https://heinonline.org/HOL/Page?public=true&handle=hein.journals/saiacsva10&div=14&start_page=147&collection=journals&set_as_cursor=2&men_tab=srchresults , truy cập ngày 28/6/2025

Về thực trạng quy định pháp luật

Một số công trình đã nghiên cứu về từng nội dung của bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS như: phân tích cụ thể về quyền của bị hại nói chung (trong đó có quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS). Các tác giả chỉ ra những điểm đạt được và những điểm còn hạn chế trong việc ghi nhận quyền của bị hại qua những lần pháp điển hoá. Đồng thời, khi phân tích về quyền của bị hại, các tác giả có nghiên cứu và đưa ra giải pháp: Làm thế nào để quyền của bị hại được ghi nhận và thực thi hiệu quả trong thực tiễn? Ngoài ra, một số công trình cũng đi sâu vào phân tích trình tự, thủ tục giải quyết VAHS (trong đó có trình tự, thủ tục XXST), một số công trình khác lại chỉ ra trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, cơ chế giám sát thực hiện quyền của người tham gia tố tụng nói chung, bị hại nói riêng. Có thể nói, đây là những nội dung đặt nền móng quan trọng cho việc tổng hợp, phân tích chuyên sâu các quy định về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS của NCS trong luận án này.

Về thực tiễn thi hành

Một số công trình đã đánh giá về thực tiễn thi hành một trong các nội dung quy định về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Chủ yếu về các quyền cụ thể của bị hại (trong đó có quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS). Một số công trình cũng cung cấp phương pháp áp dụng để đánh giá thực tiễn thi hành như: tiến hành khảo sát, nghiên cứu án điển hình. Đây là là định hướng quan trọng cho NCS triển khai, mở rộng việc đánh giá thực tiễn thi hành việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Về giải pháp, kiến nghị

Một số công trình đã đề cập đến những giải pháp nhằm bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Các giải pháp này tập trung nhiều ở việc hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2003. Mặc dù một số kiến nghị, giải pháp đã được BLTTHS năm 2015[29] ghi nhận nhưng những kiến nghị chưa được ghi nhận đã góp

[29] BLTTHS năm 2015 được trích dẫn trong Luận án được hiểu là Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025

phần gợi mở cho NCS tiếp tục nghiên cứu và xây dựng nên những kiến nghị trong luận án của mình.

1.3.2. Những vấn đề chưa được nghiên cứu hoặc khi nghiên cứu có nhiều quan điểm khác nhau

Đề tài luận án của NCS chưa từng được nghiên cứu chuyên sâu ở các cấp độ: luận án, công trình nghiên cứu khoa học hay bài tạp chí. Các công trình nghiên cứu chỉ mới đề cập đến một hoặc một số nội dung của "bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS". Vì vậy, vẫn còn rất nhiều vấn đề chưa được nghiên cứu:

Về các vấn đề lý luận

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể nhận thấy rằng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách trực tiếp, toàn diện về khái niệm "bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS". Ngoài ra, cơ sở, yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn này cũng chưa được làm rõ. Sự thiếu vắng trong nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này cho thấy cần có công trình nghiên cứu sâu nhằm hoàn thiện các vấn đề lý luận cho việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Về thực trạng quy định pháp luật

Các nghiên cứu hiện có chủ yếu dừng lại ở việc phân tích quyền của bị hại trong TTHS nói chung, trong đó chỉ đề cập rải rác đến một số quyền của bị hại ở giai đoạn XXST. Hơn nữa, phần lớn các công trình này được thực hiện từ khá lâu, dựa trên các văn bản pháp luật đã hết hiệu lực, do đó không còn phản ánh đầy đủ và chính xác bối cảnh pháp lý hiện hành. Một số công trình được nghiên cứu gần đây cũng có cách tiếp cận tương tự.

Về thực tiễn thi hành

Hiện nay, chưa có công trình khoa học nào tiến hành nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về thực tiễn thi hành các quy định pháp luật liên quan đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Một số công trình trước đây có đề cập đến thực tiễn thực hiện quyền của bị hại trong TTHS nói chung, trong đó có lồng ghép một số quyền được thực hiện ở giai đoạn XXST. Tuy nhiên, các công

trình này chủ yếu sử dụng số liệu thống kê đã được thu thập trong khoảng thời gian BLTTHS năm 2003 có hiệu lực, không còn phản ánh chính xác tình hình thực thi pháp luật hiện hành theo BLTTHS năm 2015. Bên cạnh đó, một số bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành chỉ dựa vào phân tích tình huống vụ án cụ thể nên chưa thể khái quát được bức tranh toàn diện về hiệu quả thực thi cơ chế bảo đảm quyền của bị hại trong XXST. Thực trạng này cho thấy khoảng trống đáng kể trong nghiên cứu ứng dụng pháp luật, đồng thời khẳng định tính cần thiết và giá trị khoa học - thực tiễn của việc tiếp cận vấn đề này như một hướng nghiên cứu độc lập trong khoa học luật TTHS hiện nay.

Về giải pháp, kiến nghị

Những giải pháp tập trung vào việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS chưa được nghiên cứu chi tiết, cụ thể. Chủ yếu các giải pháp được đề cập liên quan đến việc hoàn thiện quy định của pháp luật TTHS về quyền của bị hại (trong đó có một số quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS).

1.3.3. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu, luận án xác định những nội dung cần tiếp tục nghiên cứu như sau:

Về các vấn đề lý luận

Trên cơ sở hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan, luận án tập trung xây dựng khái niệm "bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự" thông qua việc phân tích và làm rõ bản chất, đặc điểm của các khái niệm cấu thành như: bảo đảm quyền, bị hại và giai đoạn XXST VAHS. Trên nền tảng đó, luận án tiếp tục làm rõ cơ sở bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST, bao gồm cả cơ sở chính trị, lý luận, pháp lý và thực tiễn. Đồng thời, nội dung của bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS cũng được xác định một cách cụ thể. Bên cạnh đó, luận án phân tích các yếu tố ảnh hưởng cũng như ý nghĩa của bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Về thực trạng quy định pháp luật

Nghiên cứu sinh sẽ tiến hành phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS như: một số nguyên tắc cơ bản; quyền của bị hại; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người tiến hành tố tụng và các chủ thể khác; trình tự, thủ tục; giám sát việc thực thi quyền của bị hại.

Về thực tiễn thi hành

Nghiên cứu sinh sẽ đánh giá thực tiễn thi hành quy định của pháp luật về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS dựa trên phân tích một số bản án điển hình, 1000 bản án hình sự phúc thẩm, 1000 bản án hình sự sơ thẩm ngẫu nhiên trên phạm vi toàn quốc và 300 hồ sơ VAHS tại 02 quận của thành phố Hà Nội.

Về giải pháp, kiến nghị

Trên cơ sở thực trạng quy định của pháp luật cũng như thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS, yêu cầu của cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, yêu cầu từ thực tiễn, yêu cầu phù hợp với chuẩn mực quốc tế về quyền con người, NCS đề xuất các giải pháp về pháp luật cũng như các giải pháp khác nhằm tăng cường bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Những nội dung nghiên cứu nêu trên đồng thời thể hiện điểm mới của luận án, trong đó nổi bật là việc tiếp cận vấn đề bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS như một chỉnh thể thống nhất, từ xây dựng và hoàn thiện cơ sở lý luận, phân tích có hệ thống các quy định pháp luật đến đánh giá thực tiễn thi hành trên cơ sở nguồn dữ liệu thực tiễn. Trên nền tảng đó, luận án đề xuất các kiến nghị nhằm tăng cường bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

1.4. Các lý thuyết nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về quyền con người và bảo đảm quyền con người; các học thuyết quốc tế về quyền con người và bảo đảm quyền con người như:

Lý thuyết quyền con người

Tư tưởng về các quyền tự nhiên của con người được hình thành và phát triển qua nhiều thời kỳ, trong đó John Locke là một trong những học giả có ảnh hưởng lớn với quan niệm về các quyền tự nhiên của con người trong thế kỷ XVII[30]. Đến thế kỷ XX, quyền con người từng bước được quốc tế hóa, đặc biệt với sự ra đời của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 và các công ước quốc tế về quyền con người sau đó. Nội dung cốt lõi của lý thuyết này thừa nhận con người là chủ thể của các quyền vốn có; việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền đó đặt ra những giới hạn và nghĩa vụ tương ứng đối với Nhà nước. Luận án sử dụng lý thuyết quyền con người trước hết để lý giải cơ sở và sự cần thiết phải bảo đảm quyền của bị hại trong TTHS. Bị hại không chỉ là nguồn cung cấp thông tin, chứng cứ phục vụ việc giải quyết vụ án mà còn là chủ thể có quyền và lợi ích cần được Nhà nước tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm. Trên cơ sở đó, lý thuyết này được sử dụng để xác định và đánh giá các quyền của bị hại trong giai đoạn XXST. Đồng thời, đây là cơ sở để luận án đối chiếu pháp luật Việt Nam với các chuẩn mực quốc tế về quyền của nạn nhân và đề xuất hoàn thiện pháp luật theo hướng bảo đảm tốt hơn quyền của bị hại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền của người bị buộc tội và yêu cầu giải quyết đúng đắn VAHS.*Lý thuyết pháp quyền*

Tư tưởng về sự giới hạn quyền lực nhà nước bằng pháp luật có lịch sử phát triển lâu dài, nhưng lý thuyết pháp quyền hiện đại được hệ thống hóa rõ nét vào thế kỷ XIX, tiêu biểu là A.V. Dicey trong tác phẩm *Lectures Introductory to the Study of the Law of the Constitution* (1885)[31].

Lý thuyết pháp quyền được luận án sử dụng để lý giải yêu cầu bảo đảm quyền của bị hại bằng một hệ thống quy định pháp luật đầy đủ, rõ ràng và có khả năng

---

[30] John Locke (2016), *Two Treatises of Government*, Peter Laslett (ed.), Cambridge University Press, Cambridge, link truy cập: https://plato.stanford.edu/archives/spr2017/entries/locke-political/, truy cập ngày 20/9/2026.

[31] A.V. Dicey, *Lectures Introductory to the Study of the Law of the Constitution* (London: Macmillan and Company, 1885); xem thêm A.V. Dicey, *The Law of the Constitution*, vol. 1, ed. J.W.F. Allison (Oxford: Oxford University Press, 2013) https://www.google.com.vn/books/edition/The_Law_of_the_Constitution/ITgfAQAAQBAJ?hl=en&gbpv=1&dq=inauthor:%22A.V.+Dicey%22&printsec=frontcover, ngày truy cập: 20/9/2026.

thực hiện. Trên cơ sở đó, luận án đánh giá không chỉ việc pháp luật ghi nhận những quyền nào cho bị hại mà còn xem xét sự tương thích giữa quyền của bị hại với các nguyên tắc tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trình tự, thủ tục XXST và cơ chế giám sát việc thực thi quyền (nội dung này được triển khai tại Chương 2 của Luận án). Lý thuyết pháp quyền là cơ sở quan trọng để luận án nhận diện khoảng cách giữa việc ghi nhận quyền trong pháp luật và khả năng thực hiện quyền trên thực tế, đồng thời luận giải các kiến nghị hoàn thiện pháp luật tại Chương 3.

Lý thuyết kiểm soát quyền lực Tư tưởng phân chia và kiểm soát quyền lực được phát triển bởi nhiều học giả, trong đó John Locke đã đề cập đến sự phân chia các quyền lực nhà nước vào thế kỷ XVII[32]. Tư tưởng này tiếp tục được phát triển trong mô hình "checks and balances", theo đó quyền lực nhà nước cần được phân công và phải có những cơ chế kiểm soát nhằm hạn chế sự tùy tiện, lạm quyền trong quá trình thực hiện quyền lực.

Luận án vận dụng lý thuyết kiểm soát quyền lực để lý giải sự cần thiết của các cơ chế kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình bảo đảm quyền của bị hại. Lý thuyết này được sử dụng trực tiếp khi phân tích các quy định về giám sát việc thực thi quyền của bị hại; quyền khiếu nại, kháng cáo và các cơ chế phát hiện, khắc phục vi phạm trong giai đoạn XXST. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để đánh giá trách nhiệm và mối quan hệ giữa Tòa án, VKS và các chủ thể có liên quan trong việc bảo đảm quyền của bị hại, qua đó xác định những điểm mà pháp luật cần hoàn thiện để quyền của bị hại không chỉ được ghi nhận mà còn được kiểm tra và bảo đảm trong quá trình thực hiện.

Các lý thuyết nêu trên tạo thành nền tảng lý luận chủ yếu giúp tác giả định hình cách tiếp cận và hướng triển khai nghiên cứu, đồng thời cung cấp khung tham chiếu để đối chiếu thực tiễn với các chuẩn mực quốc tế cũng như với những giá trị, quan điểm học thuật cốt lõi về bảo đảm quyền của bị hại giai đoạn XXST VAHS.

---

[32] John Locke (2016), *Two Treatises of Government*, Peter Laslett (ed.), Cambridge University Press, Cambridge, link truy cập: https://plato.stanford.edu/archives/spr2017/entries/locke-political/, truy cập ngày 20/9/2026.

1.5. Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu trong luận án

Tiếp cận của chuyên ngành luật hình sự và TTHS: phân tích, luận giải các vấn đề lý luận về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS, thực trạng các quy định của pháp luật TTHS và thực tiễn bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Tiếp cận hệ thống: phân tích và đánh giá các trường hợp vi phạm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS được đặt trong một phức hợp những yếu tố có liên quan, tác động qua lại với nhau tạo ra một chỉnh thể thống nhất.

Tiếp cận nghiên cứu dựa trên quyền: Luận án sẽ sử dụng cách tiếp cận tất cả các vấn đề xoay quanh một đích duy nhất là bảo đảm quyền, do đó cách tiếp cận này sẽ nghiên cứu đồng thời cả các cơ sở pháp lý quy định về quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS và nghiên cứu cả nghĩa vụ thực thi quyền của các chủ thể tiến hành tố tụng gồm cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và các cách thức, quy trình để bảo đảm việc thực thi các quyền đó trên thực tế.

1.6. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

1.6.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để đánh giá toàn diện về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS, luận án giải quyết một số câu hỏi nghiên cứu trọng tâm sau:

1. Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS là gì? Đặc điểm, ý nghĩa, cơ sở và yếu tố bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS là gì?

2. Pháp luật TTHS Việt Nam quy định như thế nào về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS? Thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật TTHS về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS được thể hiện như thế nào?

3. Các yêu cầu và giải pháp cần được triển khai như thế nào để tăng cường bảo đảm quyền của bị cáo trong giai đoạn XXST VAHS?

1.6.2. Giả thuyết nghiên cứu

Luận án xác định giả thuyết nghiên cứu trên cơ sở các luận điểm cần chứng minh như sau:

1. Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS là việc Nhà nước tạo ra các điều kiện về pháp luật, thi hành và giám sát thi hành các quy định đó để quyền của chủ thể này được thực hiện và bảo vệ. Quá trình này có các đặc điểm về chủ thể bảo đảm, chủ để được bảo đảm, phạm vi về thời gian của bảo đảm, nội dung của bảo đảm, đồng thời có ý nghĩa quan trọng về chính trị - xã hội và pháp lý. Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS được thực hiện trên các cơ sở về lý luận, chính trị, pháp lý, thực tiễn; cũng như chịu sự tác động của các yếu tố về pháp luật, con người và các yếu tố khác.

2. Pháp luật quy định tương đối đầy đủ, cơ bản phù hợp với các chuẩn mực của pháp luật quốc tế về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Thực tiễn thi hành các quy định này cũng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên vẫn bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc nhất định xuất phát từ chính các quy định của pháp luật chưa hoàn thiện và việc tổ chức thi hành, giám sát thi hành các quy định này chưa đáp ứng yêu cầu, cần được khắc phục trong thời gian tới.

3. Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS cần tiếp tục được thực hiện phù hợp với yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam, các quy định của pháp luật quốc tế và hướng đến hội nhập quốc tế, khắc phục được các bất cập trong thực tiễn công tác xét xử. Trong đó, cần tập trung vào giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như các giải pháp đồng bộ khác nhằm tăng cường bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

TỔNG KẾT PHẦN TỔNG QUAN

Tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy đây là một đề tài mới chưa từng được nghiên cứu trực tiếp trong bất kì công trình nào cả trong nước và ngoài nước. Vấn đề về *bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn* XXST VAHS mới chỉ được đề cập một phần trong các công trình khoa học hiện có. *Về lý luận*, các công trình được đề cập chủ yếu là công trình có liên quan gián tiếp với đề tài như một số khái niệm nền tảng: "bị hại", "quyền của bị hại", "bảo đảm quyền" hay "giai đoạn XXST" qua đó cung cấp cơ sở nhận thức quan trọng để luận án kế thừa và phát triển. Tuy nhiên, chưa có công trình nào xây dựng khái niệm "bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS", cũng như làm rõ cơ sở, các yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. *Về thực trạng quy định pháp luật*, các công trình chủ yếu phân tích quyền của bị hại nói chung, chưa có nghiên cứu toàn diện về quy định bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS theo BLTTHS năm 2015. Mặt khác, do một số công trình được thực hiện trong bối cảnh pháp luật trước đây, nên nội dung nghiên cứu chưa phản ánh đầy đủ những sửa đổi, bổ sung của pháp luật hiện hành. Điều này đặt ra yêu cầu phải hệ thống hóa các quy định pháp luật theo khuôn khổ pháp lý hiện nay. *Về thực tiễn thi hành*, chưa có công trình nào tiến hành khảo sát toàn diện, chuyên sâu về mức độ bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST. Những đánh giá thực tiễn hiện có mới chỉ tập trung vào một hoặc một số nội dung, dựa trên số liệu hoặc các vụ việc điển hình đã được giải quyết khá lâu, chưa phản ánh đầy đủ hiệu quả thực thi pháp luật theo khuôn khổ hiện hành. *Cuối cùng, các giải pháp và kiến nghị* trong các công trình trước đây chủ yếu tập trung vào việc hoàn thiện BLTTHS năm 2003; một phần đã được tiếp thu trong BLTTHS năm 2015, song nhiều đề xuất vẫn chưa được hiện thực hóa, tạo gợi mở đáng kể cho hướng nghiên cứu tiếp theo của luận án.

PHẦN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ HẠI TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.1.1. Khái niệm

1.1.1.1. Khái niệm quyền và bảo đảm quyền

Trong hệ thống các quyền được pháp luật ghi nhận, quyền con người giữ vị trí nền tảng vì đây là cơ sở để hình thành và phát triển nhiều quyền cụ thể khác. Do đó, việc làm rõ khái niệm quyền con người có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu về quyền và bảo đảm quyền.

Quyền con người là một phạm trù chính trị - pháp lý có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài cùng với tiến trình phát triển của văn minh nhân loại. "… *Việc bảo đảm và thúc đẩy quyền con người trước hết là trách nhiệm và quyền hạn của mỗi quốc gia. Các quốc gia có trách nhiệm xây dựng hệ thống pháp luật trong nước phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế... để bảo đảm cho người dân được thụ hưởng quyền con người một cách tốt nhất*"[33].

Từ thời Hy Lạp, La Mã cổ đại đến nay, nhận thức về quyền con người không ngừng được bổ sung và hoàn thiện dưới tác động của những điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị và xã hội khác nhau. Tuy nhiên, xuyên suốt quá trình phát triển đó, bản chất cốt lõi của quyền con người vẫn được thừa nhận là những quyền vốn có, tự nhiên và không thể tước bỏ, gắn liền với mỗi cá nhân ngay từ khi sinh ra. Quyền con người được biết đến thông qua các văn kiện quan trọng như "Luật về các quyền" của cách mạng Anh năm 1969, "Tuyên ngôn độc lập" của Mỹ năm 1776 và "Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền" của cách mạng Pháp năm 1789... Tuy

[33] Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, NXB. Lao động Xã hội, Hà Nội, tr. 5.

nhiên chỉ tới khi được ghi nhận trong tuyên bố của Hội nghị thế giới Vienna về quyền con người năm 1993 và các nghị quyết của Liên hợp quốc đã được thông qua nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày ra đời của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1988[34], quyền con người được thừa nhận như là một khái niệm mang tính quốc tế.

Theo *Từ điển Cambridge*, quyền con người (human rights) được định nghĩa là "*các quyền cơ bản về đối xử công bằng và có đạo đức mà mỗi người được cho là phải có (the basic rights to fair and moral treatment that every person is believed to have*)"[35].

Trong các nghiên cứu hiện nay, quyền con người được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Có quan điểm cho rằng quyền con người là "*phẩm giá, nhu cầu, lợi ích và năng lực vốn có và chỉ có ở con người với tư cách là thành viên của cộng đồng nhân loại được thể chế hoá trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia*"[36]. Quyền con người cũng được hiểu *"là những bảo đảm pháp lý toàn cầu (universal legal guarantees) có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động (actions) hoặc sự bỏ mặc (omissions) mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép (entitlements) và tự do cơ bản (fundamental freedoms) của con người"*[37]. Như vậy, dù có nhiều cách diễn đạt khác nhau nhưng quyền con người cũng đều được thừa nhận chung là *"những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thoả thuận pháp lý quốc tế"*[38].

Tùy theo lĩnh vực nghiên cứu, quyền con người được tiếp cận và định nghĩa với nội hàm cụ thể và rõ ràng hơn. Điển hình, trong lĩnh vực TTHS, có quan điểm cho rằng quyền con người "*là tổng hợp các quyền thuộc nhóm quyền dân sự, chính*

---

[34] Diệp Huyền Thảo, Nguyễn Thị Anh Thư (2024), "*Bảo đảm quyền con người ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập"*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Bảo đảm quyền con người bằng pháp luật Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr. 10, link:https://scholar.dlu.edu.vn/bitstream/123456789/3830/2/HT%20BAO%20DAM%20QUYENCON%20NGUOI%20_%20TP%20BAN%20IN%201-11.pdf , truy cập ngày 17/3/2026.

[35] https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english/human-rights, truy cập ngày 06/3/2026.

[36] Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình Lý luận về quyền con người*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 17.

[37] Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 38.

[38] Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), tlđd, tr. 38.

trị nhằm mục đích khẳng định việc bảo vệ tính mạng, sức khoẻ, tôn trọng danh dự, nhân phẩm của con người trong mọi hoàn cảnh cũng như bảo đảm việc xét xử công bằng bởi một toà án độc lập, khách quan đối với những người yếu thế (người bị cáo buộc phạm tội, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người chấp hành án và những người tham gia tố tụng khác) khỏi sự tuỳ tiện và sự lạm quyền của các cơ quan và nhân viên nhà nước có thẩm quyền trong các hoạt động TTHS"[39]. Đối với giai đoạn xét xử VAHS, một số tác giả cho rằng quyền con người trong hoạt động xét xử chính *"là quyền được bảo đảm an toàn, tôn trọng về thân thể, sức khỏe, phẩm giá con người và quyền được xét xử công bằng được thừa nhận trong pháp luật và được bảo đảm bằng cơ chế ở cả phạm vi quốc tế, khu vực và quốc gia của người bị cáo buộc phạm tội trong giai đoạn xét xử"[40].* Như vậy, cả hai quan điểm đều tiếp cận quyền con người dưới góc độ bảo vệ cá nhân trước sự tùy tiện, lạm quyền của cơ quan có thẩm quyền. Chúng cùng nhấn mạnh các giá trị cốt lõi như an toàn thân thể, sức khỏe, danh dự, phẩm giá và quyền được xét xử công bằng bởi một tòa án độc lập, khách quan. Đáng chú ý, khái niệm "quyền con người trong hoạt động xét xử" chủ yếu tập trung vào người bị buộc tội mà chưa tính đến các chủ thể tham gia tố tụng khác, nhất là bị hại. Vì vậy, chưa phản ánh đầy đủ yêu cầu bảo đảm an toàn, tôn trọng thân thể, sức khỏe, phẩm giá cho mọi chủ thể tham gia xét xử. Từ việc phân tích và lĩnh hội những điểm đạt được của các quan điểm kể trên, NCS cho rằng: *quyền con người trong hoạt động xét xử vụ án hình sự là tổng thể các quyền nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe, thân thể, danh dự, nhân phẩm, quyền được lắng nghe và được xét xử công bằng của tất cả những người tham gia tố tụng, được thừa nhận trong pháp luật quốc tế và quốc gia.*

Từ góc độ lý luận, để nhận diện đầy đủ nội dung của quyền con người, cần bắt đầu từ việc làm rõ khái niệm "quyền" trong khoa học pháp lý. Quyền là "*Những việc mà một người được làm mà không bị ai ngăn cản, hạn chế*"[41] hay "quyền" là

[39] Nguyễn Ngọc Chí (2015), *Quyền con người trong tư pháp hình sự*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 122.
[40] Trần Thu Hạnh (2018), "Bảo đảm quyền con người trong hoạt động xét xử vụ án hình sự theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015", *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học,* tr. 56.
[41] Viện khoa học pháp lý Bộ Tư pháp (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 395.

điều mà pháp luật và xã hội công nhận, *cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi*[42]. Ngoài ra, quyền cũng là một trong những nội dung của quan hệ pháp luật. Theo đó, quyền của một chủ thể nhất định chính là khả năng của chủ thể đó được xử sự theo những cách thức nhất định mà pháp luật cho phép[43]. Quyền chủ thể bao gồm: khả năng có thể tự thực hiện những hành động nhất định hay còn gọi là tự xử sự; khả năng có thể yêu cầu chủ thể bên kia của quan hệ pháp luật phải thực hiện những hành vi nào đó để đáp ứng việc thực hiện quyền của mình, yêu cầu chủ thể bên kia chấm dứt những hành vi nhất định nếu cho rằng hành vi đó cản trở việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình; khả năng có thể yêu cầu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm hại[44]. Như vậy, trong khoa học pháp lý, khái niệm "quyền" không chỉ đơn thuần là *"những việc một người được làm mà không bị ai ngăn cản, hạn chế"* theo nghĩa thông thường, mà còn bao hàm một "trạng thái pháp lý" được pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện. *Thứ nhất*, quyền có tính pháp lý, tức là khả năng hành động của một chủ thể không chỉ được xã hội thừa nhận mà còn được Nhà nước ghi nhận bằng quy phạm pháp luật. Việc thực hiện quyền này vì thế mang tính chính danh. Hay nói cách khác, quyền là phương tiện thể hiện tự do của cá nhân trong khuôn khổ pháp luật, góp phần duy trì trật tự xã hội và bảo vệ công lý. *Thứ hai,* quyền gắn liền với lợi ích hợp pháp của chủ thể. Pháp luật không bảo đảm cho mọi mong muốn cá nhân, mà chỉ ghi nhận và bảo vệ những lợi ích phù hợp với chuẩn mực pháp lý, đạo đức xã hội và trật tự công cộng. *Thứ ba,* quyền không chỉ là khả năng "được làm" mà còn bao gồm "được yêu cầu người khác tôn trọng" hoặc "yêu cầu Nhà nước bảo vệ" khi quyền đó bị xâm hại. Điều này thể hiện bản chất "song phương" của quyền pháp lý: quyền của một bên luôn gắn với nghĩa vụ của bên kia. Trong lĩnh vực TTHS, việc bảo đảm quyền của các chủ thể không chỉ bảo vệ lợi ích cá nhân mà còn khẳng định nguyên tắc pháp quyền, thượng tôn pháp luật và công bằng tư pháp.

---

[42] Trung tâm từ điển học (2011), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr. 1049.
[43] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình lí luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr.393.
[44] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), tlđd, tr. 393.

Như vậy, có thể hiểu: "*Quyền là khả năng của mỗi công dân được tự do lựa chọn và hành động, khả năng đó được pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực Nhà nước*"[45].

Quyền chỉ thực sự có giá trị khi không dừng lại ở sự ghi nhận trên phương diện pháp lý mà còn được hiện thực hóa trong thực tiễn thông qua các cơ chế bảo đảm phù hợp. Vì vậy, việc làm rõ khái niệm "bảo đảm" với tư cách là cơ chế hiện thực hóa quyền là cần thiết. Bảo đảm là *"Trách nhiệm của một chủ thể (cá nhân, tổ chức) phải làm cho quyền, lợi ích của chủ thể bên kia chắc chắn được thực hiện, được giữ gìn, nếu xảy ra thiệt hại thì phải bồi thường"*[46]. Bảo vệ là *"chống lại mọi sự huỷ hoại, xâm phạm để giữ cho được nguyên vẹn"*[47]. Hiện nay, thuật ngữ "bảo đảm" và "bảo vệ" cùng tồn tại và gắn bó chặt chẽ trong quá trình nhận thức và áp dụng pháp luật. Hai khái niệm này có mối quan hệ chặt chẽ nhưng mang nội hàm khác nhau, thể hiện ở cả chủ thể thực hiện, thời điểm áp dụng và mục đích pháp lý. *Về chủ thể thực hiện*, bảo đảm là trách nhiệm chủ động của Nhà nước, cơ quan có thẩm quyền trong việc thiết lập và duy trì điều kiện để quyền được thực thi đầy đủ; trong khi bảo vệ chủ yếu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính chủ thể có quyền thực hiện khi có hành vi xâm phạm. *Về mục đích pháp lý, bảo đảm hướng tới tạo lập và duy trì các điều kiện cần thiết để quyền được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả; trong khi bảo vệ tập trung vào việc phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ xâm hại, xử lý hành vi vi phạm và khôi phục quyền khi đã bị xâm hại. Như vậy, "bảo đảm" có phạm vi bao quát hơn, tạo nền tảng và điều kiện cho việc thực hiện quyền; còn "bảo vệ" hướng đến việc phòng ngừa và ứng phó với những nguy cơ hoặc hành vi xâm hại quyền.* Trong TTHS, Nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm quyền của bị hại bằng các quy định pháp luật rõ ràng, bảo đảm thực thi các quy định đó một cách hiệu quả, đồng thời bảo vệ quyền này khi có hành vi xâm phạm cụ thể xảy ra.

---

[45] Đỗ Thị Phượng (2022), *Bảo đảm quyền con người trong thi hành án phạt tù tại Việt Nam, Sách chuyên khảo*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, tr. 7

[46] Viện khoa học pháp lý Bộ Tư pháp (1999), *Tlđd*, tr. 27.

[47] http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn/B%E1%BA%A3o_v%E1%BB%87, truy cập ngày 18/10/2025

Từ các phân tích trên, có thể rút ra đặc điểm cơ bản của khái niệm "bảo đảm quyền" như sau: *Thứ nhất*, đây là trách nhiệm pháp lý mang tính chủ động của Nhà nước và các chủ thể có nghĩa vụ trong việc quy định, thực hiện và giám sát điều kiện cần thiết để quyền hợp pháp của chủ thể được thực thi thực chất, ổn định và không bị cản trở trái pháp luật. *Thứ hai,* bảo đảm quyền có tính dự phòng, được áp dụng trước hoặc trong quá trình thực hiện quyền, nhằm ngăn ngừa nguy cơ xâm hại và tạo nền tảng cho việc thực thi quyền. *Thứ ba,* bảo đảm quyền không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận quyền trên phương diện pháp lý mà còn bao gồm cơ chế thực thi, giám sát và bảo vệ quyền khi có xâm phạm xảy ra, bảo đảm quyền tồn tại và phát huy giá trị trong thực tiễn.

Như vậy, khái niệm bảo đảm quyền được hiểu như sau*: bảo đảm quyền là trách nhiệm pháp lý của Nhà nước và các chủ thể có nghĩa vụ trong việc quy định, thực hiện và giám sát các điều kiện cần thiết để quyền hợp pháp của chủ thể được thực thi thực chất và không bị cản trở trái pháp luật.*

1.1.1.2. Khái niệm bị hại

Tùy thuộc vào hệ thống pháp luật và cách tiếp cận nghiên cứu, trên thế giới có nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ người chịu thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, như: victim (nạn nhân), injured party (người bị thiệt hại), crime victim (nạn nhân của tội phạm)... Trong đó, thuật ngữ victim (nạn nhân) được sử dụng phổ biến nhất và trở thành khái niệm trung tâm trong các nghiên cứu về nạn nhân học, nạn nhân của tội phạm, cũng như trong các văn kiện quốc tế liên quan đến bảo vệ quyền của nạn nhân.

Dưới góc độ ngôn ngữ học, "nạn nhân" được hiểu là: "*Ai đó hoặc điều gì đó đã bị tổn thương, hư hại, hoặc thiệt mạng, hoặc đã phải chịu đựng, do hành động của người khác hoặc do bệnh tật hoặc do ngẫu nhiên"*[48]. Nạn nhân có thể là *"người bị nạn hoặc người phải chịu hậu quả của một tai hoạ xã hội hay một chế độ bất công"*[49] cũng có thể là "*người bị hại do hành vi phạm tội, mục tiêu tấn công*"[50].

[48] Theo Từ điển Tiếng Anh Cambrige, link: https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english/victim, truy cập ngày 2/5/2026.
[49] Hoàng Phê (2003), Từ điển Tiếng việt, Đà Nẵng, Tr. 656

Nạn nhân (victim), nạn nhân của tội phạm (crime victim) đôi khi được sử dụng với cùng mục đích như nhau và có cách hiểu thống nhất là nạn nhân của tội phạm. Điển hình: tại điều 1 Tuyên ngôn về những nguyên tắc công lý cơ bản cho các nạn nhân của tội phạm và nạn nhân của sự lạm dụng quyền lực năm 1985, nạn nhân (victim) được định nghĩa: "*là những người, là cá nhân hay tập thể, đã phải chịu tổn thất, bao gồm cả về thể chất hoặc tinh thần, chịu đựng sự tổn thương về tình cảm, thiệt hại về kinh tế hoặc tổn hại đến các quyền pháp lý cơ bản, là kết quả của những hành vi hoặc sự khinh xuất vi phạm luật hình sự đang áp dụng tại Quốc gia thành viên, những luật này cấm lạm dụng quyền lực*"[51]. Bên cạnh đó, các nước theo hệ thống luật Common Law như Mỹ, Úc,... họ cũng sử dụng thuật ngữ "nạn nhân" (victims) để chỉ những chủ thể bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

"Nạn nhân của tội phạm" cũng được nghiên cứu trong tội phạm học với nhiều quan điểm khác nhau. Theo Hans von Hentig (một trong những người tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu nạn nhân): "*nạn nhân của tội phạm chỉ là những người bị hành vi phạm tội gây thiệt hại đối với các quyền và lợi ích hợp pháp và trên thực tế phải chịu đựng những tổn thất về vật chất hoặc sức khoẻ, tính mạng, tinh thần. Một nhà nghiên cứu khác là Haiz Zipf cũng cho rằng, nạn nhân của tội phạm trong tội phạm học là tất cả những người bị hành vi phạm tội xâm hại, bất kể người phạm tội có bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (trong trường hợp người bị hại không yêu cầu khởi tố vụ án)*"[52]. Ngược lại với quan điểm trên, nhiều nhà nghiên cứu về nạn nhân học đã đưa ra định nghĩa về nạn nhân của tội phạm theo nghĩa rộng: *nạn nhân của tội phạm bao gồm cả cá nhân và các tổ chức bị hành vi phạm tội xâm hại. Người đầu tiên xác định nạn nhân của tội phạm bao gồm cả các tổ chức là học giả Fritz R. Paasch khi ông bàn đến nạn nhân của*

---

[50] Theo The Law Dictionary, link: https://thelawdictionary.org/?s=victim, truy cập 2/5/2026

[51] Nguyên văn bằng tiếng anh: "*Victims means persons who, individually or collectively, have suffered harm, including physical or mental injury, emotional suffering, economic loss or substantial impairment of their fundamental rights, through acts or omissions that are in violation of criminal laws operative within Member States, including those laws proscribing criminal abuse of power".*

[52] Trần Hữu Tráng (2010), Bàn về khái niệm nạn nhân của tội phạm trong tội phạm học, *Tạp chí nghề luật* số 5, tr.14

các tội phạm về kinh tế[53]. Ngoài ra, *hệ thống pháp luật của các nước thuộc hệ thống luật Civil Law như Đức, Pháp, Liên bang Nga…dùng thuật ngữ "người bị hại"... pháp luật hình sự Trung Quốc dùng thuật ngữ "người tố cáo"*[54]*...* Tất cả đều là thuật ngữ dùng để chỉ những chủ thể bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, tuy nhiên, mỗi quốc gia lại có quy định riêng về địa vị pháp lý cho từng chủ thể.

Tại Việt Nam, người bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra có thể được gọi tên là "nạn nhân của tội phạm" hoặc "bị hại". "*Nạn nhân của tội phạm là những cá nhân, tổ chức phải chịu những hậu quả thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ, tinh thần, tình cảm hoặc các quyền và lợi ích hợp pháp khác mà những hậu quả thiệt hại này là do hành vi phạm tội trực tiếp gây ra*"[55]. "*Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra*"[56]. Như vậy, nạn nhân của tội phạm là khái niệm có phạm vi rộng, bao gồm mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức phải gánh chịu thiệt hại hoặc hậu quả bất lợi do hành vi phạm tội trực tiếp gây ra. Khái niệm này nhấn mạnh đến tình trạng bị xâm hại trên thực tế. Trong khi đó, bị hại là khái niệm pháp lý trong TTHS, dùng để chỉ cá nhân, cơ quan hoặc tổ chức bị thiệt hại trực tiếp do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra và được cơ quan tiến hành tố tụng xác định tư cách tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Như vậy, mọi bị hại đều là nạn nhân của tội phạm, nhưng không phải mọi nạn nhân của tội phạm đều trở thành bị hại trong TTHS. Khái niệm nạn nhân mang tính xã hội học và tội phạm học rộng hơn, còn khái niệm bị hại mang tính pháp lý và gắn với địa vị tố tụng cụ thể. Nghiên cứu sinh hoàn toàn đồng ý với quan điểm cho rằng: bị hại là tư cách tố tụng của nạn nhân tội phạm khi họ được trao quyền và sử dụng quyền tố tụng của họ để tham gia vào quá trình giải quyết VAHS[57].

---

[53] Trần Hữu Tráng (2010), Tlđd, tr. 15

[54] Đinh Thị Mai (2014), *Quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự,* Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, tr. 31.

[55] Trần Hữu Tráng (2011), *Nạn nhân của tội phạm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.19

[56] Điều 62 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

[57] Lê Lan Chi (2022), *Bảo đảm quyền của nạn nhân và một số nhóm yếu thế trong tư pháp hình sự - Từ quy định của pháp luật đến hoạt động của người hành nghề luật*, Sách chuyên khảo, nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.68

Ngoài ra, cũng có một số quan điểm về khái niệm bị hại. Quan điểm thứ nhất, "*người bị hại là thể nhân hoặc pháp nhân bị tội phạm gây thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và có các quyền, nghĩa vụ pháp lý được bảo đảm thực hiện theo qui định của luật hình sự và luật TTHS Việt Nam*"[58]. Quan điểm thứ hai, "*người bị hại là cá nhân, tổ chức bị tội phạm trực tiếp gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản. Người bị hại được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng công nhận khi xác định có dấu hiệu thiệt hại*"[59].

Mặc dù hai quan điểm này được hình thành trước khi BLTTHS năm 2015 có hiệu lực nhưng vẫn công nhận bị hại không chỉ là cá nhân mà có thể là cơ quan, tổ chức. *Quan điểm thứ nhất* có ưu điểm khi xác định người bị hại là thể nhân bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, bao gồm các dạng thiệt hại về thể chất, tinh thần và tài sản. Cách tiếp cận này đã phản ánh đúng bản chất của bị hại trong đa số các vụ án hình sự là người trực tiếp chịu hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Đồng thời, việc gắn tư cách bị hại với hệ thống quyền và nghĩa vụ pháp lý *"được bảo đảm thực hiện theo quy định của luật hình sự và TTHS"* thể hiện sự tiếp cận đầy đủ giữa khía cạnh xác định chủ thể bị hại và cách thức bảo đảm quyền của họ trong tố tụng. Cụm từ này có ý nghĩa như một cam kết pháp lý của Nhà nước về việc không chỉ ghi nhận mà còn bảo đảm thực thi quyền của bị hại thông qua hệ thống pháp luật TTHS. Tuy nhiên, quan điểm này còn một số hạn chế. Trước hết, khái niệm chưa nêu rõ thiệt hại đó là thiệt hại trực tiếp hay là thiệt hại gián tiếp do hành vi phạm tội gây ra. Điều này có thể gây lúng túng trong việc xác định tư cách tố tụng và phạm vi quyền của các chủ thể. Bên cạnh đó, quan điểm cũng chưa làm rõ thời điểm phát sinh tư cách tố tụng của bị hại, tức là từ khi nào cá nhân chịu thiệt hại được xác định chính thức là bị hại theo nghĩa pháp lý. Việc bỏ ngỏ yếu tố này dẫn đến khái niệm thiếu tính chặt chẽ, chưa bảo đảm được tính xác định rõ ràng về mặt pháp lý, nhất là khi áp dụng vào thực tiễn TTHS. *Quan điểm thứ hai* có ưu điểm khi nhấn mạnh yếu tố thiệt hại trực tiếp hoặc đe dọa gây thiệt hại đối với cá nhân, tổ chức do hành vi

[58] Đinh Thị Mai (2014), Tlđd, tr. 35.
[59] Lê Nguyên Thanh (2012), *Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự Việt Nam, Luận án tiến sĩ Luật học,* Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, tr. 38.

phạm tội gây ra. Điều này giúp xác định rõ ràng ranh giới giữa người bị hại và các chủ thể khác cũng bị ảnh hưởng bởi tội phạm nhưng không phải là người trực tiếp chịu thiệt hại. Đồng thời, quan điểm đã chỉ ra thời điểm phát sinh tư cách bị hại là khi cơ quan có thẩm quyền xác định có dấu hiệu thiệt hại và công nhận tư cách này. Cách tiếp cận này góp phần giúp cơ quan tiến hành tố tụng dễ dàng hơn trong việc xác định quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị hại, đồng thời bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật. Tuy nhiên quan điểm này cũng có hạn chế khi chỉ tập trung vào yếu tố thiệt hại thể chất, tinh thần, tài sản chưa bao quát được hết các thiệt hại trên thực tế mà bị hại phải chịu. Đồng thời, khái niệm cũng chưa thể hiện được cơ chế bảo đảm quyền của bị hại để có thể thực thi hiệu quả trên thực tế. Nghiên cứu sinh cho rằng, nếu trong khái niệm đã nhắc đến quyền thì đồng thời cũng cần nhấn mạnh rằng người được trao quyền đó sẽ nhận được sự bảo đảm của Nhà nước. Sau khi BLTTHS năm 2015 có hiệu lực pháp luật, khái niệm bị hại được ghi nhận như sau*:* "*Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe doạ gây ra*"[60]. Khái niệm này đã xác định được hai yếu tố quan trọng: chủ thể bị thiệt hại và bản chất thiệt hại. Việc nhấn mạnh *"thiệt hại trực tiếp"* giúp khoanh vùng rõ ràng tư cách bị hại, tránh nhầm lẫn với các chủ thể chịu thiệt hại gián tiếp hay bị ảnh hưởng thứ cấp bởi hành vi phạm tội. Đồng thời, việc bao gồm cả yếu tố *"đe dọa gây thiệt hại"* cho phép công nhận tư cách bị hại không chỉ khi thiệt hại đã xảy ra mà cả khi có nguy cơ xảy ra, góp phần tăng cường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong TTHS. Đây cũng là điểm mới của BLTTHS năm 2015 so với BLTTHS năm 2003. Tuy nhiên, khái niệm này vẫn còn thể hiện điểm hạn chế đó là chưa làm rõ thời điểm phát sinh tư cách tố tụng của bị hại và chưa xác định thiệt hại của cơ quan, tổ chức cũng phải là thiệt hại trực tiếp.

Từ các quan điểm được phân tích, có thể khái quát một cách có hệ thống các đặc điểm cơ bản của bị hại trong TTHS như sau:

---

[60] Trường Đại học Luật Hà Nội (2024), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr.148.

Về bản chất thiệt hại: Bị hại là chủ thể chịu thiệt hại trực tiếp do hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra. Thiệt hại trực tiếp được hiểu là: "*Có thiệt hại xảy ra (hoặc có thể xảy ra) và thiệt hại đó phải là hậu quả của hành vi phạm tội... Còn thiệt hại xảy ra (hoặc có thể xảy ra) không có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội thì thiệt hại đó thường được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc nguyên đơn dân sự*"[61]. Thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại về thể chất về bản chất là sự xâm phạm hoặc nguy cơ xâm phạm trực tiếp đến sự tồn tại, toàn vẹn và trạng thái bình thường về thể chất của cá nhân. Đặc trưng của dạng thiệt hại này là tác động trực tiếp đến con người về phương diện thể chất và có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội. Thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại về tinh thần về bản chất là sự tác động tiêu cực hoặc nguy cơ tác động tiêu cực đến đời sống tinh thần và các giá trị nhân thân của cá nhân. Khác với thiệt hại về thể chất, dạng thiệt hại này chủ yếu tác động đến phương diện phi vật chất của con người và không phải trong mọi trường hợp đều có thể xác định bằng những tiêu chí định lượng cụ thể. Thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại về tài sản về bản chất là sự xâm phạm hoặc nguy cơ xâm phạm đến những lợi ích có giá trị tài sản thuộc về bị hại. Dạng thiệt hại này gắn với sự biến đổi bất lợi về lợi ích kinh tế của bị hại và phải là hậu quả trực tiếp của hành vi phạm tội.

Ví dụ, việc phát tán hình ảnh riêng tư làm bị hại bị tổn thương danh dự là thiệt hại tinh thần thực tế; trong khi hành vi đe dọa công khai thông tin nhạy cảm, dù chưa thực hiện, vẫn có thể gây áp lực tâm lý nghiêm trọng cho bị hại. Thiệt hại hoặc đe dọa thiệt hại về tài sản là sự mất mát, suy giảm hoặc nguy cơ mất mát, suy giảm giá trị tài sản thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc sử dụng hợp pháp của bị hại. Thiệt hại này có thể đã xảy ra, như trường hợp tài sản bị chiếm đoạt, hủy hoại hoặc hư hỏng; hoặc mới ở dạng đe dọa, chẳng hạn người phạm tội đe dọa đốt nhà hoặc phá hủy tài sản nhằm buộc bị hại thực hiện một yêu cầu nhất định. Như vậy, điểm quan trọng ở đây là việc xác định thiệt hại trực tiếp không đơn thuần chỉ là đo đếm hậu quả thực tế, mà còn bao gồm cả việc nhận diện nguy cơ xâm hại thực sự đối với

[61] Vũ Văn Hoàng (2022), A và T là bị hại trong vụ án, *Tạp chí Toà án nhân dân điện tử*, link truy cập: https://tapchitoaan.vn/a-va-t-la-bi-hai-trong-vu-an7436.html?, ngày truy cập: 02/5/2025

quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Cách tiếp cận này cho phép mở rộng phạm vi bảo vệ quyền lợi của cá nhân, tổ chức không chỉ sau khi hậu quả đã phát sinh, mà ngay từ khi quyền và lợi ích hợp pháp của họ bị đe dọa xâm hại.

Về tư cách tố tụng: Tư cách bị hại trong TTHS chỉ được xác lập khi có sự công nhận chính thức của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trên cơ sở xác định có thiệt hại hoặc nguy cơ thiệt hại phát sinh trực tiếp từ hành vi phạm tội. Đây là một mốc pháp lý có tính chất quyết định, đánh dấu thời điểm cá nhân, tổ chức được thừa nhận là một chủ thể tố tụng độc lập, từ đó phát sinh đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc xác định rõ ràng thời điểm phát sinh tư cách bị hại góp phần bảo đảm quyền được thông tin đầy đủ, kịp thời để họ thực hiện các quyền tham gia tố tụng khác. Đồng thời, đây cũng là cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan tiến hành tố tụng triển khai các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

Về phạm vi quyền và lợi ích được pháp luật bảo vệ bao gồm:

Thiệt hại về thể chất là những tổn hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe và sự toàn vẹn thân thể của cá nhân do hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra. Loại thiệt hại này có thể biểu hiện ở việc bị hại bị tước đoạt tính mạng, bị thương tích, tổn hại sức khỏe hoặc bị đặt trước nguy cơ trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe.

Thiệt hại về tinh thần là những tổn thương đối với đời sống tinh thần của cá nhân phát sinh từ hành vi phạm tội, có thể biểu hiện ở sự đau khổ, lo sợ, hoảng loạn hoặc những ảnh hưởng tiêu cực khác về tâm lý; đồng thời có thể gắn với việc danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm.

Thiệt hại về tài sản là sự mất mát, hư hỏng, suy giảm giá trị hoặc mất khả năng chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với tài sản và các lợi ích có giá trị tài sản do hành vi phạm tội gây ra. Trong bối cảnh chuyển đổi số, thiệt hại về tài sản không chỉ liên quan đến tài sản tồn tại dưới dạng vật chất truyền thống mà còn có thể phát sinh đối với tài sản được hình thành, lưu giữ hoặc giao dịch trong môi trường số, như tài sản số và các loại tài sản ảo trong trường hợp chúng được pháp luật thừa nhận hoặc có

giá trị tài sản cần được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, việc xác định thiệt hại về tài sản của bị hại cần tính đến sự phát triển của các dạng tài sản mới trong môi trường số. Ngoài ra, phạm vi quyền của bị hại không chỉ giới hạn ở việc bảo vệ thể chất, tinh thần, tài sản mà còn bao hàm các quyền nhân thân khác như: quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân... Điều này phù hợp với một số quyền nhân thân được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự năm 2015 tại Điều 32, Điều 34, Điều 38… cũng như các quy định trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR), Công ước Quốc tế về các Quyền dân sự và Chính trị (ICCPR): *"Không ai bị can thiệp một cách tuỳ tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy"*[62]. Vì vậy, những thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản không bao hàm được hết tất cả thiệt hại mà bị hại phải gánh chịu. *Ví dụ:* Dựa trên quy định của Điều 159 Bộ luật Hình sự năm 2015 về *"Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác"*, có thể hệ thống các dạng thiệt hại mà bị hại phải gánh chịu như sau: *Thứ nhất*, thiệt hại về quyền riêng tư và bí mật đời sống cá nhân (thiệt hại pháp lý – nhân thân). Hành vi chiếm đoạt, nghe lén, thu giữ hoặc tiết lộ trái phép thư tín, điện thoại, điện tín… xâm phạm trực tiếp quyền được bảo vệ bí mật đời sống riêng tư – một quyền nhân thân được ghi nhận tại Hiến pháp năm 2013 *("Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình"*[63]), Bộ luật Dân sự năm 2015 *("Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ"*[64]). Đây không phải là thiệt hại thể chất, tinh thần hay tài sản theo nghĩa truyền thống, mà là thiệt hại về quyền nhân thân phi vật chất. *Thứ hai,* thiệt hại về tinh thần. Khi thông tin riêng tư bị chiếm đoạt và tiết lộ (điểm d khoản 2), bị hại có thể bị: Bôi nhọ, xúc phạm danh dự; Làm tổn hại uy tín cá nhân, nghề nghiệp, hình ảnh xã hội; ảnh

[62] Điều 17 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (International Covenant on Civil and Political Rights – ICCPR), được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua theo Nghị quyết số 2200A (XXI) ngày 16/12/1966, có hiệu lực từ ngày 23/3/1976.
[63] Điều 21 Hiến pháp năm 2013
[64] Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015

hưởng đến mối quan hệ xã hội, gia đình, công việc. Loại thiệt hại này có thể xảy ra ngay cả khi bị hại không bị tổn thất tài sản hay đau khổ tinh thần rõ rệt, vì bản chất nó xâm phạm giá trị xã hội của cá nhân. Trong nhiều trường hợp khác, việc bị xâm phạm quyền riêng tư thường dẫn đến: khủng hoảng tinh thần, lo âu, sợ hãi, xấu hổ; cảm giác bị đe dọa an toàn cá nhân; mất niềm tin vào môi trường sống, làm việc hoặc các mối quan hệ. Trong trường hợp nghiêm trọng, thiệt hại tinh thần có thể dẫn đến hậu quả nạn nhân tự sát (điểm đ khoản 2). *Thứ ba*, thiệt hại vật chất (gián tiếp) – có thể có nhưng không phải là trung tâm. Dù không phải đối tượng chính của điều luật, trong một số trường hợp bị hại có thể gánh chịu thiệt hại kinh tế: Mất cơ hội nghề nghiệp, hợp đồng làm ăn khi thông tin bị rò rỉ; chi phí bảo vệ quyền lợi (thuê luật sư, an ninh, đổi số điện thoại, khởi kiện...). Tuy nhiên, đây không phải thiệt hại đặc trưng của tội phạm này, mà là hệ quả phát sinh. Tóm lại, các dạng thiệt hại mà bị hại có thể phải gánh chịu bao gồm: Thiệt hại về quyền nhân thân (quyền riêng tư), thiệt hại về thiệt hại tinh thần, thiệt hại vật chất gián tiếp (nếu có). Đây là một ví dụ điển hình chứng minh rằng trong các vụ án hình sự, thiệt hại của bị hại không chỉ giới hạn ở thể chất, tinh thần hay tài sản, mà còn bao gồm thiệt hại về quyền nhân thân, đặc biệt là quyền bí mật đời sống riêng tư – một quyền hiến định.

Từ các phân tích ở trên có thể đưa ra khái niệm về bị hại*: Bị hại là cá nhân bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác, hoặc cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm trực tiếp gây ra hoặc đe dọa gây ra, được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xác định trên cơ sở có căn cứ ban đầu về thiệt hại hoặc nguy cơ thiệt hại và được bảo đảm thực hiện các quyền, nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật.*

1.1.1.3. Khái niệm giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự "Giai đoạn tố tụng hình sự là những bước trong trình tự tố tụng có nhiệm vụ riêng, mang đặc thù về phạm vi chủ thể, hành vi tố tụng và văn bản tố tụng"[65]. Từ cách tiếp cận này, xét xử sơ thẩm được xác định là một giai đoạn độc lập của TTHS, có nhiệm vụ và những đặc trưng tố tụng riêng. Việc xác định phạm vi của giai đoạn XXST có ý

[65] Trường Đại học Luật Hà Nội, (2024), Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB. Tư Pháp, tr. 15

nghĩa quan trọng trong việc xác định phạm vi thực hiện và bảo đảm các quyền tố tụng của bị hại trong giai đoạn này.

Quyền của bị hại được bảo đảm xuyên suốt quá trình giải quyết VAHS trong đó, giai đoạn XXST có vai trò trung tâm. Theo *Từ điển Luật học,* thuật ngữ "xét xử" được hiểu là "*hoạt động xem xét, đánh giá bản chất pháp lý của vụ việc nhằm đưa ra một phán xét về tính chất, mức độ pháp lý của vụ việc, từ đó nhân danh Nhà nước đưa ra một phán quyết tương ứng với bản chất, mức độ trái hay không trái pháp luật của vụ việc*"[66]. Thuật ngữ "sơ thẩm" được hiểu là "*lần đầu tiên đưa một vụ án ra xét xử tại một tòa án có thẩm quyền*"[67]. Như vậy, XXST là hoạt động mà Tòa án lần đầu tiên xem xét, đánh giá toàn diện bản chất pháp lý của vụ án và đưa ra bản án hoặc quyết định pháp lý tương ứng. Đây là bước đầu tiên trong hệ thống các cấp xét xử, có vai trò nền tảng trong việc xác định sự thật vụ án và bảo đảm công lý. Về khái niệm giai đoạn XXST VAHS, hiện nay, có nhiều cách hiểu khác nhau như sau:

Quan điểm thứ nhất: "*Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động tiếp theo sau giai đoạn điều tra, truy tố của quá trình tố tụng hình sự, bắt đầu từ khi Toà án có thẩm quyền xem xét, giải quyết vụ án bằng cách kiểm tra, đánh giá chứng cứ và cân nhắc quan điểm của các bên buộc tội, gỡ tội để ra bản án, quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật*"[68]. Quan điểm này xác định chính xác vị trí của giai đoạn XXST trong TTHS, thể hiện tính kế thừa và nối tiếp logic sau các giai đoạn điều tra và truy tố. Việc nhấn mạnh hoạt động *"kiểm tra, đánh giá chứng cứ và cân nhắc quan điểm của các bên buộc tội, gỡ tội"* phản ánh đúng bản chất tranh tụng và cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp trong xét xử. Đồng thời, quan điểm đã làm nổi bật vai trò trung tâm của Tòa án với tư cách là chủ thể thực hiện quyền tư pháp, phù hợp với nguyên tắc công khai, khách quan, toàn diện. Đây là điểm tiếp cận có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc. Tuy nhiên, quan điểm này chỉ xác định

[66] Viện Khoa học pháp lý Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học,* Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 870.
[67] Viện Khoa học pháp lý Bộ Tư pháp (2006), *Tlđd*, tr. 434.
[68] Trần Thị Liên (2019), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 45.

thời điểm bắt đầu giai đoạn XXST mà không đề cập đến thời điểm kết thúc. Đồng thời, việc không khẳng định giai đoạn XXST VAHS là một giai đoạn của TTHS mà cho rằng đó là *"hoạt động..."* chúng tôi cho rằng chưa thực sự hợp lý. Nếu khái niệm được đề cập đến với vai trò là *"hoạt động..."* thì khái niệm "xét xử sơ thẩm vụ án hình sự" sẽ hợp lý hơn là khái niệm "giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự". Bởi lẽ, theo *Từ điển Luật học,* thuật ngữ "xét xử" được hiểu là "*hoạt động xem xét, đánh giá bản chất pháp lý của vụ việc*…"[69]. Mặt khác, quan điểm này tuy đã xác định được thời điểm bắt đầu của giai đoạn XXST - khi Tòa án có thẩm quyền bắt đầu xem xét và giải quyết vụ án - nhưng cách diễn đạt vẫn còn chung chung, chưa phản ánh rõ ràng mốc pháp lý cụ thể. Trên thực tế, thời điểm mở đầu giai đoạn XXST phải được xác định rõ ràng theo quy trình tố tụng, đó là khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án. Việc chỉ nêu *"bắt đầu từ khi Toà án có thẩm quyền xem xét, giải quyết vụ án"* chưa đủ rõ ràng, vì hoạt động của Tòa án có thể đã diễn ra từ trước ở nhiều công đoạn khác nhau (*ví dụ:* thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử…).

Quan điểm thứ hai: "*Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn của tố tụng hình sự, trong đó Toà án có thẩm quyền tiến hành xem xét, giải quyết vụ án, ra bản án, quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật*"[70]. Quan điểm thứ hai có một số điểm đạt được đáng ghi nhận. *Trước hết,* khái niệm này đã xác định rõ rằng XXST là một giai đoạn tố tụng độc lập, có vị trí pháp lý riêng trong tiến trình tố tụng hình sự. Điều này giúp phân biệt rạch ròi với các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử phúc thẩm, qua đó làm nổi bật tính đặc thù của XXST. *Thứ hai,* quan điểm đã xác định đúng chủ thể trung tâm của giai đoạn này là Tòa án, cơ quan duy nhất có thẩm quyền ra bản án và quyết định sơ thẩm. Việc nhấn mạnh thẩm quyền của Tòa án góp phần khẳng định vai trò trọng tâm của xét xử trong việc bảo đảm công lý. *Thứ ba,* khái niệm thể hiện rõ mục đích và kết quả pháp lý của giai đoạn, đó là ra bản án hoặc quyết định sơ thẩm, qua đó quyết định trách nhiệm hình sự và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Đây là những nội dung cốt lõi, mang

[69] Viện Khoa học pháp lý Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển luật học,* Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 434.
[70] Ngô Thị Ngọc Vân (2016), *Hoạt động bào chữa của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 57.

tính chuẩn xác về mặt pháp lý. Quan điểm thứ hai mặc dù có ưu điểm nhất định nhưng vẫn tồn tại những hạn chế rõ rệt. *Một là,* không xác định được thời điểm bắt đầu và kết thúc của giai đoạn XXST, không thể hiện rõ ràng ranh giới pháp lý của giai đoạn này trong tiến trình tố tụng hình sự. *Hai là,* khái niệm chưa làm nổi bật vai trò trung tâm của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa, trong khi đây là đặc trưng cốt lõi thể hiện bản chất của XXST trong mô hình tố tụng hiện nay. *Ba là,* không chỉ rõ đây là cấp xét xử thứ nhất nhằm phân định vị trí và vai trò của giai đoạn XXST trong mối tương quan với cấp xét xử tiếp theo như phúc thẩm hay thủ tục giám đốc thẩm. Do vậy, tính khái quát của quan điểm này chưa đủ để phản ánh đầy đủ bản chất pháp lý của giai đoạn XXST.

Quan điểm thứ ba: *"Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là giai đoạn thứ tư và cuối cùng, trung tâm và quan trọng nhất của hoạt động tố tụng hình sự, mà trong đó cấp Tòa án có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự tiến hành: 1) áp dụng các biện pháp chuẩn bị cho việc xét xử, 2) Đưa vụ án hình sự ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm để xem xét về thực chất vụ án, đồng thời trên cơ sở kết quả tranh tụng công khai và dân chủ của hai bên (buộc tội và bào chữa) phán xét về vấn đề tính chất tội phạm (hay không) của hành vi, có tội (hay không) của bị cáo và cuối cùng, tuyên bản án (quyết định) của Tòa án có hiệu lực pháp luật nhằm giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự một cách công minh và đúng pháp luật, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục"*[71]. Quan điểm này đã phản ánh đúng vị trí, vai trò cũng như bản chất pháp lý của giai đoạn XXST VAHS. Tuy nhiên, việc xây dựng khái niệm với quá nhiều thông tin không thể hiện được tính cô đọng, súc tích. Đồng thời, xác định rõ thứ tự là *"giai đoạn thứ tư"*, *"cuối cùng"* và *"quan trọng nhất của hoạt động tố tụng hình sự"* phản ánh rõ tính chủ quan trong cách tiếp cận thay vì thể hiện được mô tả khoa học đáp ứng được yêu cầu của một khái niệm khoa học pháp lý. Một khái niệm pháp lý chuẩn xác cần tập trung thể hiện bản chất, phạm vi và đặc điểm pháp lý của hiện tượng, chứ không nên mang tính liệt kê các hoạt động tố tụng cụ thể.

---

[71] Đào Văn Cường (2018), *Pháp luật về thủ tục xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, tr. 27.

Như vậy, các quan điểm trên dù có các cách thể hiện khác nhau nhưng đều khẳng định rằng XXST VAHS là một giai đoạn của TTHS và nhấn mạnh được vai trò quan trọng của Toà án. Từ các quan điểm được phân tích, có thể khái quát một cách hệ thống các đặc điểm cơ bản của giai đoạn XXST VAHS như sau:

Thứ nhất, XXST là một giai đoạn độc lập trong TTHS, có vị trí pháp lý rõ ràng trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là giai đoạn tiếp nối sau điều tra và truy tố. Việc khẳng định tính độc lập của giai đoạn này giúp phân biệt với các giai đoạn khác cả về nhiệm vụ, chủ thể tiến hành tố tụng, hành vi tố tụng, văn bản tố tụng[72].

Thứ hai, đây là cấp xét xử thứ nhất (xét xử lần đầu) trong hệ thống các cấp xét xử. Tại giai đoạn này, Tòa án lần đầu tiên xem xét và đánh giá toàn diện nội dung vụ án trên cơ sở chứng cứ đã được thu thập và tranh tụng công khai tại phiên tòa. Các bản án, quyết định ở cấp này chưa có hiệu lực pháp luật ngay mà có thể bị kháng cáo, kháng nghị để được xem xét lại ở cấp phúc thẩm.

Thứ ba, Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền tiến hành XXST. Cơ quan này thực hiện quyền tư pháp thông qua việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ, nghe quan điểm của các bên buộc tội và gỡ tội, từ đó đưa ra bản án, quyết định tố tụng phù hợp. Đây là đặc trưng thể hiện rõ vai trò trung tâm của Tòa án trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước và bảo vệ công lý.

Thứ tư, hoạt động tranh tụng tại phiên tòa là nội dung cốt lõi, thể hiện bản chất của giai đoạn XXST. Khác với các giai đoạn điều tra hay truy tố, trọng tâm của XXST nằm ở quá trình kiểm tra, đánh giá chứng cứ một cách công khai, dân chủ, thông qua đối đáp giữa bên buộc tội và bên bào chữa dưới sự điều hành của Thẩm phán chủ toạ phiên toà. Chính tại giai đoạn này, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đặc biệt là bị cáo và bị hại được thể hiện và bảo đảm rõ nét nhất.

Thứ năm, giai đoạn XXST bắt đầu từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án và kết thúc khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị bản án, quyết định sơ thẩm. Cách xác định này phản ánh đầy đủ cả quá trình chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa và khoảng thời gian để các chủ thể thực hiện quyền kháng cáo, kháng nghị. Bên cạnh đó, việc xác định

[72] Trường Đại học Luật Hà Nội (2024), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 15.

thời điểm kết thúc như vậy nhấn mạnh rằng chỉ khi đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị thì kết quả XXST mới thực sự ổn định và làm cơ sở cho việc thi hành bản án, quyết định hình sự.

Như vậy, khái niệm giai đoạn XXST VAHS được hiểu như sau: *Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là giai đoạn độc lập trong tố tụng hình sự, bắt đầu từ thời điểm Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và kết thúc khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định sơ thẩm, do Tòa án cấp xét xử thứ nhất giải quyết toàn bộ nội dung vụ án thông qua tổ chức phiên toà để ra bản án hoặc quyết định khác theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.*

Từ các phân tích nêu trên, NCS đưa ra khái niệm bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST vụ án hình sự như sau: *Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là trách nhiệm pháp lý của Nhà nước và các chủ thể khác trong việc quy định, thực hiện và giám sát thực hiện các quyền tố tụng của bị hại tại cấp xét xử thứ nhất để cá nhân, tổ chức bị hành vi phạm tội trực tiếp gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại thực hiện đầy đủ, thực chất các quyền tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.*

1.1.2. Đặc điểm

1.1.2.1. Chủ thể bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Thứ nhất, Nhà nước

Ngay từ thời kỳ cổ đại, thông qua các bộ luật kinh điển như Ur-Nammu, Hammurabi hay Luật Mười hai bảng.., nhân loại đã sớm nhận thức được rằng quyền lợi của cá nhân (đặc biệt là nạn nhân, người yếu thế) không thể được bảo toàn nếu chỉ dựa vào sự tự vệ cá nhân hay bạo lực tự phát. Trong lời nói đầu của Bộ luật Hammurabi[73], đức vua Hamurabi đã xác định rõ trách nhiệm của mình phải là một vị vua "*quang minh và ngoan đạo, phát huy chính nghĩa ở đời, diệt trừ những kẻ gian ác không tuân theo pháp luật, làm cho kẻ mạnh không hà hiếp người yếu, làm*

[73] Bộ luật Hammurabi ra đời vào khoảng từ năm 1792 đến năm 1750 trước Công nguyên, dưới triều vua Hammurabi của vương quốc Babylon (Lưỡng Hà)

cho trẫm giống như thần Samát, soi đến dân đen, tỏ ánh sáng khắp mặt đất". Với quyền lực và trách nhiệm tối cao của mình, Nhà vua (đại diện cho ý chí của Quốc gia) đã ban hành các điều luật ấn định hình phạt thay thế cho trả thù tư[74]. Sự xuất hiện của Nhà nước với tư cách là chủ thể độc quyền thực thi công lý, thiết lập quy định về hình phạt chính là những viên gạch đầu tiên đặt nền móng cho học thuyết về vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền của các chủ thể tố tụng.

Ở xã hội hiện đại, vai trò của Nhà nước được thể hiện trong nhiều các văn kiện quốc tế, điển hình có Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) ghi nhận: "*Mỗi Quốc gia thành viên Công ước này cam kết tôn trọng và bảo đảm cho mọi cá nhân thuộc quyền tài phán của mình các quyền được công nhận trong Công ước này…*"[75]. Quy định này khẳng định trách nhiệm tổng thể của Nhà nước trong việc bảo đảm tất cả các quyền dân sự, chính trị, bao gồm cả các quyền tố tụng và quyền của nạn nhân/bị hại. Bên cạnh đó ICCPR yêu cầu các quốc gia "*thực hiện các biện pháp lập pháp hoặc biện pháp khác cần thiết*"[76] để bảo đảm các quyền và "*bảo đảm cho bất kỳ người nào bị vi phạm các quyền và tự do… có quyền được hưởng biện pháp khắc phục hữu hiệu*"[77]. Như vậy, ICCPR yêu cầu quốc gia thành viên phải tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người của mọi cá nhân trong hoạt động tư pháp, bao gồm quyền được xét xử công bằng, được bảo vệ nhân phẩm và được hỗ trợ thích đáng.

Tại Việt Nam, Hiến pháp năm 1992 và đặc biệt là Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định rõ bản chất quyền lực của Nhà nước Việt Nam là *"Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân"*[78]. Trên cơ sở đó, Hiến pháp quy định trách nhiệm của Nhà nước là "*bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân*"[79].

---

[74] Ví dụ: Điều 196 Bộ luật Hamurabi quy định: "Kẻ nào làm hỏng mắt của người dân tự do, kẻ đó sẽ bị người ta chọc mù mắt."
[75] Khoản 1 Điều 2 ICCPR.
[76] Khoản 2 Điều 2 ICCPR.
[77] Khoản 3 Điều 2 ICCPR.
[78] Khoản 1 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2025
[79] Điều 3 Hiến pháp năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2025

Trong giai đoạn XXST VAHS, Nhà nước là chủ thể có trách nhiệm toàn diện và cao nhất trong việc bảo đảm quyền của bị hại. Quy định này phù hợp với nghĩa vụ quốc tế mà Việt Nam đã cam kết khi tham gia các điều ước quốc tế. Hiến pháp năm 2013 và BLTTHS năm 2015 đã nội luật hóa các quy định này, xác định rõ Nhà nước có trách nhiệm ban hành pháp luật, tổ chức bộ máy tư pháp, giám sát và hướng dẫn các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền của bị hại. Như vậy, việc bảo đảm quyền con người, trong đó có quyền của bị hại không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là yêu cầu chính trị, thể hiện bản chất dân chủ, nhân văn của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong giai đoạn XXST VAHS, Tòa án, VKS cùng những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và KSV là các chủ thể được Nhà nước "uỷ quyền" trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nhằm bảo đảm quyền của bị hại. Pháp luật Việt Nam giao cho Tòa án và VKS trách nhiệm bảo đảm việc thực hiện các quyền của bị hại trong giai đoạn XXST.

Đối với Tòa án và Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án, trách nhiệm bảo đảm quyền của bị hại được thể hiện xuyên suốt từ giai đoạn chuẩn bị xét xử đến khi kết thúc phiên tòa. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm việc tống đạt, triệu tập hợp lệ; giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng; xem xét, xử lý kịp thời các yêu cầu của bị hại; đồng thời tổ chức, điều hành phiên tòa theo hướng tạo điều kiện để bị hại được trình bày đầy đủ ý kiến, tham gia tranh tụng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Trong quá trình xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân còn có trách nhiệm bảo đảm sự tôn trọng nhân phẩm, danh dự của bị hại.

Đối với VKS và KSV, trách nhiệm bảo đảm quyền của bị hại được thực hiện thông qua cả hai chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc tuân thủ pháp luật trong quá trình xét xử, kịp thời phát hiện, kiến nghị đối với các vi phạm có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Đồng thời, trong quá trình thực hành quyền công tố tại phiên tòa, KSV phải bảo đảm việc đánh giá chứng cứ, đề xuất quan điểm giải quyết

vụ án được thực hiện khách quan, toàn diện, trên cơ sở tôn trọng và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại theo quy định của pháp luật.

Như vậy, xét trên phương diện lý luận, cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng không chỉ là chủ thể thực hiện chức năng xét xử, thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, mà còn là những chủ thể có trách nhiệm trực tiếp bảo đảm cho các quyền của bị hại đã được pháp luật ghi nhận, được hiện thực hóa trong thực tiễn XXST VAHS.

Thứ hai, chủ thể khác

Trong khoa học pháp lý, việc huy động các chủ thể ngoài Nhà nước tham gia bảo vệ bị hại là một trong những phương thức bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho họ. Tuyên bố năm 1985 của Liên hợp quốc về các nguyên tắc cơ bản của công lý cho nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm cho nạn nhân được tiếp cận công lý, được hỗ trợ và phục hồi thông qua sự tham gia của các cơ quan nhà nước, tổ chức tình nguyện, cộng đồng và các tổ chức xã hội. Đây là cơ sở quan trọng để phát huy vai trò của luật sư, trợ giúp pháp lý và các chủ thể xã hội trong việc hỗ trợ nạn nhân thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình (Điều 4 đến Điều 7).

Nhà nước Việt Nam đã từng bước nội luật hóa tinh thần của Tuyên bố năm 1985 thông qua các quy định về trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. Theo đó, bên cạnh trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, việc bảo đảm quyền của bị hại còn cần có sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người đại diện, các tổ chức trợ giúp pháp lý và các tổ chức xã hội có liên quan. Trong đó, *người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại* thực hiện các quyền tố tụng được pháp luật quy định nhằm hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại. Trong giai đoạn XXST, thông qua việc tham gia phiên tòa, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ; đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; tham gia hỏi, tranh luận và thực hiện các quyền tố tụng khác theo quy định, chủ thể này góp phần hỗ trợ bị hại thể

hiện quan điểm và bảo vệ các yêu cầu hợp pháp của mình trước Tòa án. Vì vậy, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là chủ thể có vai trò trực tiếp trong việc hỗ trợ bị hại thực hiện và bảo vệ các quyền tố tụng tại phiên tòa. *Người đại diện của bị hại* thực hiện các quyền tố tụng trong phạm vi đại diện theo quy định của pháp luật. Vai trò của người đại diện có ý nghĩa đặc biệt trong những trường hợp bị hại không thể hoặc gặp hạn chế trong việc trực tiếp thực hiện quyền của mình. Thông qua việc thay mặt hoặc cùng bị hại tham gia tố tụng, người đại diện góp phần bảo đảm tính liên tục trong việc thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, nhất là trong trường hợp bị hại đã chết hoặc vì những lý do khác mà không thể tự mình thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng. *Các chủ thể thực hiện trợ giúp pháp lý*, trong phạm vi đối tượng và điều kiện được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật, cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Hoạt động này tạo điều kiện để những bị hại gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ pháp lý có thể nhận được sự tư vấn, hỗ trợ hoặc đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình tố tụng. Qua đó, trợ giúp pháp lý là một trong những phương thức hỗ trợ việc tiếp cận và thực hiện quyền tố tụng của bị hại.

Như vậy, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể nêu trên tuy khác nhau nhưng đều có mối liên hệ với việc thực hiện và bảo vệ quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Nếu cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng giữ vai trò thực hiện trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người đại diện và các chủ thể thực hiện trợ giúp pháp lý có vai trò hỗ trợ hoặc thay mặt bị hại thực hiện, bảo vệ các quyền tố tụng theo phạm vi pháp luật quy định. Sự tham gia của các chủ thể này góp phần hình thành cơ chế bảo đảm quyền của bị hại với sự tham gia của nhiều chủ thể và bằng những phương thức khác nhau.

1.1.2.2. Chủ thể được bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Chủ thể được bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS có thể là cá nhân cũng có thể là cơ quan, tổ chức. Mặc dù đều là chủ thể trực tiếp bị thiệt hại

do hành vi phạm tội gây ra hoặc đe doạ gây ra, nhưng bị hại là cá nhân và bị hại là cơ quan, tổ chức có sự khác biệt về lợi ích được pháp luật bảo vệ và cách thức thực hiện các quyền tố tụng. Đối với bị hại là cá nhân, lợi ích bị xâm hại có thể là tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, đời sống tinh thần hoặc tài sản. Trong khi đó, đối với bị hại là cơ quan, tổ chức, lợi ích được bảo vệ chủ yếu là tài sản, uy tín và hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức. Sự khác biệt này dẫn đến yêu cầu bảo đảm quyền của hai nhóm chủ thể không hoàn toàn giống nhau. Về phương thức thực hiện quyền tố tụng. Bị hại là cá nhân có thể trực tiếp thực hiện các quyền tố tụng hoặc thông qua người đại diện theo quy định của pháp luật. Trong khi đó, bị hại là cơ quan, tổ chức chỉ tham gia tố tụng thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền. Vì vậy, việc bảo đảm quyền của cơ quan, tổ chức luôn gắn với việc bảo đảm quyền thực hiện tố tụng của người đại diện hợp pháp.

Việc công nhận tư cách tố tụng của bị hại có ý nghĩa quan trọng giúp cho họ biết được mình có những quyền gì và phải thực hiện nghĩa vụ sao cho đúng. Tuy nhiên, cho đến nay, pháp luật TTHS vẫn chưa có quy định về thời điểm bắt đầu cũng như thời điểm kết thúc tư cách bị hại. Về vấn đề này, một số nhà nghiên cứu đưa ra quan điểm về việc xác định *khoảng thời gian hợp lý* để xác định tư cách bị hại như sau: *"Khoảng thời gian có thể tiến hành công nhận tư cách người bị hại hợp lý là sau khi khởi tố vụ án hình sự cho đến trước ngày quyết định đưa vụ án ra xét xử... Trước khi vụ án được khởi tố không thể xác định bất kỳ một tư cách tố tụng nào. Sau khi vụ án được khởi tố người bị hại cần được sự công nhận chính thức bằng văn bản về tư cách tham gia tố tụng để họ chủ động thực hiện các quyền tố tụng đồng thời cũng phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật TTHS. Người bị thiệt hại không thể chờ cho đến khi cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập để lấy lời khai, lúc đó mới xác định tư cách tham gia tố tụng là người bị hại và được giải thích quyền, nghĩa vụ"*[80]. Ủng hộ quan điểm đó, tác giả Đinh Thị Mai trong luận án tiến sĩ của mình cũng nhận định rằng: *"Để đảm bảo quyền của người bị hại, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cụ thể là Cơ quan điều tra và một số*

[80] Đinh Thị Mai (2014), *Quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, tr.137.

cơ quan có thẩm quyền điều tra khác có nghĩa vụ công nhận tư cách người bị hại khi xác định sơ bộ có dấu hiệu thiệt hại do tội phạm gây ra. Khoảng thời gian có thể tiến hành công nhận tư cách người bị hại hợp lý là sau khi khởi tố vụ án hình sự cho đến trước ngày quyết định đưa vụ án ra xét xử"[81]. Cả hai quan điểm đều thống nhất rằng việc công nhận tư cách người bị hại là một thủ tục tố tụng có ý nghĩa pháp lý quan trọng, cần được tiến hành sau khi khởi tố vụ án hình sự và trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đây là khoảng thời gian hợp lý để xác định chính xác thiệt hại và bảo đảm cho người bị hại có điều kiện thực hiện các quyền tố tụng theo quy định của BLTTHS. Về cách xác định này, chúng tôi có ý kiến như sau:

Thứ nhất, đối với việc xác định thời điểm bắt đầu của tư cách bị hại, cả hai quan điểm đều dựa trên cùng một cơ sở là: chỉ khi vụ án đã được khởi tố thì mới có căn cứ pháp lý để xác định hành vi có dấu hiệu tội phạm và từ đó xác định được bị hại. Cách xác định tư cách bị hại kể từ sau khi VAHS được khởi tố có những ưu điểm rõ ràng cả về cơ sở pháp lý lẫn bảo đảm quyền tố tụng. Khi vụ án được khởi tố, hành vi có dấu hiệu tội phạm mới được xác định bằng quyết định pháp lý chính thức, từ đó việc xác định chủ thể bị thiệt hại mới có căn cứ chắc chắn, tránh tùy tiện hoặc xác định sai đối tượng. Bên cạnh đó, giai đoạn tiền khởi tố, cá nhân, tổ chức bị thiệt hại đã được xác định là người tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố qua đó vẫn được pháp luật bảo đảm một số quyền cơ bản theo quy định tại Điều 56 BLTTHS năm 2015, như: quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản; quyền yêu cầu giữ bí mật việc tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố; và quyền được thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Điều này cho thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đã được ghi nhận ngay từ giai đoạn tiền khởi tố. Việc chỉ công nhận tư cách bị hại sau khi có quyết định khởi tố VAHS đồng thời bảo đảm tính hợp pháp, khách quan và chặt chẽ của thủ tục tố tụng, góp phần hài hòa giữa yêu cầu bảo vệ quyền của người tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố với việc tôn trọng quyền của người bị tố giác, người bị buộc tội. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, với cách xác định

[81] Lê Nguyên Thanh (2012), *Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, tr. 151.

này, tư cách bị hại sẽ xuất hiện muộn hơn, một số quyền của bị hại sẽ không được đảm bảo, đặc biệt là quyền có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Hiện nay, pháp luật TTHS quy định thời điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tham gia TTHS từ rất sớm, ngay từ khi có Quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và có căn cứ xác định tư cách tham gia tố tụng của bị hại. Quy định cho phép người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tham gia tố tụng từ giai đoạn sớm là hợp lý trước hết vì phù hợp với yêu cầu bảo đảm quyền được bảo vệ kịp thời và hiệu quả của bị hại. Trong thực tiễn, nhiều quyền quan trọng của bị hại như quyền cung cấp chứng cứ, đề nghị giám định, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ hay yêu cầu bồi thường thiệt hại đều phát sinh và cần được thực hiện ngay từ giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Nếu không có sự hỗ trợ pháp lý từ sớm, bị hại có thể bỏ lỡ các cơ hội bảo vệ quyền lợi của mình. Đồng thời, quy định này góp phần tăng cường tính minh bạch và kiểm soát hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, bởi sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp sẽ giúp giám sát việc thu thập chứng cứ, ghi nhận lời khai và các hoạt động tố tụng ban đầu, hạn chế nguy cơ vi phạm quyền của bị hại. Bên cạnh đó, việc xác định thời điểm tham gia tố tụng sớm cũng bảo đảm sự cân bằng tương đối giữa các bên trong tố tụng, khi người bị buộc tội đã có cơ chế được bảo đảm quyền bào chữa ngay từ giai đoạn đầu. Do đó, việc cho phép người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tham gia từ thời điểm có căn cứ xác định tư cách bị hại là phù hợp với yêu cầu bảo đảm công bằng tố tụng.

Thứ hai, đối với mốc thời gian muộn nhất để xác định tư cách bị hại, cả hai tác giả đều khẳng định mốc thời gian hợp lý là: *"trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm"* quan điểm này chưa thực sự hợp lý vì ít nhất hai lý do cơ bản. *Một là*, quan điểm trên chưa phù hợp với quy định của BLTTHS năm 2015 cũng như các chuẩn mực quốc tế về bảo đảm quyền con người trong *TTHS*. Theo nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân[82], quyền này phải được bảo đảm xuyên suốt trong toàn bộ quá trình tố tụng, không thể bị giới

[82] Điều 8 BLTTHS năm 2015.

hạn bởi một mốc thời gian mang tính kỹ thuật. Việc ấn định mốc thời gian này có thể dẫn đến tước bỏ quyền tham gia tố tụng hợp pháp của bị hại phát hiện thiệt hại ở giai đoạn muộn, vi phạm quyền tiếp cận công lý. *Hai là*, trong nhiều trường hợp, tội phạm gây ra thiệt hại kéo dài hoặc tiềm ẩn, nên việc xác định đầy đủ tư cách bị hại ngay từ giai đoạn điều tra, truy tố là không khả thi. Đặc biệt là trong những vụ án về lừa đảo chiếm đoạt tài sản việc xác định đầy đủ bị hại thường không thể thực hiện ngay từ đầu vì thiệt hại phát sinh và được phát hiện ở những thời điểm khác nhau. Đặc điểm của các vụ án này là quy mô rộng, số lượng bị hại lớn và phương thức lừa đảo đa dạng, khiến cơ quan tiến hành tố tụng không thể xác định toàn bộ bị hại trong một thời điểm nhất định. Nếu pháp luật ấn định một mốc thời gian muộn nhất để công nhận tư cách bị hại, thì những người phát hiện thiệt hại sau thời điểm đó sẽ bị tước mất quyền tham gia tố tụng.Điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bị hại (như quyền yêu cầu bồi thường, trình bày ý kiến…) mà còn làm giảm tính khách quan, toàn diện trong xác định sự thật vụ án, do bỏ sót thông tin, chứng cứ từ những bị hại mới phát hiện. Vì vậy, việc ấn định thời điểm muộn nhất để công nhận tư cách bị hại trong nhóm tội phạm này là không hợp lý cả về phương diện pháp lý lẫn thực tiễn tố tụng.

Tóm lại, từ các phân tích ở trên, chúng tôi cho rằng, việc đặt ra thời điểm muộn nhất để xác định tư cách bị hại là không cần thiết. Tuy nhiên, khi nghiên cứu nội dung này, chúng tôi cho rằng, cần thiết xác định thời điểm kết thúc tư cách của bị hại, một mặt là để bảo đảm một cách tốt nhất việc thực thi quyền của bị hại, một mặt cũng là bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội hoặc người bị kết án. Về vấn đề này, cho đến nay chưa có nhà khoa học nào đề cập tới, BLTTHS cũng không có quy định cụ thể. Theo quan điểm của chúng tôi, tư cách bị hại có thể chấm dứt tại nhiều thời điểm khác nhau:

Một là, tư cách bị hại chấm dứt cùng với việc chấm dứt tư cách của bị can, bị cáo. Tuy nhiên, việc chấm dứt tư cách này cần được xem xét trong mối liên hệ với từng thời điểm của quá trình tố tụng. Trường hợp bị can, bị cáo chết trong giai đoạn điều tra hoặc truy tố, hoặc vụ án bị đình chỉ trước khi Tòa án xét xử, thì trách nhiệm

hình sự không còn được đặt ra và vụ án hình sự chấm dứt hoàn toàn; khi đó, tư cách bị hại trong TTHS cũng không còn cơ sở tiếp tục tồn tại, còn các yêu cầu về bồi thường thiệt hại sẽ được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự độc lập. Ngược lại, nếu bị cáo chết sau khi bản án sơ thẩm đã giải quyết cả phần hình sự và dân sự của vụ án, thì mặc dù trách nhiệm hình sự không tiếp tục được xem xét, phần dân sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vẫn thuộc phạm vi của vụ án hình sự. Trong trường hợp có kháng cáo, kháng nghị đối với phần dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiếp tục giải quyết theo thủ tục TTHS, bởi quan hệ bồi thường thiệt hại đã được xác lập trong khuôn khổ vụ án hình sự và đang trong quá trình xét xử theo thủ tục hai cấp. Vì vậy, chỉ trong trường hợp vụ án chấm dứt trước khi XXST thì yêu cầu dân sự mới phải chuyển sang giải quyết bằng vụ án dân sự; còn khi việc giải quyết dân sự đã được thực hiện ở cấp sơ thẩm, việc chết của bị cáo không làm thay đổi thẩm quyền và thủ tục giải quyết theo thủ tục TTHS đối với phần dân sự. Do đó, có thể khẳng định: tư cách bị hại chấm dứt tại thời điểm vụ án hình sự bị đình chỉ trước khi XXST; còn nếu bản án sơ thẩm đã được tuyên thì tư cách bị hại chỉ chấm dứt khi việc giải quyết phần dân sự của vụ án hình sự kết thúc theo thủ tục TTHS.

Hai là, tư cách bị hại chấm dứt khi bản án đã được thi hành xong và không bị kháng nghị để xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Theo BLTTHS năm 2015, tư cách bị hại gắn liền với quyền và nghĩa vụ tố tụng trong toàn bộ quá trình xử lý vụ án, bao gồm cả giai đoạn giám đốc thẩm và tái thẩm.

Nếu thi hành án xong mà sau đó vụ án bị hủy hoặc sửa theo thủ tục đặc biệt, các quyền lợi đã được xác lập của người bị hại (như phần bồi thường thiệt hại hoặc quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, quyền kháng cáo, quyền trình bày quan điểm…) có thể bị ảnh hưởng. Khi đó, nếu bị hại đã bị coi là "hết tư cách" thì họ không có tư cách pháp lý để tham gia bảo vệ quyền lợi của chính mình. Trong TTHS, "thi hành án xong" thường được hiểu là đã thực hiện đầy đủ các nội dung trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, thực tế cho thấy: Có những bản án thi hành phần hình sự nhưng phần dân sự chưa thực hiện đầy đủ (ví dụ: bồi thường một phần, kéo dài, hoặc thi hành nhiều đợt…). Cũng có những vụ án

sau khi thi hành xong, bản án bị kháng nghị và hủy để xét xử lại, dẫn đến quyền lợi của bị hại thay đổi. Có trường hợp thi hành án xong nhưng bị hại tiếp tục bị ảnh hưởng bởi hậu quả vật chất, tinh thần, đặc biệt trong các vụ án về xâm hại nhân thân, danh dự, uy tín, môi trường hoặc tội phạm kinh tế. Trường hợp vụ án bị kháng nghị sau khi thi hành án xong, bị hại phải tiếp tục được công nhận tư cách bị hại trong quá trình xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, "thi hành án xong" chỉ nên được hiểu là khi bản án đã được thi hành xong và không còn khả năng pháp lý để kháng nghị hoặc xét xử lại. Tư cách bị hại không nên kết thúc ngay khi thi hành án xong, mà chỉ nên kết thúc khi bản án đã được thi hành xong và không còn khả năng kháng nghị, xét xử lại theo thủ tục đặc biệt. Đây là cách tiếp cận hợp lý, dung hòa giữa bảo đảm quyền tiếp cận công lý của bị hại và tính dứt điểm, ổn định của bản án hình sự.

1.1.2.3. Phạm vi về thời gian của bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

"*Phạm vi về thời gian của bảo đảm là khoảng thời gian diễn ra của hoạt động bảo đảm*"[83]. Vì vậy, phạm vi về thời gian của bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS được giới hạn trong giai đoạn XXST. Hiện nay, có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến việc xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc của giai đoạn XXST VAHS.

Quan điểm thứ nhất, *"giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự... bắt đầu từ khi Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án và kết thúc khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị..."*[84].

Quan điểm thứ hai, "giai đoạn xét xử được bắt đầu từ khi Toà án thụ lý vụ án hình sự và kết thúc khi Toà án ra quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật để khẳng định một người có tội hay không có tội"[85]. Quan điểm này được xây dựng cho giai đoạn xét xử theo nghĩa rộng, bao gồm cả sơ thẩm và phúc thẩm. Tuy vậy, trong nghiên cứu về giai đoạn XXST, vẫn có thể kế thừa và sử dụng quan điểm này bởi lẽ

[83] Trần Thị Thu Hiền (2020), Tlđd tr. 44.
[84] Trần Thị Liên (2019), Tlđd tr. 45.
[85] Đinh Thế Hưng (2017), *Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, tr. 96.

không phải mọi vụ án đều qua phúc thẩm; nhiều vụ án kết thúc ngay ở sơ thẩm khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Trong các trường hợp đó, nội hàm "giai đoạn xét xử" mà tác giả nêu trùng với tiến trình của giai đoạn XXST.

Quan điểm thứ ba, *"giai đoạn xét xử sơ thẩm bắt đầu từ khi hồ sơ vụ án cùng bản cáo trạng của Viện kiểm sát được chuyển sang Toà án có thẩm quyền. Sau khi vụ án đã được thụ lý, chánh án Toà án phân công thẩm phán (hoặc một nhóm thẩm phán) nghiên cứu hồ sơ vụ án và tham gia tố tụng tại phiên toà với tư cách là chủ toạ hoặc thẩm phán xét xử. Giai đoạn xét xử sơ thẩm kết thúc khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị"*[86].

Về thời điểm bắt đầu giai đoạn XXST VAHS: Quan điểm thứ nhất và thứ hai xác định mốc bắt đầu là thời điểm Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án. Quan điểm thứ ba xác định mốc bắt đầu là thời điểm hồ sơ vụ án và cáo trạng được chuyển sang Tòa án có thẩm quyền. Trên thực tế, đây cũng chính là thời điểm Tòa án bắt đầu nghiên cứu hồ sơ, phân công Thẩm phán và chuẩn bị cho phiên tòa, tức là quá trình xét xử đã chính thức khởi động. Do đó, việc coi thời điểm chuyển hồ sơ và cáo trạng là thời điểm thụ lý vụ án là phù hợp về mặt quy trình tố tụng, phản ánh đúng bản chất khởi đầu giai đoạn xét xử và tạo sự thống nhất trong xác định mốc thời gian. Như vậy, cả ba quan điểm đều thống nhất rằng giai đoạn XXST bắt đầu khi Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án hình sự. Đây là mốc đánh dấu việc chuyển từ giai đoạn truy tố sang xét xử, thể hiện Tòa án chính thức tham gia vào quá trình giải quyết vụ án với tư cách là cơ quan xét xử. Nghiên cứu sinh hoàn toàn đồng ý với các quan điểm nêu trên về thời điểm bắt đầu giai đoạn XXST VAHS.

Về thời điểm kết thúc giai đoạn XXST VAHS: Quan điểm thứ nhất và thứ ba cho rằng: kết thúc khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Quan điểm thứ hai cho rằng: kết thúc khi bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật. Sự khác biệt ở đây thể hiện hai cách tiếp cận: (i) theo thủ tục tố tụng (quan điểm thứ nhất và thứ ba) và (ii) theo hiệu lực pháp lý (quan điểm thứ 2). Nghiên cứu sinh cho rằng, giai đoạn XXST không chỉ bao gồm quá trình xét xử tại phiên tòa mà còn bao hàm cả khoảng

[86] Ngô Thị Ngọc Vân (2016), *Hoạt động bào chữa của Luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 57.

thời gian để các chủ thể thực hiện quyền kháng cáo, kháng nghị. Khi không có kháng cáo, kháng nghị, thì ngay sau khi hết thời hạn này, bản án tự động có hiệu lực pháp luật, giai đoạn XXST kết thúc. Khi có kháng cáo, kháng nghị, thì vụ án chuyển tiếp sang giai đoạn xét xử phúc thẩm trước khi thời hạn kháng cáo, kháng nghị kết thúc. Như vậy, mốc kết thúc giai đoạn XXST về mặt thủ tục và mốc bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật (khi không có kháng cáo, kháng nghị) là một - chỉ là hai cách diễn đạt khác nhau của cùng một điểm chuyển tiếp trong quá trình tố tụng. Hay nói cách khác, nếu không có kháng cáo, kháng nghị, bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực ngay khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Thời điểm kết thúc giai đoạn XXST và hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định sơ thẩm chạm nhau tại cùng một điểm. Nếu có kháng cáo, kháng nghị, vụ án không còn thuộc phạm vi giai đoạn XXST, mà được chuyển sang giai đoạn xét xử phúc thẩm. Trong trường hợp này, việc xác định thời điểm kết thúc giai đoạn XXST không phụ thuộc vào hiệu lực của bản án, quyết định mà phụ thuộc vào hành vi kháng cáo, kháng nghị, tức là đã phát sinh giai đoạn tố tụng tiếp theo trước khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Nếu xác định hai mốc thời gian này là riêng biệt sẽ dẫn đến sự chồng chéo và khó xác định ranh giới giữa các giai đoạn tố tụng, đặc biệt trong thống kê tố tụng hoặc tính thời hạn kháng cáo... Do đó, việc xác định thời điểm kết thúc giai đoạn XXST là hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị là hoàn toàn có cơ sở pháp lý, logic và thực tiễn, đồng thời bao quát được cả hai tình huống: có và không có kháng cáo, kháng nghị.

Cần khẳng định thêm về việc xác định thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị là mốc kết thúc mang tính bao trùm và phổ biến nhất, phản ánh đầy đủ trình tự, thủ tục của một vụ án được đưa ra xét xử và có bản án. Ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có thể ban hành quyết định như quyết định đình chỉ vụ án khi có căn cứ: bị hại rút yêu cầu khởi tố đối với một số tội danh khởi tố theo yêu cầu; người bị buộc tội đã chết; hành vi không cấu thành tội phạm… Dù vậy, quyết định đình chỉ vụ án vẫn là đối tượng kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, nên về mặt tố tụng, giai đoạn XXST chỉ được coi là chấm dứt khi hết thời hạn kháng cáo,

kháng nghị; trong các trường hợp này, nó chỉ "kết thúc sớm" ở chỗ không phải trải qua thủ tục xét xử tại phiên tòa, còn mốc thời điểm kết thúc về mặt pháp lý vẫn không thay đổi.

Từ việc xác định phạm vi về thời gian của hoạt động bảo đảm quyền nói chung và bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS nói riêng, có thể rút ra kết luận như sau:

Phạm vi về thời gian của bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST được xác định tương ứng với toàn bộ quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, tính từ thời điểm Tòa án có thẩm quyền thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm đối với bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Đây là khoảng thời gian pháp lý liên tục, trong đó các cơ quan tiến hành tố tụng và các chủ thể khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các biện pháp pháp lý, tổ chức và thủ tục tố tụng cần thiết để bảo đảm cho người bị hại được thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của họ trước các hành vi xâm phạm.

Việc xác định rõ mốc thời gian bắt đầu và kết thúc như trên giúp xác định chính xác phạm vi trách nhiệm bảo đảm của Nhà nước và các chủ thể có thẩm quyền. Qua đó, xác lập khoảng thời gian pháp lý mà các quyền của bị hại phải được bảo đảm; bảo đảm quyền của bị hại được thực thi xuyên suốt giai đoạn tố tụng. Các mốc thời gian này cũng tạo cơ sở cho việc thống kê, đánh giá hiệu quả bảo đảm quyền trong thực tiễn XXST.

1.1.2.4. Nội dung của bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Có nhiều quan điểm về nội dung của bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng nói chung. Quan điểm thứ nhất về nội dung bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS: "*Nội dung của bảo đảm quyền con người trong TTHS là cơ sở để xác định nội dung bảo đảm quyền con người của bị can. Theo đó, nội dung của bảo đảm quyền con người trong TTHS là cách thức, biện pháp pháp lý bao gồm xây dựng các quy định về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai*

đoạn điều tra VAHS, thực thi các quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS, giám sát việc thực thi quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS"[87]. Quan điểm thứ hai về nội dung bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động XXST các VAHS của Toà án nhân dân cấp tỉnh cho rằng: "*Bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của TAND cấp tỉnh bằng pháp luật là thông qua pháp luật để ghi nhận các quyền của bị cáo; đồng thời, quy định trách nhiệm thực hiện các quyền trên thực tế gắn với hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự diễn ra tại phiên toà*"[88]. Trên tinh thần tiếp thu hai quan điểm nêu trên, NCS cho rằng: nội dung bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS bao gồm: ghi nhận đầy đủ quy định về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS như: nguyên tắc tố tụng; quyền của bị hại; trình tự, thủ tục; nhiệm vụ, quyền hạn của chủ thể có thẩm quyền; thực thi các quy định về bảo đảm của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS và giám sát việc thực thi các quy định về bảo đảm của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Thứ nhất, quy định về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS

Một là, pháp luật TTHS ghi nhận một hệ thống các nguyên tắc làm cơ sở định hướng cho hoạt động của Tòa án và các chủ thể tham gia tố tụng. Các nguyên tắc này được thiết kế theo hướng bảo đảm việc tổ chức và vận hành phiên tòa diễn ra công bằng, khách quan, minh bạch; đồng thời kiểm soát sự tùy tiện trong quá trình áp dụng pháp luật. Đặc biệt các nguyên tắc có liên quan trực tiếp đến việc bảo đảm quyền của bị hại trong XXST VAHS như: nguyên tắc như tranh tụng trong xét xử được bảo đảm; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; bảo đảm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm được ghi nhận, thực hiện đầy đủ tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST. *Hai là,* pháp luật ghi nhận các quyền tố tụng của bị hại trong TTHS. Các quyền này bảo đảm cho bị hại được

[87] Trần Thị Thu Hiền (2020), *Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 60.

[88] Võ Quốc Tuấn (2017), *Bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Toà án nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr. 55.

tiếp cận công lý, được tham gia vào quá trình xét xử, được trình bày ý kiến, được lắng nghe, được cung cấp thông tin, được bảo vệ an toàn, danh dự, nhân phẩm và được yêu cầu bồi thường thiệt hại. Việc ghi nhận các quyền của bị hại dựa trên việc tham chiếu các nguyên tắc được thừa nhận trong Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, Tuyên bố của Liên Hợp Quốc về các nguyên tắc cơ bản của công lý cho nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực năm 1985 cùng các văn kiện quốc tế có liên quan. Đồng thời, các quyền này được cụ thể hóa bằng những quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục và cơ chế thực hiện trong giai đoạn XXST nhằm bảo đảm bị hại có khả năng thực hiện quyền của mình trên thực tế, không chỉ được ghi nhận về mặt hình thức. *Ba là*, pháp luật ghi nhận nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án, VKS và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm thực hiện các quyền của bị hại. Các quy định này xác định cụ thể trách nhiệm của từng chủ thể trong từng hoạt động tố tụng, từ việc thông báo, giải thích quyền, tạo điều kiện cho bị hại tham gia phiên tòa đến việc xem xét, giải quyết các yêu cầu, kiến nghị và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Đồng thời, pháp luật quy định hậu quả pháp lý tương ứng đối với trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nhiệm vụ, quyền hạn đã được giao như: hủy hoặc sửa bản án, quyết định tố tụng có vi phạm, giải quyết khiếu nại, kháng nghị, kháng cáo hoặc áp dụng các hình thức xử lý trách nhiệm đối với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc ghi nhận đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn cùng các cơ chế bảo đảm thực hiện là điều kiện cần thiết để các quyền của bị hại được bảo vệ. *Bốn là*, việc ghi nhận quyền của bị hại chỉ thực sự có ý nghĩa khi đi kèm với các quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện quyền.Vì vậy, pháp luật ghi nhận các thủ tục tố tụng bảo đảm sự tham gia của bị hại tại phiên tòa, bao gồm thủ tục triệu tập, thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng; thủ tục trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật; thủ tục yêu cầu và giải quyết các yêu cầu tố tụng của bị hại; thủ tục tham gia xét hỏi, tranh luận, đối đáp tại phiên tòa; thủ tục thực hiện quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; thủ tục khiếu nại, kiến nghị đối với các hành vi, quyết định tố tụng

ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ; cũng như thủ tục thông báo, giải thích bản án, quyết định và thực hiện quyền kháng cáo. Ngoài việc quy định các trình tự, thủ tục tố tụng, pháp luật xác định rõ trách nhiệm của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm thực hiện các thủ tục đó. Các quy định về trình tự, thủ tục được xây dựng theo hướng minh bạch, khả thi và thuận lợi, qua đó bảo đảm bị hại có điều kiện thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng của mình trong giai đoạn XXST VAHS.

Thứ hai, thực thi quy định về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Việc thực thi các quy định về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS phụ thuộc trực tiếp vào hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan và người tiến hành tố tụng, đặc biệt là Tòa án, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm và KSV. Trên thực tế, các quy định của pháp luật chỉ có thể phát huy giá trị khi được những chủ thể này nhận thức đúng và áp dụng đầy đủ, thống nhất trong quá trình giải quyết vụ án. Từ việc xác định đúng tư cách tố tụng của bị hại, giải thích và bảo đảm thực hiện các quyền tố tụng, xem xét các yêu cầu của bị hại đến việc đánh giá chứng cứ, giải quyết trách nhiệm dân sự và ban hành bản án đều là những hoạt động áp dụng pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả bảo đảm quyền của bị hại. Việc áp dụng pháp luật không chỉ đòi hỏi người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định của BLTTHS mà còn phải vận dụng chính xác các quy định vào từng vụ án cụ thể trên cơ sở khách quan, toàn diện và tôn trọng quyền con người, quyền công dân. Nếu người áp dụng pháp luật nhận thức chưa đầy đủ về địa vị tố tụng của bị hại, áp dụng pháp luật không thống nhất hoặc không giải quyết kịp thời các yêu cầu hợp pháp của bị hại thì các quyền đã được pháp luật ghi nhận khó được bảo đảm trên thực tế. Vì vậy, hiệu quả thực thi các quy định về bảo đảm quyền của bị hại không chỉ được quyết định bởi mức độ hoàn thiện của pháp luật mà còn phụ thuộc vào chất lượng hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong giai đoạn XXST VAHS.

Thứ ba, giám sát thực thi quy định về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS

Quy định về việc giám sát thực thi quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Bao gồm: *Giám sát trong nội bộ các cơ quan tiến hành tố tụng* chính là giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Toà án nhân dân, VKSND nhằm bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Với chức năng của mình, VKS trực tiếp kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình XXST, nhằm bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không bị xâm phạm. Trong nội bộ VKS cũng có cơ chế thanh tra, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới, , bảo đảm việc thực hiện quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp không vượt quá thẩm quyền và không làm ảnh hưởng đến quyền của bị hại. Trong nội bộ Tòa án, cơ chế giám sát được thiết lập để kiểm tra tính khách quan, chuẩn mực nghề nghiệp và sự tuân thủ quy trình tố tụng của thẩm phán, hội thẩm nhân dân khi XXST. Sự song hành của các cơ chế giám sát góp phần đảm bảo tính công khai, minh bạch của quá trình XXST VAHS. *Giám sát từ phía các cơ quan Nhà nước khác*: Quốc hội và Hội đồng nhân dân thực hiện giám sát tối cao và giám sát tại địa phương, với đối tượng giám sát là hoạt động của các cơ quan tư pháp, trong đó có Tòa án khi tiến hành xét xử. Giám sát đối với hoạt động xét xử của Tòa án từ phía các cơ quan quyền lực nhà nước là một mắt xích quan trọng trong cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Về bản chất, Quốc hội với quyền giám sát tối cao và Hội đồng nhân dân với quyền giám sát tại địa phương thực hiện sự giám sát mang tính đại diện cho Nhân dân đối với việc thực thi quyền lực xét xử, bảo đảm Tòa án hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, không lạm quyền, không thoát ly khỏi mục tiêu bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ giữa giám sát mang tính quyền lực – chính trị này với sự can thiệp vào hoạt động xét xử cụ thể: giám sát chỉ dừng lại ở việc xem xét tính hợp hiến, hợp pháp, tính hiệu quả, công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án, chứ không được làm thay chức năng xét xử, không áp đặt ý chí cơ quan giám sát vào phán quyết của Hội đồng xét xử trong từng vụ án. Cơ chế giám sát vì thế vừa củng cố trách nhiệm giải trình của Tòa án trước cơ quan đại diện, buộc Tòa án phải báo cáo, giải thích về những hạn chế, sai sót trong hoạt động tư pháp, vừa góp phần

nâng cao chất lượng xét xử thông qua các kiến nghị hoàn thiện pháp luật, tổ chức bộ máy, điều kiện bảo đảm cho Tòa án thực hiện tốt chức năng bảo vệ công lý và quyền con người. *Giám sát từ các tổ chức xã hội và giám sát của công dân* là việc giám sát bên ngoài Nhà nước đối với bảo đảm quyền của bị hại được thực hiện thông qua hai kênh quan trọng. *Thứ nhất,* giám sát của các tổ chức xã hội, bao gồm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội như Hội Luật gia, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Liên đoàn Lao động…, cùng các tổ chức nghề nghiệp và tổ chức xã hội khác. Các tổ chức này với tư cách là chủ thể giám sát sẽ theo dõi hoạt động của Tòa án, VKS nhằm phát hiện, phản ánh, kiến nghị khi quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại chưa được bảo đảm đúng mức. *Thứ hai,* giám sát của công dân, trong đó chủ thể giám sát là người dân nói chung và đặc biệt là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người đại diện hoặc các cá nhân quan tâm đến vụ án. Đối tượng giám sát ở đây chính là hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, hội thẩm nhân dân, KSV. Sự tham gia giám sát của các tổ chức xã hội và công dân tạo nên sức ép tích cực, góp phần bảo đảm tính khách quan trong quá trình xét xử, đồng thời củng cố niềm tin vào công lý và hiệu lực của Nhà nước pháp quyền.

Việt Nam là thành viên của nhiều công ước quốc tế quan trọng về quyền con người như ICCPR, CAT hay Tuyên ngôn của Liên Hợp Quốc năm 1985 về các nguyên tắc công lý cơ bản cho nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực. Do đó, bên cạnh cơ chế giám sát trong nước, Việt Nam còn chịu sự giám sát từ phía quốc tế thông qua các ủy ban, cơ chế báo cáo định kỳ và các khuyến nghị của Liên hợp quốc. Cơ chế giám sát này góp phần bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS được thực hiện phù hợp với chuẩn mực chung của cộng đồng quốc tế. Như vậy, giám sát đa tầng có ý nghĩa then chốt trong việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS, bởi nó tạo nên cơ chế kiểm soát nhiều chiều, hạn chế nguy cơ lạm quyền hoặc bỏ sót quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Sự kết hợp giữa giám sát từ cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, công dân và quốc tế giúp bảo đảm tính khách quan và công bằng trong quá trình xét xử.

Nội dung bảo đảm quyền của bị hại đồng thời cho thấy những phương thức cơ bản mà thông qua đó các quyền của bị hại được bảo đảm trong giai đoạn XXST VAHS. Theo đó, việc bảo đảm quyền trước hết được thực hiện thông qua pháp luật, bằng việc ghi nhận các nguyên tắc tố tụng, xác lập các quyền của bị hại, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể có thẩm quyền và thiết lập trình tự, thủ tục để thực hiện các quyền này. Trên cơ sở đó, bảo đảm quyền được thực hiện thông qua hoạt động tổ chức thi hành pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền và các chủ thể có liên quan, nhằm chuyển các quyền được pháp luật ghi nhận thành khả năng thực hiện trong quá trình xét xử. Đồng thời, việc bảo đảm còn được thực hiện thông qua kiểm tra, giám sát và các cơ chế khắc phục nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý những vi phạm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại. Như vậy, phương thức bảo đảm không tồn tại tách rời mà được thể hiện thông qua quá trình xây dựng quy định pháp luật, tổ chức thực thi và giám sát việc thực thi các nội dung bảo đảm quyền của bị hại.

1.1.2.5. Đối tượng của bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Đối tượng của bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS chính là các quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được ghi nhận trong BLTTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các quyền này gắn liền trực tiếp với giai đoạn XXST và phản ánh vị trí pháp lý đặc thù của bị hại trong TTHS. Nhìn từ góc độ khoa học pháp lý, có thể phân chia các quyền này thành 3 nhóm cơ bản: (1) nhóm quyền tiếp cận thông tin (2) nhóm quyền tham gia các hoạt động tố tụng tại phiên toà và đưa ra các yêu cầu để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ cho mình (3) nhóm quyền bảo đảm cơ chế giám sát và khắc phục sai sót trong giai đoạn XXST VAHS.

Thứ nhất, nhóm quyền được tiếp cận thông tin trong giai đoạn XXST VAHS bao gồm: Quyền được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án, quyết định của Toà án, quyền được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ, quyền được thông báo về kết quả giải quyết vụ án, quyền được xem biên bản phiên toà. Các quyền này đều có điểm chung là tạo điều kiện cho bị hại tiếp cận trực tiếp, kịp thời và chính xác

những thông tin tố tụng quan trọng liên quan đến vụ án. Thông qua đó, bị hại không chỉ biết rõ về quá trình giải quyết vụ án, mà còn có cơ sở để thực hiện các hành vi tố tụng tiếp theo của mình. Đây là nhóm quyền thiên về tính "thông tin – thông báo", khác biệt với các nhóm quyền mang tính chủ động khác như quyền yêu cầu, quyền kháng cáo hay quyền trình bày. Chỉ khi được cung cấp và tiếp cận thông tin đầy đủ, bị hại mới có thể đánh giá sự đúng đắn trong hoạt động xét xử, kiểm tra việc bảo vệ quyền lợi của mình, đồng thời có căn cứ thực hiện những quyền tiếp theo như khiếu nại, kháng cáo, hay yêu cầu bồi thường.

Thứ hai, nhóm quyền tham gia các hoạt động tố tụng tại phiên toà và đưa ra các yêu cầu để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ cho mình bao gồm: quyền tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa; quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; quyền trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; quyền đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật; quyền đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường; quyền trình bày lời buộc tội tại phiên toà trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại; quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa; Nhóm quyền tham gia các hoạt động tố tụng tại phiên tòa và đưa ra các yêu cầu để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ được gộp chung thành một nhóm bởi vì chúng có cùng đặc điểm nổi bật là mang tính chủ động và tương tác trực tiếp trong quá trình xét xử. Nếu như nhóm quyền tiếp cận thông tin thiên về việc bị hại tiếp nhận, nắm bắt thông tin do cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp, thì nhóm quyền này lại khẳng định vai trò tích cực của bị hại với tư cách là một chủ thể tố tụng độc lập. Thông qua việc tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tranh luận, đề nghị giám định hoặc định giá tài sản, yêu cầu bồi thường

thiệt hại, cũng như nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bị hại có điều kiện trực tiếp thể hiện quan điểm, bảo vệ yêu cầu và đóng góp vào quá trình làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Việc gộp các quyền này vào cùng một nhóm phản ánh tính chất thống nhất về vai trò tố tụng của bị hại, đó là sự tham gia một cách thực chất vào hoạt động xét xử chứ không chỉ dừng ở vai trò thụ động. Nhóm quyền này góp phần tạo ra cơ chế pháp lý bảo đảm cho bị hại không bị bỏ rơi trong quá trình XXST. Bị hại không chỉ là người chịu tổn thất do tội phạm gây ra, mà còn là chủ thể có quan điểm, có quyền kiến nghị và phản biện trong phiên tòa. Khi thực hiện các quyền này, bị hại vừa bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình, vừa góp phần hỗ trợ Hội đồng xét xử trong việc đánh giá chứng cứ, xác định sự thật và đưa ra phán quyết công bằng. Đồng thời, việc bị hại được quyền đưa ra yêu cầu, tranh luận và bày tỏ quan điểm còn giúp nâng cao tính tranh tụng, tăng cường sự dân chủ, minh bạch và khách quan của hoạt động xét xử. Xa hơn, nó củng cố niềm tin của xã hội vào công lý, khẳng định rằng tòa án không chỉ xét xử bị cáo mà còn lắng nghe và bảo vệ quyền lợi chính đáng của những người bị xâm hại bởi hành vi phạm tội.

Thứ ba, nhóm quyền bảo đảm cơ chế giám sát và khắc phục sai sót trong giai đoạn XXST VAHS bao gồm: quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án. Việc gộp các quyền này vào cùng một nhóm xuất phát từ đặc điểm chung là chúng đều là những công cụ pháp lý để kiểm soát, giám sát và sửa chữa các sai sót, vi phạm trong quá trình tố tụng. Nếu như nhóm quyền tiếp cận thông tin hay nhóm quyền tham gia phiên tòa mang tính chất chủ động trong bảo vệ quyền lợi thì nhóm quyền này mang tính chất bảo lưu và khắc phục, tức là tạo ra một cơ chế để bị hại phản ứng, lên tiếng và yêu cầu xem xét lại khi phát hiện có dấu hiệu xâm phạm quyền lợi chính đáng hoặc có sai phạm tố tụng. Nhóm quyền này đóng vai trò bảo đảm cho bị hại có một cơ chế pháp lý chính thức để chống lại những quyết định, hành vi bất công hoặc trái pháp luật, không để quyền và lợi ích hợp pháp của họ bị xâm hại mà không có phương án khắc phục. Quyền kháng cáo và khiếu nại còn giúp nâng cao trách nhiệm của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Bởi vì, khi

biết rằng mọi hành vi và phán quyết đều có thể bị giám sát và xem xét lại, họ buộc phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

1.1.2.6. Mục đích của bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Mục đích của việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS trước hếtlà để các quyền của họ được thực thi đầy đủ, hiệu quả trong thực tiễn Thực tiễn thi hành đã chứng minh rằng: nhiều quy định về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS dù đã được ghi nhận nhưng gặp khó khăn trong việc thực hiện do cơ chế chưa rõ ràng, nhận thức chưa thống nhất, sự vi phạm từ phía các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng…

Chính vì vậy, bảo đảm quyền của bị hại còn nhằm bảo vệ các quyền này khỏi sự xâm hại trong quá trình XXST. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết VAHS, bị hại có thể đối diện với nguy cơ bị đe dọa, trả thù, bị gây áp lực… Vì vậy, mục đích quan trọng là xây dựng cơ chế hữu hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại không bị vi phạm, bao gồm cả việc ngăn ngừa tổn thương thứ cấp do thủ tục tố tụng gây ra. Khi quyền của bị hại được bảo vệ, quá trình XXST không chỉ diễn ra công khai, minh bạch mà còn khẳng định giá trị nhân văn của nền tư pháp.

Tóm lại, mục đích bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST vừa hướng đến việc đảm bảo quyền được thực thi một cách thực chất, vừa bảo vệ quyền khỏi những xâm hại tiềm ẩn, qua đó góp phần củng cố tính công bằng, hiệu quả và nhân đạo của hệ thống TTHS.

1.1.3. Ý nghĩa

Ý nghĩa chính trị: Việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS mang ý nghĩa chính trị sâu sắc, phù hợp với tinh thần Nghị quyết 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Theo Nghị quyết 27, nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân là trụ cột xuyên suốt mọi hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp, trong đó đề cao trách nhiệm phục vụ nhân dân, xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, liêm chính, công bằng, hiện đại và nhân văn. Đặc biệt,

Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu đề cao nguyên tắc tranh tụng, bảo đảm quyền, trách nhiệm tham gia của các bên trong quá trình TTHS nhằm phòng, chống oan sai, bỏ lọt tội phạm và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nạn nhân, bị hại trong mọi vụ án. Việc thực thi đầy đủ quyền của bị hại trong giai đoạn XXST không chỉ trực tiếp góp phần nâng cao tính dân chủ, minh bạch, công khai của thủ tục xét xử mà còn củng cố niềm tin xã hội vào công lý, khẳng định sự cam kết của Đảng, Nhà nước về quyền bình đẳng trước pháp luật và xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đồng thời, bảo đảm quyền bị hại còn là điều kiện nền tảng để thúc đẩy ổn định xã hội, phát triển bền vững, và hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp toàn diện theo định hướng Nghị quyết 27.

Ý nghĩa xã hội: Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS mang ý nghĩa xã hội đặc biệt sâu sắc, trước hết được thể hiện ở việc thiết lập sự công bằng giữa các chủ thể tham gia TTHS. Dù pháp luật luôn nhấn mạnh việc bảo đảm quyền con người của bị cáo nhằm phòng ngừa oan sai và bảo vệ nguyên tắc suy đoán vô tội, song song với đó, quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại - chủ thể trực tiếp bị thiệt hại hoặc bị đe doạ gây ra thiệt hại từ hành vi phạm tội - cũng phải được bảo đảm đầy đủ. Việc tạo điều kiện cho bị hại tham gia tố tụng, trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ, cũng như được hỗ trợ pháp lý, tâm lý và bảo đảm an toàn cá nhân góp phần bảo đảm sự công bằng, minh bạch trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời thể hiện nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và tôn trọng quyền con người, quyền công dân.

Hơn nữa, bảo đảm quyền của bị hại góp phần quan trọng vào việc củng cố niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước, pháp luật và quá trình thực thi pháp luật. Một hệ thống tư pháp chỉ thực sự bảo đảm giá trị xã hội khi mọi đối tượng bị xâm hại đều cảm nhận và chứng kiến công lý được thực thi, thiệt hại được ghi nhận, bồi thường và các quyền hợp pháp được bảo vệ không phân biệt tư cách tố tụng. Khi các cơ quan tiến hành tố tụng bảo đảm quyền của bị hại một cách công bằng, khách quan, sẽ tạo hiệu ứng tích cực lan tỏa, củng cố lòng tin vào Nhà nước pháp quyền

xã hội chủ nghĩa, đồng thời tăng cường sự gắn kết và đồng thuận xã hội đối với pháp luật và việc thực thi công lý trong cộng đồng.

Ý nghĩa pháp lý: Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS là một yêu cầu quan trọng nhằm thực hiện nhiệm vụ của TTHS trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, giải quyết vụ án đúng pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia tố tụng. Việc bảo đảm cho bị hại có địa vị pháp lý và khả năng tham gia thực chất vào hoạt động xét xử góp phần cung cấp cơ sở để Tòa án xem xét, đánh giá toàn diện các tình tiết của vụ án, từ đó đưa ra phán quyết khách quan, công bằng và có căn cứ. Đồng thời, đây cũng là biểu hiện của việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong TTHS, phù hợp với yêu cầu xây dựng nền tư pháp công bằng, dân chủ và thượng tôn pháp luật.

Một trong những cơ sở pháp lý bền vững để hạn chế sai lầm trong xét xử là cơ chế tranh tụng minh bạch tại tòa án cấp sơ thẩm. Khi quyền của bị hại được bảo đảm, mọi luận điểm, phản hồi, tài liệu chứng cứ của bị hại được trình bày và tranh luận công khai cùng với bên bị cáo và đại diện VKS. Sự tham gia này giúp hội đồng xét xử tiếp cận vụ việc từ nhiều góc nhìn khác nhau, phân tích đầy đủ chứng cứ buộc tội và gỡ tội, qua đó giảm thiểu nguy cơ bỏ lọt tình tiết quan trọng hoặc đưa ra phán quyết thiếu công bằng. Cơ chế tranh tụng còn tạo điều kiện cho bị hại tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đồng thời tăng mức độ chịu trách nhiệm giải trình của các chủ thể tiến hành tố tụng.

Bảo đảm quyền của bị hại là minh chứng cho sự văn minh, hiện đại và chuyên nghiệp của hệ thống TTHS. Trong hệ thống này, từng chủ thể tham gia tố tụng, kể cả bị hại, đều được pháp luật ghi nhận và bảo vệ rõ ràng về địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ. Các thủ tục tiến hành xét xử tạo điều kiện hợp lý để bị hại tham gia công bằng, không bị phân biệt đối xử, được hỗ trợ pháp lý, tâm lý và đảm bảo an toàn cá nhân trước, trong và sau phiên tòa. Đây là biểu hiện của một nền tư pháp không chỉ nghiêm minh với tội phạm mà còn đề cao tinh thần nhân văn, hướng tới phục hồi, hòa giải và ổn định đời sống xã hội sau mỗi VAHS.

Cuối cùng, việc bảo đảm quyền bị hại trong giai đoạn XXST nói riêng và bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng nói chung có ý nghĩa là "kim chỉ nam" định hướng hành động cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Mọi hoạt động tố tụng của Tòa án, VKS, Cơ quan điều tra đều phải quán triệt nguyên tắc tôn trọng và thúc đẩy quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại. Các chủ thể tiến hành tố tụng phải chủ động tạo điều kiện, hỗ trợ bị hại thực hiện đầy đủ quyền tham gia phiên tòa, đặc biệt là quyền cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến, yêu cầu bồi thường, khiếu nại các hành vi, quyết định tố tụng bất lợi. Điều này vừa bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, vừa phát huy bản chất nhân văn và hướng công lý tới phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế và các chuẩn mực hiện đại về Nhà nước pháp quyền.

1.2. Cơ sở của việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.2.1. Cơ sở lý luận

Thứ nhất, bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS xuất phát từ yêu cầu của Nhà nước pháp quyền và nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định con người luôn tồn tại trong các quan hệ xã hội. C.Mác chỉ rõ: "*Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội*"[89]. Vì vậy, khi quyền và lợi ích hợp pháp của một cá nhân bị xâm hại bởi tội phạm thì Nhà nước có trách nhiệm thiết lập cơ chế pháp lý để khôi phục và bảo vệ các quyền đó, qua đó bảo đảm sự ổn định của các quan hệ xã hội. Đồng thời, C.Mác cũng khẳng định: "*Xã hội không thể nào giải phóng cho mình được, nếu không giải phóng cho một cá nhân riêng biệt*"[90]. Quan điểm này cho thấy việc bảo vệ quyền của mỗi cá nhân là điều kiện để thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Bị hại là chủ thể trực tiếp chịu thiệt hại do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra, nên việc bảo đảm các

[89] Trần Lệ Thu (2024), Chủ nghĩa Mác-Lênin về quyền con người và việc nâng cao hiệu quả thực thi quyền con người ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, *Tạp chí nghiên cứu Triết học,* số 6(15), tr.23, link truy cập: https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso/bitstream/DLU123456789/288659/1/108806-8141-219971-1-10-20250221.pdf, truy cập ngày 05/7/2026.
[90] Trần Lệ Thu (2024), Tlđd, tr.23

quyền là thực sự cần thiết, đặc biệt trong giai đoạn XXST. Đây là giai đoạn Tòa án xem xét và quyết định về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và các quyền, lợi ích liên quan – không chỉ nhằm khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm hại mà còn góp phần bảo đảm công lý và thực hiện chức năng bảo vệ quyền con người của Nhà nước pháp quyền. Tinh thần này cũng được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận khi quy định Nhà nước có trách nhiệm *"công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân"*[91].

Thứ hai, bảo đảm quyền của bị hại là điều kiện để thực hiện nguyên tắc xét xử công bằng và tranh tụng trong giai đoạn XXST. Đây là giai đoạn trung tâm của TTHS, nơi các chứng cứ được kiểm tra, đánh giá công khai và các bên thực hiện quyền tranh tụng. Việc bảo đảm cho bị hại được tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến, đưa ra yêu cầu và tranh luận là yếu tố quan trọng để bảo đảm tính khách quan, toàn diện của việc giải quyết vụ án, đồng thời góp phần cân bằng vị thế giữa các chủ thể trong tố tụng.

Thứ ba, bảo đảm quyền của bị hại gắn liền với mục tiêu bảo vệ công lý và cân bằng lợi ích trong TTHS. Công lý không chỉ thể hiện ở việc xử lý đúng người, đúng tội mà còn ở việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được tôn trọng và thực hiện. Việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST vì vậy góp phần nâng cao tính thuyết phục của bản án, đồng thời thiết lập sự cân bằng hợp lý giữa bị hại, bị can, bị cáo và Nhà nước trong quá trình giải quyết VAHS.

1.2.2. Cơ sở chính trị

Thứ nhất, các nghị quyết và văn kiện của Đảng không chỉ xác lập định hướng chính trị - pháp lý, mà còn tạo cơ sở thực tiễn để bảo đảm quyền của bị hại ở cấp XXST. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 được coi là nền tảng định hướng cải cách toàn diện hoạt động tư pháp theo hướng bảo vệ công lý, bảo đảm quyền con người và quyền công dân. Nghị quyết này yêu cầu các cơ quan tư pháp phải vận hành công khai, minh bạch, dân chủ, tôn trọng và bảo đảm quyền tố tụng của các bên, trong đó có bị hại;

[91] Điều 3 và Điều 14 Hiến pháp năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025

đồng thời, nhấn mạnh việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo điều kiện để bị hại tham gia tố tụng và được bảo vệ quyền lợi, đặc biệt ở giai đoạn XXST. Tiếp nối định hướng đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tiếp tục khẳng định mục tiêu xây dựng nền tư pháp phục vụ nhân dân, bảo vệ công lý, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, coi nâng cao chất lượng tranh tụng là cơ chế trọng yếu để người bị hại được trình bày quan điểm, yêu cầu bồi thường và tiếp cận công lý bình đẳng. Đồng thời, nghị quyết này cũng yêu cầu tăng cường giám sát tư pháp và trách nhiệm giải trình, bảo đảm quyền của bị hại được thực thi hiệu quả trong XXST và các giai đoạn tiếp theo. Bên cạnh đó, Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), đã củng cố thêm định hướng này khi nhấn mạnh cải cách tư pháp là trọng tâm của xây dựng Nhà nước pháp quyền, lấy con người làm trung tâm của chiến lược phát triển, gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Tại Đại hội XIII đề cao xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, liêm chính, công bằng, hiện đại, phục vụ nhân dân và bảo vệ công lý - qua đó tạo nền tảng chính trị - pháp lý vững chắc để hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền của bị hại một cách hiệu quả trong giai đoạn XXST. Tại Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Đảng đã xác định mục tiêu đến năm 2030 là: "*Hoàn thiện cơ bản các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội*"[92]. Tiếp nối tinh thần đó, Đại hội Đảng khoá XIV nhấn mạnh: "*Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa,…; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân*"[93]. Đây là định hướng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thể hiện quyết tâm chính trị trong việc bảo đảm quyền con người, không chỉ trên văn bản pháp luật mà cả trong thực tiễn vận

[92] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.
[93] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (2026), tập II, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, tr. 383.

hành tư pháp hình sự. Yêu cầu bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS còn cần được đặt trong định hướng đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật được xác định tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết tiếp tục đặt ra yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi, với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán; đồng thời chú trọng bảo đảm quyền con người, quyền công dân và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật. Cùng với đó, Hiến pháp năm 2013 khẳng định: "*Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân*". Đây là cơ sở hiến định để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm quyền con người trong các lĩnh vực, đặc biệt là TTHS - nơi các quyền cơ bản nhất của cá nhân được bảo vệ. Trong số các chủ thể tham gia tố tụng, bị hại là bên chịu tác động trực tiếp từ tội phạm nên việc bảo đảm quyền của họ không chỉ mang ý nghĩa pháp lý mà còn là biểu hiện cụ thể của việc thực hiện các cam kết chính trị – pháp lý của Nhà nước. Giai đoạn XXST giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm quyền này được thực hiện trên thực tế. Đảng nhấn mạnh hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền con người chính là cơ sở để Nhà nước tiếp tục hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự, trong đó có việc xác định rõ quyền của bị hại và các điều kiện để bảo đảm một cách tốt nhất các quyền đó.

Thứ hai, Đảng xác định nhiệm vụ "*xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân*"[94] thể hiện sự quan tâm đặc biệt và định hướng chiến lược trong cải cách tư pháp. Trong đó, hoạt động xét xử được đặt ở vị trí trung tâm không chỉ nhằm bảo đảm hiệu lực của hoạt động tư pháp mà còn là cơ chế then chốt để thực hiện các quyền cơ bản của con người trong tố tụng hình sự. Việc nhấn mạnh xét xử là trung tâm thể hiện tư duy cải cách toàn diện, đặt Tòa án

[94] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), Tlđd.

vào vai trò trọng yếu trong việc bảo vệ công lý và quyền lợi hợp pháp của các chủ thể, đặc biệt là bị hại. Giai đoạn XXST được coi là mấu chốt để xác định sự thật khách quan, đánh giá chứng cứ và đảm bảo các quyền tố tụng được thực hiện. Sự chỉ đạo này của Đảng khẳng định rằng việc bảo đảm quyền con người không thể tách rời quá trình xét xử dân chủ, minh bạch, bình đẳng và dễ tiếp cận. Đây chính là nền tảng chính trị quan trọng để hoàn thiện cơ chế pháp lý, tăng cường bảo vệ quyền của người bị hại và củng cố niềm tin của nhân dân vào Tòa án và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

1.2.3. Cơ sở pháp lý

Trong những thập kỷ gần đây, cộng đồng quốc tế ngày càng đề cao việc bảo đảm quyền của bị hại trong tố tụng hình sự, đặc biệt là trong giai đoạn XXST - giai đoạn mang tính quyết định đối với việc xác định sự thật khách quan, phân định trách nhiệm hình sự và dân sự, cũng như bảo vệ quyền tiếp cận công lý. Xu hướng này thể hiện rõ trong nhiều văn kiện quốc tế quan trọng như Tuyên bố về các nguyên tắc cơ bản của công lý cho nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực năm 1985 của Liên Hợp Quốc, các Công ước quốc tế về quyền con người, cũng như trong hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia phát triển. Việc bảo đảm quyền của bị hại không chỉ được nhìn nhận như một yếu tố bổ trợ cho quá trình tố tụng, mà đã trở thành một tiêu chí đánh giá mức độ dân chủ và nhân văn của nền tư pháp hình sự. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã thể hiện cam kết mạnh mẽ của mình thông qua việc gia nhập và thực thi nhiều điều ước quốc tế về quyền con người, như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR). Điều này đòi hỏi hệ thống pháp luật quốc gia phải được xây dựng, hoàn thiện theo hướng ngày càng phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, trong đó bảo đảm quyền của bị hại là một nội dung trọng tâm. Tại Việt Nam, yêu cầu này không chỉ xuất phát từ định hướng chính trị – pháp lý trong nước mà còn từ trách nhiệm quốc tế. Việc bảo đảm bị hại được tham gia tố tụng, trình bày ý kiến, bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong XXST không chỉ góp phần bảo vệ công lý trong từng vụ án, mà còn thể hiện hình ảnh một quốc gia tôn trọng các cam kết quốc tế về nhân quyền. Điều này khẳng định quyết tâm của Việt Nam trong hội nhập quốc tế, xây dựng nền

tư pháp công bằng, dân chủ và nhân văn, phù hợp với các chuẩn mực pháp lý quốc tế hiện đại. Cơ sở hiến định của việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS được xác lập rõ ràng trong Hiến pháp năm 2013. Theo đó, Hiến pháp khẳng định Nhà nước "*công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân*"[95]. Quy định của Hiến pháp đặt ra yêu cầu tất yếu đối với toàn bộ hoạt động tư pháp, trong đó có hoạt động xét xử hình sự phải được tổ chức và vận hành theo hướng bảo vệ hữu hiệu con người – bao gồm cả bị hại. Đồng thời, Chương II Hiến pháp ghi nhận nhiều quyền cơ bản có ý nghĩa trực tiếp đối với bị hại như quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm (Điều 20), quyền được bảo hộ về tài sản (Điều 32), quyền được xét xử công bằng, công khai, kịp thời bởi Tòa án độc lập, chỉ tuân theo pháp luật (Điều 31). Những quy định này không chỉ xác lập địa vị pháp lý của bị hại với tư cách là chủ thể quyền, mà còn định hướng cho việc thiết kế và thực thi các quy định tố tụng theo hướng bảo đảm họ được tham gia, được trình bày ý kiến và được lắng nghe tại phiên tòa... Do đó, trong khuôn khổ lý luận về Nhà nước pháp quyền, việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST không chỉ là vấn đề kỹ thuật lập pháp, mà còn là biểu hiện của yêu cầu công bằng và nhân văn của tư pháp hình sự, nhằm thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ: xử lý người phạm tội và khôi phục, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể bị xâm hại. Bên cạnh cơ sở hiến định, việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS còn được cụ thể hóa trong BLTTHS. Bộ luật quy định địa vị pháp lý của bị hại, hệ thống các quyền và nghĩa vụ tố tụng, đồng thời xác lập trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện để bị hại thực hiện các quyền đó trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đặc biệt tại giai đoạn XXST.

1.2.4. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS không chỉ bắt nguồn từ quy định của pháp luật mà còn phản ánh tình hình áp dụng pháp luật trong "đời sống tư pháp" hiện nay. Dù BLTTHS năm 2015 đã ghi

[95] Điều 3 Hiến pháp năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025

nhận tương đối đầy đủ hệ thống quyền của bị hại, nhưng trên thực tế, việc thực hiện các quyền này vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Một số quyền cơ bản như quyền được nhận bản án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyền đọc biên bản phiên tòa, quyền được tham gia phiên tòa và trình bày quan điểm chưa được bảo đảm, thậm chí bị bỏ sót trong nhiều VAHS. Điều này cho thấy khoảng cách đáng kể giữa quy định pháp lý và việc thực thi trong thực tiễn xét xử. Bên cạnh đó, hệ thống cơ chế bảo đảm quyền của bị hại vẫn còn nhiều hạn chế: quy trình thực hiện quyền chưa rõ ràng, chế tài xử lý vi phạm chưa cụ thể, trong khi các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền như trợ giúp pháp lý, cung cấp thông tin, thông báo tố tụng và các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ khác còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Mặt khác, nhận thức của một bộ phận người tiến hành tố tụng cũng chưa thực sự coi việc bảo đảm quyền của bị hại trong TTHS nói chung và giai đoạn XXST nói riêng là nhiệm vụ quan trọng. Nhiều quyền được ghi nhận trong luật nhưng chưa được thực hiện hiệu quả, dẫn đến việc bị hại bị hạn chế khả năng tiếp cận thông tin, trình bày quan điểm, hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại tại phiên tòa sơ thẩm. Vẫn còn tồn tại bất cập trong việc xác định tư cách bị hại: cùng có hành vi thuê, mượn hoặc được giao xe ô tô sau đó mang đi bán, cầm cố, thế chấp, ở một số vụ án, chủ sở hữu được xác định là người bị hại, một số vụ án khác, chủ sở hữu lại được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan[96]. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nhất là trong trường hợp họ bị xác định nhầm tư cách sang người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, khi chuyển đổi số trong hoạt động của Tòa án đang diễn ra mạnh mẽ, thực tiễn cũng xuất hiện nhiều phương thức mới để bị hại thực hiện và bảo vệ các quyền tố tụng của mình. Việc triển khai tống đạt văn bản điện tử, số hóa hồ sơ vụ án, tổ chức phiên tòa trực tuyến và ứng dụng các nền tảng công nghệ thông tin trong hoạt động xét xử đặt ra những yêu cầu mới đối với việc bảo đảm quyền của bị hại. Đây cũng là

[96] Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2023), Thông báo rút kinh nghiệm trong xác định tội danh và tư cách tham gia tố tụng của chủ sở hữu tài sản và người nhận cầm cố, thế chấp tài sản trong vụ lừa đảo, chiếm đoạt tài sản hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, số 101/TB-VKSTC-V7 ngày 22 tháng 5 năm 2023, link truy cập: https://fdvn.vn/wp-content/uploads/2023/05/luu-ban-nhap-tu-dong-9.pdf, ngày truy cập 05/7/2026

một cơ sở thực tiễn quan trọng đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật và các biện pháp tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm bị hại có thể tiếp cận thông tin, tham gia phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng của mình trong điều kiện chuyển đổi số của nền tư pháp. Như vậy, việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là đòi hỏi khách quan từ chính hoạt động tư pháp, nhằm củng cố tính công bằng, hiệu quả và niềm tin của công chúng vào hoạt động xét xử. Đây cũng là cơ sở thực tiễn quan trọng để tiếp tục hoàn thiện pháp luật và thiết chế bảo vệ quyền của bị hại, bảo đảm quyền con người trong TTHS.

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.3.1. Yếu tố về pháp luật

Trong lĩnh vực TTHS, hệ thống quy định pháp luật giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm quyền của bị hại, đặc biệt trong giai đoạn XXST VAHS. Trước hết, pháp luật quy định rõ ràng về quyền của bị hại, như: quyền được tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ, tranh tụng bình đẳng, yêu cầu bồi thường thiệt hại và quyền khiếu nại nếu lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Cùng với đó, pháp luật xác định rõ chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng như Tòa án, VKS. Đồng thời, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan này nhằm đảm bảo việc giải quyết vụ án khách quan, đúng pháp luật, không bỏ sót hoặc làm sai lệch quyền lợi của bị hại. Song song, hệ thống nguyên tắc TTHS như: nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, nguyên tắc xét xử kịp thời, công bằng, công khai, chính là nền tảng để quyền của bị hại được thực hiện. Ngoài ra, cơ chế giám sát từ cơ quan quyền lực Nhà nước, VKS, các tổ chức xã hội và công dân bảo đảm sự kiểm soát chặt chẽ đối với hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Đặc biệt, pháp luật cũng thiết lập các chế tài xử lý vi phạm, từ kỷ luật, hành chính đến trách nhiệm hình sự, nhằm bảo đảm quyền công dân, trong đó có quyền của bị hại. Tất cả những quy định này phản ánh sự thống nhất giữa thể chế pháp luật, đường lối chính trị của Đảng và chính sách Nhà nước, khẳng định cam kết xây dựng Nhà nước pháp quyền

xã hội chủ nghĩa, trong đó quyền con người và quyền công dân luôn được tôn trọng và bảo vệ.

1.3.2. Yếu tố về con người

"*Suy cho đến cùng tất cả pháp luật, cơ chế, biện pháp đều là sản phẩm của con người*"[97]. Vì vậy, yếu tố về con người có ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc đến việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Ở giai đoạn XXST, vai trò trung tâm thuộc về Tòa án với nhiệm vụ xét xử công khai, khách quan, đúng pháp luật. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp và sự liêm chính của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên là điều kiện cần thiết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không bị xâm phạm.

Bên cạnh đó, những người tham gia tố tụng cũng có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc bảo đảm quyền của bị hại. Tại phiên toà, bị hại, người đại diện của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ tích cực tham gia tđưa ra yêu cầu bồi thường thiệt thủ tục tranh luận, xét hỏi, trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ, tranh luận tại phiên tòa, khiếu nại những quyết định bất lợi... Thái độ chủ động cùng với những am hiểu về pháp luật sẽ giúp họ tận dụng tốt các quyền được pháp luật ghi nhận. Những người tham gia tố tụng khác như: bị cáo, người bào chữa, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan…mặc dù không có trách nhiệm bảo vệ bị hại, nhưng hành vi và thái độ của họ có thể ảnh hưởng đến quá trình thực hiện quyền của bị hại. Chẳng hạn, sự trung thực của người làm chứng giúp làm rõ bản chất vụ án; lời khai chính xác của bị cáo giúp tránh oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm; sự tham gia của người bào chữa bảo đảm sự tranh tụng công bằng, qua đó gián tiếp bảo vệ quyền của bị hại trong môi trường tố tụng minh bạch…

Như vậy, sự kết hợp hài hoà yếu tố con người trong nhóm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chính là điều kiện quan trọng để bảo đảm một cách tốt nhất quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

---

[97] Võ Thị Kim Oanh (Chủ biên), Vũ Văn Nhiêm (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam,* NXB. Đại học Quốc gia TPHCM, tr. 165.

1.3.3. Các yếu tố khác

Thứ nhất, về cơ sở vật chất

Đối với phiên tòa XXST trực tiếp, cơ sở vật chất là một trong những điều kiện bảo đảm cho bị hại thực hiện các quyền tố tụng của mình. Phòng xử án phải được bố trí phù hợp, bảo đảm điều kiện để bị hại theo dõi diễn biến phiên tòa, trình bày ý kiến, tham gia xét hỏi, tranh luận và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật. Hệ thống âm thanh, chỗ ngồi, không gian phòng xử và các điều kiện phục vụ hoạt động xét xử nếu được bảo đảm đầy đủ sẽ tạo thuận lợi cho bị hại tham gia tố tụng. Ngược lại, cơ sở vật chất không đáp ứng yêu cầu có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thông tin, trình bày ý kiến và thực hiện các quyền tố tụng của bị hại tại phiên tòa.

Đối với phiên tòa XXST trực tuyến, cơ sở vật chất gắn liền với hạ tầng công nghệ thông tin tại điểm cầu trung tâm và các điểm cầu thành phần. Chất lượng đường truyền, thiết bị ghi âm, ghi hình, hệ thống âm thanh, hình ảnh và phần mềm phục vụ xét xử có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền của bị hại. Khi các điều kiện kỹ thuật được bảo đảm, bị hại có thể theo dõi đầy đủ diễn biến phiên tòa, trình bày ý kiến, tham gia tranh luận và thực hiện các quyền tố tụng khác mà không bị cản trở bởi yếu tố kỹ thuật. Ngược lại, các sự cố về đường truyền, âm thanh, hình ảnh hoặc thiết bị có thể làm gián đoạn quá trình tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền của bị hại. Bên cạnh đó, việc ghi âm, ghi hình và lưu trữ dữ liệu điện tử của phiên tòa góp phần bảo đảm tính công khai, minh bạch của hoạt động xét xử, đồng thời tạo cơ sở cho việc kiểm tra, đối chiếu thông tin khi giải quyết khiếu nại, kháng cáo hoặc xem xét lại vụ án theo các thủ tục tố tụng khác.

Thứ hai, về hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật có ảnh hưởng nhất định đối với việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Công tác này không chỉ giúp bị hại biết và sử dụng đúng đắn các quyền tố tụng của mình mà còn có ý nghĩa định hướng để các chủ thể khác thực hiện quyền của mình trong khuôn khổ pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.*Đối với bị*

hại, người đại diện của bị hại , việc được trang bị kiến thức pháp luật thông qua tuyên truyền sẽ giúp họ nắm vững các quyền tố tụng mà pháp luật quy định. Thực tế, nhiều bị hại vì hạn chế về tri thức pháp lý đã không thể thực hiện đầy đủ các quyền này, dẫn đến tình trạng quyền và lợi ích hợp pháp không được bảo vệ trọn vẹn. Do đó, công tác tuyên truyền pháp luật đóng vai trò như một cơ chế hỗ trợ, giúp bị hại và những người đại diện của họ chủ động, tự tin hơn trong việc sử dụng các công cụ pháp lý để bảo vệ mình trước Tòa án. *Đối với các chủ thể khác tham gia tố tụng*, việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật có tác dụng định hướng hành vi và củng cố ý thức pháp lý. Khi được trang bị đầy đủ tri thức pháp luật, các chủ thể này sẽ hiểu rõ ranh giới giữa việc thực hiện quyền tố tụng của mình với việc tôn trọng quyền của bị hại. Chẳng hạn, nguyên tắc tranh tụng trong TTHS cho phép bị cáo và người bào chữa đưa ra lập luận phản biện để bảo vệ quan điểm của mình, nhưng đồng thời họ phải có trách nhiệm tôn trọng danh dự, nhân phẩm đối với bị hại. Tương tự, người làm chứng có quyền trình bày sự thật khách quan liên quan đến vụ án, nhưng việc khai báo gian dối hoặc cố tình che giấu sự thật sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền được bảo vệ của bị hại. Do đó hành vi này bị pháp luật quy định chế tài nghiêm khắc.

Thứ ba, về cơ chế xử lý hành vi vi phạm quyền của bị hại

Cơ chế xử lý hành vi vi phạm quyền của bị hại là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Việc pháp luật quy định đầy đủ các biện pháp xử lý đối với hành vi xâm phạm quyền của bị hại không chỉ góp phần phòng ngừa vi phạm mà còn tạo cơ sở để khôi phục, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ khi bị ảnh hưởng trên thực tế. Cơ chế này được thể hiện thông qua các quy định về khiếu nại, kháng cáo, kháng nghị; hủy, sửa bản án, quyết định của Tòa án; xử lý trách nhiệm đối với người tiến hành tố tụng có hành vi vi phạm pháp luật; cũng như các biện pháp xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự trong những trường hợp nhất định. Việc tồn tại các chế tài phù hợp giúp nâng cao trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, hạn chế tình trạng vi

phạm hoặc xem nhẹ quyền của bị hại. Ngược lại, nếu cơ chế xử lý vi phạm thiếu rõ ràng, chế tài không đủ sức răn đe hoặc việc áp dụng trên thực tế không hiệu quả thì các quyền của bị hại dù đã được pháp luật ghi nhận vẫn có thể không được bảo đảm đầy đủ. Trong những trường hợp đó, bị hại gặp khó khăn trong việc yêu cầu khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, mức độ hoàn thiện và hiệu quả vận hành của cơ chế xử lý hành vi vi phạm quyền của bị hại là một yếu tố quan trọng tác động đến chất lượng bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Thứ tư, về cơ chế Nhà nước bồi thường thiệt hại cho bị hại

Cơ chế Nhà nước bồi thường thiệt hại cho bị hại trong trường hợp người phạm tội không có khả năng bồi thường là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Mặc dù trách nhiệm bồi thường trước hết thuộc về người thực hiện hành vi phạm tội, nhưng trên thực tế không phải trường hợp nào người phạm tội cũng có đủ điều kiện tài chính để thực hiện nghĩa vụ này. Ngoài ra, có những vụ án không xác định được người thực hiện tội phạm hoặc người thực hiện tội phạm đã chết (không có di sản để lại). Khi đó, quyền được bồi thường của bị hại có thể không được bảo đảm đầy đủ, mặc dù đã được Tòa án ghi nhận trong bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật. Cơ chế này góp phần giảm thiểu những thiệt hại mà bị hại phải gánh chịu, nhất là đối với các trường hợp bị xâm hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản. Ngược lại, nếu không có cơ chế hỗ trợ phù hợp, quyền được bồi thường của bị hại có thể chỉ dừng lại ở sự ghi nhận trên phương diện pháp lý mà khó được hiện thực hóa trên thực tế.

Thứ năm, về mô hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền xét xử

Mô hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền xét xử là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Mô hình tổ chức hợp lý, phân định rõ chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng, đồng thời bảo đảm tính độc lập

của Tòa án và Hội đồng xét xử sẽ tạo điều kiện để các quyền của bị hại được thực hiện khách quan, đầy đủ và đúng pháp luật. Mức độ độc lập của Tòa án có ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết các yêu cầu của bị hại, như yêu cầu bồi thường thiệt hại, đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ, xem xét ý kiến của bị hại hoặc quyết định về trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Khi hoạt động xét xử không chịu sự chi phối bởi các tác động không phù hợp từ bên ngoài hoặc từ cơ chế quản lý nội bộ, việc đánh giá chứng cứ và đưa ra phán quyết sẽ khách quan hơn, qua đó bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Ngược lại, những hạn chế trong cơ chế tổ chức hoặc quản lý hoạt động của Tòa án có thể ảnh hưởng đến tính công bằng, kịp thời và hiệu quả của việc bảo đảm các quyền này. Bên cạnh đó, cơ chế tổ chức và vận hành của cơ quan xét xử còn tác động đến khả năng thực hiện quyền của bị hại thông qua việc phân công Thẩm phán, Hội thẩm, bảo đảm nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và điều kiện tổ chức phiên tòa.

Thứ sáu, về khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý

Khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS, đặc biệt đối với bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật. Việc được tiếp cận kịp thời dịch vụ trợ giúp pháp lý giúp bị hại hiểu và thực hiện đúng các quyền tố tụng, được hỗ trợ thu thập, cung cấp chứng cứ, chuẩn bị yêu cầu bồi thường thiệt hại, tham gia phiên tòa và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trước Tòa án. Ngược lại, nếu không được tiếp cận hoặc tiếp cận không kịp thời dịch vụ trợ giúp pháp lý, bị hại có thể gặp khó khăn trong việc thực hiện các quyền tố tụng, làm giảm hiệu quả bảo đảm quyền của họ trong giai đoạn XXST VAHS. Vì vậy, mức độ tiếp cận trợ giúp pháp lý của bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý có tác động trực tiếp đến khả năng thực hiện và bảo vệ các quyền của họ trên thực tế.

Thứ bảy, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm và KSV có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Bởi vì, pháp luật có được xây dựng đầy đủ và hoàn thiện đến đâu, việc bảo đảm quyền của bị hại trên thực tế vẫn phụ thuộc rất lớn vào năng lực, trình

độ và kỹ năng của những người trực tiếp áp dụng pháp luật. Nếu đội ngũ này không đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc chưa nhận thức đầy đủ về quyền của bị hại thì các quy định của pháp luật khó được thực hiện thống nhất và hiệu quả. Nội dung, phương pháp và hiệu quả đào tạo quyết định mức độ cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng áp dụng pháp luật và khả năng xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động xét xử. Khi công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện thường xuyên, gắn với yêu cầu thực tiễn và các chuẩn mực về bảo vệ quyền con người, chất lượng giải quyết vụ án và việc bảo đảm quyền của bị hại sẽ được nâng cao. Ngược lại, nếu công tác này chưa được quan tâm đúng mức thì sẽ ảnh hưởng đến tính thống nhất trong áp dụng pháp luật và hiệu quả thực hiện các cơ chế bảo đảm quyền của bị hại.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS là một nội dung quan trọng trong TTHS hiện đại, gắn liền với yêu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân và bảo đảm công lý trong hoạt động tư pháp. Trên cơ sở nghiên cứu các quan điểm khoa học trong và ngoài nước, Chương 1 đã làm rõ khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Theo đó: *Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là trách nhiệm pháp lý của Nhà nước và các chủ thể khác trong việc quy định, thực hiện và giám sát thực hiện thủ tục tố tụng tại cấp xét xử thứ nhất để cá nhân, tổ chức bị hành vi phạm tội trực tiếp gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại thực hiện đầy đủ, thực chất các quyền tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.*

Chương 1 cũng đã phân tích các cơ sở của việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS, bao gồm cơ sở lý luận, chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn. Những cơ sở này cho thấy việc bảo đảm quyền của bị hại là yêu cầu khách quan, xuất phát từ bản chất của Nhà nước pháp quyền, từ các chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp, từ các chuẩn mực pháp lý quốc tế về quyền con người và từ yêu cầu thực tiễn của hoạt động giải quyết VAHS ở Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh đó, Chương 1 đã xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Các yếu tố này bao gồm yếu tố pháp luật, yếu tố con người và các yếu tố khác (cơ sở vật chất, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, cơ chế xử lý hành vi vi phạm quyền của bị hại, cơ chế Nhà nước bồi thường thiệt hại cho bị hại). Mức độ hoàn thiện của các yếu tố này có tác động trực tiếp đến hiệu quả thực hiện và bảo vệ quyền của bị hại trên thực tế.

Những vấn đề lý luận được làm rõ trong Chương 1 là cơ sở khoa học quan trọng để nghiên cứu các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam, đánh giá thực tiễn bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS, đồng thời đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền của bị hại trong các chương tiếp theo của luận án.

CHƯƠNG 2
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ HẠI TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.1.1. Quy định về các nguyên tắc cơ bản

- *Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân (Điều 8 BLTTHS năm 2015)* ghi nhận những nội dung có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS như: đối tượng được bảo vệ, chủ thể có trách nhiệm bảo vệ, nội dung của trách nhiệm. Đối tượng được bảo vệ là các quyền của bị hại phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án, được cụ thể hóa tại Điều 62 BLTTHS. Để bảo đảm các quyền này được thực hiện trên thực tế, pháp luật xác định cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là chủ thể có trách nhiệm bảo đảm, trong giai đoạn XXST chủ yếu là Tòa án và những người tiến hành tố tụng tại Tòa như Thẩm phán, Kiểm sát viên. Trách nhiệm này không chỉ dừng lại ở việc không xâm phạm quyền của bị hại mà còn bao gồm nghĩa vụ chủ động tạo điều kiện để họ thực hiện quyền, như giải thích quyền, tiếp nhận, ghi nhận và xem xét yêu cầu bồi thường. Đồng thời, các cơ quan này "*thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi*…"(Điều 8 BLTTHS năm 2015). *Chẳng hạn như việc Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát quyết định rút, đình chỉ hoặc huỷ bỏ quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Viện kiểm sát cấp dưới (Điều 41)…*[98]. Ngoài ra, "*khi có căn cứ xác định tính mạng, sức khoẻ,…của bị hại hoặc người thân thích của họ bị xâm hại hoặc bị đe doạ xâm hại do việc cung cấp chứng cứ, tài liệu, thông tin liên quan thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng*

[98] Nguyễn Hoà Bình (Chủ biên), *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Sách chuyên khảo, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 62

quyết định áp dụng những biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật (Điều 486 BLTTHS)"[99]

- *Nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự (Điều 30 BLTTHS năm 2015)* là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại của bị hại trong giai đoạn XXST. Theo đó, khi giải quyết VAHS, vấn đề dân sự cần được xem xét đồng thời nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại. Tuy nhiên, trong trường hợp VAHS có yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng "chưa có điều kiện chứng minh" và việc tách phần dân sự "không ảnh hưởng đến việc giải quyết VAHS" thì vấn đề dân sự có thể được tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. "Chưa có điều kiện chứng minh" có thể được hiểu là trường hợp người có yêu cầu bồi thường chưa cung cấp đầy đủ các minh chứng để chứng minh về thiệt hại. Ví dụ "*gia đình bị hại chưa thể cung cấp đầy đủ các chứng từ chi phí cấp cứu, điều trị, chi phí mai táng nạn nhân bị chết...*[100]. Đồng thời, việc tách vấn đề dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết VAHS được hiểu là *"vấn đề dân sự được tách không liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, xác định khung hình phạt và xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo"*[101]. Như vậy, thông qua việc cho phép nhập hoặc tách vấn đề dân sự trong VAHS, nguyên tắc này góp phần bảo đảm việc giải quyết vụ án được nhanh chóng nhưng vẫn bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

- *Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật (Điều 9 BLTTHS năm 2015)* "*với tư cách một nguyên tắc bảo vệ các quyền mang tính chất thủ tục – hàm nghĩa rằng các điều kiện mang tính chất thủ tục ở phiên tòa và vào lúc tuyên án đều phải được áp dụng như nhau cho tất cả các bên*"[102]. Đối với bị hại, việc ghi nhận

---

[99] Phạm Mạnh Hùng (Chủ biên) (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Lao động, tr. 25

[100] Nguyễn Đức Mai (Chủ biên) (2019), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, tr. 57

[101] Phạm Mạnh Hùng (Chủ biên) (2018), *Tlđd*, tr. 62

[102] International Criminal Tribunal for the Former Yugoslavia (Appeals Chamber), Judgment of 15 July 1999, The Prosecutor v. Tadic,No.IT-94-1-T; Human Rights Committee, Decision on admissibility of 30 March 1989 B.d.B. et al. v. The Netherlands, Communication No. 273/1988; European Court of Human Rights, Judgment of 27 October 1993, Dombo Beheer B.V. v. Netherlands, Application No. 14448/88; and

nguyên tắc này tạo điều kiện thực hiện hiệu quả các quyền tố tụng của họ và được đối xử công bằng trong mối quan hệ với các chủ thể khác, đặc biệt là bị can, bị cáo. Trong giai đoạn XXST VAHS, tinh thần của nguyên tắc được thể hiện ở những nội dung sau: *Thứ nhất,* các chủ thể cùng mang tư cách bị hại sẽ được bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp giống nhau. Hay nói cách khác "*Khi họ tham gia tố tụng với vai trò như nhau thì có quyền và nghĩa vụ như nhau*"[103]. "*Ví dụ: Nếu tham gia tố tụng với tư cách bị can, bị cáo, họ đều có quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 60, Điều 61 BLTTHS; nếu tham gia tố tụng với tư cách bị hại, họ đều có quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 62 BLTTHS…*"[104]. *Thứ hai,* các chủ thể có tư cách tố tụng khác nhau, đặc biệt là các bên có quyền và lợi ích đối lập như bị hại với bị can, bị cáo sẽ được "bình đẳng" trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp. Hay nói cách khác, pháp luật thiết kế bảo đảm quyền cho người bị can, bị cáo và bị hại theo hai hướng khác nhau nhưng trong một chỉnh thể cân bằng. Đối với người bị buộc tội, pháp luật tập trung bảo đảm việc thực thi nguyên tắc suy đoán vô tội, quyền bào chữa, quyền không buộc phải tự buộc tội…, qua đó ngăn ngừa việc lạm dụng quyền lực nhà nước và bảo vệ họ trước nguy cơ bị kết án oan. Đối với bị hại, pháp luật nhấn mạnh các bảo đảm về quyền được trình bày ý kiến, quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại…nhằm bảo đảm họ có khả năng tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc phân bổ và thiết kế các quyền này phải được đặt trong tương quan giữa hai nhóm chủ thể, vừa không làm suy giảm các bảo đảm bắt buộc dành cho bị can, bị cáo, vừa bảo đảm bị hại có đủ "công cụ pháp lý" cần thiết để thực thi quyền của họ một cách hiệu quả. *Thứ ba*, pháp luật thiết kế cơ chế bảo vệ đặc thù để các chủ thể thuộc nhóm yếu thế đạt được vị thế bình đẳng về địa vị tố tụng so với các chủ thể khác. Các nhóm như người lao động có thu nhập thấp, người khuyết tật, người

---

Inter-American Commission on Human Rights, Report No. 52/01 of 4 April 2001, Case No. 12.243, Juan Raul Garza (United States of America) (trích dẫn lại từ tài liệu: Uỷ ban luật gia quốc tế (2015), *Sổ tay theo dõi việc xét xử trong tố tụng hình sự*, tr. 106, link https://www.icj.org/wp-content/uploads/2017/10/Universal-Trial-Observation-Publications-Reports-Practitioners-guide-2015-VIET.pdf, ngày truy cập 25/4/2026.

[103] Phạm Mạnh Hùng (Chủ biên) (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Lao động, tr. 26

[104] Trường Đại học Luật Hà Nội (2024), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB. Tư pháp, Hà Nội, tr. 69.

nhiễm chất độc da cam… được dành thêm quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí, bảo đảm họ có khả năng thực hiện quyền tiếp cận công lý ở mức độ tương đương với người có điều kiện kinh tế – xã hội thuận lợi. Đồng thời, họ được pháp luật cho phép nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, cũng như người đại diện tham gia tố tụng để hỗ trợ họ về chuyên môn pháp lý và kỹ năng tranh tụng. Đây chính là biểu hiện cụ thể của việc "ưu tiên bù đắp" cho nhóm yếu thế để đạt tới sự công bằng trong TTHS.

- *Nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (Điều 16 BLTTHS năm 2015)* thể hiện rằng: nếu như bị can, bị cáo được bảo đảm quyền bào chữa thì bị hại cũng được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Bị hại có thể tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình (luật sư, người đại diện, bào chữa viên nhân dân, trợ giúp viên pháp lý). Họ có thể tham gia xuyên suốt quá trình tố tụng, thu thập và cung cấp chứng cứ, tranh luận, soạn thảo đơn yêu cầu, khiếu nại, kháng cáo nhằm bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Ngoài ra, bị hại cũng có thể được cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý nếu thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý theo Điều 7 Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2026). Đồng thời, nguyên tắc cũng quy định trách nhiệm cho cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc thông báo, giải thích và bảo đảm cho bị hại thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của BLTTHS.

- *Nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong tố tụng hình sự (Điều 31 BLTTHS năm 2015)* đặt ra trách nhiệm pháp lý của Nhà nước, mà trực tiếp là các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc khắc phục hậu quả do sai lầm tố tụng gây ra. Trong phạm vi giai đoạn XXST, nguyên tắc góp phần khẳng định rằng nếu Tòa án hoặc những người tiến hành tố tụng vi phạm trình tự, thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thì Nhà nước có nghĩa vụ bồi thường, đồng thời phục hồi danh dự cho họ. Như vậy, nguyên tắc này vừa là cơ sở để bị hại được khôi phục quyền lợi khi bị xâm phạm do sai sót tố tụng, vừa là sự ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với cơ quan và người có thẩm quyền trong hoạt động XXST VAHS.

- Nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự (Điều 32 BLTTHS năm 2015) có ý nghĩa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trước các quyết định, hành vi tố tụng trái pháp luật. Đối với việc bảo đảm quyền của bị hại, nguyên tắc này được thể hiện trên nhiều phương diện. Trước hết, bị hại được trao quyền chủ động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong giai đoạn XXST, nếu Tòa án hoặc người tiến hành tố tụng có hành vi, quyết định trái pháp luật như: không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại, hạn chế quyền tranh luận hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm thì bị hại có quyền khiếu nại để yêu cầu xem xét, khắc phục. Cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng pháp luật và thông báo kết quả cho bị hại. Quy định này bảo đảm trách nhiệm giải trình và hạn chế tình trạng giải quyết hình thức, phòng ngừa lạm quyền trong tố tụng.

- Nguyên tắc Toà án xét xử kịp thời, công bằng, công khai (Điều 25 BLTTHS năm 2015) thể hiện rằng: việc xét xử phải tiến hành "kịp thời trong thời hạn luật định", tránh tình trạng vụ án kéo dài gây thêm tổn thất về vật chất và tinh thần. Đồng thời bảo đảm cho yêu cầu bồi thường, khôi phục danh dự, tài sản được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả. Nguyên tắc cũng khẳng định quyền được xét xử công bằng của bị hại. Theo đó, Tòa án phải tạo điều kiện cho họ tham gia đầy đủ vào phiên tòa, được trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tranh luận công khai để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Việc xét xử công khai tạo cơ sở để bị hại tiếp cận thông tin và chứng kiến trực tiếp quá trình tố tụng diễn ra. Tuy nhiên, trong trường hợp vì lý do bảo vệ bí mật đời tư thì vụ án phải được xét xử kín và Tòa án vẫn có trách nhiệm tuyên án công khai.

- Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26 BLTTHS năm 2015) lần đầu tiên được Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) ghi nhận[105]. Việc hiến định và "*việc cụ thể hoá nội dung nguyên tắc này trong BLTTHS năm 2015 đã phản ánh bước tiến của nền tư pháp nước nhà, tạo sự chuyển biến về*

[105] Khoản 5, Điều 103, Hiến pháp năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2015

chất, có tính quyết định đối với hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự"[106]. Đây là một trong những nguyên tắc có vai trò trụ cột, bảo đảm xét xử công bằng và thực hiện hiệu quả quyền của các chủ thể trong tố tụng hình sự. Vì "*nội dung của nguyên tắc không chỉ dừng ở việc xác định tranh tụng trong xét xử tại phiên toà mà còn xác định để tranh tụng trong xét xử được bảo đảm và tranh tụng có hiệu quả, tránh hình thức thì phải bảo đảm các điều kiện trong tất cả quá trình tố tụng, từ khởi tố, điều tra, truy tố cho đến xét xử để thu thập các chứng cứ, tài liệu và các tình tiết của vụ án trước khi bước vào cuộc tranh tụng*"[107]. Cụ thể hơn, đối với việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST, nguyên tắc ghi nhận nhiều nội dung quan trọng. *Thứ nhất*, bị hại không chỉ là người bị xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp mà còn là chủ thể tích cực trong phiên tòa, có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, trình bày quan điểm về trách nhiệm hình sự của bị cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại. *Thứ hai,* nguyên tắc này khẳng định sự bình đẳng giữa bị hại với các chủ thể khác trong việc đưa ra, kiểm tra và đánh giá chứng cứ nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. *Thứ ba*, nguyên tắc ghi nhận Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện để bị hại thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, đặc biệt trong việc trình bày ý kiến, đối đáp với các bên tại phiên tòa. Mọi tình tiết liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đều phải được trình bày, tranh luận và kiểm chứng công khai, tránh việc bỏ sót hoặc giải quyết hình thức. Cuối cùng, "*việc tranh tụng chỉ là hình thức nếu kết quả tranh tụng không được thể hiện trong bản án, quyết định của Tòa án*"[108]. Vì vậy, kết quả tranh tụng phải được phản ánh trong bản án, quyết định của Tòa án, qua đó bảo đảm ý kiến, chứng cứ và yêu cầu của bị hại thực sự có giá trị trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngoài những nguyên tắc trực tiếp liên quan đến việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST đã phân tích, BLTTHS năm 2015 còn quy định một số

---

[106] Nguyễn Hoà Bình (Chủ biên) (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Sách chuyên khảo, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 34

[107] Nguyễn Ngọc Anh, Phan trung Hoài (Đồng chủ biên) (2021), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, tr. 51

[108] Phạm Tiến Đại (2019), "Bàn về nguyên tắc tranh tụng trong BLTTHS 2015", *Tạp chí điện tử Toà án nhân dân,* https://tapchitoaan.vn/ban-ve-nguyen-tac-tranh-tung-trong-bltths-nam-2015 (truy cập ngày 7/11/2025).

nguyên tắc khác có ý nghĩa gián tiếp như: nguyên tắc trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Điều 17); nguyên tắc kiểm tra, giám sát trong TTHS (Điều 33)*;* nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân (Điều 12); nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân (Điều 11). Đối với phiên toà xét xử trực tuyến, Luật tổ chức Toà án nhân dân năm 2024 cũng nhấn mạnh rằng: *việc tổ chức phiên tòa trực tuyến phải tuân thủ các quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng…*[109]. Tòa án chỉ được mở phiên tòa trực tuyến khi có đủ điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kết nối ổn định, bảo mật dữ liệu và bảo đảm sự tôn nghiêm của phiên tòa như phiên tòa trực tiếp.

2.1.2. Quy định về quyền của bị hại

Thứ nhất, quy định về nhóm quyền được tiếp cận thông tin trong giai đoạn XXST VAHS

Quyền được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án, quyết định của Toà án quy định tại khoản 1 Điều 286 và khoản 1 Điều 262 BLTTHS năm 2015 là một trong những bảo đảm pháp lý quan trọng. Khi được giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị hại sẽ nắm rõ thời gian, địa điểm và thành phần tham gia phiên tòa, từ đó có sự chuẩn bị về chứng cứ, tài liệu và yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác, việc tiếp cận bản án, quyết định của Tòa án cho phép bị hại biết rõ kết quả giải quyết vụ án, bao gồm cả việc xác định trách nhiệm hình sự của bị cáo cũng như trách nhiệm dân sự liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của họ. Trên cơ sở đó, bị hại có thể chủ động sử dụng các quyền tố tụng tiếp theo như quyền kháng cáo hay quyền yêu cầu thi hành án.

Quyền được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ ghi nhận tại điểm a khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015. Nội dung của quyền này bao gồm: (i) cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo và giải thích đầy đủ cho bị hại về các quyền

[109] Khoản 3, Điều 136 Luật tổ chức Toà án nhân dân năm 2024 sửa đổi, bổ sung năm 2025

và nghĩa vụ mà pháp luật quy định; (ii) trong trường hợp vắng mặt tại phiên tòa, bị hại vẫn được thông báo kịp thời về bản án, quyết định để có thể thực hiện các quyền tiếp theo như kháng cáo, yêu cầu thi hành án. Khi hiện diện tại phiên toà, bị hại được người tiến hành tố tụng giải thích quyền và nghĩa vụ và việc này phải được ghi vào biên bản phiên toà, nếu không thực hiện, sẽ là vi phạm thủ tục tố tụng[110].

Quyền được thông báo về kết quả giải quyết vụ án quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015 bảo đảm cho bị hại chính thức được biết về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự của bị cáo, việc xử lý vật chứng cũng như các quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ nếu có. Đồng thời, bị hại còn được thông báo về căn cứ pháp lý của bản án, thời hạn và thủ tục để thực hiện quyền kháng cáo hoặc khiếu nại. Nhờ đó, họ có thể chủ động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quyền được xem biên bản phiên toà quy định tại khoản 4 Điều 258 BLTTHS năm 2015. Đây là văn bản ghi lại toàn bộ diễn biến phiên tòa, bao gồm thành phần tham gia, quá trình xét hỏi, tranh luận cũng như ý kiến, yêu cầu, lời khai của các bên. Vì vậy, việc bị hại có quyền được xem biên bản phiên tòa là một bảo đảm không thể thiếu. Thông qua quyền này, bị hại được kiểm tra tính chính xác của việc ghi nhận diễn biến phiên toà, kịp thời phát hiện sai sót (nếu có) để yêu cầu chỉnh sửa. Điều này góp phần bảo đảm rằng ý chí và quyền lợi chính đáng của họ không bị làm sai lệch hoặc bỏ sót trong hồ sơ tố tụng. Bên cạnh đó, việc xem xét biên bản phiên tòa còn là một hình thức giám sát đối với hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, giúp bị hại kiểm chứng việc tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng. Liên quan đến quyền được xem biên bản phiên toà, BLTTHS Cộng Hoà liên bang Đức cũng ghi nhận cho bị hại quyền tương tự nhưng phạm vi rộng hơn: *"...Bên bị hại, không có luật sư đại diện, có quyền, theo khoản 1 và 2, kiểm tra hồ sơ và xem xét bằng chứng do cơ quan chính thức lưu giữ dưới sự giám sát. Nếu hồ sơ không được lưu giữ điện tử, bản sao từ hồ sơ có thể được cung cấp cho bên đó thay vì cho phép bên đó kiểm tra hồ sơ"*[111]. Theo quy định của BLTTHS Cộng hoà liên bang Đức, bị hại có thể

[110] Lê Lan Chi (2022), *Tlđd*, tr.123
[111] Khoản 3, Điều 406e BLTTHS của Cộng Hoà Liên Bang Đức năm 1987, link truy cập https://www.buzer.de/406e_StPO.htm , ngày truy cập 08/02/2026.

được truy cập vào hồ sơ sớm (ngay từ trong giai đoạn điều tra sơ bộ), chỉ một số trường hợp *"quyền truy cập vào hồ sơ sẽ bị từ chối nếu lợi ích hợp pháp vượt trội của bị cáo hoặc người khác ngăn cản việc đó… hoặc nếu mục đích của cuộc điều tra có vẻ bị ảnh hưởng, kể cả trong các thủ tục tố tụng hình sự khác. Quyền truy cập cũng có thể bị từ chối nếu việc đó làm chậm trễ đáng kể các thủ tục tố tụng, trừ khi văn phòng công tố đã ghi lại kết luận của cuộc điều tra trong hồ sơ trong các trường hợp được đề cập tại Điều 395"*[112].

Thứ hai, quy định về nhóm quyền tham gia các hoạt động tố tụng tại phiên toà và đưa ra các yêu cầu để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ cho mình

Quyền tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Bị hại, người đại diện của họ có quyền tham gia phiên toà, trình bày ý kiến và tranh luận (Điểm h khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015). Việc pháp luật ghi nhận quyền này chính là sự cụ thể hóa nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26 BLTTHS năm 2015). Đồng thời khẳng định rằng bị hại không chỉ là đối tượng chịu tác động của hành vi phạm tội, mà còn là một chủ thể tích cực, có khả năng và điều kiện để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Nội dung và phương thức thực hiện quyền được thiết kế linh hoạt, tùy theo độ tuổi, năng lực hành vi và tình trạng pháp lý của bị hại. Trường hợp bị hại có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, họ được trực tiếp tham gia phiên tòa để đưa ra chứng cứ, phát biểu quan điểm về trách nhiệm hình sự của bị cáo, nêu yêu cầu bồi thường thiệt hại, đồng thời tham gia phần tranh luận để bảo vệ quyền và lợi ích của mình trước những lập luận của KSV, người bào chữa hoặc các bên liên quan. Trường hợp bị hại đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, hoặc có nhược điểm về thể chất, tâm thần, quyền này được thực hiện thông qua người đại diện.

*Quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa*Bị hại, người đại diện có quyền tham dự phiên toà, nêu ý kiến và yêu cầu chủ toạ phiên toà đặt câu hỏi đối với bị cáo, người làm chứng hoặc những người tham gia tố

[112] Khoản 5, Điều 406e Bộ BLTTHS của Cộng Hoà Liên Bang Đức năm 1987, link truy cập https://www.buzer.de/406e_StPO.htm , ngày truy cập 08/02/2026.

tụng khác (Điểm h khoản 2 Điều 62, khoản 2 Điều 309 BLTTHS năm 2015)nhằm làm rõ các tình tiết liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Quyền này cho phép bị hại đề xuất làm sáng tỏ những điểm còn mâu thuẫn, thiếu sót, góp phần giúp Hội đồng xét xử đánh giá toàn diện sự việc và xác định sự thật khách quan của vụ án. Bên cạnh đó, bị hại còn được tham gia tranh luận bình đẳng với KSV, bị cáo, người bào chữa và các chủ thể khác về các vấn đề như tội danh, mức độ thiệt hại, trách nhiệm bồi thường, hình phạt hay các biện pháp nhằm bảo đảm quyền lợi cá nhân. Hoạt động tranh luận buộc các bên, nhất là KSV và bị cáo, phải đối đáp, giải trình rõ ràng, từ đó hỗ trợ tòa án đưa ra phán quyết khách quan, công bằng.

Quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu

Bị hại, người đại diện của họ có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật và yêu cầu liên quan tại phiên tòa (Điểm b, Khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015). Nội dung của quyền cho phép bị hại trình bày chứng cứ chứng minh thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản mà còn giúp họ chủ động đề xuất yêu cầu bồi thường dân sự, phản bác ý kiến, lập luận hoặc chứng cứ từ phía bị cáo và người bào chữa. Như vậy, bị hại sẽ tham gia tố tụng với vai trò chủ thể tích cực, tham gia trực tiếp vào việc xác định sự thật khách quan, hỗ trợ cơ quan tiến hành tố tụng có thêm căn cứ toàn diện trong việc đánh giá vụ án và ra quyết định về trách nhiệm hình sự, dân sự của bị cáo. Bị hại có thể chủ động bổ sung, làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án, đặc biệt quan trọng trong các vụ án xâm hại tình dục, bạo lực gia đình mà cơ quan điều tra thường gặp khó khăn trong việc thu thập đủ chứng cứ khách quan. So với bị cáo, quyền đưa ra chứng cứ của bị hại khác biệt về mục đích và phạm vi: Bị cáo đưa chứng cứ nhằm chứng minh mình vô tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, còn bị hại sử dụng quyền này để buộc tội, chứng minh thiệt hại, bảo vệ lợi ích hợp pháp và yêu cầu bồi thường. Việc đồng thời trao quyền này cho cả hai bên tạo ra cơ chế kiểm soát đối lập, giúp Hội đồng xét xử có cơ sở đánh giá toàn diện, khách quan trước khi ra phán quyết cuối cùng.

Quyền trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 khẳng định bị hại không chỉ có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà còn trực tiếp tham gia tranh luận, bày tỏ quan điểm của mình về giá trị chứng minh của chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó (Điểm c Khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015). Điều đó giúp hạn chế tình trạng cơ quan tiến hành tố tụng hoặc các chủ thể khác bỏ qua, xem nhẹ những tài liệu, đồ vật có lợi cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Ngoài ra, việc được yêu cầu kiểm tra, đánh giá chứng cứ còn là cơ chế để bị hại giám sát tính hợp pháp, khách quan trong việc sử dụng chứng cứ của Hội đồng xét xử và các bên tham gia tố tụng khác. Nhờ đó, bị hại có thể bảo đảm rằng các tài liệu, đồ vật liên quan đến mình được xem xét một cách toàn diện, công bằng, đúng quy định pháp luật.

Quyền đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật

Bị hại, người đại diện của họ có quyền đề nghị giám định, định giá tài sản (Điểm d Khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015). Giám định hoặc định giá tài sản bị xâm phạm là căn cứ quan trọng để làm rõ hậu quả của hành vi phạm tội. Việc bị hại có quyền đề nghị giúp bổ sung chứng cứ khách quan, tránh tình trạng bỏ sót hoặc làm sai lệch mức độ thiệt hại, từ đó hỗ trợ Hội đồng xét xử đưa ra phán quyết chính xác. Kết quả giám định, định giá tài sản là căn cứ trực tiếp cho việc xác định mức bồi thường thiệt hại dân sự và trách nhiệm hình sự của bị cáo. Nhờ vậy, bị hại có thể chủ động bảo vệ quyền tài sản, danh dự, sức khỏe của mình, đảm bảo yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật

Bị hại, người đại diện của họ có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch, người dịch thuật (Điểm e, Khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015). Quyền này cho phép bị hại hoặc người đại diện yêu cầu thay đổi khi có căn cứ cho rằng những người nói trên có thể thiếu vô tư hoặc không đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ. Đảm bảo quyền này sẽ giúp hạn chế nguy cơ các

chứng cứ, kết luận giám định hoặc bản dịch bị chi phối bởi yếu tố chủ quan, dẫn đến sai lệch bản chất vụ án. Từ đó, tạo điều kiện cho các chứng cứ được xem xét một cách trung thực, khách quan.

Quyền đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường

Bị hại, người đại diện của họ có quyền đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại và biện pháp bảo đảm bồi thường (Điểm g, Khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015). Nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng: "*Bản thân việc kết tội nói chung cũng được công nhận là một hình thức giúp nạn nhân được thỏa mãn về tinh thần*"[113]. Như vậy, bản án kết tội tự thân đã là một hình thức "bồi thường tinh thần", giúp thừa nhận những thiệt hại mà bị hại phải gánh chịu và phần nào giải tỏa tổn thương tâm lý cho họ. Do đó, khi bị hại đề nghị loại và mức hình phạt đối với bị cáo, có thể coi đó là yêu cầu về một dạng bồi thường phi tài chính, gắn với nhu cầu được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và công lý. Song song với đó, BLTTHS cho phép bị hại yêu cầu bồi thường bằng vật chất thông qua việc đề nghị mức bồi thường thiệt hại cụ thể. Ngoài ra, bị hại cũng có quyền đề nghị Tòa án, VKS, Cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp bảo đảm bồi thường như phong tỏa tài khoản, kê biên hoặc tạm dừng giao dịch tài sản của bị cáo, người có nghĩa vụ liên đới, nhằm ngăn chặn việc tẩu tán tài sản và bảo đảm bản án bồi thường, khi có hiệu lực, sẽ thực sự được thi hành. Như vậy, bị hại, người đại diện của họ có: (i) quyền yêu cầu bồi thường tài chính; (ii) quyền yêu cầu "bồi thường phi tài chính" thông qua đề nghị hình phạt và cách thức xử lý trách nhiệm hình sự; và (iii) quyền yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm để các quyền được thực thi hiệu quả trên thực tế.

Quyền yêu cầu, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; trình bày lời buộc tội tại phiên toà trong trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu

Bị hại, người đại diện của họ có quyền yêu cầu và rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự (Điều 155 BLTTHS năm 2015). Đây là quyền đặc thù của bị hại, việc quy định quyền này thể hiện sự tôn trọng của Nhà nước đối với bị hại và đại diện của họ trong việc quyết định có khởi tố VAHS mà họ là người bị thiệt hại về sức khoẻ,

[113] Uỷ ban luật gia quốc tế (2015), *Tlđd,* tr. 181

nhân phẩm, danh dự, tài sản hay không. Tuy nhiên, ý chí của họ sẽ bị hạn chế trong những tội danh nhất định được ghi nhận tại Khoản 1 Điều 155 BLTTHS. Đây là những trường hợp phạm tội "*có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không cao, chủ yếu xâm phạm đến thể chất, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của người bị hại. Những trường hợp này nếu khởi tố vụ án để xử lý trách nhiệm hình sự của người phạm tội thì trên phương diện xã hội, lợi ích thu được có thể không đáng kể mà còn có khả năng tiếp tục gây tổn thương về tinh thần, danh dự cho người bị hại*"[114]. Nội dung quyền này còn cho phép bị hại hoặc người đại diện (trong trường hợp bị hại có ngược điểm về tâm thần, thể chất hoặc đã chết…) được rút yêu cầu khởi tố trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc ngay tại phiên tòa sơ thẩm. Việc rút yêu cầu chỉ được công nhận khi hội đủ hai điều kiện: người rút chính là người đã có yêu cầu khởi tố trước đó và việc rút phải thể hiện ý chí hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng bức. Ngoài ra, bị hại, người đại diện của họ có quyền trình bày lời buộc tội tại phiên toà (Khoản 3, Điều 62 BLTTHS năm 2015). Họ được trực tiếp phát biểu tại phiên tòa để buộc tội bị cáo, nêu quan điểm về hành vi phạm tội, mức độ nguy hiểm, hậu quả và kiến nghị về trách nhiệm hình sự, dân sự của bị cáo. Như vậy, pháp luật trao cho bị hại có cơ hội trực tiếp tác động đến quá trình xét xử và quyết định của Tòa án, nhưng vẫn trong khuôn khổ bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo và chức năng buộc tội chính thức thuộc về VKS.

Quyền tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình

"Để bảo vệ được quyền lợi của mình (như quyền được bồi thường, được bù đắp tổn thất, được xin lỗi, cải chính công khai…), bị hại được tự tiến hành các hoạt động cụ thể như đưa ra mức bồi thường và chứng minh thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho mình cũng như yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng các biện pháp bảo đảm việc bồi thường. Tuy nhiên, trên thực tế việc tiến hành các hoạt động tự bảo vệ quyền lợi nói trên phải có các căn cứ và luận chứng rõ ràng mà không phải chủ thể bị hại nào cũng tiến hành một cách hiệu quả được, vì vậy, việc nhờ

[114] Vũ Gia Lâm (2017), Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại – những vướng mắc khi thực hiện và kiến nghị khắc phục, *Tạp chí luật học*, tr. 28, (12)

người khác có chuyên môn bảo vệ quyền lợi cho bị hại là cần thiết"[115]. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định bị hại có quyền tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp (Điểm i, Khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015). Đây là quyền được cụ thể hoá từ nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại (Điều 16 BLTTHS năm 2015). Việc quy định quyền này cho bị hại hoàn toàn phù hợp với tinh thần chung của đại đa số các quốc gia trên thế giới. "*Các quốc gia theo hệ thống dân luật (civil law), quyền có người bảo vệ của bị hại được nhìn nhận như một phần cốt lõi của bảo đảm tố tụng công bằng… Tại Italia, thừa nhận vai trò của nạn nhân của tội phạm thông qua tư cách nguyên đơn dân sự, tạo điều kiện cho họ tham gia tố tụng nhằm bảo vệ quyền dân sự; đồng thời, tham gia tranh tụng thông qua luật sư đại diện*"[116]. "*Các quốc gia thuộc hệ thống thông luật không trao cho nạn nhân địa vị "bên tố tụng" rộng nhưng họ phát triển cơ chế hỗ trợ pháp lý chuyên biệt và bảo đảm cho nạn nhân quyền có luật sư trong những tình huống cụ thể*"[117]. Ngoài ra, một số các quốc gia còn quy định cho bị hại có quyền được chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Đại diện cho các quốc gia theo hệ thống dân luật có Cộng hoà liên bang Đức tại "*Điều 397a StPO cho phép Toà án chỉ định người bảo vệ miễn phí trong trường hợp vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hoặc khi nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm dễ bị tổn thương*"[118]. Đại diện cho các quốc gia theo hệ thống thông luật có Hoa Kỳ "*nhiều bang còn cho phép nạn nhân yêu cầu toà chỉ định luật sư trong các vụ án có yếu tố bạo lực nghiêm trọng, đặc biệt đối với trẻ em và nạn nhân bạo lực gia đình*"[119].

[115] https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thi-hanh-phap-luat.aspx?ItemID=276, truy cập ngày 02/5/2026
[116] Lưu Thị Ngọc Lan (2026), Quyền có người bảo vệ của bị hại trong tố tụng hình sự - tiếp cận từ pháp luật quốc tế và pháp luật của một số quốc gia, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (363), tr. 137
[117] Lưu Thị Ngọc Lan (2026), *Tlđd*, tr.138
[118] Lưu Thị Ngọc Lan (2026), *Tlđd*, tr. 137
[119] Lưu Thị Ngọc Lan (2026), *Tlđd*, tr. 140

Quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa

Bị hại có quyền yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khi bị đe dọa (Điểm l, Khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015). Đây là quyền được triển khai từ nguyên tắc *"Bảo hộ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân…"* quy định tại Điều 11 BLTTHS năm 2015. Trong quá trình giải quyết VAHS nói chung và giai đoạn XXST nói riêng, bị hại có thể phải đối mặt với những hành vi đe dọa, trả thù, gây áp lực từ nhiều phía, đặc biệt là từ bị cáo, người thân trong gia đình bị cáo hoặc các đối tượng có liên quan đến vụ án. Những hành vi này không chỉ ảnh hưởng đến tâm lý, mà còn trực tiếp đe dọa đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và quyền lợi hợp pháp của bị hại, khiến họ e ngại, không dám tham gia tích cực vào các hoạt động tố tụng. Vì vậy, BLTTHS hiện hành đã quy định những biện pháp cụ thể nhằm bảo đảm quyền này, như: giữ bí mật thông tin cá nhân; tổ chức xét xử kín; áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi đe dọa hoặc trả thù. Những quy định này không chỉ giúp bảo vệ sự an toàn và quyền lợi hợp pháp của bị hại mà còn khuyến khích họ mạnh dạn trình bày, cung cấp chứng cứ, tham gia tranh luận một cách công khai, minh bạch.

Tại một số quốc gia trên thế giới, bị hại còn có quyền trình bày Bản tường trình tác động của tội phạm (VIS). ….*"Ví dụ, New Zealand đã đưa ra các tuyên bố về tác động đối với nạn nhân thông qua điều 8(1) của Đạo luật Nạn nhân của tội phạm. Đạo luật này cho phép sử dụng các tuyên bố về tác động đối với nạn nhân, nhưng không đặt ra nghĩa vụ cho các thẩm phán phải xem xét chúng. Theo Cassell, 48 tiểu bang ở Hoa Kỳ đảm bảo, thông qua luật pháp tiểu bang, quyền được lắng nghe của nạn nhân, dưới hình thức này hay hình thức khác, tại phiên tuyên án. Hai tiểu bang còn lại cho phép các tuyên bố về tác động đối với nạn nhân theo quyết định của thẩm phán tuyên án. Ông cũng lưu ý thêm rằng 32 tiểu bang đã thông qua các sửa đổi về quyền của nạn nhân trong hiến pháp của họ, và ở cấp liên bang,*

quốc gia này có Đạo luật về Quyền của Nạn nhân Tội phạm. Với tất cả các ví dụ trên, Nam Phi không thể lập luận rằng việc đưa quyền của nạn nhân tội phạm vào luật pháp là không khả thi. Hiến chương Dịch vụ, được thảo luận bên dưới, ở dạng hiện tại không bao giờ có thể giải quyết một cách có ý nghĩa các lợi ích của nạn nhân tội phạm"[120]. Quyền này có nét tương đồng trong nhóm quyền trình bày và đưa ra yêu cầu. Tuy nhiên, VIS có nội dung và mục đích riêng, bởi trọng tâm của bản tường trình không phải là trình bày quan điểm về việc buộc tội mà là tạo cơ hội để bị hại trực tiếp phản ánh những hậu quả mà tội phạm đã gây ra đối với mình, như thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và những ảnh hưởng khác đến cuộc sống.

Thứ ba, quy định về nhóm quyền bảo đảm cơ chế giám sát và khắc phục sai sót trong giai đoạn XXST VAHS

Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

Bị hại, người đại diện của họ có quyền khiếu nại quyết định hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nếu cho rằng có dấu hiệu trái pháp luật, thiếu khách quan, gây thiệt hại hoặc xâm phạm đến quyền lợi của mình (Điểm n, Khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015). Đây là quyền được triển khai trực tiếp từ nguyên tắc "*Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự*" (Điều 32 BLTTHS năm 2015). Khiếu nại có thể được thực hiện bằng văn bản hoặc lời nói, gửi trực tiếp cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền. Quyền này được bảo đảm bởi cơ chế giải quyết khiếu nại, với thời hạn và trình tự cụ thể, đồng thời cho phép bị hại được thông báo về kết quả giải quyết (Điều 472, 476, 477 BLTTHS năm 2015). Việc ghi nhận quyền khiếu nại giúp bị hại có cơ chế pháp lý chính thức để tự bảo vệ, tránh tình trạng cơ quan, cá nhân lạm quyền hoặc bỏ sót nghĩa vụ. Đây cũng là một biện pháp bảo đảm tạo điều kiện để tiếng nói của bị hại được lắng nghe và xử lý thỏa đáng.

---

[120] Makiwane, P. N. (2010), Victim-impact statements at the sentencing stage: Giving crime victims a voice (Tạm dịch: *Bản tường trình về tác động của tội phạm trong giai đoạn tuyên án: Trao cơ hội để nạn nhân tội phạm được lên tiếng*"), Tạp chí Opiter 31(3), Nam Phi, tr.610
https://journals.co.za/doi/pdf/10.10520/EJC85381

Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án

Bị hại, người đại diện của họ có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Toà án (Điểm m, Khoản 2, Điều 62 BLTTHS năm 2015). "Cũng tương tự như bị cáo khi thực hiện quyền kháng cáo, bị hại cũng có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm theo hướng có lợi hoặc làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Bởi vì, bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản… hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe doạ gây ra nên bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm đó. Đại diện của bị hại trong trường hợp bị hại chết, mất tích, bị mất hoặc hạn chế về năng lực hành vi dân sự, bị hại là người dưới 18 tuổi, có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm theo hướng có lợi hoặc làm xấu hơn tình trạng của bị cáo"[121]. Bị hại, người đại diện của họ có quyền yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại bản án hoặc quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm khi cho rằng phán quyết của tòa án cấp dưới đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của bị hại. Quyền này giúp tăng cường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, góp phần nâng cao tính khách quan, đúng đắn của bản án thông qua sự kiểm tra của cấp phúc thẩm. Thông qua việc quy định cho bị hại quyền kháng cáo, pháp luật cũng khẳng định vị trí của bị hại trong TTHS là một chủ thể quyền thực sự chứ không chỉ là nguồn chứng cứ thụ động.

2.1.3. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người tiến hành tố tụng và các chủ thể khác

Trong giai đoạn XXST VAHS, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm để bị hại được biết, được tham gia và được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Chính vì vậy, pháp luật đã trao cho cơ quan có thẩm quyền (Toà án, VKS) những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể.

Thứ nhất, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể trong việc bảo đảm nhóm quyền được tiếp cận thông tin của bị hại

---

[121] Nguyễn Ngọc Anh, Phan Trung Hoài (2021), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, tr. 780-781

Đối với việc bảo đảm quyền được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án, quyết định, Toà án có nhiệm vụ giao nhận bản án, các quyết định. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: *Quyết định đưa vụ án ra xét xử được gửi cho bị hại chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên toà*; *trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án, Toà án cấp sơ thẩm phải giao bản án cho bị hại (Khoản 1 Điều 262 BLTTHS năm 2015)*; *Quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định phục hồi vụ án của Tòa án được giao cho bị can, bị cáo, bị hại hoặc người đại diện của họ và gửi cho người tham gia tố tụng khác trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định (Khoản 2, Điều 286 BLTTHS năm 2015)*. Mọi sự chậm trễ hoặc bỏ sót trong việc gửi bản án, quyết định có thể làm ảnh hưởng đến bị hại. Việc giao nhận quyết định và bản án là phương thức cụ thể hóa quyền được thông tin và quyền tham gia tố tụng của bị hại.

Đối với việc bảo đảm quyền được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ: trong giai đoạn XXST, quyền được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ của bị hại đi kèm với nghĩa vụ thông báo, giải thích của Toà án. "*Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật này*"; *"Trường hợp… người bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích cho họ quyền được trợ giúp pháp lý; nếu họ đề nghị được trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thông báo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước*" (Khoản 1 Điều 71 BLTTHS năm 2015). Tại thủ tục bắt đầu phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm kiểm tra sự có mặt của những người tham gia tố tụng theo giấy triệu tập (khoản 3 Điều 301 BLTTHS năm 2015), đồng thời phổ biến quyền và nghĩa vụ của bị hại, người đại diện của bị hại nếu họ có mặt tại phiên tòa. Việc phổ biến quyền và nghĩa vụ không chỉ là hình thức thông tin, mà còn giúp bị hại hiểu rõ phạm vi quyền trình bày, yêu cầu, tranh luận, và quyền được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đối với việc bảo đảm quyền được xem biên bản phiên toà của bị hại: BLTTHS hiện hành quy định trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo đảm quyền xem biên bản phiên tòa được thể hiện ngay sau khi kết thúc xét xử. Sau khi chủ tọa và Thư ký phiên tòa ký vào biên bản, Tòa án phải tạo điều kiện để bị hại, người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được xem toàn bộ nội dung biên bản. Nếu họ yêu cầu ghi nhận sửa đổi, bổ sung, Thư ký có trách nhiệm ghi đầy đủ các ý kiến này vào phần cuối biên bản, không được tự ý tẩy xóa, sửa trực tiếp nội dung đã ghi. Chủ tọa và Thư ký phải cùng ký xác nhận nội dung bổ sung; trường hợp chủ tọa không chấp nhận yêu cầu thì phải nêu rõ lý do và ghi nhận ngay trong biên bản phiên tòa (Khoản 4, Điều 258 BLTTHS năm 2015).

Thứ hai, nhiệm vụ, quyền hạn của Toà án, VKS trong việc bảo đảm nhóm quyền tham gia các hoạt động tố tụng tại phiên toà và đưa ra các yêu cầu để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ cho mình

Đối với việc bảo đảm quyền tham gia phiên tòa: Tòa án có trách nhiệm bảo đảm quyền tham gia phiên tòa của bị hại thông qua việc thông báo kịp thời, đầy đủ về thời gian, địa điểm mở phiên tòa. Thông tin này được thể hiện trong giấy triệu tập hoặc quyết định đưa vụ án ra xét xử – những văn bản tố tụng bắt buộc mà Tòa án phải gửi cho bị hại hoặc người đại diện của họ theo quy định của BLTTHS. Trường hợp bị hại hoặc người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa, sự vắng mặt này có thể được xem là căn cứ để hoãn phiên tòa, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 297 BLTTHS năm 2015. Sau khi hết thời hạn hoãn phiên toà, Tòa án có nghĩa vụ tiếp tục thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa cho bị hại hoặc người đại diện của họ để họ có điều kiện tham gia. Trách nhiệm này không chỉ mang tính thủ tục, mà còn là một bảo đảm tố tụng quan trọng, giúp bị hại thực hiện quyền tham gia xét xử, quyền phát biểu ý kiến và bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Để bảo đảm các quyền trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa… được thực thi hiệu quả, hoạt động của Toà án và các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần tuân thủ tuyệt đối các quy định về thủ tục bắt đầu phiên toà và thủ tục tranh tụng tại phiên toà tại Điều 302; 305; Điều 309; Điều 310, Điều 317, Điều 320, Điều 322. Mặt khác, Toà án phải có nghĩa vụ lắng

nghe, xem xét đầy đủ đề nghị, yêu cầu, lời trình bày và quyết định dựa trên cơ sở quy định của pháp luật.

Đối với việc bảo đảm quyền đề nghị hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên toà: Chủ tọa và Hội đồng xét xử điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau và cho phép người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đặt câu hỏi với bị cáo, người làm chứng, người giám định theo Điều 307 và các Điều 309, 310, 311 BLTTHS 2015. Những quy định này là cơ sở pháp lý để khẳng định Tòa án có nhiệm vụ tạo điều kiện, còn VKS có trách nhiệm kiểm sát, nhằm bảo đảm trên thực tế quyền đề nghị hỏi bị cáo và người tham gia phiên tòa của bị hại được tôn trọng và thực thi.

Đối với việc bảo đảm quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; quyền trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá: VKS và Tòa án cần thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá khách quan những gì được xuất trình, coi đó là một nguồn chứng cứ trong tổng thể chứng minh vụ án chứ không chỉ là "ý kiến tham khảo" của người tham gia tố tụng. Nghĩa vụ tiếp nhận được thể hiện trực tiếp ở Điều 252, Điều 253 BLTTHS 2015 khi quy định Tòa án "tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp" như một trong các hoạt động xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ. Đồng thời, *mọi chứng cứ phải được thu thập theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định (Điều 86 BLTTHS năm 2015)*, kéo theo trách nhiệm của VKS, Tòa án khi nhận được chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử từ người tham gia tố tụng là phải tiếp nhận, lập biên bản và đưa vào hồ sơ để xem xét, đánh giá. Quy định này cũng thể hiện trách nhiệm bảo đảm "quyền được lắng nghe" và quyền yêu cầu xem xét, đánh giá chứng cứ của người tham gia tố tụng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Đối với việc bảo đảm quyền đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật: trên cơ sở các nguyên tắc của BLTTHS năm 2015 về bảo đảm quyền con người, quyền công dân (Điều 8) và xác định sự thật vụ án (Điều 15), VKS và Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho bị hại và các bên liên quan thực hiện đầy đủ

quyền đề nghị giám định, định giá tài sản. Theo Điều 205, 206, 207, 211, 215 và 218 BLTTHS, khi có yêu cầu giám định, định giá hoặc giám định, định giá lại có ý nghĩa làm rõ bản chất vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng phải tiếp nhận, xem xét khách quan, kịp thời trưng cầu hoặc yêu cầu thực hiện, đồng thời kiểm sát, đánh giá chặt chẽ tính hợp pháp, giá trị chứng minh của kết luận, không được bỏ qua hay trì hoãn làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị hại.

Đối với việc bảo đảm quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật: trong giai đoạn XXST, việc bảo đảm tính vô tư, khách quan của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng là trách nhiệm trực tiếp của VKS và Tòa án. Khi có căn cứ tại các điều 49, 50, 51, 52 và 53 BLTTHS năm 2015, mỗi cơ quan có thẩm quyền phải tiếp nhận và xem xét yêu cầu thay đổi thuộc phạm vi mình quyết định (Toà án quyết định việc thay đổi Thẩm phán,.. VKS quyết định việc thay đổi KSV). Ngoài ra, Điều 302 BLTTHS quy định, khi bắt đầu phiên tòa, chủ tọa có nghĩa vụ hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng (trong đó có bị hại) về việc có yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng khác hay không; nếu có, VKS và Tòa án phải kịp thời ra quyết định chấp nhận hoặc bác bỏ và nêu rõ lý do. Quy định này góp phần duy trì tính khách quan, vô tư của những người tiến hành tố tụng trong giai đoạn XXST VAHS.

Đối với việc bảo đảm quyền đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường: điều 41 và Điều 266, 321 BLTTHS quy định VKS thực hành quyền công tố, tham gia phiên tòa, luận tội, tranh luận, đồng thời kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong toàn bộ quá trình xét xử. Trách nhiệm này bao gồm cả việc bảo đảm các ý kiến, chứng cứ, yêu cầu của bị hại về hình phạt, mức bồi thường và biện pháp bảo đảm bồi thường được phản ánh đầy đủ trong phần hỏi, phần luận tội và tranh luận, không bị bỏ qua hoặc xem nhẹ một cách tùy tiện. Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa có nhiệm vụ tổ chức, điều hành toàn bộ quá trình xét hỏi và tranh luận nhằm tạo điều kiện để bị hại thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng của mình. Các quy định tại Điều 317, 318, 320, 322 và 323 BLTTHS năm 2015 trao cho

Hội đồng xét xử thẩm quyền yêu cầu các chủ thể liên quan trình bày ý kiến, điều hành trình tự xét hỏi và tranh luận, bảo đảm quyền phát biểu, đối đáp của những người tham gia tố tụng, đồng thời quyết định trở lại việc xét hỏi khi cần thiết để làm rõ các tình tiết của vụ án. Thông qua đó, Tòa án có trách nhiệm bảo đảm để bị hại và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ được tham gia vào quá trình tranh tụng, thể hiện ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật và đề nghị về mức bồi thường thiệt hại.

Đối với việc bảo đảm quyền rút yêu cầu khởi tố vụ án, quyền trình bày lời buộc tội tại phiên toà trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại: các vụ án được khởi tố theo yêu cầu, theo khoản 1 Điều 155 BLTTHS 2015, VKS và Tòa án có trách nhiệm bảo đảm quyền rút yêu cầu khởi tố được thực hiện đúng pháp luật. VKS phải kiểm sát tính hợp pháp, tự nguyện của việc rút yêu cầu, kịp thời điều chỉnh việc thực hành quyền công tố; nếu có căn cứ cho rằng bị hại bị ép buộc, cưỡng bức thì vẫn phải tiếp tục tố tụng theo khoản 2 Điều 155 BLTTHS và hướng dẫn tại Công văn số 254/TANDTC-PC ngày 26/11/2018[122]. Về phía Tòa án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử có trách nhiệm kiểm tra trực tiếp tại phiên tòa, và khi đủ điều kiện, phải ra quyết định đình chỉ vụ án theo khoản 1 Điều 282 BLTTHS, thể hiện cơ chế pháp lý cụ thể để quyền tự định đoạt của bị hại được bảo đảm trong giai đoạn XXST. Quyền trình bày lời buộc tội của bị hại được bảo đảm thông qua nhiệm vụ, quyền hạn tranh tụng của VKS và Tòa án. Viện kiểm sát, theo các Điều 41, 266, 321 BLTTHS, phải thực hành quyền công tố, luận tội và đối đáp trên cơ sở kết quả xét hỏi, tạo khuôn khổ để nội dung buộc tội của bị hại được kiểm chứng công khai. Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa, căn cứ Điều 26, Điều 322 và điểm g khoản 2 Điều 62 BLTTHS, phải tổ chức phần tranh luận, bảo đảm cho bị hại (hoặc đại diện) được phát biểu, bổ sung, đối đáp sau phần luận tội, ghi nhận và đánh giá các nội dung buộc tội đó cùng với quan điểm của VKS khi nghị án và tuyên án, để bản án

[122] Công văn số 254/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trong trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu khởi tố vụ án.

vừa dựa trên chứng cứ đã được kiểm tra công khai, vừa phản ánh đầy đủ ý chí, lợi ích chính đáng của người yêu cầu khởi tố.

Đối với việc bảo đảm quyền tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình: Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có nhiệm vụ bảo đảm quyền tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp[123]. Họ phải có trách nhiệm giải thích quyền, đảm bảo thực hiện các thủ tục đăng kí, thay đổi, huỷ bỏ việc đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 13 Thông tư số 46/2019-BCA. Có thể khẳng định rằng quyền tự bảo vệ, quyền nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là quyền gắn bó với bị hại trong toàn bộ tiến trình giải quyết vụ án hình sự. Mặc dù pháp luật chưa quy định nhiệm vụ này của các cơ quan có thẩm quyền trong giai đoạn XXST, tuy nhiên việc ghi nhận ngay từ các giai đoạn trước khi xét xử cũng tạo tiền đề quan trọng để quyền đó tiếp tục được bảo đảm một cách tốt nhất ở giai đoạn XXST VAHS.

Đối với việc bảo đảm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa: Theo quy định tại khoản 3 Điều 485 và khoản 3 Điều 487 BLTTHS năm 2015, Tòa án có nhiệm vụ chủ động và kịp thời bảo đảm quyền của bị hại trong việc được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản của mình. Khi xét thấy có căn cứ cho rằng bị hại hoặc người thân của họ bị đe dọa, có nguy cơ bị xâm hại, Tòa án phải lập văn bản đề nghị Cơ quan điều tra trực tiếp thụ lý VAHS ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ. Đồng thời, trong quá trình tiến hành tố tụng, nếu Tòa án nhận được đề nghị hoặc yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ từ người tham gia tố tụng, cơ quan này có trách nhiệm xem xét ngay và gửi văn bản đề nghị Cơ quan điều tra cùng cấp (hoặc cấp tỉnh trong trường hợp Tòa

[123] Điều 8, Thông tư số 46/2019/TT - BCA quy định trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong việc thực hiện các quy định của BLTTHS năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

án nhân dân khu vực) quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ. Quy định này thể hiện rõ nhiệm vụ của Tòa án trong việc bảo đảm quyền được bảo vệ an toàn thân thể và quyền nhân thân của người tham gia tố tụng, góp phần thực thi nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong TTHS, đồng thời củng cố niềm tin của bị hại vào công lý và hoạt động tư pháp.

Thứ ba, nhiệm vụ, quyền hạn của VKS, Toà án trong việc bảo đảm nhóm quyền bảo đảm cơ chế giám sát và khắc phục sai sót trong giai đoạn XXST VAHS

Đối với việc bảo đảm quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Điều 477 BLTTHS năm 2015 xác định rõ thẩm quyền, trình tự và thời hạn giải quyết khiếu nại đối với các quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm tra viên và các chức danh khác trong hệ thống Tòa án. Đây chính là cơ sở để đánh giá nhiệm vụ của Tòa án trong việc bảo đảm quyền khiếu nại của bị hại. Theo khoản 1, 2 và 3 Điều 477 BLTTHS năm 2015, các Chánh án Tòa án các cấp (khu vực, tỉnh, quân khu, tối cao) có trách nhiệm trực tiếp giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết khiếu nại trong thời hạn luật định, cụ thể: 07 ngày đối với cấp xét xử trực tiếp (Thẩm phán, Thư ký, Phó Chánh án); 15 ngày đối với cấp trên hoặc khi khiếu nại quyết định của Chánh án. Đồng thời, Điều 477 quy định cơ chế hai cấp giải quyết khiếu nại (Chánh án Toà án cấp dưới và Chánh án Toà án cấp trên), bảo đảm người bị khiếu nại không đồng thời là người giải quyết khiếu nại. *Ví dụ:* Khiếu nại hành vi tố tụng của Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực sẽ do Chánh án Tòa án khu vực giải quyết; nếu người khiếu nại không đồng ý, họ có quyền khiếu nại lên Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Cơ chế này thể hiện nguyên tắc kiểm soát quyền lực trong nội bộ Tòa án, tránh tình trạng "vừa đá bóng, vừa thổi còi". Đây là nhiệm vụ bảo đảm tính vô tư, khách quan của Tòa án, đồng thời củng cố niềm tin của bị hại vào khả năng được xem xét công bằng. Tòa án cũng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại (bị hại hoặc người đại diện của họ); ghi rõ căn cứ pháp lý, lý do chấp nhận hoặc bác bỏ khiếu nại và giao quyết định đúng thời hạn.

Đối với việc bảo đảm quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án: để bảo đảm quyền này được thực hiện trên thực tế, pháp luật đã ghi nhận một số quy định quan trọng về nhiệm vụ của Tòa án cấp sơ thẩm:

Thứ nhất, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS năm 2015 xác định rõ trách nhiệm của Tòa án trong việc ghi nhận quyền kháng cáo của bị hại ngay trong phần quyết định của bản án. Đây là cơ sở pháp lý bảo đảm cho bị hại được thông báo, giải thích rõ ràng về quyền kháng cáo, bao gồm cả mốc thời điểm tính thời hạn kháng cáo khi họ có mặt hoặc vắng mặt tại phiên tòa. Khi tuyên án, Thẩm phán chủ tọa phải trực tiếp phổ biến quyền này, giúp bị hại nhận thức đầy đủ và thực hiện kịp thời quyền của mình. Việc ghi rõ quyền kháng cáo trong bản án và giải thích công khai tại phiên tòa không chỉ là yêu cầu thủ tục, mà còn thể hiện trách nhiệm bảo đảm quyền tiếp cận công lý, tính minh bạch và nhân văn trong hoạt động XXST. Ngoài ra, Điều 327 BLTTHS năm 2015 về tuyên án: Sau khi đọc xong bản án, Chủ toạ phiên toà có thể giải thích thêm về việc chấp hành bản án và quyền kháng cáo.

Thứ hai, trách nhiệm của Tòa án cấp sơ thẩm trong việc giao nhận bản án, quyết định đúng thời hạn luật định. Khoản 1 Điều 262 BLTTHS năm 2015 nêu rõ: *"Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án, Tòa án cấp sơ thẩm phải giao bản án cho…bị hại....."*. Bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật là đối tượng của kháng cáo. Vì vậy, việc giao các văn bản này giúp bị hại có đủ thời gian nghiên cứu, đánh giá nội dung bản án, từ đó quyết định có kháng cáo hay không, kháng cáo toàn bộ hay một phần bản án, cũng như chuẩn bị các tài liệu, chứng cứ bổ sung phục vụ cho quá trình phúc thẩm.

Thứ ba, trách nhiệm tiếp nhận và xử lý kháng cáo. BLTTHS hiện hành quy định: "người kháng cáo có thể trình bày trực tiếp với Tòa án đã XXST hoặc Tòa án cấp phúc thẩm về việc kháng cáo" (Khoản 1 Điều 332 BLTTHS năm 2015). Vì vậy, khi tiếp nhận kháng cáo, Toà án phải lập biên bản về việc kháng cáo theo quy định tại Điều 133 BLTTHS, đồng thời phải vào sổ tiếp nhận và xử lý kháng cáo theo quy định tại Điều 134 BLTTHS. Đặc biệt, trong trường hợp bị hại không thể thực hiện

được việc kháng cáo trong thời hạn vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm vẫn phải thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 335 BLTTHS để xét kháng cáo quá hạn, bảo đảm một cách tốt nhất quyền của bị hại. Khi Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng trách nhiệm, quyền kháng cáo của bị hại được bảo đảm thực chất chứ không chỉ tồn tại trên giấy tờ. Tòa án cấp sơ thẩm với nhiệm vụ giao nhận bản án, quyết định đúng thời hạn và xử lý kháng cáo theo luật giúp bị hại có cơ sở thực hiện quyền của mình. Trong khi đó, Tòa án cấp phúc thẩm đóng vai trò giám sát, xem xét lại bản án sơ thẩm, khắc phục sai sót, bảo đảm công bằng, minh bạch. Sự phối hợp của hai cấp Tòa án tạo nên cơ chế kiểm soát hiệu quả, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị hại.

Ngoài Tòa án và VKS, nhiều chủ thể khác cũng có nhiệm vụ pháp lý góp phần bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST. *Trước hết*, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (luật sư, trợ giúp viên pháp lý, người đại diện) có trách nhiệm tham gia tố tụng để tư vấn, soạn thảo đơn từ (trong đó có đơn kháng cáo, khiếu nại, tố cáo), thu thập, xuất trình chứng cứ, tham gia hỏi và tranh luận tại phiên tòa nhằm bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại. Họ là chủ thể giúp cho bị hại khắc phục hạn chế về hiểu biết pháp luật, kỹ năng tố tụng, từ đó sử dụng hiệu quả các quyền mà BLTTHS trao cho. *Thứ hai,* Đoàn luật sư, Liên đoàn luật sư, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý có nghĩa vụ tiếp nhận yêu cầu, phân công trợ giúp viên, luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại thuộc diện được trợ giúp. Các cơ quan giám định có nhiệm vụ phối hợp đảm bảo các yêu cầu về giám định của bị hại, người đại diện của bị hại.

Đối với những VAHS được xét xử trực tuyến, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng đối tại phiên tòa trực tuyến trước hết vẫn phải xuất phát từ các quy định chung của BLTTHS 2015, sau đó mới được "cụ thể hóa trong môi trường số" bởi Nghị quyết số 33/2021/QH15[124] và TTLT số 05/2021[125]. Một số

[124] Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về tổ chức phiên toà trực tuyến

nhiệm vụ, quyền hạn được bổ sung cho Toà án trong phiên toà trực tuyến như: Tòa án phải bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, an ninh, an toàn thông tin, cũng như khả năng bảo đảm đầy đủ các quyền tố tụng của bị hại. Quy định này đặt lên Tòa án nghĩa vụ thẩm định, lựa chọn vụ án, đánh giá điều kiện cụ thể trước khi quyết định xét xử trực tuyến; nếu điều kiện kỹ thuật không bảo đảm cho bị hại tham gia một cách đầy đủ, liên tục thì Tòa án không được lựa chọn hình thức trực tuyến. TTLT số 05/2021 bổ sung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13, yêu cầu Chủ tọa phiên tòa khi khai mạc phiên tòa trực tuyến phải phổ biến thêm nội dung liên quan đến hình thức xét xử trực tuyến, khẳng định rằng việc tổ chức phiên tòa theo phương thức trực tuyến "không làm ảnh hưởng đến việc bảo đảm đầy đủ các quyền tố tụng của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác". Điểm c khoản 2 Điều 13 TTLT số 05/2021 quy định rõ: trường hợp phát sinh tài liệu, chứng cứ mới dưới dạng văn bản tại điểm cầu thành phần, Chủ tọa phiên tòa tiếp nhận thông qua dữ liệu điện tử; người được giao hỗ trợ tại điểm cầu có trách nhiệm sao chụp, trình chiếu công khai tài liệu, chứng cứ trên hệ thống để Hội đồng xét xử, KSV và những người tham gia tố tụng xem xét; đồng thời lập biên bản tiếp nhận theo Điều 133 và Điều 305 BLTTHS năm 2015. Cơ chế này bảo đảm rằng chứng cứ do bị hại, người tham gia tố tụng khác cung cấp tại điểm cầu thành phần vẫn được xử lý đúng trình tự tố tụng, được công khai, tranh luận như trong phiên tòa trực tiếp… Đối với KSV, khi phiên tòa được tổ chức trực tuyến theo Nghị quyết số 33/2021/QH15, KSV phải phối hợp với Tòa án và cơ quan công an, cơ sở giam giữ để bố trí điểm cầu phù hợp cho bị hại, người tham gia tố tụng khác (nhất là khi họ ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại khó khăn), bảo đảm họ có thể kết nối và tham gia phiên tòa mà không bị cản trở về kỹ thuật. Nếu phát hiện quyền của bị hại, người tham gia tố tụng nào bị hạn chế do lỗi kỹ thuật của hệ thống trực tuyến (ví dụ: bị hại không được nghe, không được thấy, không được phát biểu), KSV có quyền đề nghị Chủ tọa tạm ngừng, hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 14 TTLT số 05/2021 để khắc phục, qua đó thực hiện đúng chức năng kiểm sát hoạt động xét xử.

---

[125] Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến.

2.1.4. Quy định về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Các quy định về trình tự, thủ tục XXST là cơ sở quan trọng để bị hại tham gia vào quá trình giải quyết vụ án, thực hiện các quyền tố tụng của mình và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm hại.

Tại thủ tục bắt đầu phiên toà: Theo quy định tại Điều 302 BLTTHS năm 2015, ngay sau khi khai mạc phiên tòa, chủ tọa phiên tòa phải hỏi bị hại xem họ có yêu cầu thay đổi thẩm phán, hội thẩm, KSV, thư ký Tòa án, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật hay không. Đây là một trách nhiệm bắt buộc của Tòa án, thể hiện rõ vai trò của cơ quan xét xử trong việc bảo đảm tính khách quan, vô tư của toàn bộ quá trình tố tụng. Nếu Tòa án không hỏi hoặc không xem xét yêu cầu thay đổi khi có căn cứ, đó có thể bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Trong thủ tục này, bị hại có quyền đề nghị xem xét chứng cứ, yêu cầu hoãn phiên tòa khi có người vắng mặt mà họ cho rằng sự vắng mặt đó ảnh hưởng đến quyền lợi của mình. Tòa án sẽ lắng nghe, ghi nhận và xem xét đầy đủ ý kiến của bị hại trước khi quyết định có tiếp tục phiên tòa hay hoãn. Đánh giá khách quan tính cần thiết của sự có mặt của các chủ thể khác (như bị cáo, người làm chứng, người giám định...) để tránh việc xét xử khi chưa bảo đảm điều kiện tranh tụng đầy đủ.

Tại thủ tục xét hỏi: Để đảm bảo các quyền được ghi nhận tại điểm d khoản 2 Điều 62, Điều 307 và Điều 310 BLTTHS năm 2015, Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho bị hại được trực tiếp trình bày, nêu ý kiến và đề nghị kiểm tra, đánh giá các chứng cứ, tài liệu, đồ vật có liên quan đến vụ án. Trong quá trình xét hỏi, chủ tọa phiên tòa phải điều hành để bị hại được trình bày ý kiến, đề nghị hỏi bị cáo hoặc người tham gia tố tụng khác, đồng thời ghi nhận đầy đủ nội dung phát biểu trong biên bản phiên tòa (Điều 258). Trách nhiệm của Tòa án là bảo đảm công bằng giữa bên buộc tội và bên bị hại, cho phép mọi chứng cứ được kiểm chứng công khai, tránh việc Hội đồng xét xử chỉ dựa vào kết quả điều tra hoặc ý kiến của VKS.

Khi đại diện cơ quan, tổ chức hoặc Hội đồng xét xử công bố các báo cáo, tài liệu, hoặc kết luận giám định, định giá tài sản, Tòa án phải cho phép bị hại trình bày

nhận xét, nêu quan điểm phản biện và hỏi người có trách nhiệm về nội dung còn chưa rõ hoặc mâu thuẫn (Điều 315 và Điều 316 BLTTHS năm 2015). Trách nhiệm cụ thể của Tòa án là phải tổ chức phần xét hỏi và công bố chứng cứ công khai, minh bạch; Điều hành việc trao đổi giữa bị hại và các chủ thể khác trong giới hạn pháp luật, bảo đảm trật tự nhưng không hạn chế quyền được phản biện; Ghi nhận ý kiến của bị hại để làm căn cứ cho phần tranh luận và nghị án. Điều này thể hiện rõ vai trò của Tòa án với tư cách "người bảo đảm công bằng tố tụng", không chỉ xét xử mà còn phải tạo điều kiện để các bên được tham gia tranh tụng, giúp làm rõ tính xác thực và độ tin cậy của chứng cứ.

Khi Hội đồng xét xử quyết định xem xét vật chứng không thể đưa đến phiên tòa hoặc tiến hành xem xét tại chỗ, Tòa án có nghĩa vụ thông báo, cho phép bị hại tham dự và trình bày nhận xét của mình về vật chứng hoặc địa điểm có liên quan đến vụ án (Điều 312 và Điều 314 BLTTHS năm 2015). Quy định này bảo đảm tính công khai và kiểm chứng độc lập trong quá trình thu thập và đánh giá chứng cứ tại giai đoạn xét xử. Tòa án phải bảo đảm sự có mặt của bị hại trong những hoạt động này, nếu không sẽ làm giảm giá trị của kết quả xem xét và có thể vi phạm quyền được tham gia tố tụng của bị hại.

Tại thủ tục tranh luận: Tòa án thông qua chủ tọa phiên tòa có nhiệm vụ điều hành, tạo điều kiện cho bị hại được trình bày đầy đủ ý kiến, quan điểm và đề nghị của mình về mọi vấn đề có liên quan đến vụ án. Khác với thủ tục xét hỏi (nơi bị hại chỉ được phát biểu trong giới hạn các tình tiết liên quan đến họ), tại thủ tục tranh luận, phạm vi phát biểu của bị hại không bị giới hạn - họ có thể nêu ý kiến về tội danh, mức hình phạt, bồi thường thiệt hại, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hoặc các vấn đề khác có liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bị hại được phát biểu liên tục, không bị ngắt lời hoặc cắt ngang tùy tiện; Chỉ được quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án hoặc lặp lại, tránh lạm quyền hạn chế quyền tranh luận; Ghi nhận đầy đủ nội dung phát biểu của bị hại trong biên bản phiên tòa (Điều 258 BLTTHS năm 2015), làm cơ sở pháp lý để xem xét trong nghị án.

Tòa án có nhiệm vụ bảo đảm cơ chế tranh luận hai chiều, nghĩa là mọi ý kiến của bị hại đều phải được VKS phản hồi công khai tại phiên tòa. Nhiệm vụ cụ thể của Tòa án là bảo đảm bị hại được quyền phản biện và được phản hồi; Điều hành phiên tòa để đảm bảo nguyên tắc "bình đẳng trong tranh luận", tránh tình trạng Kiểm sát viên chỉ luận tội một chiều mà không đáp ứng hoặc bỏ qua ý kiến của bị hại. Khi Kiểm sát viên không trả lời hoặc né tránh, Chủ tọa phiên tòa có quyền yêu cầu VKS phát biểu lại để bảo đảm quyền tranh luận của các bên được thực hiện thực chất.

Tại thủ tục nghị án và tuyên án: Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết trong phòng nghị án trên cơ sở toàn bộ chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến, yêu cầu, lập luận của các bên, trong đó có bị hại và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ đã được ghi nhận trong biên bản phiên tòa. Việc nghị án phải được lập biên bản nghị án theo Điều 259 BLTTHS 2015, ghi rõ diễn biến nghị án và kết quả biểu quyết của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, trong đó có trách nhiệm hình sự, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại. Khi tuyên án, Chủ tọa phiên tòa phải đọc toàn văn bản án và giải thích rõ quyền, nghĩa vụ của các đương sự, trong đó có bị hại. Cụ thể giải thích cho bị hại hiểu nội dung bản án, quyền kháng cáo và các thủ tục thi hành án; Bảo đảm bị hại không bị thiệt thòi do hạn chế về ngôn ngữ hoặc trình độ pháp lý, qua đó bảo đảm quyền tiếp cận công lý thực chất. Nếu bị hại không biết tiếng Việt, Tòa án phải bố trí người phiên dịch khi tuyên án, hoặc người dịch thuật khi cần chuyển bản án, quyết định sang ngôn ngữ mà bị hại hiểu được. Việc bảo đảm này là nghĩa vụ của Tòa án, không phụ thuộc vào yêu cầu của bị hại.

Trình tự, thủ tục của phiên tòa xét xử trực tuyến được thực hiện theo quy định của BLTTHS năm 2015 và TTLT số 05/2021[126]. Điều 13 và Điều 14 TTLT 05/2021 bảo đảm rằng mọi khâu từ kiểm tra căn cước, phổ biến quyền và nghĩa vụ, tiếp nhận và trình chiếu chứng cứ, ghi âm – ghi hình, đến xử lý sự cố kỹ thuật, tình tiết mới đều có cơ chế pháp lý tương ứng, qua đó duy trì đầy đủ các bảo đảm tố tụng theo BLTTHS năm 2015 trong điều

[126] Văn bản hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 33/2021/QH15 của Quốc hội về tổ chức phiên tòa trực tuyến

kiện trực tuyến. Điều này tạo nền tảng quan trọng để khẳng định: nếu được tổ chức đúng quy định, phiên tòa trực tuyến vẫn có thể bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nói riêng và người tham gia tố tụng nói chung.

2.1.5. Quy định về giám sát việc thực thi quyền của bị hại

"*Kiểm tra, giám sát trong hoạt động TTHS mang tính tất yếu do xu thế lạm quyền trở thành quy luật phổ biến của việc tổ chức, thực hiện quyền lực Nhà nước. Bất kỳ ai khi có quyền lực trong tay, bất kỳ nơi nào có quyền lực thì đều có xu hướng mở rộng quyền và sử dụng quyền cho đến khi nào gặp giới hạn. Xu hướng lạm quyền đó sẽ trở nên phổ biến, chuyên quyền nếu không có cơ chế giám sát quyền lực hiệu quả. Vì vậy, việc kiểm tra, giám sát thực hiện quyền lực Nhà nước được coi là vấn đề cơ bản, trọng yếu của nhà nước pháp quyền, là một trong những công cụ chính trị - pháp lý quan trọng để hạn chế việc lạm quyền*"[127]. "*Các cơ quan giám sát có nhiệm vụ cơ bản là xác định các sự việc vi phạm pháp luật và trong nhiều trường hợp là xác định hành vi không đúng pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức của Nhà nước mâu thuẫn với các nghĩa vụ và các nguyên tắc cơ bản của việc quản lý trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*"[128]. Vì vậy, BLTTHS hiện hành ghi nhận "kiểm tra, giám sát trong tố tụng hình sự" là một nội dung mang tính nguyên tắc. Đối với quyền của bị hại, cơ chế giám sát trong XXST bảo đảm rằng quyền tố tụng của họ không chỉ được ghi nhận trong văn bản quy phạm pháp luật mà còn được thực thi hiệu quả trên thực tế. Việc Tòa án, VKS và các chủ thể khác chịu sự giám sát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giúp ngăn ngừa nguy cơ tùy tiện, lạm quyền hoặc bỏ sót quyền của bị hại. Hiện nay, có quan điểm cho rằng: "*Cơ chế kiểm tra giám sát đối với hoạt động TTHS bao gồm nhiều thành tố, có những thành tố bên trong (kiểm tra giám sát của các cơ quan tiến hành tố tụng), những thành tố bên ngoài thuộc về nội bộ hệ thống cơ quan Nhà nước (Quốc hội, Hội dồng nhân dân các cấp, đại biểu dân cử, các cơ quan nhà nươc khác) và giám*

[127] Nguyễn Ngọc Chí (2011), Cơ chế kiểm tra, giám sát trong hoạt động tố tụng hình sự Việt Nam – thực trạng và phương hướng hoàn thiện, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học*, tr. 111 file:///Users/conde/Downloads/979-1-1900-1-10-20160518.pdf

[128] Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật những vấn đề cơ bản, Giáo trình giảng dạy sau đại học*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 199

sát xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận)"[129]. Nghiên cứu sinh đồng ý với quan điểm nêu trên và cho rằng, quy định về giám sát việc thực thi quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS bao gồm:

Quy định về kiểm sát của VKS đối việc thực thi quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS

Điều 4 Luật tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 20 BLTTHS năm 2015 ghi nhận VKSND có chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp. Trong vụ án hình sự, VKS thực hiện giám sát việc thực thi quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS thông qua việc thực hiện chức năng kiểm sát. Pháp luật TTHS Việt Nam quy định rõ cơ chế giám sát của VKSND đối với việc thực thi quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Căn cứ Điều 4 Luật Tổ chức VKSND 2014 và Điều 33, Điều 267 BLTTHS năm 2015, VKS có trách nhiệm kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Tòa án và các chủ thể tiến hành tố tụng nhằm bảo đảm quyền tố tụng của bị hại được thực thi đúng pháp luật và không bị cản trở. Cơ quan này thực hiện việc kiểm sát toàn diện quá trình xét xử, bao gồm: kiểm sát trình tự, thủ tục tố tụng; kiểm sát việc tống đạt, thông báo, triệu tập và bảo đảm quyền được tham gia phiên tòa của bị hại; kiểm sát bản án, quyết định và các văn bản tố tụng khác của Tòa án để kịp thời phát hiện và kháng nghị nếu có vi phạm xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại.

Bên cạnh đó, VKS có quyền kiến nghị, yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng khắc phục vi phạm, bảo đảm bị hại được thực hiện các quyền đã được pháp luật ghi nhận như quyền phát biểu ý kiến, tranh luận, kháng cáo, nhận bản án và quyết định. Cơ chế này thể hiện vai trò trọng yếu của VKS trong kiểm soát quyền lực tư pháp, góp phần bảo đảm quyền của bị hại không chỉ được ghi nhận về mặt hình thức mà còn được bảo vệ thực chất trong suốt quá trình XXST VAHS.

[129] Nguyễn Ngọc Chí (2011), tlđd, tr. 112.

Qui định về giám sát của Toà án đối việc thực thi quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS

So với BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 không còn ghi nhận nguyên tắc giám đốc việc xét xử là một trong những nguyên tắc cơ bản[130]. Tuy nhiên, nội dung này vẫn được ghi nhận tại Hiến pháp năm 2013: "*Tòa án nhân dân tối cao giám đốc việc xét xử của các Tòa án khác, trừ trường hợp do luật định*"[131]. Việc loại bỏ nguyên tắc này ra khỏi hệ thống các nguyên tắc cơ bản của luật TTHS là hợp lý và có cơ sở lý luận vững chắc. *Thứ nhất*, nguyên tắc này đã được quy định tại Hiến pháp - văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất nên không cần thiết phải lặp lại trong BLTTHS. *Thứ hai,* "giám đốc việc xét xử" về bản chất chỉ điều chỉnh một giai đoạn cụ thể của tố tụng (giai đoạn xét xử), không có phạm vi bao quát toàn bộ quá trình giải quyết VAHS. Do đó, việc duy trì nguyên tắc này sẽ không bảo đảm tính khái quát, tính định hướng của các nguyên tắc nền tảng.

"Giám đốc việc xét xử" là cơ chế mà Tòa án nhân dân tối cao kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn và hợp pháp trong hoạt động xét xử của các Tòa án cấp dưới. Mặc dù không còn được ghi nhận là nguyên tắc cơ bản trong BLTTHS năm 2015, nhưng cơ chế này vẫn tồn tại như một "công cụ" giám sát quan trọng, bảo đảm tính thống nhất và đúng đắn trong hoạt động xét xử. Cơ chế giám đốc xét xử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Thông qua việc kiểm tra bản án, quyết định, biên bản phiên tòa và toàn bộ quy trình tố tụng, Tòa án cấp trên có thể phát hiện những sai sót, vi phạm hoặc hành vi làm hạn chế quyền tố tụng của bị hại (như quyền tham gia phiên tòa, quyền phát biểu ý kiến, quyền nhận bản án, quyết định, quyền kháng cáo). Trên cơ sở đó, Tòa án cấp trên có thể kháng nghị giám đốc thẩm hoặc có kiến nghị nhằm khắc phục vi phạm. Giám đốc việc xét xử được thể hiện rõ qua thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm và Hội đồng tái thẩm theo quy định tại Điều 388 và Điều 402 BLTTHS năm 2015. Cụ thể, khi phát hiện bản án hoặc quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực

[130] Điều 21 BLTTHS năm 2003 ghi nhận "nguyên tắc giám đốc việc xét xử" là một trong những nguyên tắc cơ bản của TTHS

[131] khoản 2 Điều 104 Hiến pháp năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2025

pháp luật vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia tố tụng (trong đó có bị hại), Hội đồng giám đốc thẩm có thể hủy bản án, quyết định huỷ bản án để điều tra lại hoặc xét xử lại từ cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm. Tương tự, Hội đồng tái thẩm cũng có quyền hủy bản án hoặc quyết định bị kháng nghị để xét xử lại khi có căn cứ pháp lý rõ ràng. Quy định này thể hiện rõ cơ chế giám sát của Tòa án cấp trên đối với hoạt động xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, qua đó bảo đảm tính đúng đắn, hợp pháp và khách quan trong quá trình giải quyết vụ án. Đặc biệt, giám đốc thẩm và tái thẩm là công cụ kiểm soát hữu hiệu để kịp thời phát hiện và khắc phục những vi phạm làm ảnh hưởng đến quyền tham gia tố tụng, quyền trình bày ý kiến, quyền kháng cáo hoặc các quyền lợi pháp lý khác của bị hại trong phiên tòa sơ thẩm.

Quy định về giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân

Cơ quan dân cử giữ vai trò quan trọng trong việc giám sát hoạt động của Tòa án, VKS. Thông qua các hoạt động giám sát tối cao và giám sát tại địa phương như: xem xét báo cáo công tác của Tòa án nhân dân, giám sát văn bản quy phạm pháp luật, chất vấn Chánh án, giám sát chuyên đề, xem xét việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân, Quốc hội và Hội đồng nhân dân có điều kiện phát hiện những bất cập, vi phạm trong thực tiễn xét xử, trong đó có việc thực thi quyền của bị hại. Những kênh giám sát này tạo áp lực buộc Tòa án phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bảo đảm bị hại được tham gia phiên tòa, được trình bày ý kiến, tranh luận, được giải quyết yêu cầu bồi thường… qua đó góp phần bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong XXST VAHS. Quốc hội và Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ giám sát dựa trên cơ sở các quy định của Điều 4, Điều 5 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân[132]. Nội dung giám sát tiếp tục được cụ thể hoá tại các Điều 11, Điều 22, Điều 37; Điều 47; Điều 48. Ngoài ra còn có các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân Điều 57; Điều 66; Điều 76; khoản 1 Điều 83... Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[132] Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Quy định về giám sát của Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về quyền giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận đối với hoạt động của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong đó bao gồm cả giai đoạn XXST VAHS. Cụ thể, các chủ thể này có quyền giám sát việc thực hiện pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và bảo đảm quyền của những người tham gia tố tụng, trong đó có bị hại.

Nếu phát hiện hành vi trái pháp luật hoặc có dấu hiệu vi phạm quyền của bị hại, cơ quan Nhà nước và đại biểu dân cử có quyền yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng xem xét, khắc phục; còn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên có quyền kiến nghị yêu cầu xử lý. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bắt buộc phải xem xét, giải quyết và trả lời kiến nghị, yêu cầu này theo đúng quy định pháp luật. Cơ chế này thể hiện rõ chức năng kiểm soát quyền lực tư pháp từ bên ngoài hệ thống tư pháp, góp phần bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động xét xử. Trong mối quan hệ với quyền của bị hại, quy định này tạo thêm một "lớp bảo vệ" quan trọng bên ngoài, giúp phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm có thể làm ảnh hưởng đến quyền được tham gia tố tụng, quyền yêu cầu bảo vệ lợi ích hợp pháp của bị hại tại phiên tòa sơ thẩm. Qua đó, cơ chế giám sát này góp phần củng cố nền tảng pháp lý và thực tiễn cho việc bảo đảm thực chất quyền của bị hại trong tố tụng hình sự.

Bên cạnh đó, chính bị hại, người tham gia tố tụng khác cũng có thể giám sát việc thực thi quyền của chính mình thông qua quyền khiếu nại, kháng cáo theo BLTTHS năm 2015.

Đối với những phiên toà xét xử trực tuyến, cơ chế giám sát cũng được thực hiện như phiên toà truyền thống. Trong đó, nổi bật là quy định về giám sát việc thực thi quyền của bị hại dựa trên việc ghi âm, ghi hình toàn bộ phiên toà trực tuyến theo

điểm d, khoản 2 Điều 13 TTLT 05/2021, Khoản 3 Điều 141 Luật tổ chức Toà án nhân dân năm 2024.

2.2. Thực tiễn bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.2.1. Những kết quả đạt được

Về việc thực hiện một số nguyên tắc cơ bản: Một là, "Tòa án các cấp tổ chức xét xử nghiêm túc, đúng tiến độ, đúng pháp luật, không có vùng cấm, không có ngoại lệ… Việc xét xử đảm bảo nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; chưa phát hiện trường hợp nào kết án oan người vô tội… Hình phạt áp dụng đối với các bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Các trường hợp cho bị cáo hưởng án treo được cân nhắc kỹ lưỡng; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm đúng pháp luật, phát huy ý nghĩa nhân văn, tạo điều kiện cho người bị kết án được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền"[133]. Hai là, "*chất lượng tranh tụng tại phiên tòa tiếp tục được bảo đảm theo hướng thực chất, hiệu quả…*"[134]. Đây là nền tảng quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Bị hại có điều kiện trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ, bảo vệ quyền lợi của mình và được Tòa án xem xét khách quan. Việc áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng phản ánh sự bảo đảm công bằng đối với bị hại, bởi mức hình phạt không chỉ có ý nghĩa trừng trị người phạm tội mà còn thể hiện sự ghi nhận mức độ thiệt hại và hậu quả mà bị hại phải gánh chịu. Việc cụ thể hóa nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử hình sự thời gian qua đã đem lại nhiều chuyển biến tích cực. *Về việc thực hiện quyền của bị hại:* trong 1000 bản án hình sự phúc thẩm được nghiên cứu, hơn 90% quyết định của Hội đồng xét xử thể hiện rằng: bản án của Toà án cấp sơ thẩm đảm bảo được tính hợp pháp và tính có căn cứ, bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. Cụ thể: có 580/1000 (58%) trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và

[133] Toà án nhân dân tối cao (2024), Tlđd.
[134] Toà án nhân dân tối cao (2023), *Báo cáo Tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các Toà án.*

giữ nguyên bản án sơ thẩm; 392/1000 (39,2%)[135] trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giảm mức bồi thường thiệt hại cho bị cáo. Việc huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng nặng chiếm tỷ lệ rất nhỏ 23/1000 vụ (2,3%)[136]. Ngoài ra, có 213 đơn kháng cáo của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, chiếm tỷ lệ 21,3%[137].Đây là kết quả đáng ghi nhận là quyền kháng cáo của bị hại đã được thực hiện trên thực tế, qua đó tạo điều kiện để bị hại yêu cầu Tòa án cấp trên xem xét lại bản án, quyết định sơ thẩm có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Kết quả khảo sát cho thấy, bị hại, người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thực hiện quyền kháng cáo trong 21,3% số bản án, quyết định sơ thẩm được khảo sát. Số liệu này phản ánh việc cơ chế kháng cáo đã được các chủ thể sử dụng như một phương thức tố tụng để tiếp tục bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại sau xét xử sơ thẩm.

. Nhiều phiên toà đã bảo đảm được quyền của bị hại, đặc biệt là quyền được bồi thường thiệt hại. *Ví dụ*: vụ án Nguyễn Đức Tr. bị đưa ra xét xử về tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123, Hội đồng xét xử đã tôn trọng, ghi nhận chi tiết thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và đại diện của bị hại trong nội dung bản án. Toà án không chỉ xác nhận khoản tiền đã bồi thường tại phiên toà mà còn ràng buộc trách nhiệm tiếp tục thanh toán đủ số tiền bồi thường còn lại. Việc ghi nhận rõ nghĩa vụ trả dần và trách nhiệm chịu lãi nếu chậm thực hiện tạo cơ chế cưỡng chế dân sự hiệu quả, bảo đảm quyền được bồi thường của gia đình bị hại (do bị hại đã chết). Đồng thời, Tòa án vẫn xem xét thấu đáo các tình tiết giảm nhẹ để áp dụng hình phạt ở mức hợp lý, khuyến khích bị cáo cải tạo, khắc phục hậu quả[138]. Như vậy, kết quả giải quyết vụ án đã thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa bảo vệ quyền lợi của bị hại và bảo đảm tính nhân đạo với bị cáo. Ngoài ra, việc tổ chức phiên toà xét xử trực tuyến đã đạt được kết quả nhất định: "hồ sơ điện tử và các nền tảng trực tuyến cho phép người được trợ giúp pháp lý, đặc biệt là đồng bào vùng sâu, vùng xa, tiết kiệm thời gian đi lại, giảm chi phí và được hỗ trợ kịp thời ngay từ giai đoạn đầu của quá trình

[135] Bảng 2.6, Phụ lục 7
[136] Bảng 2.6, Phụ lục 7.
[137] Bảng 2.5, Phụ lục 7
[138] Phụ lục 5.1

tố tụng, thực thi được các quyền liên quan đến hoạt động tố tụng, đặc biệt là quyền tiếp cận công lý".

Về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Một là, trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025, Tòa án các cấp đã thụ lý 627.755 vụ án hình sự sơ thẩm và đã giải quyết, xét xử 545.342 vụ, đạt tỷ lệ 86,87%. Ngoại trừ giai đoạn 2020 – 2023 có tỷ lệ giải quyết dao động từ 80,51% đến 82,64%, các năm còn lại đều đạt trên 91%, trong đó năm 2024 đạt tỷ lệ cao nhất là 93,34%[139]. Điều này cho thấy các Tòa án đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ xét xử, bảo đảm phần lớn các vụ án được giải quyết trong thời hạn luật định, góp phần hạn chế tình trạng tồn đọng án và nâng cao hiệu quả hoạt động tư pháp. Kết quả trên cũng tạo điều kiện quan trọng cho việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Việc các vụ án được đưa ra xét xử kịp thời giúp bị hại sớm thực hiện các quyền tố tụng theo quy định của BLTTHS. Tòa án ngày càng chú ý tạo điều kiện cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị hại trong việc tiếp cận, sao chụp hồ sơ, cung cấp và bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật; các chứng cứ mới thường được tiếp nhận, xem xét và đánh giá trực tiếp tại phiên tòa. Số bản án hình sự sơ thẩm bị giám đốc thẩm huỷ để xét xử lại từ năm 2020 đến năm 2025 giao động từ 26 vụ đến 65 vụ chiếm tỷ lệ từ 0.19% đến 0.25%[140] (trung bình 0.19%%). Số VAHS toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại giao động từ 19 vụ đến 100 vụ chiếm tỷ lệ từ 0.03% đến 0.16% (trung bình 0.07%). Số bản kiến nghị của VKS với Toà án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động XXST giao động từ 643 bản kiến nghị đến 994 bản kiến nghị, chiếm tỷ lệ từ 1,03% đến 1,25% (trung bình là 1,22%)[141]. Những số liệu trên cho thấy công tác XXST VAHS cơ bản được thực hiện đúng quy định của pháp luật, với tỷ lệ bản án bị hủy để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm và giám đốc thẩm ở mức thấp. Điều này phản ánh chất lượng giải quyết vụ án của Tòa án nhìn chung được bảo đảm, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia tố tụng, trong đó có bị hại. *Hai là,* VKS đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn của mình khi thực hiện chức năng kiểm

[139] Bảng 2.8, Phụ lục 7
[140] Bảng 2.4, Phụ lục 7
[141] Bảng 2.1, Phụ lục 7

sát và chức năng thự hành quyền công tố của mình như: kịp thời kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động XXST (Số bản kiến nghị của VKS với Toà án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động XXST giao động từ 643 bản kiến nghị đến 994 bản kiến nghị, chiếm tỷ lệ từ 1,03% đến 1,35%)[142]; kịp thời kháng nghị khi phát hiện sai sót của Toà án cấp sơ thẩm hoặc sai sót của VKS cấp dưới khi không phát hiện được sai sót của Toà án cấp sơ thẩm.

Về việc thực hiện quy định về trình tự, thủ tục xét xử: trong phần xét hỏi, nhiều Hội đồng xét xử đã tôn trọng quyền được hỏi của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, quyền được đề nghị hỏi của bị hại, quyền bình đẳng trong việc đưa ra và đánh giá chứng cứ, làm rõ các tình tiết, vật chứng liên quan ngay tại phiên tòa. Ở giai đoạn tranh luận, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và bị hại được tạo điều kiện trình bày đầy đủ quan điểm mà không bị giới hạn về thời gian, đồng thời diễn biến tranh tụng được phản ánh trung thực trong biên bản phiên tòa, góp phần nâng cao chất lượng phán quyết và bảo đảm tốt hơn quyền của các bên. Bản án, quyết định của Tòa án đã căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, bảo đảm tính khách quan, công bằng, đúng pháp luật, bảo đảm các quyền của bị hại.

Về giám sát thực thi quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Cơ chế kiểm tra, giám sát giữa các cơ quan tiến hành tố tụng đã góp phần hạn chế những sai sót có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền của bị hại. Bên cạnh đó, hoạt động kiến nghị của VKS được thực hiện thường xuyên, qua đó kịp thời phát hiện và yêu cầu khắc phục các vi phạm trong quá trình xét xử. Điển hình, qua kết quả kiểm sát hoạt động xét xử tại TAND huyện An Lão[143], VKSND huyện An Lão đã kịp thời phát hiện tình trạng Tòa án chậm giao, gửi bản án sơ thẩm, có trường hợp chậm từ 02 đến 19 ngày, làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền kháng nghị theo Điều 262 BLTTHS. Trên cơ sở đó, VKS đã ban hành kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm, bảo đảm

[142] Bảng 2.1, Phụ lục 7

[143]Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão (cũ) (2024), *Kiến nghị trong công tác xét xử các vụ án hình sự gửi Toà án nhân dân huyện An Lão (cũ), Phụ lục 6*

Tòa án tuân thủ nghiêm thời hạn giao, gửi bản án cho VKS cùng cấp, bảo đảm kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Kết quả đạt được trong việc thực hiện chức năng của VKS tại phiên toà sơ thẩm cũng đã được ghi nhận: *Đối với chức năng thực hành quyền công tố,* VKS hai cấp kịp thời phát hiện sai sót của Toà án sơ thẩm và kháng nghị yêu cầu sửa chữa. Cụ thể: VKS cùng cấp với Toà án đã XXST kịp thời phát hiện ra sai phạm để thực hiện việc kháng nghị, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. *Điển hình là vụ án được XXST tại TAND thành phố Hà Nội:* Bị cáo Nguyễn Tiến H bị tuyên phạm tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 169 BLHS. Sau khi XXST VKSND thành phố Hà Nội kháng nghị với nội dung: kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị sửa lại theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tiến H. Tại phiên toà phúc thẩm, TAND cấp cao tại Hà Nội nhận định rằng: Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H mức án 09 năm tù là chưa phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của bị cáo. Do vậy, đã chấp nhận kháng nghị của VKSND thành phố Hà Nội, tăng một phần hình phạt đối với bị cáo để tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo. Nhiều vụ án hình sự, VKS cấp trên trực tiếp cũng phát hiện ra sai phạm của Toà án đã XXST, từ đó kịp thời kháng nghị để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại[144]. *Điển hình là vụ án được XXST tại TAND* thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án tuyên phạt bị cáo L 12 năm tù về tội "Giết người". VKS cấp trên trực tiếp (VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh) đã chủ động vào cuộc, phát hiện trực tiếp sai phạm của bản án sơ thẩm. Bản án sơ thẩm bị đánh giá là quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả tước đoạt tính mạng bị hại. Cơ quan này đã kịp thời ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho phía bị hại theo hướng áp dụng thêm điểm e, khoản 1 Điều 52 BLHS để tăng hình phạt đối với bị cáo về tội giết người. Tại phiên tòa phúc thẩm, Toà án cấp phúc

[144] Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hà Nội, Bản án số 735/2023/HS-PT ngày 22/9/2023, link: https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1397728t1cvn/chi-tiet-ban-an, truy cập ngày 03/5/2026

thẩm nhận định: *"Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận"*[145].

2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc

Để đánh giá những hạn chế, vướng mắc, NCS đã phối hợp nhiều phương pháp như: phương pháp phỏng vấn xã hội, nghiên cứu hồ sơ, tổng hợp, phân tích bản án, thống kê kháng nghị, kháng cáo liên quan đến quyền của bị hại…

2.2.2.1. Hạn chế trong việc thực hiện các nguyên tắc cơ bản

Để có cơ sở đánh giá việc thực hiện nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật, , NCS sử dụng phương pháp phỏng vấn xã hội. Kết quả như sau:

Về nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật: trong 100 Thẩm phán[146] được hỏi về việc thực hiện nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật hiện nay có tới 76.6 % số Thẩm phán được hỏi cho rằng thực hiện rất hiệu quả, 20.2 % số Thẩm phán được hỏi cho rằng "vẫn còn trường hợp chưa bảo đảm bình đẳng quyền và lợi ích hợp pháp giữa bị can, bị cáo và bị hại", chỉ có 3.2% cho rằng "vẫn còn trường hợp chưa bảo đảm bình đẳng quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bị hại". Tuy nhiên, tiếp cận về chủ thể được hỏi là Luật sư thì kết quả có đôi chút khác biệt. Cụ thể, trong 100 Luật sư[147] được hỏi về kết quả thực hiện nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật hiện nay có tới 81.8 % số Luật sư được hỏi cho rằng thực hiện rất hiệu quả, 16.2% số Luật sư được hỏi cho rằng "vẫn còn trường hợp chưa bảo đảm bình đẳng quyền và lợi ích hợp pháp giữa bị can, bị cáo và bị hại", chỉ có 2% cho rằng "vẫn còn trường hợp chưa bảo đảm bình đẳng quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bị hại". Như vậy, tỷ lệ Luật sư và Thẩm phán cho rằng "vẫn còn trường hợp chưa bảo đảm bình đẳng quyền và lợi ích hợp pháp giữa bị can, bị cáo và bị hại" rất thấp. Thế nhưng thực tế vẫn phản ánh rằng, nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật vẫn còn có những hạn chế nhất định trong việc bảo đảm quyền giữa bị can, bị can và bị hại.

---

[145] Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, Bản án số: 808/2024/HS-PT Ngày 09/9/2024, link truy cập: https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1667850t1cvn/chi-tiet-ban-an, truy cập ngày 15/04/2026.
[146] Kết quả câu hỏi khảo sát số 7, Phụ lục 4
[147] Kết quả câu hỏi khảo sát số 8, Phụ lục 2

2.2.2.2. Hạn chế trong việc thực hiện quyền của bị hại

Để có cơ sở đánh giá việc thực hiện quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS, NCS đã sử dụng phương pháp phỏng vấn xã hội, thống kê hồ sơ án, thống kê bản án của cấp sơ thẩm, phúc thẩm và đưa ra một số vụ án điển hình.

Về việc xác định sai tư cách bị hại: vẫn còn trường hợp cá nhân bị thiệt hại trực tiếp do hành vi phạm tội gây ra nhưng không được xác định là bị hại mà được triệu tập tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Điển hình trong Bản án của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã chỉ ra những sai sót của cấp sơ thẩm như sau[148]: do mâu thuẫn từ trước, nhóm các bị cáo mang hung khí đến nhà vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đỗ Tấn T2, chém người và đập phá nhiều tài sản, trong đó có tài sản đứng tên cả chị H và anh T2. Cơ quan điều tra định giá tổng thiệt hại hơn 12 triệu đồng, truy cứu trách nhiệm hình sự các bị cáo về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", chị H yêu cầu bồi thường thiệt hại và kháng cáo bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định chị Nguyễn Thị Thu H là bị hại, còn anh Đỗ Tấn T2 – người cũng có tài sản bị hư hỏng - lại bị xác định là "người làm chứng". Việc này vừa không đúng bản chất thiệt hại (anh T2 có tài sản bị đập phá, rõ ràng là chủ thể bị thiệt hại trực tiếp), vừa làm anh T2 mất tư cách bị hại và theo đó mất luôn các quyền tố tụng gắn với tư cách này, đặc biệt là quyền kháng cáo. Mâu thuẫn càng thể hiện rõ khi Tòa án sơ thẩm vẫn chấp nhận cho anh T2 "ủy quyền" cho người khác tham gia phiên tòa, trong khi người làm chứng không có quyền ủy quyền tham gia tố tụng. Ngoài ra, cũng có Toà án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách bị hại thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như trường hợp được thể hiện trong các bản án: Bản án số 19/2019/HSPT ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Tỉnh Phú Thọ[149]; Bản án số 254/2020/HSPT ngày 17/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá[150]; Bản án số 275/2022/HS-ST ngày 05/7/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh[151]… Chính việc xác định sai tư cách tư cách bị hại này được Tòa phúc thẩm

[148] Phụ lục 5.9
[149] Phụ lục 5.10
[150] Phụ lục 5.11
[151] Phụ lục 5.12

coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (đặc biệt là quyền kháng cáo).

Về quyền có người đại diện: Vẫn còn trường hợp có bị hại được chấp nhận người đại diện theo uỷ quyền, nhưng có bị hại lại không được chấp nhận. Biểu hiện rõ nét nhất là sự không thống nhất trong hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: "*Trong thực tế là có cơ quan tiến hành tố tụng…không chấp nhận người đại diện theo ủy quyền là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người tham gia tố tụng hoặc không chấp nhận cho người đại diện theo ủy quyền của người tham gia tố tụng trong các trường hợp khi tiến hành tố tụng bắt buộc phải có người đại diện*"[152]. Một số quan điểm khác thì lại cho rằng *"người đại diện trong tố tụng hình sự cũng bao gồm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền"*[153]. Như vậy, sự không thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật về người đại diện dẫn đến tình trạng cơ quan tiến hành tố tụng tùy nghi từ chối hoặc hạn chế quyền có người đại diện của bị hại.

Về quyền được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Từ số liệu tại Bảng 2.7 cho thấy, trong 1.000 bản án hình sự sơ thẩm được khảo sát giai đoạn 2018 – 2025, có tổng cộng 3.012 bị hại, nhưng chỉ có 111 bị hại có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chiếm 3,012%. Bình quân mỗi vụ án có khoảng 03 bị hại, trong khi số bị hại có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chỉ đạt khoảng 0,1 người/vụ án. Số liệu này cho thấy mức độ tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trong thực tiễn xét xử sơ thẩm còn khá hạn chế. Điều đó phản ánh việc bị hại chưa được tiếp cận rộng rãi với các cơ chế hỗ trợ pháp lý chuyên nghiệp, từ đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng và bảo vệ hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại gặp khó khăn trong quá trình tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. Theo kết quả khảo sát: Trong 100 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại được hỏi, có tới 34% khẳng định "có bị gây khó khăn" khi tham gia bảo vệ quyền của bị

[152] https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=439, truy cập ngày 02/4/2026
[153] https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=439, truy cập ngày 02/4/2026

hại ở giai đoạn XXST[154]. Như vậy, cứ khoảng 3 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại thì có hơn 1 người trực tiếp trải nghiệm trở ngại trong quá trình tác nghiệp. Thực trạng này phản ánh một rào cản đáng kể trong việc bảo đảm các điều kiện thực tế để họ thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi cho bị hại. Các khó khăn này thường gắn với việc tiếp cận hồ sơ, thu thập chứng cứ, được hỏi tại phiên tòa hoặc trình bày quan điểm một cách đầy đủ, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến khả năng thực hiện quyền của bị hại trong giai đoạn XXST. *Đặc biệt, trong trường hợp bị hại là người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, không phải lúc nào người đại diện của họ cũng có thể bảo vệ cho họ hay có điều kiện để nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích cho họ. Chính vì vậy trong một số trường hợp, quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại là người có khó khăn nhận thức, làm chủ hành vi; người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự không được đảo bảm trong thực tế*[155].

Về quyền thu thập chứng cứ: BLTTHS năm 2015 không quy định cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có quyền thu thập chứng cứ. Nghiên cứu sinh đã tiến hành khảo sát nhằm mục đích tìm hiểu: Liệu rằng việc không có quyền thu thập chứng cứ có gây khó khăn cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại hay không? Kết quả: Trong 100 Luật sư được hỏi, có tới 89% cho rằng việc pháp luật không ghi nhận quyền thu thập chứng cứ cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại "có gây khó khăn" cho họ, chỉ 10% trả lời "không" và một tỷ lệ rất nhỏ có ý kiến khác[156]. Điều đó cho thấy đa số đội ngũ hành nghề đều cảm nhận được tác động tiêu cực của khoảng trống pháp lý này.

Về quyền đọc, ghi chép tài liệu có trong hồ sơ VAHS cho bị hại: BLTTHS năm 2015 chưa ghi nhận quyền đọc, ghi chép tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho bị hại. Nghiên cứu sinh đã tiến hành khảo sát nhằm mục đích tìm hiểu: Liệu rằng việc không ghi nhận quyền đọc, ghi chép tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho bị hại có gây khó khăn cho bị hại hay không? Kết quả: Ở nhóm 94 Thẩm phán, 62,8% cho rằng

[154] Kết quả khảo sát câu hỏi số 01 Phụ lục 2
[155] Dương Tấn Thanh (2018), "*Một số bất cập của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trong thực tiễn*", https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2388, truy cập ngày 26/3/2026.
[156] Kết quả khảo sát câu hỏi số 03 Phụ lục 2

việc không quy định quyền đọc, ghi chép tài liệu trong hồ sơ VAHS gây bất lợi cho bị hại, trong khi 37,2% cho rằng không[157]. Ở nhóm 100 Luật sư, tỷ lệ đánh giá "có bất lợi" còn cao hơn, tới 91%, chỉ 8% cho rằng không bất lợi[158]. Từ kết quả trên có thể thấy rằng: vẫn tồn tại khoảng 1/3 Thẩm phán và gần 1/10 Luật sư không nhìn nhận đây là bất lợi. Tuy nhiên, đa số những người được hỏi từ cả hai phía đều khẳng định việc không quy định về quyền tiếp cận hồ sơ đang làm suy giảm khả năng bị hại thực hiện các quyền theo Điều 62 BLTTHS.

Về quyền hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên toà: BLTTHS năm 2015 chưa ghi nhận "quyền hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên toà" cho bị hại. Nghiên cứu sinh đã tiến hành khảo sát nhằm mục đích tìm hiểu: Liệu rằng việc không ghi nhận "quyền hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên toà" cho bị hại có gây khó khăn cho bị hại hay không? Kết quả: Ở nhóm 100 Luật sư, 66% cho rằng việc không quy định quyền hỏi trực tiếp gây bất lợi cho bị hại, chỉ 34% cho rằng không[159]. Ở nhóm 94 Thẩm phán, tỷ lệ "có bất lợi" còn cao hơn: 78,7%, trong khi 21,3% cho rằng không[160]. Như vậy, xét chung hai nhóm, đa số người được hỏi đều nhìn nhận việc không được quy định quyền hỏi trực tiếp khiến bị hại bị hạn chế khả năng làm rõ tình tiết vụ án, đối chất với bị cáo và bảo vệ quan điểm của mình trong tranh tụng; chỉ còn một bộ phận nhỏ cho rằng điều này không gây bất lợi.

Về quyền kháng cáo của bị hại: BLTTHS năm 2015 chưa ghi nhận quyền kháng cáo cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong trường hợp bị hại chết. Nghiên cứu sinh đã tiến hành khảo sát nhằm mục đích tìm hiểu: Liệu rằng việc không ghi nhận "kháng cáo cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong trường hợp bị hại chết" có gây khó khăn cho bị hại hay không? Kết quả: Đa số ý kiến đều nhìn nhận quy định hiện hành về quyền kháng cáo trong trường hợp bị hại chết đang gây bất lợi cho bị hại (hoặc thân nhân họ), nhưng vẫn còn một bộ phận cho rằng không gây bất lợi. Ở nhóm 100 Luật sư được hỏi, 72%

[157] Kết quả khảo sát câu hỏi số 03 Phụ lục 4
[158] Kết quả khảo sát câu hỏi số 04 Phụ lục 2
[159] Kết quả khảo sát câu hỏi số 05 Phụ lục 2
[160] Kết quả khảo sát câu hỏi số 04 Phụ lục 4

cho rằng việc BLTTHS không trao quyền kháng cáo cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại khi bị hại đã chết là bất lợi cho bị hại, chỉ 28% cho rằng không bất lợi[161]. Ở nhóm 94 Thẩm phán, tỷ lệ thừa nhận "có bất lợi" còn cao hơn: 90,3%, trong khi chỉ 9,7% cho rằng không[162]. Như vậy, xét chung hai nhóm, đa số đều đánh giá hạn chế này làm suy giảm khả năng bảo đảm quyền của bị hại trong những vụ án bị hại đã chết.

Về quyền được bồi thường thiệt hại: Vẫn còn trường hợp Toà án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ mức độ thiệt hại tinh thần của bị hại, dẫn đến việc xác định mức bồi thường chưa tương xứng. *Vụ án thứ nhất:* Bị cáo Triệu Mùi L bị Tòa án cấp sơ thẩm (TAND huyện N, tỉnh Cao Bằng) tuyên phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích" và buộc bồi thường cho bị hại hơn 15,8 triệu đồng về sức khỏe, cùng 2 tháng lương cơ sở (2.980.000 đồng) tiền tổn thất tinh thần. Không đồng ý với mức bồi thường tinh thần, bị hại đã kháng cáo lên cấp phúc thẩm. TAND tỉnh Cao Bằng nhận định mức bồi thường tổn thất tinh thần cấp sơ thẩm tuyên là chưa tương xứng với thiệt hại sức khỏe và Điều 590 Bộ luật Dân sự. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, nâng mức bồi thường tổn thất tinh thần lên thành 06 tháng lương cơ sở, tương đương 8.940.000 đồng[163]. Từ quyết định của Toà án cấp phúc thẩm có thể thấy Hội đồng XXST chưa đánh giá đầy đủ hậu quả tinh thần mà bị hại phải gánh chịu, dẫn đến quyết định về phần bồi thường thiệt hại thiếu tính thuyết phục. *Vụ án thứ hai:* Sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm: Khi giải quyết VAHS liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Ngô Thị Ng đối với bị hại Lê Văn N, Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót nghiêm trọng khi không đưa ông Nguyễn Hà H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong khi đó, vụ án có tình tiết về dòng tiền chưa được làm rõ: Hồ sơ thể hiện bị cáo Ng cùng chồng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị hại Lê Văn N với giá 1,4 tỷ đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo Ng đã trả trực tiếp cho ông H3 số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) từ khoản tiền chiếm đoạt của bị hại. Hậu

[161] Kết quả khảo sát câu hỏi số 7 Phụ lục 2
[162] Kết quả khảo sát câu hỏi số 6 Phụ lục 4
[163] Phụ lục 5.5

quả đối với quyền lợi của bị hại: Việc cấp sơ thẩm bỏ sót ông H3, không làm rõ nguồn gốc và không xử lý khoản tiền 600 triệu đồng này đã trực tiếp làm ảnh hưởng đến việc giải quyết triệt để trách nhiệm dân sự trong vụ án, từ đó làm hạn chế quyền được bồi thường thiệt hại đầy đủ và kịp thời của bị hại Lê Văn N. Phán quyết của Tòa cấp phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện cho bị hại, quyết định hủy phần dân sự của bản án sơ thẩm để XXST lại. Tòa cấp phúc thẩm yêu cầu cơ quan tố tụng cấp dưới phải đưa ông H3 vào tham gia tố tụng nhằm làm rõ có hay không việc thu hồi khoản tiền 600 triệu đồng này để trả lại cho bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 47 BLHS, đồng thời giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu để bảo đảm quyền lợi tối đa cho bị hại[164].

Về quyền của bị hại trong phiên toà xét xử trực tuyến, thực tiễn thi hành cho thấy việc tham gia tố tụng của bị hại có thể bị hạn chế vì sự cố đường truyền, chất lượng âm thanh hoặc hình ảnh không bảo đảm, thiết bị kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu, hạn chế về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của người tham gia tố tụng, khó khăn trong việc tiếp cận và trao đổi tài liệu điện tử... Do vậy, một số quyền của bị hại có thể không được đảm bảo: *"việc triển khai tố tụng điện tử cũng làm gia tăng nguy cơ bất bình đẳng trong tiếp cận trợ giúp pháp lý, vì người nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người không có thiết bị thông minh hoặc không có kỹ năng sử dụng công nghệ số có thể gặp khó khăn khi gửi yêu cầu trợ giúp pháp lý trực tuyến, tiếp cận tài liệu điện tử. Khoảng cách số, rào cản ngôn ngữ[165] và hạn chế về hạ tầng viễn thông làm tăng nguy cơ hạn chế khả năng tham gia vào tiến trình của tố tụng điện tử"*[166].

2.2.2.3. Hạn chế trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Toà án và người có thẩm quyền

---

[164] Bản án số: 407/2025/HS-PT, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Phụ lục 5.2

[165] Việt Nam có 53 dân tộc thiểu số, 16 dân tộc rất ít người, không ít người được trợ giúp pháp lý chưa sử dụng thành thạo tiếng Việt, trong khi các nền tảng trợ giúp pháp lý số và tài liệu hướng dẫn trực tuyến chưa được chuẩn hóa theo hướng song ngữ hoặc thân thiện với người dùng https://danchuphapluat.vn/hoat-dong-tro-giup-phap-ly-trong-boi-canh-trien-khai-to-tung-dien-tu-trong-to-tung-hinh-su-9194-9194.html&link=autochanger, truy cập ngày 10/5/2026.

[166] https://danchuphapluat.vn/hoat-dong-tro-giup-phap-ly-trong-boi-canh-trien-khai-to-tung-dien-tu-trong-to-tung-hinh-su-9194-9194.html&link=autochanger, truy cập ngày 10/5/2026.

Để có cơ sở đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Toà án và người có thẩm quyền trong XXST VAHS, NCS tiến hành nghiên cứu 300 hồ sơ vụ án của thành phố Hà Nội. Những tài liệu được lưu trữ trong hồ sơ vụ án cho thấy một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, tài liệu trong nhiều hồ sơ VAHS không thể hiện rằng cơ quan có thẩm quyền có thực hiện nhiệm vụ gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định hoãn phiên toà, gửi thông báo về kết quả giải quyết VAHS.

Theo số liệu thống kê trong 300 hồ sơ VAHS[167]: đối với quyết định đưa vụ án ra xét xử: có 155/300 VAHS trong hồ sơ vụ án thể hiện Toà án đã gửi quyết định (chiếm tỷ lệ 51,7%); có 145/300 VAHS trong hồ sơ vụ án không thể hiện Toà án đã gửi quyết định (chiếm tỷ lệ 48,3%). Đối với bản án hình sự sơ thẩm và quyết định đình chỉ vụ án (trong trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu nhưng người đã yêu cầu rút yêu cầu khởi tố) có 52/300 VAHS trong hồ sơ vụ án không thể hiện Toà án đã gửi (chiếm tỷ lệ 17,3%). Đối với quyết định hoãn phiên toà, có 85/300 vụ hoãn phiên toà (chiếm tỷ lệ 28,3%), trong đó: có 65/85 VAHS trong hồ sơ vụ án thể hiện Toà án đã gửi (chiếm tỷ lệ 76,5%), có 20/85 VAHS trong hồ sơ vụ án không thể hiện Toà án đã gửi (chiếm tỷ lệ 23,53%). Có những trường hợp trong hồ sơ vụ án không thể hiện đã giao nhận bản án cũng như thông báo về kết quả giải quyết vụ án (như vụ án số thứ tự 19 phụ lục 9). Đặc biệt, tất cả các hồ sơ nghiên cứu đều không có minh chứng thể hiện rằng bị hại, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã được nhận thông báo về kết quả giải quyết VAHS. Các minh chứng trong hồ sơ VAHS chỉ thể hiện rằng: thông báo chỉ được gửi cho bị cáo và Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của bị cáo.

Thứ hai, vẫn còn trường hợp Toà án cấp sơ thẩm không giải thích về quyền được bồi thường thiệt hại của những người đại diện hợp pháp của bị hại (khi bị hại đã chết). *Vụ án điển hình*: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N1 (đại diện hợp pháp của bị hại) trình bày rằng ở giai đoạn sơ thẩm, gia đình hoàn toàn không đưa ra yêu cầu

[167] Bảng 2.1, Phụ lục 7

bồi thường dân sự. Nguyên nhân là do họ thiếu hiểu biết pháp luật, đồng thời không hề được cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm giải thích, hướng dẫn cụ thể về quyền được đòi các khoản chi phí chính đáng như: chi phí mai táng, tổn thất tinh thần và đặc biệt là tiền cấp dưỡng để nuôi dưỡng cha mẹ già cùng 05 người con chưa thành niên của nạn nhân. Tòa án cấp phúc thẩm sau khi kiểm tra hồ sơ đã khẳng định cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ luật định. Cụ thể, cơ quan này đã không giải thích, hướng dẫn quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị hại, đồng thời bỏ sót, không ghi nhận đầy đủ ý kiến của tất cả các đồng đại diện hợp pháp đối với phần trách nhiệm dân sự[168]. Sự thiếu sót này đã trực tiếp làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình nạn nhân, đặc biệt là quyền được chăm sóc và cấp dưỡng của trẻ em. Do các bên không thống nhất được mức bồi thường, Tòa cấp phúc thẩm đã quyết định dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác cho họ.

Thứ ba, vẫn còn trường hợp Toà án cấp sơ thẩm ko xác định được hết những tài sản do phạm tội mà có nhằm phong toả, bảo đảm thi hành án

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 05/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tuyên bố bị cáo Trần Minh H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tuy nhiên, TAST đã không xem xét đầy đủ việc phong tỏa, bảo đảm thi hành án đối với các tài sản được hình thành từ tiền phạm tội. Đại diện bị hại cho rằng nhiều tài sản đứng tên người khác thực chất có nguồn gốc từ tài sản do bị cáo phạm tội mà có và đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp phong tỏa để bảo đảm nghĩa vụ bồi thường dân sự. Khi xét xử phúc thẩm, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định một số tài sản như căn hộ, nhà ở xã hội và xe ô tô có phần sở hữu của bị cáo nên cần tiếp tục tạm dừng giao dịch để bảo đảm thi hành án[169].

Thứ tư, vẫn còn những vi phạm trong hoạt động xét xử của Toà án sơ thẩm

---

[168] Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, Bản án số 839/2023/HS-ST ngày 31/10/2023, link truy cập: https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1464448t1cvn/chi-tiet-ban-an; Phụ lục 5.7

[169] Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, Bản án số 1163/2024/HS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2024, Link truy cập: https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1710980t1cvn/chi-tiet-ban-an, Phụ lục 5.8

Khi kiểm sát XXST VAHS, VKS đã phát hiện và yêu cầu khắc phục nhiều vi phạm. Cụ thể:

Tỷ lệ bản kiến nghị của VKS yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm trong XXST duy trì quanh mức 1,2 – 1,3% tổng số vụ án, cho thấy vi phạm không phải cá biệt, vẫn diễn ra với tần suất ổn định hằng năm; trong đó có những sai sót liên quan trực tiếp đến quyền của bị hại (triệu tập, xét hỏi, bồi thường, tuyên án…). Việc năm nào cũng phải ban hành hàng trăm kiến nghị cho thấy một bộ phận Tòa án cấp sơ thẩm chưa tuân thủ đầy đủ quy định tố tụng, tiềm ẩn nguy cơ quyền của bị hại bị xâm phạm nếu VKS không phát hiện hoặc kiến nghị không được chấp nhận kịp thời[170]. Điển hình, vẫn còn trường hợp Toà án cấp sơ thẩm chậm gửi bản án đến VKS làm ảnh hưởng đến quyền kháng nghị của VKS cùng cấp. Thông qua công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử các VAHS của TAND huyện An Lão (cũ), VKSND huyện An Lão nhận thấy: vẫn có 12 Bản án TAND huyện An Lão đã gửi chậm đến VKSND huyện An Lão, bản án gửi chậm ít nhất là 05 ngày, nhiều nhất là 19 ngày làm ảnh hưởng đến quyền kháng nghị của VKS cùng cấp[171].

2.2.2.4. Hạn chế trong việc thực hiện trình tự, thủ tục giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Thứ nhất, vẫn còn trường hợp tại thủ tục bắt đầu phiên toà, biên bản phiên toà không thể hiện được nội dung: bị hại hoặc người đại diện của bị hại có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, KSV, thư kí phiên toà hay không? Chỉ *hỏi bị cáo có yêu cầu đó hay không. Đối với cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng chỉ hỏi bị cáo đã được giao nhận cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa? Có yêu cầu mời luật sư bào chữa không? Hỏi Kiểm sát viên, bị cáo yêu cầutriệu tập thêm người làm chứng và những tài liệu khác ra phiên toà không*[172].

[170] Bảng 2.1, Phụ lục 7

[171] VKSND huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (cũ) (2024), Bản kiến nghị trong công tác xét xử các vụ án hình sự, Phụ lục 6

[172] Trích trong Toà án nhân dân Quận HK, thành phố HN, Biên bản phiên toà, Hồ sơ hình sự sơ thẩm thụ lý số 286/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2024. Cố ý gây thương tích điểm đ Khoản 2 Điều 134 BLHS. BA số 260 ngày 30 tháng 12 năm 2024, Phụ lục 8

Cũng có những phiên toà, biên bản ghi nhận phần thủ tục bắt đầu phiên toà, chỉ tiến hành thủ tục liên quan đến bị cáo như: báo cáo sự có mặt, kiểm tra căn cước, giải thích quyền, nghĩa vụ…của bị cáo"[173].

Thứ hai, vẫn có trường hợp tại thủ tục bắt đầu phiên toà, bị hại không được hỏi về việc đã được nhận cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng thời hạn pháp luật quy định hay chưa[174]. Trong khi đó, bị cáo được hỏi đầy đủ về việc có nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hay không?

Thứ ba, một số trường hợp chủ toạ phiên toà không hỏi đại diện VKS hay những người tham gia tố tụng có ý kiến về sự vắng mặt của bị hại hoặc người đại diện hợp pháp cho bị hại hay không. Ví dụ: Biên bản phiên toà trong Hồ sơ hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/HSST ngày 28/02/2025 về tội Vô ý làm chết người theo khoản 1 Điều 128 BLHS (Bản án số 69 ngày 31/3/2025). Bị hại đã chết và có người đại diện hợp pháp[175].

2.2.2.5. Hạn chế trong việc giám sát thực thi quyền của bị hại

Vẫn còn trường hợp cả VKS cùng cấp và cấp trên trực tiếp của Toà án đã XXST đều không phát hiện ra vi phạm của Toà án cấp sơ thẩm để kịp thời kháng nghị bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. *Vụ án điển hình*: Trong vụ án Nguyễn Văn T bị TAND quận Y, TP. Hồ Chí Minh xét xử về tội "Cố ý gây thương tích"[176], Tòa án đã mở phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị hại Lê Hoàng Phú Q dù thủ tục triệu tập chưa hoàn thành. Quyết định đưa vụ án ra xét xử được gửi qua bưu chính nhưng bưu tá ghi nhận "không có người nhận", không có chữ ký hay xác nhận của bị hại theo yêu cầu tại Điều 137 và Điều 139 BLTTHS, nên không thể coi là đã tống đạt hợp lệ. Việc vẫn tiến hành xét xử trong điều kiện đó là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm quyền được tham gia phiên tòa của bị hại. Đáng nói, chỉ tới khi bị hại, bị cáo có kháng cáo, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét lại thì VKS và Toà án cấp phúc thẩm mới phát hiện ra. Như

[173] Trích trong hồ sơ vụ án số thứ tự 160 Phụ lục 9
[174] Hồ sơ vụ án số thứ tự 77; 88; 96; 107; 113; 115; 121; 129, Phụ lục 11
[175] Hồ sơ vụ án số thứ tự 19, Phụ lục 11
[176] Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (cũ) (2022), Bản án số 125/2022/HS-ST ngày 01/4/2022, Link truy cập: https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1025878t1cvn/chi-tiet-ban-an, Phụ lục 5.6

vậy, cả hai cấp VKS có thẩm quyền kháng nghị đều đã không sát sao trong việc giám sát hoạt động xét xử của Toà án. Mặt khác, *đây là vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại, theo quy định tại Điều 155 và Điều 320 BLTTHS, thì bị hại phải có mặt tại phiên tòa để trình bày, bổ sung ý kiến luận tội sau khi Kiểm sát viên trình bày luận tội đối với bị cáo. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử không hợp lệ và xét xử vắng mặt bị hại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 155/2020/HSST ngày18/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử lại theo thủ tục chung*[177].

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

Những hạn chế, vướng mắc trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó chủ yếu đến từ các quy định của pháp luật chưa hoàn thiện và việc tổ chức thi hành, giám sát thi hành các quy định này chưa đáp ứng yêu cầu, cụ thể:

Nguyên nhân về pháp luật

Một số quy định của pháp luật TTHS về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS chưa đầy đủ, chưa thống nhất

- Về một số nguyên tắc cơ bản trong TTHS

Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật: nội dung của nguyên tắc chưa ghi nhận đầy đủ sự bình đẳng về địa vị pháp lý giữa các chủ thể có lợi ích đối lập, đặc biệt là giữa bị hại và người bị buộc tội. Trong thực tiễn, nguyên tắc này chủ yếu được hiểu là sự bình đẳng giữa các chủ thể có cùng tư cách tố tụng.

Nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong TTHS: Nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong TTHS mới chỉ quy định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với thiệt hại trong hoạt động TTHS. Các trường hợp người phạm tội không có khả năng bồi

[177] Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (cũ) (2022), Bản án số 125/2022/HS-ST ngày 01/4/2022, Link truy cập: https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1025878t1cvn/chi-tiet-ban-an, Phụ lục 5.6

thường hoặc bị hại không được bồi thường đầy đủ hiện chưa được xem xét trong cơ chế bồi thường Nhà nước.

- Về quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS

Thứ nhất, BLTTHS hiện hành chưa quy định

+ Về thời điểm bắt đầu tư cách bị hại, dẫn đến thiếu căn cứ pháp lý thống nhất để xác định thời điểm họ tham gia tố tụng.

+ Về thời điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được tham gia tố tụng. Việc tham gia tố tụng của họ phụ thuộc vào ý chí chủ quan của từng cơ quan tiến hành tố tụng.

+ Về người đại diện của bị hại cũng chưa cụ thể, rõ ràng. Hệ quả là nhiều quyền quan trọng của bị hại có thể bị ghi nhận muộn hoặc không được bảo đảm kịp thời, không được hỗ trợ pháp lý kịp thời.

Thứ hai, quy định về một số quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS chưa được ghi nhận đầy đủ

Về quyền được chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Pháp luật chưa quy định cơ chế chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đối với bị hại đã thành niên nhưng bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng làm chủ hành vi (như người mắc bệnh tâm thần, sa sút trí tuệ, chấn thương sọ não…). BLTTHS năm 2015 mới chỉ dừng lại ở việc ghi nhận họ "có quyền nhờ" người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp[178], mà chưa đặt ra nghĩa vụ cho các cơ quan tiến hành tố tụng phải chủ động chỉ định trong những trường hợp cần thiết. Trong khi đó, bị can, bị cáo trong hoàn cảnh tương tự đã được chỉ định người bào chữa[179]. Điều này không chỉ làm suy giảm khả năng thực hiện quyền tố tụng của bị hại mà còn ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng và tính công bằng của quá trình xét xử.

Về quyền yêu cầu thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Tại thủ tục bắt đầu phiên toà, bị hại có quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Điều 302 BLTTHS năm 2015). Tuy nhiên, quy định chưa làm rõ: quyền này chỉ được thực hiện tại thủ tục bắt đầu phiên tòa hay trong suốt quá trình xét xử

[178] Điều 84 BLTTHS năm 2015
[179] Điều 76 BLTTHS năm 2015

cũng như thời điểm kết thúc việc đưa ra yêu cầu nhằm đảm bảo tính ổn định của thủ tục tố tụng. Đồng thời, pháp luật cũng chưa có cơ chế bảo đảm thực hiện quyền này đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa, dẫn đến sự thiếu thống nhất giữa Điều 302 với Điều 50 và Điều 62 BLTTHS, từ đó có thể làm phát sinh những cách hiểu và áp dụng khác nhau trong thực tiễn.

Về quyền thu thập chứng cứ: BLTTHS hiện hành mặc dù đã quy định cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bào chữa quyền thu thập chứng cứ (Điều 88 BLTTHS năm 2015)nhưng chưa ghi nhận quyền này cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Khi đó, bị hại chủ yếu phải phụ thuộc vào hoạt động thu thập chứng cứ của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong khi người bị buộc tội lại có thể nhận được sự hỗ trợ tích cực từ người bào chữa trong việc thu thập chứng cứ. Điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện các quyền tố tụng của bị hại và khả năng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ tại phiên tòa.

Về quyền đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu có trong hồ sơ vụ án hình sự: Hiện nay, BLTTHS đã ghi nhận quyền đọc, ghi chép tài liệu trong hồ sơ vụ án cho bị can, bị cáo, người bào chữa tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quyền bào chữa, nhưng lại chưa ghi nhận quyền tương ứng cho bị hại. Mặc dù người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cũng được ghi nhận quyền đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong vụ án nhưng không phải vụ án nào có bị hại cũng có sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Về quyền hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên toà: BLTTHS năm 2015 chưa ghi nhận quyền trực tiếp xét hỏi của bị hại tại phiên tòa. Bị hại chỉ có thể đề nghị Chủ tọa phiên tòa đặt câu hỏi hoặc thực hiện quyền này thông qua người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đối với các vụ án được khởi tố theo yêu cầu, họ có quyền trình bày lời buộc tội và tham gia tranh luận tại phiên tòa nhưng lại không được trao quyền trực tiếp làm rõ, kiểm tra chứng cứ thông qua hoạt động xét hỏi.

Về quyền đề nghị mức bồi thường thiệt hại: BLTTHS năm 2015 chưa ghi nhận cơ chế bảo đảm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại khi bị can, bị cáo chết trong quá trình giải quyết vụ án. Pháp luật hiện hành cũng chưa có quy định để Tòa án tiếp tục xem xét, giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong VAHS sau khi vụ án bị đình chỉ, chưa thiết lập cơ chế chuyển tiếp hiệu quả giữa TTHS và tố tụng dân sự, cũng như chưa có các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với di sản của người đã chết.

Về quyền kháng cáo của bị hại: Mặc dù khoản 5 Điều 331 BLTTHS năm 2015 đã ghi nhận quyền kháng cáo của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi bị hại là người dưới 18 tuổi hoặc có nhược điểm về tâm thần, thể chất. Tuy nhiên, BLTTHS chưa ghi nhận quyền này cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong trường hợp bị hại đã chết.

Về quyền được trình bày Bản tường trình tác động của tội phạm: Hiện nay, pháp luật chưa ghi nhận bị hại có quyền trình bày Bản tường trình tác động của tội phạm tại phiên tòa. Đây có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như hậu quả thực tế mà tội phạm gây ra đối với bị hại và gia đình họ, dẫn đến bản án bị cấp phúc thẩm sửa theo hướng tăng nặng hình phạt.

Về quyền của bị hại trong phiên toà xét xử trực tuyến: Pháp luật chưa quy định cho bị hại có quyền đề nghị địa điểm tham gia phiên tòa xét xử trực tuyến, quyền yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ tiếp cận công nghệ khi tham gia phiên toà xét xử trực tuyến.

Thứ ba, quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chưa đầy đủ

Về nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể trong việc bảo đảm thủ tục đăng kí bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đã được hướng dẫn tại Thông tư 46/2019/TT-BCA. Tuy nhiên, văn bản này mới chỉ điều chỉnh "trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân" ở giai đoạn điều tra, trong khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có thể

bắt đầu tham gia từ giai đoạn truy tố hoặc XXST. Vì vậy, chưa có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS và Tòa án trong việc tiếp nhận, đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Về nhiệm vụtống đạt các quyết định, bản án, thông báo của Toà án Một là, chưa có quy định về trách nhiệm giao, nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và bản án cho người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. *Hai là,* BLTTHS năm 2015 chưa có quy định về việc giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án và các quyết định khác của Toà án trong trường hợp bị hại và người đại diện của họ đều vắng mặt tại phiên toà.

- *Thứ tư*, quy định về trình tự, thủ tục chưa đầy đủ, chưa hợp lý

Về thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: BLTTHS hiện hành chưa quy định thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

Về trình tự và cách thức tống đạt quyết định, thông báo của Toà án tới bị hại, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: BLTTHS hiện hành chưa quy định phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng thông qua tài khoản định danh điện tử quốc gia VneID. Đồng thời, chưa quy định về thời điểm, điều kiện và cách thức xác nhận tống đạt qua môi trường điện tử.

Về trình tự phát biểu khi tranh luận: Điều 320 BLTTHS năm 2015 quy định: sau khi KSV trình bày lời luận tội sẽ đến lượt bị cáo trình bày lời bào chữa, người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo; sau đó đến bị hại trình bày ý kiến. Trong trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại thì bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày ngay sau Kiểm sát viên. Quan điểm của chúng tôi cho rằng, quy định về trình tự phát biểu khi tranh luận như này là chưa hợp lý. Việc bị hại chỉ trình bày ý kiến sau phần bào chữa của bị cáo và người bào chữa chưa tạo điều kiện thuận lợi để bị hại trực tiếp thể hiện quan điểm của mình đối với nội dung buộc tội và các vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ trước khi phía bị cáo thực hiện việc bào chữa.

Về thủ tục trình bày Bản tường trình tác động của tội phạm: Hiện chưa có quy định về thủ tục trình bày Bản tường trình tác động của tội phạm. Khi kiến nghị ghi nhận quyền này, cần đồng thời xác định rõ thời điểm nộp và trình bày VIS trong tố tụng, để áp dụng thống nhất, tránh tình trạng nơi cho phép, nơi không, dẫn đến bị hại ở các vụ án khác nhau được bảo đảm quyền không như nhau.

Về thủ tục kháng cáo: Khoản 1 Điều 333 BLTTHS năm 2015 xác định thời hạn kháng cáo chung đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với bị cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, điều luật chưa ghi nhận rõ trường hợp bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nào. Trong khi đó, bị hại cũng là một chủ thể có quyền kháng cáo độc lập.

Về thủ tục xét hỏi: Các điều luật về trình tự hỏi được quy định trong BLTTHS năm 2015 chưa thống nhất: Điều 307 đã quy định thứ tự hỏi đối với người bào chữa và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, nhưng lại chưa ghi nhận thứ tự hỏi của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại, trong khi các Điều 309, Điều 310, Điều 311 lại thừa nhận họ có quyền hỏi bị cáo, bị hại, đương sự. Ngoài ra, Điều 307 tiếp tục đặt chủ tọa phiên tòa vào vị trí trung tâm, luôn hỏi trước rồi mới "cho phép" Thẩm phán, Hội thẩm, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương được hỏi, khiến mô hình xét hỏi vẫn nặng tính thẩm vấn, chưa phản ánh đúng tinh thần tranh tụng khi các bên buộc tội – gỡ tội – bảo vệ quyền lợi bị hại được chủ động đối thoại, đặt câu hỏi trực tiếp.

- *Thứ năm,* quy định về giám sát còn tồn tại một số hạn chế

Về giám sát của nhân dân thông qua hoạt động xét xử công khai tại phiên toà (bao gồm cả cơ quan báo chí): BLTTHS năm 2015 chưa ghi nhận cơ chế ghi âm, ghi hình đầy đủ toàn bộ diễn biến phiên tòa, đặc biệt là các hoạt động xét hỏi và tranh luận.

Nguyên nhân khác

Về cơ sở vật chất: Trên thực tế, tại một số Tòa án, điều kiện cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tổ chức phiên tòa: như phòng xử án chật hẹp, cách bố trí chưa phù hợp hoặc thiếu các trang thiết bị hỗ trợ cần thiết đặc biệt là trang thiết bị phục vụ phiên toà trực tuyến.

Về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền của bị hại trong TTHS vẫn chưa đạt hiệu quả. Trên thực tế vẫn tồn tại không ít trường hợp bị hại không tham gia phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; không đưa ra yêu cầu bồi thường thiệt hại... Nhiều bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm và giám đốc thẩm cũng cho thấy tình trạng vi phạm quyền tham gia tố tụng của bị hại như không triệu tập bị hại tham gia phiên tòa, giải quyết chưa đầy đủ yêu cầu bồi thường dân sự….

Về cơ chế xử lý hành vi vi phạm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS:

Một trong những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là việc phát hiện, xem xét và xử lý các hành vi vi phạm trên thực tế chưa thực sự kịp thời và hiệu quả. Trong một số trường hợp, các hành vi như không giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ, không bảo đảm quyền tham gia phiên tòa, quyền trình bày ý kiến, tranh luận, yêu cầu bồi thường hoặc quyền kháng cáo của bị hại chưa được chấn chỉnh, xử lý nghiêm minh. Điều này làm giảm tính răn đe đối với các hành vi vi phạm, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi các quyền tố tụng của bị hại.

Về cơ chế Nhà nước bồi thường thiệt hại cho bị hại: hiện nay chưa có cơ chế bồi thường từ phía Nhà nước hoặc quỹ hỗ trợ chuyên biệt dành cho bị hại trong trường hợp người phạm tội không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bồi thường. Trong những trường hợp này, việc khắc phục thiệt hại của bị hại gần như phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng thi hành án của người phạm tội. Khi người phải bồi thường không có tài sản, mất khả năng thanh toán hoặc không thể thi hành nghĩa vụ dân sự, bị hại thường gặp nhiều khó khăn trong việc nhận được khoản bồi thường để khắc phục hậu quả do tội phạm gây ra.

Về mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền xét xử: tuy đã từng bước được đổi mới theo yêu cầu cải cách tư pháp nhưng vẫn còn một số bất cập, ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Cơ chế tổ chức, quản lý và phân công xét xử ở một số khía cạnh chưa thực sự bảo đảm tính độc lập của hoạt động xét xử; cơ chế phối hợp giữa Tòa án với VKS, Cơ quan điều tra và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc bảo đảm các quyền tố tụng của bị hại chưa thật sự hiệu quả. Đây là một trong những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến việc thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyền của bị hại trên thực tế.

Về khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý của bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý còn nhiều hạn chế. Thực tiễn cho thấy việc thông tin, hướng dẫn về quyền được trợ giúp pháp lý chưa được thực hiện đầy đủ và kịp thời; cơ chế phối hợp giữa Tòa án với các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trong một số trường hợp còn thiếu chặt chẽ. Điều này dẫn đến việc một số bị hại không được tiếp cận hoặc tiếp cận chậm dịch vụ trợ giúp pháp lý, ảnh hưởng đến khả năng thực hiện và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong giai đoạn XXST VAHS.

Về chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm và KSV chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Nội dung đào tạo chưa thực sự chú trọng đến quyền của bị hại, các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ nạn nhân của tội phạm và kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến bị hại tại phiên tòa. Bên cạnh đó, trong thực tiễn vẫn còn tình trạng nhận thức chưa đầy đủ về địa vị tố tụng độc lập của bị hại, dẫn đến việc áp dụng pháp luật chưa thống nhất và ảnh hưởng đến hiệu quả bảo đảm quyền của bị hại.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở các vấn đề lý luận đã được làm rõ ở Chương 1, Chương 2 tập trung phân tích các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam và thực tiễn bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, pháp luật TTHS hiện hành đã từng bước xây dựng cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm quyền của bị hại thông qua các quy định về nguyên tắc tố tụng, quyền của bị hại, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người tiến hành tố tụng, trình tự, thủ tục xét xử và cơ chế giám sát việc thực thi quyền. Nhìn chung, các quy định này phù hợp với chủ trương của Đảng, tinh thần Hiến pháp năm 2013 và các chuẩn mực quốc tế về quyền con người, quyền của nạn nhân trong TTHS.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Một số quyền của bị hại cũng như nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền của bị hại chưa được quy định cụ thể, rõ ràng; một số trình tự, thủ tục tố tụng chưa thực sự tạo điều kiện để bị hại thực hiện quyền một cách hiệu quả, cơ chế giám sát thực thi chưa thực sự toàn diện.

Bên cạnh đó, khảo sát thực tiễn cho thấy việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng bị hại chưa được cung cấp thông tin đầy đủ, chưa được giải thích hoặc tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện quyền tố tụng của mình. Hiệu quả bảo đảm quyền của bị hại cũng còn chịu ảnh hưởng bởi chất lượng quy định pháp luật, nhận thức của các chủ thể tiến hành tố tụng, điều kiện bảo đảm cơ sở vật chất, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, cơ chế xử lý hành vi vi phạm quyền của bị hại cũng như cơ chế Nhà nước bồi thường thiệt hại cho bị hại trong một số trường hợp đặc biệt.

Những hạn chế nêu trên cho thấy việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả các cơ chế bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS là yêu cầu khách quan, cấp thiết.

CHƯƠNG 3
YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NHẰM TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ HẠI TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Yêu cầu của các giải pháp bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

3.1.1. Phù hợp với chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển con người

Bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS phải gắn liền với chính sách của Đảng. Những chủ trương cải cách tư pháp trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng là nền tảng chính trị - pháp lý vững chắc cho việc ghi nhận và thực thi các quyền này. Trước hết, Nghị quyết số 49-NQ/TW[180] và Nghị quyết số 27-NQ/TW[181] đã đặt ra định hướng xuyên suốt là xây dựng nền tư pháp dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý và quyền con người, trong đó nguyên tắc tranh tụng được xác định là kim chỉ nam cho việc tổ chức hoạt động xét xử. Trên cơ sở đó, vị trí, vai trò của các chủ thể tham gia tố tụng, đặc biệt là bị hại được củng cố, bảo đảm cho họ có điều kiện để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ, đưa ra yêu cầu bồi thường thiệt hại và tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp ngay tại phiên tòa sơ thẩm. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW đặt ra yêu cầu "*bảo đảm tính độc lập của tòa án theo thẩm quyền xét xử; thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*". Đây là những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của tòa án được ghi nhận ở nhiều văn kiện quốc tế[182]. Ở nước ta, nguyên tắc độc lập xét xử được ghi nhận ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên (năm 1946), tiếp tục được khẳng định trong các bản Hiến pháp sau này và nội hàm của nó được phát triển rộng hơn

[180] Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

[181] Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

[182] Điều 10 Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948; Khoản 1 Điều 14 ICCPR năm 1966.

dưới nhiều góc độ khác nhau. "*Phán quyết của tòa án liên quan trực tiếp đến những quyền thiêng liêng, cơ bản, liên quan đến danh dự, nhân phẩm, lương tâm, sinh mệnh chính trị, tài sản của con người. Vì vậy, để bảo đảm được tính công bằng thì không ai được phép áp đặt hay can thiệp vào việc xét xử của tòa án. Nhà nước, pháp luật và toàn xã hội có trách nhiệm bảo đảm cho tòa án, thẩm phán một môi trường tác nghiệp không có bất cứ sự can thiệp nào; họ phải được độc lập trong xét xử và điều duy nhất tòa án và thẩm phán phải tuân theo chính là pháp luật*"[183].

Tại Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII, tiếp tục khẳng định rõ định hướng xây dựng nền tư pháp nhân văn, vì con người, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển. Tư tưởng này thể hiện ở yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm bảo đảm và bảo vệ tốt nhất các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, trong đó bao gồm cả bị hại – những chủ thể trực tiếp chịu thiệt hại từ hành vi phạm tội. Đây là sự cụ thể hóa định hướng phát triển con người toàn diện trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tinh thần này tiếp tục được ghi nhận trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV khi tiếp tục định hướng "*đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa,…; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân*"[184].

Theo Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm:*"Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng, Nhà nước ta luôn xác định quyền con người là giá trị chung của nhân loại; "dân là gốc", con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo đảm và thúc đẩy quyền con người là nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững; quyền con người được phát huy và bảo đảm vững chắc bởi các thể chế Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do*

[183] Nguyễn Hoà Bình (2023), Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, *Tạp chí cộng sản điện tử*, https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tiep-tuc-xay-dung-nen-tu-phap-viet-nam-chuyen-nghiep-hien-dai-cong-bang-nghiem-minh-liem-chinh-phung-su-to-quoc-phuc-vu-nhan-dan, ngày truy cập 27/4/2026.

[184] *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV* (2026), tập II, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, tr. 383.

dân, vì dân"[185]. Như vậy, có thể thấy việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST không chỉ là yêu cầu pháp lý đơn thuần mà còn là sự cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền và phát triển con người. Điều này góp phần khẳng định trách nhiệm của Nhà nước và các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc tạo lập một hệ thống tư pháp dân chủ, nhân văn, tiến bộ, phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế.

3.1.2. Phù hợp với chuẩn mực quốc tế về quyền con người của bị hại

Các giải pháp bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST phải hướng tới việc tiệm cận hơn với yêu cầu của ICCPR, CRC, UDHR và các văn kiện chuyên ngành về nạn nhân tội phạm, theo đó quyền của bị hại không chỉ dừng lại ở khả năng "hiện diện" tại phiên tòa mà phải được bảo đảm tham gia thực chất vào quá trình xét xử. Tham chiếu với các chuẩn mực quốc tế cho thấy thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam vẫn còn khoảng trống trong quy định về quyền và các điều kiện bảo đảm thực thi quyền của bị hại. Vì vậy, các giải pháp bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST cần được thiết kế theo hướng tiệm cận hơn với yêu cầu của ICCPR, CRC và các nguyên tắc phổ quát của UDHR, không chỉ ở việc ghi nhận hình thức trong pháp luật mà còn ở mức độ bảo đảm thực hiện hiệu quả các quyền tố tụng của bị hại. Nhiệm vụ đặt ra là cần nội luật hoá các cam kết trong điều ước quốc tế thành quy định trong pháp luật quốc gia, hướng tới áp dụng hiệu quả trong thực tiễn. Thay vì chỉ dừng lại ở quyền tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến hay kháng cáo vốn đã được pháp luật hiện hành quy định tương đối đầy đủ, các giải pháp cần tập trung khắc phục những khoảng trống so với chuẩn mực quốc tế như: bảo đảm hiệu quả quyền được thông tin và hỗ trợ pháp lý liên tục; nâng cao vai trò của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại... Ở cấp độ tổ chức thực hiện, yêu cầu đặt ra là phải hoàn thiện trình tự, thủ tục xét xử, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền và cơ chế giám sát.

---

[185] Tô Lâm (2024), Thư của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm gửi Hội thảo quốc gia "Con người, quyền con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước", https://baohungyen.vn/thu-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-gui-hoi-thao-khoa-hoc-quoc-gia-con-nguoi-quyen-con-nguoi-la-3176194.html, ngày truy cập ngày 27/4/2025.

3.1.3. Phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi

Thứ nhất, bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS phải đáp ứng được sự đòi hỏi của thực tiễn.

Yêu cầu này nhằm bảo đảm rằng các quy định pháp luật không chỉ mang tính lý luận mà còn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, năng lực tổ chức và trình độ nhận thức pháp lý của các chủ thể tiến hành tố tụng. Trong tiến trình cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc bảo đảm quyền của bị hại cần được đặt trong mối quan hệ hài hòa và cân bằng với quyền của bị cáo, bảo đảm công lý, khách quan và không làm suy giảm các nguyên tắc nền tảng của TTHS như suy đoán vô tội, tranh tụng và bình đẳng trước pháp luật. Các quy định về quyền của bị hại phải vừa bảo vệ lợi ích hợp pháp của họ, vừa tôn trọng quyền bào chữa và quyền được xét xử công bằng của bị cáo.

Bên cạnh đó, yêu cầu thực tiễn còn thể hiện ở việc Việt Nam phải chủ động học hỏi và tiếp thu kinh nghiệm quốc tế trong bảo đảm quyền của bị hại, nhất là trong giai đoạn XXST. Ở nhiều quốc gia có cùng hoặc khác hệ thống pháp luật như Đức, Pháp, Nhật Bản hay Hàn Quốc, các quy định về quyền tham gia tố tụng, quyền được hỗ trợ pháp lý, quyền được bảo vệ an toàn của bị hại đã được thiết kế rất chặt chẽ và nhân văn, nhằm phản ứng kịp thời trước những tình huống thực tiễn mới phát sinh. Việc nghiên cứu, chọn lọc và vận dụng những quy định tiến bộ này giúp Việt Nam chuẩn bị trước cho những vấn đề thực tiễn có thể xuất hiện trong tương lai, đồng thời bảo đảm rằng pháp luật quốc gia không bị lạc hậu mà vẫn giữ được sự phù hợp với bối cảnh trong nước. Nói cách khác, việc bảo đảm quyền của bị hại phải bám sát thực tiễn, có khả năng thích ứng và dự báo, vừa bảo đảm sự cân bằng quyền giữa các bên trong tố tụng, vừa bắt kịp xu thế phát triển chung của nền tư pháp hiện đại, hướng tới xét xử công bằng, nhân văn và hội nhập quốc tế.

Yêu cầu về hoàn thiện pháp luật trong việc bảo đảm quyền của bị hại không thể tách rời bối cảnh cải cách tư pháp, chuyển đổi số quốc gia và yêu cầu hiện đại hóa hoạt động xét xử đang được triển khai hiện nay. Trước hết, yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động tư pháp đang đặt ra những tác động trực tiếp đến việc bảo đảm

quyền của bị hại. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức phiên tòa trực tuyến và số hóa dữ liệu tố tụng có thể tạo điều kiện thuận lợi hơn cho bị hại trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền tố tụng và giảm chi phí, thời gian tham gia tố tụng. Đặc biệt, đối với những bị hại ở xa nơi xét xử, người cao tuổi, người khuyết tật hoặc người có điều kiện đi lại khó khăn, các phương thức tố tụng điện tử có thể góp phần nâng cao khả năng tiếp cận công lý. Vì vậy, các giải pháp bảo đảm quyền của bị hại cần tính đến xu hướng phát triển này, đồng thời bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu ứng dụng công nghệ với việc bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân của bị hại. Bên cạnh đó, việc triển khai các quy trình tố tụng điện tử tại một số địa phương trong thời gian qua cho thấy khả năng khắc phục phần nào những hạn chế vốn tồn tại trong hoạt động tố tụng truyền thống. Tuy nhiên, hiệu quả của các giải pháp này còn phụ thuộc vào hạ tầng kỹ thuật, khả năng tiếp cận công nghệ của người dân và mức độ đồng bộ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các giải pháp bảo đảm quyền của bị hại không nên chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ mà cần gắn với điều kiện triển khai thực tế, tránh tình trạng quyền được mở rộng trên phương diện kỹ thuật nhưng lại khó thực hiện đối với một bộ phận bị hại còn hạn chế về khả năng tiếp cận công nghệ số.

Ngoài ra, vấn đề bảo đảm quyền được bồi thường của bị hại cần được nhìn nhận từ thực tiễn thi hành án dân sự và khả năng khắc phục thiệt hại trên thực tế. Mặc dù pháp luật ngày càng quan tâm hơn đến việc bảo vệ quyền lợi của người bị thiệt hại, nhưng thực tiễn vẫn cho thấy nhiều trường hợp bị hại không nhận được hoặc chỉ nhận được một phần khoản bồi thường do người phạm tội không có khả năng thi hành án. Vì vậy, các giải pháp hoàn thiện phải xuất phát từ thực trạng này, đồng thời tính đến khả năng xây dựng các cơ chế hỗ trợ phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền được bồi thường của bị hại trong thực tế.

Thứ hai, bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS phải có tính khả thi.

Tính khả thi thể hiện ở khả năng thực hiện được trên thực tế, tức là các quyền được ghi nhận phải đi kèm cơ chế, nguồn lực và trách nhiệm thực thi cụ thể. Muốn

vậy, pháp luật cần quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền; đồng thời phải có điều kiện bảo đảm như đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư có trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, được đào tạo về kỹ năng làm việc với bị hại. Bên cạnh đó, việc bố trí cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tâm lý, bảo vệ an toàn cho bị hại cũng là yếu tố cốt lõi quyết định tính khả thi của quy định pháp luật. Khi quyền của bị hại được thiết kế gắn với điều kiện bảo đảm cụ thể, có thể triển khai đồng bộ trong hệ thống tư pháp, thì việc bảo đảm quyền mới thực sự mang ý nghĩa thực chất, đáp ứng yêu cầu công bằng, nhân văn và phù hợp với định hướng cải cách tư pháp ở Việt Nam.

3.2. Các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật

* Giải pháp hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2015 về các nguyên tắc cơ bản trong TTHS

Thứ nhất, kiến nghị hoàn thiện nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật

Hiện nay, cách tiếp cận về bình đẳng trong tố tụng chủ yếu mới dừng lại ở phạm vi "bình đẳng trong cùng tư cách tố tụng", tức là mọi người có cùng địa vị pháp lý thì có quyền và nghĩa vụ như nhau. Nghiên cứu sinh cho rằng, nếu chỉ giới hạn bình đẳng ở phạm vi trong cùng một nhóm, pháp luật sẽ vô tình bỏ qua khía cạnh liên nhóm – tức là mối quan hệ giữa các chủ thể có lợi ích đối lập như bị hại và người bị buộc tội. Trong mối quan hệ này, sự bình đẳng không thể hiểu là ngang bằng tuyệt đối, mà là bình đẳng trong cơ hội pháp lý và khả năng được pháp luật bảo vệ, nghĩa là mọi chủ thể đều được hưởng những bảo đảm tố tụng tương xứng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình một cách hiệu quả. Do đó, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật cần được nhìn nhận theo hướng đa chiều hơn: không chỉ là "bình đẳng giữa những người cùng tư cách tố tụng", mà còn là bình đẳng giữa các bên có quyền và lợi ích đối lập, được điều tiết bởi pháp luật để tránh sự thiên lệch của quyền lực tố tụng. Việc bảo đảm quyền của bị hại trong mối quan hệ này không

làm giảm đi quyền của người bị buộc tội, mà ngược lại, góp phần khẳng định sự cân bằng khách quan của công lý, nơi mọi tiếng nói đều được lắng nghe và mọi quyền con người đều được tôn trọng. Có ý kiến cho rằng: *"cần thiết xây dựng thêm nguyên tắc bảo đảm quyền của nạn nhân tội phạm trên cơ sở không xung đột với quyền của người bị buộc tội"*[186]. Nghiên cứu sinh nhận thấy, không cần thiết xây dựng một nguyên tắc riêng về bảo đảm quyền của nạn nhân tội phạm vì các lý do như sau: *Một là,* không phải mọi VAHS đều có bị hại theo nghĩa pháp lý. Trong nhiều VAHS về tội xâm phạm trật tự quản lý nhà nước, tội phạm về chức vụ, kinh tế hoặc môi trường, thiệt hại mang tính công cộng hoặc trừu tượng, không gắn với một chủ thể bị hại cụ thể. Do đó, việc thiết lập một nguyên tắc tố tụng có phạm vi áp dụng chung nhưng lại gắn với một chủ thể không phải lúc nào cũng xuất hiện trong mọi vụ án sẽ làm giảm tính khái quát vốn có của hệ thống các nguyên tắc TTHS. *Hai là,* nội dung bảo đảm quyền bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tố tụng đã được ghi nhận tại Điều 9 BLTTHS năm 2015, chỉ là chưa làm rõ sự bình đẳng cần được hiểu: không chỉ là "bình đẳng giữa những người cùng tư cách tố tụng", mà còn là bình đẳng giữa các bên có quyền và lợi ích đối lập. Việc tiếp tục "chia nhỏ" nội dung này thành một nguyên tắc riêng có nguy cơ tạo ra sự chồng chéo và trùng lặp về mặt lập pháp. Trong khi đó, nếu được hiểu và vận dụng theo nghĩa đầy đủ và mở rộng, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật hoàn toàn có khả năng bao quát việc bảo đảm quyền của bị hại trong mối quan hệ cân bằng với quyền của người bị buộc tội. Vì vậy, thay vì bổ sung một nguyên tắc mới, cần tập trung hoàn thiện và cụ thể hóa nội hàm của Điều 9 nhằm bảo đảm sự thống nhất và hiệu quả của hệ thống nguyên tắc TTHS. Từ các phân tích nêu trên, NCS đề xuất bổ sung làm rõ quy định tại Điều 9 BLTTHS như sau:

[186] Lương Thị Mỹ Quỳnh (2022), Nạn nhân của tội phạm là người chưa thành niên trong các văn bản pháp lý quốc tế và những gợi mở cho pháp luật Việt Nam, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (13), tr. 25.

"Điều 9. Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật

Tố tụng hình sự được tiến hành theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội *và địa vị pháp lý*…

Giữ nguyên"

Thứ hai, kiến nghị hoàn thiện nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong TTHS

Nguyên tắc này mới chỉ đặt ra trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong trường hợp những thiệt hại gây ra là thiệt hại do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện. Điều này chưa thực sự phù hợp với Tuyên ngôn của Liên Hợp Quốc về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước cho các nạn nhân của tội phạm: *"Bất cứ khi nào người phạm tội hay các nguồn khác không cung cấp sự bồi thường, Quốc gia phải cố gắng cung cấp các bồi thường về tài chính cho: a. Các nạn nhân, những người đã phải chịu đựng những tổn thương về cơ thể hay thiệt hại về thể chất, sức khỏe tinh thần do tội phạm gây ra. b. Gia đình, đặc biệt là những người phụ thuộc của người đã chết hoặc không còn có khả năng về thể chất hoặc tinh thần do tội phạm gây ra"*[187]. Theo tinh thần của Tuyên ngôn năm 1985, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không chỉ phát sinh khi có vi phạm từ phía cơ quan hoặc người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, mà cần được mở rộng trong những trường hợp người phạm tội không có khả năng bồi thường hoặc các nguồn khác không thể đáp ứng thiệt hại của nạn nhân. Việc ghi nhận cơ chế này là thể hiện cam kết của Nhà nước trong bảo vệ quyền con người và quyền công dân trước những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra , là nền tảng để mở rộng phạm vi thiệt hại thuộc trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Có quan điểm cho rằng: "*Cần bổ sung chế định Nhà nước bồi thường thiệt hại trong pháp luật Việt Nam theo hướng xác lập quyền của người bị hại được Nhà nước bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra trong trường hợp người phạm tội không thể/hoặc không có thiện chí bồi thường thiệt hại mà hành vi phạm tội của họ gây ra cho bị hại hoặc trong trường hợp bị hại chưa nhận được bồi thường thông*

[187] Xem Điều 12 Tuyên ngôn về các nguyên tắc cơ bản của công lý đối với nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực năm 1985

qua các hình thức khác (chẳng hạn như bồi thường do bảo hiểm chi trả); xây dựng Quỹ bồi thường thiệt hại cho nạn nhân từ nguồn ngân sách nhà nước và từ các nguồn xã hội hoá; quy định mức tối đa Nhà nước bồi thường thiệt hại gây ra bởi từng loại tội phạm cụ thể"[188]. Nghiên cứu sinh đồng ý với quan điểm trên và cho rằng, cần thiết ghi nhận trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra trong một số trường hợp. Theo pháp luật hiện hành, mỗi cá nhân phải tự chịu trách nhiệm về hành vi trái pháp luật của mình. Tuy nhiên, quy định này chỉ thực sự có ý nghĩa khi người gây thiệt hại có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bồi thường. Trong nhiều trường hợp, người phạm tội không có năng lực tài chính, cố tình trốn tránh nghĩa vụ, đã chết hoặc thậm chí không thể xác định được, khiến quyền được bồi thường của bị hại chỉ tồn tại trên danh nghĩa mà không thể hiện thực hóa trên thực tế. Mặt khác, việc đặt toàn bộ gánh nặng bồi thường lên vai người phạm tội dẫn đến nguy cơ bỏ mặc bị hại trước những tổn thất vật chất và tinh thần nghiêm trọng do tội phạm gây ra. Đặc biệt trong các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc các vụ án mà người phạm tội thuộc nhóm yếu thế càng thấy rõ sự hạn chế của mô hình bồi thường thuần túy dựa trên trách nhiệm dân sự của người phạm tội. Yêu cầu đặt ra là phải thiết lập các cơ chế bồi thường bổ trợ, trong đó Nhà nước giữ vai trò hỗ trợ hoặc bảo đảm cuối cùng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia châu Âu cho thấy việc thiết lập cơ chế bồi thường thiệt hại cho nạn nhân tội phạm không thể chỉ dựa vào trách nhiệm dân sự của người phạm tội, mà cần có sự tham gia bảo đảm của Nhà nước thông qua các quỹ bồi thường nạn nhân. Theo Chỉ thị 2004/80/EC của Liên minh châu Âu: "*tất cả các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng các quy định quốc gia của họ quy định sự tồn tại của một chương trình bồi thường cho nạn nhân của tội phạm bạo lực cố ý được thực hiện trên lãnh thổ tương ứng của họ, đảm bảo bồi thường công bằng và thích đáng cho nạn nhân*"[189]. Như vậy, các quốc gia thành viên có

[188] Nguyễn Tất Thành (2021), Nhà nước bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra – Quy định của một số nước và gợi mở cho Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử*, link truy cập: https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/210770/Nha-nuoc-boi-thuong-thiet-hai-do-toi-pham-gay-ra--quy-dinh-cua-phap-luat-mot-so-nuoc-va-goi-mo-cho-Viet-Nam.html, truy cập ngày 27/4/2026.
[189] Điều 12, Chỉ thị của Hội đồng 2004/80/EC ngày 29/4/2004 về bồi thường cho nạn nhân của tội phạm.

nghĩa vụ xây dựng cơ chế bồi thường từ nguồn công cho nạn nhân của các tội phạm nghiêm trọng, đặc biệt trong trường hợp người phạm tội không xác định được, đã chết hoặc không có khả năng bồi thường. Mô hình này phản ánh sự chuyển dịch quan trọng trong tư duy lập pháp: từ việc coi bồi thường là hệ quả tất yếu của trách nhiệm cá nhân người phạm tội sang việc thừa nhận trách nhiệm xã hội và trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ nạn nhân tội phạm. Cơ chế quỹ bồi thường nạn nhân ở châu Âu khẳng định rằng quyền được bồi thường thiệt hại là một bộ phận cấu thành của quyền được tiếp cận công lý và bảo vệ quyền con người của nạn nhân, không thể bị phủ nhận chỉ vì sự bất lực hoặc thiếu thiện chí của người phạm tội. Cơ chế này góp phần khắc phục những hạn chế của mô hình bồi thường truyền thống, bảo đảm cho nạn nhân có được sự hỗ trợ kịp thời về vật chất và tinh thần, đồng thời củng cố niềm tin của xã hội vào hệ thống tư pháp hình sự. Ngoài ra, Tuyên bố các nguyên tắc cơ bản về công lý cho nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực năm 1985 cũng ghi nhận: *khi không thể bồi thường đầy đủ từ người phạm tội hoặc các nguồn khác, các quốc gia nên cố gắng cung cấp bồi thường tài chính cho nạn nhân bị thương tích nghiêm trọng hoặc thân nhân người chết*[190]; *khuyến khích thiết lập, tăng cường các quỹ bồi thường quốc gia cho nạn nhân*[191]. Việt Nam không chịu ràng buộc trực tiếp bởi các văn kiện như Chỉ thị 2004/80/EC hay Tuyên ngôn về các nguyên tắc công lý cơ bản cho các nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực năm 1985. Tuy nhiên, những kinh nghiệm này có giá trị tham khảo quan trọng đối với Việt Nam trong việc hoàn thiện các cơ chế bảo đảm quyền của bị hại, đặc biệt trong bối cảnh cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay. Đây được coi là chuẩn mực quốc tế quan trọng về trách nhiệm Nhà nước trong bồi thường nạn nhân tội phạm. Vì các lẽ trên, NCS đề xuất sửa đổi như sau:

Một là, đề xuất bổ sung đối tượng được bồi thường trong quy định Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

[190] Điều 12, Tuyên bố các nguyên tắc cơ bản về công lý cho nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực của Liên hợp quốc năm 1985.
[191] Điều 13, Tuyên bố các nguyên tắc cơ bản về công lý cho nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực của Liên hợp quốc năm 1985.

Điều 2. Đối tượng được bồi thường

Cá nhân, tổ chức bị thiệt hại về vật chất, thiệt hại về tinh thần do người thi hành công vụ gây ra, *bị hại trong vụ án hình sự bị thiệt hại do người thực hiện tội phạm gây ra nhưng không có khả năng được bồi thường thiệt hại* thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được quy định tại Luật này.

Hai là, quy định của BLTTHS năm 2015 về nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự

Hiện nay, nguyên tắc này mới chỉ điều chỉnh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với người bị thiệt hại do hoạt động tố tụng, chưa ghi nhận bị hại trong VAHS là chủ thể được bảo đảm quyền bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị bổ sung thêm bị hại vào phạm vi điều chỉnh của nguyên tắc này và đổi tên nguyên tắc như sau:

Điều 31. Bảo đảm quyền được bồi thường *của bị hại* và người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự

1. *Giữ nguyên*

2. Người khác bị thiệt hại do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra *hoặc do người thực hiện tội phạm khác gây ra nhưng không có khả năng được bồi thường thiệt hại* có quyền được Nhà nước bồi thường thiệt hại.

* Giải pháp hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2015 về quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS

Thứ nhất, *hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2015 về:* thời điểm bắt đầu tư cách bị hại, thời điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, về người đại diện+ *Về thời điểm bắt đầu tư cách bị hại:* Một trong những nội dung có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo đảm quyền của bị hại trong TTHS nói chung và trong giai đoạn XXST nói riêng là cần xác định rõ thời điểm một người tham gia tố tụng với tư cách bị hại. Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành đã quy định thời điểm phát sinh tư cách bị can và bị cáo nhưng chưa có quy định tương ứng đối với bị hại. Xác định rõ mốc thời điểm này có ý nghĩa then chốt khi xác lập địa vị tố tụng của bị hại, đồng thời làm căn cứ pháp lý để các quyền tố tụng của họ phát sinh và được

bảo đảm thực hiện trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hình sự. Mặc dù luận án tập trung nghiên cứu về bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST, nhưng nhiều quyền quan trọng của họ đã được xác lập từ các giai đoạn tố tụng trước đó như: quyền yêu cầu khởi tố, quyền có người bảo vệ,… Do đó, yêu cầu hoàn thiện quy định về thời điểm phát sinh tư cách bị hại cần được coi là vấn đề ưu tiên trong quá trình sửa đổi, bổ sung BLTTHS.

Nghiên cứu sinh đồng ý với quan điểm cho rằng tư cách bị hại được "*xác định từ thời điểm có căn cứ chứng minh họ bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra*"[192].: Hay nói cách khác, đây chính là thời điểm người đó trình báo hay cho rằng mình bị thiệt hại, mà là thời điểm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có căn cứ pháp lý ban đầu chứng minh thiệt hại do hành vi có dấu hiệu tội phạm gây ra. Tùy từng vụ án, căn cứ pháp lý chứng minh có thể dựa vào những tài liệu như: kết quả xác minh nguồn tin về tội phạm thể hiện có dấu hiệu thiệt hại cụ thể; biên bản tiếp nhận lời khai phù hợp kèm theo tài liệu chứng minh ban đầu; kết luận giám định thương tích; kết quả định giá tài sản; tài liệu chứng minh việc chiếm đoạt, hủy hoại tài sản; hoặc văn bản tố tụng ghi nhận việc xác định cá nhân cụ thể là người bị xâm hại. Mặt khác, việc sử dụng thuật ngữ "hành vi phạm tội" chưa thực sự chính xác dễ tạo hiểu nhầm rằng: khẳng định có tội phạm khi chưa có phán quyết cuối cùng, dẫn đến vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội. Vì vậy, NCS cho rằng, cần thay đổi thành "hành vi có dấu hiệu tội phạm". Cách diễn đạt này vì vậy vừa bảo đảm tính khách quan trong xác định tư cách tố tụng, vừa không làm chậm trễ việc bảo đảm quyền của người bị thiệt hại trong tiến trình tố tụng hình sự, đồng thời tạo tiêu chí khách quan để các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng thống nhất trong thực tiễn. Từ các phân tích trên, NCS đề xuất bổ sung vào khoản 1 Điều 62 BLTTHS như sau:

"Điều 62. Bị hại

1. Giữ nguyên

---

[192] Vũ Gia Lâm (2020), Hoàn thiện quy định về bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, *Luật học* (03), tr. 47.

"Tư cách tham gia tố tụng của bị hại do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xác định từ thời điểm có căn cứ ban đầu cho thấy họ bị thiệt hại hoặc có dấu hiệu thiệt hại do hành vi có dấu hiệu tội phạm gây ra".

Giữ nguyên

+ Về việc xác định thời điểm có sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: BLTTHS năm 2015 quy định thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng từ rất sớm, không chỉ tham gia bào chữa từ khi khởi tố bị can mà còn tham gia từ trước khi khởi tố vụ án[193]. Nhờ đó, bị can có điều kiện thực hiện quyền bào chữa ngay từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 chưa có quy định tương ứng về thời điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được tham gia tố tụng. Thông tư số 46/2019/BCA đã bổ sung khoảng trống này khi ghi nhận: *người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại… được tham gia tố tụng kể từ khi có Quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và có căn cứ xác định tư cách tham gia tố tụng của các chủ thể này*[194]. Nghiên cứu sinh cho rằng quy định này của thông tư cần được luật hoá trong BLTTHS, nhằm bảo đảm sự cân xứng với địa vị tố tụng của bị can, bị cáo, đồng thời tạo cơ sở pháp lý vững chắc hơn về thời điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tham gia tố tụng. Hiện nay, Dự thảo BLTTHS ngày 18/8/2026 đã bổ sung quy định này[195]. So với kiến nghị của nghiên cứu sinh về luật hóa quy định tại Thông tư số 46/2019/TT-BCA, quy định của Dự thảo có sự khác biệt về thời điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được tham gia tố tụng. Dự thảo xác định thời điểm này kể từ khi bị hại được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xác định tư cách người tham gia tố tụng, trong khi Thông tư số 46/2019/TT-BCA cho phép người bảo vệ

[193] Điều 74 BLTTHS năm 2015.

[194] Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 46/2019/BCA ngày 10 tháng 10 năm 2019 quy định trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong việc thực hiện các quy định của BLTTHS năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

[195] Khoản 5 Điều 89 Dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Dự thảo ngày 18/8/2026)

tham gia ngay từ giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, khi đã có quyết định phân công giải quyết và có căn cứ xác định tư cách tham gia tố tụng của bị hại. Theo đó, quy định tại Thông tư số 46/2019/TT-BCA tạo khả năng cho người bảo vệ tham gia sớm hơn, qua đó bảo đảm kịp thời hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng. Vì vậy, NCS cho rằng, Dự thảo nên kế thừa cách xác định thời điểm này khi luật hóa quy định về sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Về mặt kỹ thuật lập pháp, quy định này cần được lồng ghép và đặt ở cuối Điều 74 để thể hiện tính chuyên biệt, tính hệ thống cũng như thuận tiện cho việc áp dụng. Điều 74 cũng là điều luật điều chỉnh thời điểm tham gia tố tụng của các chủ thể hỗ trợ pháp lý khác. Từ các phân tích trên, NCS đề xuất như sau:

Điều 74. Thời điểm người bào chữa, *người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, đương sự* tham gia tố tụng

Giữ nguyên

"Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tham gia tố tụng kể từ khi có Quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và có căn cứ xác định tư cách tham gia tố tụng của các chủ thể này".

+ Về người đại diện của bị hại: Hiện nay, BLTTHS chỉ dùng thuật ngữ chung "người đại diện". Thực tiễn thi hành, các cơ quan có thẩm quyền sẽ dẫn chiếu sang quy định của pháp luật dân sự để áp dụng một cách linh hoạt nhằm bảo đảm tốt nhất quyền có người đại diện của bị hại. Tuy nhiên, cũng chính vì sự linh hoạt đó, đã dẫn đến những cách hiểu khác nhau. Có quan điểm cho rằng: *"Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chỉ có những quy định chung về người đại diện. Do đó, có thể hiểu người đại diện trong tố tụng hình sự cũng bao gồm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền"*[196]. Bên cạnh đó, có quan điểm lại cho rằng, người đại diện chỉ có thể là người đại diện theo pháp luật: *"Trường hợp... người bị hại có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần (hạn chế năng lực hành vi dân sự) thì có sự tham*

[196] Dương Tấn Thanh (2026), Một số quy định về người đại diện trong tố tụng hình sự, *Tạp chí dân chủ pháp luật điện tử,* https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/dien-dan-cong-tac-tu-phap.aspx?ItemID=225, ngày truy cập 17/3/2026.

gia tố tụng của người đại diện (đại diện theo pháp luật) của họ"[197]. Các quan điểm khác nhau không chỉ được thể hiện trong lý luận mà còn được phản ánh trong thực tiễn. Khi nghiên cứu thực tiễn[198], tất cả các VAHS có người đại diện, cơ quan thực tiễn đều chấp nhận người đại diện theo uỷ quyền. Với tư cách là đại diện theo uỷ quyền, họ chủ yếu thực hiện quyền liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại, không liên quan đến quyền nhân thân. Ở phạm vi khác, cũng có cơ quan tiến hành tố tụng "*không chấp nhận người đại diện theo ủy quyền là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người tham gia tố tụng hoặc không chấp nhận cho người đại diện theo ủy quyền của người tham gia tố tụng trong các trường hợp khi tiến hành tố tụng bắt buộc phải có người đại diện*"[199]. Chính bởi quy định của pháp luật không rõ ràng, nên việc áp dụng cũng tuỳ nghi, dẫn đến quyền có người đại diện của bị hại trong TTHS nói chung, trong giai đoạn XXST VAHS nói riêng gặp nhiều cản trở. Theo quan điểm của NCS, BLTTHS cần làm rõ nội hàm của thuật ngữ "người đại diện" thông qua việc dẫn chiếu đầy đủ đến các quy định của Bộ luật Dân sự[200], qua đó thừa nhận cả hai hình thức đại diện là đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền. Tuy nhiên, cùng với việc thừa nhận cơ chế đại diện theo ủy quyền, BLTTHS cần xác định rõ phạm vi ủy quyền để bảo đảm tính phù hợp với bản chất của quan hệ TTHS. Theo đó, việc ủy quyền chỉ nên được chấp nhận đối với những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự, chủ yếu liên quan đến quyền và lợi ích về tài sản phát sinh từ VAHS, đặc biệt là yêu cầu bồi thường thiệt hại. Ngược lại, không nên cho phép việc ủy quyền toàn bộ tư cách tố tụng của bị hại, bởi nhiều quyền của bị hại trong TTHS mang tính nhân thân và gắn trực tiếp với chủ thể bị xâm hại, do đó không thể chuyển giao cho người khác thực hiện thay. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm sự thống nhất giữa pháp luật TTHS và pháp luật dân sự, vừa phù hợp với thực tiễn giải quyết VAHS, khi phần lớn sự tham gia của bị hại tập trung

---

[197] Vũ Gia Lâm (2020), Hoàn thiện quy định về bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, *Luật học,* (03), tr. 45.
[198] Phạm vi nghiên cứu: 300 hồ sơ án hình sự sơ thẩm
[199] Dương Tấn Thanh (2026), Tlđd, link truy cập: https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2388, truy cập ngày 26/3/2026.
[200] Các Điều luật liên quan đến người đại diện trong Bộ luật dân sự năm 2015 bao gồm Điều 134, 135, 136, 137, 138.

vào việc yêu cầu được bồi thường đối với những thiệt hại mà họ phải gánh chịu. Trên cơ sở đó, có thể kiến nghị bổ sung vào khoản 1 Điều 62 BLTTHS như sau:

Điều 62. Bị hại

Giữ nguyên

"*Người đại diện của bị hại là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền theo quy định của Bộ luật Dân sự; trường hợp đại diện theo ủy quyền chỉ được thực hiện trong phạm vi quyền liên quan đến bồi thường thiệt hại và các quan hệ dân sự phát sinh từ vụ án hình sự, không bao gồm việc thực hiện các quyền nhân thân và các quyền tố tụng gắn trực tiếp với tư cách bị hại trong tố tụng hình sự*".

Thứ hai, quy định về một số quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS chưa được ghi nhận đầy đủ

+ Về quyền được chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Hiện nay, một số quốc gia trên thế giới đã ghi nhận quyền được chỉ định người bảo vệ cho nạn nhân của tội phạm như Cộng Hoà Liên bang Đức, Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, cũng có quan điểm cho rằng "*cần thiết lập cơ chế chỉ định bắt buộc đối với các vụ án bạo lực gia đình, xâm hại tình dục, xâm hại trẻ em hoặc tội phạm có tính chất tàn bạo*"[201]. Nghiên cứu sinh nhất trí với quan điểm cho rằng: cần bổ sung thêm quyền được chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. Tuy nhiên, cần cân nhắc và có sự chắt lọc khi ghi nhận những trường hợp sẽ có quyền này. Nếu tất cả *các vụ án bạo lực gia đình, xâm hại tình dục, xâm hại trẻ em* đều bắt buộc chỉ định là không cần thiết và có thể chồng chéo. Ví dụ: các vụ án về xâm hại tình dục nếu thuộc Khoản 1 Điều 141, Khoản 1 Điều 143 BLHS năm 2015 sẽ chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của bị hại (Khoản 1, Điều 155 BLTTHS năm 2015). Bắt buộc chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại trong một vụ án không chắc được khởi tố là điều không cần thiết. Nếu là các vụ án xâm hại trẻ em, bị hại sẽ là trẻ em; nếu là các vụ án về bạo lực gia đình, bị hại cũng có thể là trẻ em. Vì vậy, bị hại

[201] Lưu Thị Ngọc Lan (2026), *Tlđd*, tr. 140

trong các vụ án này đã thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý[202]. Nghiên cứu sinh không hoàn toàn đồng ý với quan điểm nêu trên về các trường hợp có thể được chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. NCS cho rằng, có thể tiếp thu kinh nghiệm của Cộng hoà liên bang Đức, yêu cầu chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trong các VAHS mà tội phạm được thực hiện là loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (tương ứng với bị cáo được chỉ định hoặc trong các trường hợp: bị hại có nhược điểm về thể chất, tâm thần, người dưới 18 tuổi hoặc bị hại đã chết. Đề xuất này đồng thời cũng đảm bảo "*công bằng tố tụng và cân bằng quyền lực*" giữa người bị buộc tội và bị hại. Cụ thể: NCS đề xuất bổ sung quy định tại Điều 76 BLTTHS hiện hành như sau:

Điều 76. Chỉ định người bào chữa, *người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*

1. Giữ nguyên

2. Chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

Trong các trường hợp sau đây nếu bị hại, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ:

a) Trường hợp theo điểm a, khoản 1 Điều này.

b) Bị hại là người có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người có nhược điểm về tâm thần, người dưới 18 tuổi hoặc đã chết.

3. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải yêu cầu hoặc đề nghị các tổ chức sau đây cử người bào chữa, *người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều này:

a) Đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử người bào chữa, *người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*;

b) Giữ nguyên

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cử bào chữa viên nhân dân bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức

[202] Khoản 5 Điều 7 Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2026)

mình, *cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là thành viên của tổ chức mình.*

Về quyền yêu cầu thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Tại phiên toà, sau khi khai mạc, *Chủ toạ phiên toà sẽ hỏi bị hại và những người tham gia khác có mặt tại phiên toà có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án,... hay không, lý do của việc đề nghị thay đổi là gì*? (Điều 302 BLTTHS năm 2015). Theo khoản 2 Điều 50, điểm e khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015, bị hại, người đại diện của họ có quyền *"đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật"*. Vì vậy, có thể hiểu là bị hại, người đại diện của họ có quyền đưa ra đề nghị này ở bất kì giai đoạn tố tụng nào. Tuy nhiên, khi đối chiếu với quy định tại Điều 302 BLTTHS năm 2015 và các quy định tại phiên toà sơ thẩm thì rõ ràng, quy định tại Điều 302 sẽ định hướng người áp dụng hiểu rằng: bị hại, người đại diện của họ chỉ được thực hiện yêu cầu này trong phần thủ tục bắt đầu phiên toà và chỉ có bị hại có mặt tại phiên toà mới có quyền yêu cầu thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Nghiên cứu sinh cho rằng, quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể được đưa ra không chỉ ở thủ tục bắt đầu phiên toà mà còn có thể được đưa ra tại thủ tục xét hỏi và tranh luận. Ví dụ: khi bắt đầu phiên toà, bị cáo và Thẩm phán hoàn toàn vô tư, nhưng sau nhiều ngày xét xử, vụ án đó chưa kết thúc tranh tụng mà bị hại lại có căn cứ để chứng minh rằng họ có thể không vô tư, không khách quan trong khi làm nhiệm vụ thì đề nghị này cũng cần được xem xét. Đồng thời, cần ghi nhận quyền được yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng tại phiên toà cho cả bị hại không có mặt tại phiên toà. Bởi vì, mặc dù không có mặt tại phiên toà nhưng bị hại là một trong những chủ thể được giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên toà (Khoản 1, Điều 286 BLTTHS năm 2015). Bị hại hoàn toàn có thể biết được thành phần của Hội đồng xét xử ngay cả khi họ không có mặt. Trường hợp họ có căn cứ rõ ràng để chứng minh về việc Thẩm phán hoặc Hội thẩm… có thể không vô tư, khách quan trong khi làm nhiệm vụ mà không thể tham dự phiên toà trực tiếp được thì có thể yêu cầu và thể

hiện yêu cầu đề nghị thay đổi những người đó bằng hình thức văn bản. Văn bản này cần được Hội đồng xét xử xem xét như là một lời đề nghị trực tiếp của người tham gia tố tụng có mặt tại phiên toà. Bên cạnh đó, BLTTHS năm 2015 cũng chưa đặt ra giới hạn về thời điểm được đưa ra yêu cầu, điều này rất có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền. Nghiên cứu sinh cho rằng, thời điểm kết thúc việc đưa ra yêu cầu này của bị hại là trước khi kết thúc phần tranh luận để đảm bảo tính ổn định của hoạt động xét xử.

Từ những phân tích nêu trên, chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 302 BLTTHS năm 2015 như sau:

Điều 302. Giải quyết việc đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật

Chủ toạ phiên tòa phải hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật hay không, lý do của việc đề nghị thay đổi. *Người tham gia tố tụng nếu vắng mặt tại phiên toà có thể đề nghị bằng văn bản. Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng cũng có quyền đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật trước khi kết thúc phần tranh luận*. Nếu có người đề nghị thì Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về quyền thu thập chứng cứ: Điều 88 BLTTHS hiện hành ghi nhận quyền thu thập chứng cứ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và người bào chữa, nhưng chưa ghi nhận quyền này cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, người bào chữa đều có thể là luật sư, trợ giúp viên pháp lý… Tư cách tố tụng của họ phụ thuộc vào người mà họ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. Vì vậy, về bản chất pháp lý và trình độ chuyên môn họ hoàn toàn có đủ khả năng để có thể thu thập chứng cứ. Nếu người bào chữa được quyền chủ động gặp gỡ, hỏi người biết về vụ án và đề nghị cơ quan, tổ chức, cá

nhân cung cấp tài liệu, dữ liệu liên quan để phục vụ việc bào chữa, thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng cần được trao cơ chế tương tự để thực hiện chức năng bảo vệ quyền lợi của bị hại. Nếu không, bị hại sẽ ở vị thế phụ thuộc hoàn toàn vào hoạt động thu thập chứng cứ của cơ quan tiến hành tố tụng, trong khi bên bị buộc tội lại có công cụ pháp lý chủ động hơn thông qua người bào chữa…

Vì vậy, cần thiết sửa đổi, bổ sung Điều 88 BLTTHS theo hướng ghi nhận rõ quyền thu thập chứng cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Quyền này có thể được giới hạn trong phạm vi tương tự như đối với người bào chữa, bao gồm quyền gặp người biết về vụ án để hỏi, nghe trình bày và quyền đề nghị cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử có liên quan. Từ các phân tích trên, NCS đề xuất bổ sung quy định như sau vào khoản 2 Điều 88 BLTTHS hiện hành:

Điều 88. Thu thập chứng cứ

1. Giữ nguyên

2. ... Để thu thập chứng cứ, người bào chữa*, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại* có quyền gặp *người bị buộc tội,* bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử.

Khoản 3,4,5 giữ nguyên.

Về quyền đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu có trong hồ sơ VAHS

Hiện nay, có quan điểm đề xuất bổ sung Điều 62 BLTTHS năm 2015 như sau: *"Bị hại được đọc, ghi chép, sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của bị hại sau khi kết thúc điều tra"*[203]. Đề xuất này cũng có nét tương đồng với quy định của BLTTHS Cộng hoà liên bang Đức[204]

Nghiên cứu sinh cho rằng, việc bổ sung quyền này cho bị hại là cần thiết và cũng hoàn toàn đồng ý về thời điểm bắt đầu thực hiện quyền là sau khi kết thúc giai đoạn điều tra. Bởi vì giai đoạn điều tra là giai đoạn thu thập, kiểm tra, đánh giá

[203] Trần Thanh Sang (2022), Bàn về quyền đọc, ghi chép tài liệu có trong hồ sơ vụ án hình sự của bị hại, *Tạp chí Kiểm sát* (06), tr. 25.
[204] Khoản 3, Điều 406e BLTTHS của Cộng Hoà Liên bang Đức năm 1987, link truy cập: https://www.buzer.de/StPO.htm, ngày truy cập 20/9/2026

chứng cứ. Hồ sơ vụ án ở giai đoạn này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, thường xuyên được bổ sung, chỉnh sửa và chưa phản ánh toàn diện sự thật của vụ án. Việc cho phép đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu ở giai đoạn này có thể ảnh hưởng đến bí mật điều tra, thông tin có nguy cơ bị tiết lộ, tác động đến việc thu thập chứng cứ, thậm chí ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khác trong tố tụng. Trong khi bị can, bị cáo được tiếp cận hồ sơ nhằm thực hiện quyền bào chữa sau khi kết thúc điều tra, thì việc trao quyền tương ứng cho bị hại ở cùng thời điểm sẽ bảo đảm sự tương thích về mặt thủ tục, tránh tạo ra ưu thế hoặc bất lợi không cần thiết cho bất kỳ bên nào. Mặt khác, khi đã quy định về thời điểm bắt đầu, cũng cần ghi nhận về thời điểm kết thúc cũng như thời hạn giải quyết yêu cầu. Theo NCS, chừng nào vụ án còn đang được giải quyết thì bị hại vẫn sẽ có thể thực hiện quyền này. Bởi lẽ, chứng cứ, tài liệu mới hoàn toàn có thể xuất hiện tại bất kỳ giai đoạn nào, thậm chí là thủ tục đặc biệt. Tuy nhiên, để quy định này được thực hiện thống nhất và hiệu quả trong thực tiễn, pháp luật cần làm rõ tiêu chí xác định tài liệu "có liên quan" đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đồng thời quy định nghĩa vụ "không được tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết khi thực hiện bào chữa; không được sử dụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơ vụ án vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân". Nghĩa vụ này tương tự như nghĩa vụ được quy định cho người bào chữa)..

Từ những phân tích trên, NCS đề xuất bổ sung vào Điều 62 BLTTHS hiện hành như sau:

Bổ sung khoản … vào Điều 62 BLTTHS năm 2015 như sau:

"*Bị hại, người đại diện của họ có quyền đọc, ghi chép, sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án có liên quan trực tiếp đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong suốt quá trình giải quyết vụ án, kể từ sau khi kết thúc điều tra.*

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày bị hại hoặc người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ có yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết yêu cầu của họ".

Việc ghi nhận nội dung về *quyền đọc, ghi chép, sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án* đã bao gồm cả quyền xem biên bản phiên toà NCS đề xuất bỏ quyền này của bị hại để tránh quy định bị chồng chéo.

Về quyền hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa

Tại thủ tục xét hỏi, quyền của bị hại chủ yếu được giới hạn trong phạm vi đưa ra quan điểm của mình đối với những báo cáo, tài liệu, những kết luận của cơ quan có thẩm quyền… Theo quy định của pháp luật, bản thân họ không có quyền được trực tiếp đưa ra những câu hỏi (đối với bị cáo, người làm chứng, đối với những vấn đề có liên quan đến vật chứng)[205]. Trong trường hợp bị hại thấy có vấn đề liên quan đến vụ án chưa được làm rõ hoặc có những mâu thuẫn thì họ sẽ có hai lựa chọn: *một là*, đề nghị chủ toạ phiên toà hỏi về những nội dung đó, *hai là* sẽ thông qua người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp để thể hiện quan điểm của mình. Cả hai lựa chọn này đều có thể dẫn đến những bất lợi cho bị hại khi tham gia thủ tục xét hỏi tại phiên toà: *Đối với lựa chọn thứ nhất*: bị hại sẽ đề nghị chủ toạ phiên toà hỏi thêm những tình tiết có liên quan đến họ (khoản 2 Điều 309). Đề nghị này có thể được chấp nhận hoặc không phụ thuộc vào đánh giá chủ quan của chủ toạ phiên toà. Nếu không được chấp nhận thì bị hại sẽ không có cơ hội làm rõ những khúc mắc của mình (kể cả trong trường hợp yêu cầu, đề nghị đó là chính đáng). Còn nếu được chấp nhận thì việc truyền tải thông tin cần được hỏi giữa bị hại và chủ toạ phiên toà cũng sẽ khó mà rõ ý được. *Đối với lựa chọn thứ hai*, pháp luật cho phép người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền đặt câu hỏi đối với bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Mặc dù bị hại không có quyền trực tiếp đặt câu hỏi nhưng quyền này đã được thực hiện gián tiếp thông qua người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Tuy nhiên, việc quy định quyền theo kiểu gián tiếp như thế này là "khá cồng kềnh", mỗi lần có nhu cầu hỏi lại phải thông qua người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp mà không chủ động trong việc tham gia xét hỏi. Mặt khác, không phải VAHS nào bị hại cũng có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Trong những trường hợp này, đáng lẽ pháp luật cần phải "trang bị" cho họ nhiều quyền hơn để có thể tự bảo vệ mình.

[205] Điều 62; khoản 2 Điều 307; Điều 310; Điều 312; Điều 314; Điều 315; Điều 316 BLTTHS năm 2015.

Theo quan điểm của NCS, việc BLTTHS năm 2015 không quy định cho bị hại quyền được tham gia xét hỏi tại phiên toà là điểm chưa hợp lý. Đặc biệt, đối với trường hợp VAHS chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của bị hại (Điều 155 BLTTHS năm 2015) thì họ chính là người quyết định việc có khởi tố VAHS hay không. Tại phiên toà, trong thủ tục tranh luận, bị hại hoặc người đại diện của họ cũng là chủ thể sẽ trình bày lời buộc tội, bổ sung ý kiến sau khi KSV trình bày lời luận tội (Điều 320 BLTTHS năm 2015). Như vậy, cùng với KSV, bị hại hoặc đại diện của họ sẽ đưa ra những lý lẽ, chứng cứ để buộc tội một người. Có quan điểm cho rằng KSV là chủ thể thực hiện chức năng buộc tội nhân danh Nhà nước tại phiên toà. Bị hại đã có sự hỗ trợ đắc lực từ phía KSV nên việc tham gia xét hỏi của bị hại là không cần thiết, chỉ mình KSV tham gia xét hỏi để làm rõ những chứng cứ buộc tội là đủ. Tuy nhiên, KSV trình bày lời luận tội, bị hại trình bày lời buộc tội: *"Lời buộc tội và lời luận tội hoàn toàn khác nhau. Luận tội có thể có buộc tội hoặc gỡ tội, còn buộc tội thì không thể có gỡ tội"*[206]. Vì thế, VKS không thể thực hiện thay cho bị hại được. Trong khi thủ tục xét hỏi giống như một cuộc điều tra công khai để thu thập chứng cứ, làm tiền đề cho việc tranh luận đạt hiệu quả mà pháp luật không quy định cho bị hại hoặc đại diện của bị hại quyền được xét hỏi là không hợp lý. Điểm không hợp lý này lại càng được nhấn mạnh khi mà BLTTHS năm 2015 quy định cho bị cáo là chủ thể có quyền được hỏi bị hại nhưng lại không cho bị hại quyền được hỏi lại: *"Khi được chủ toạ phiên toà đồng ý, bị cáo có thể hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ về các vấn đề có liên quan đến bị cáo"*. Từ những lý do trên, NCS đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 309 BLTTHS về việc bị hại có quyền hỏi bị cáo như sau:

Điều 309. Hỏi bị cáo

Khoản 1, 2, 3 (giữ nguyên)

Khi được chủ toạ phiên toà đồng ý, bị hại, người đại diện của bị hại có thể hỏi bị cáo, người đại diện của bị cáo về các vấn đề có liên quan đến họ.

---

[206] Đinh Văn Quế (2001), *Thủ tục xét xử sơ thẩm trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 199.

Về quyền đề nghị mức bồi thường thiệt hại

Nếu bị can, bị cáo chết trong quá trình giải quyết vụ án, việc bảo đảm quyền đề nghị mức bồi thường thiệt hại trên thực tế gặp nhiều trở ngại. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do người chết để lại được thực hiện trong phạm vi di sản của họ: "*người thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của người chết trong phạm vi di sản mà họ được hưởng; trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ được thực hiện thông qua người quản lý di sản; trường hợp đã chia thì mỗi người thừa kế chỉ phải thực hiện nghĩa vụ tương ứng với phần di sản mình nhận*"[207]. Quy định này tạo cơ sở pháp lý để bảo đảm quyền yêu cầu bồi thường của bị hại ngay cả khi người gây thiệt hại đã chết. Tuy nhiên, trên thực tế, cơ chế này bộc lộ nhiều hạn chế khi đặt trong mối liên hệ với TTHS. Trong giai đoạn XXST, khi bị can hoặc bị cáo chết, Toà án buộc phải đình chỉ vụ án theo quy định tại Điều 157, Điều 282 BLTTHS năm 2015. Việc đình chỉ này kéo theo hệ quả là toàn bộ quá trình xác minh hành vi phạm tội, xác định lỗi, mức độ thiệt hại và mối quan hệ nhân quả bị chấm dứt giữa chừng. Trong khi đó, các yếu tố này lại có ý nghĩa quyết định đối với việc giải quyết yêu cầu bồi thường của bị hại. Thực tiễn cho thấy, khi VAHS bị đình chỉ vì bị can, bị cáo đã chết, bị hại buộc phải khởi kiện bằng một vụ án dân sự độc lập nếu có yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, trong bối cảnh thiếu các kết luận tố tụng về hành vi phạm tội, mức độ lỗi và thiệt hại, gánh nặng chứng minh chuyển hoàn toàn sang phía bị hại, làm suy giảm đáng kể khả năng bảo vệ quyền lợi của họ. Hơn nữa, việc không có cơ chế pháp lý cho phép Tòa án tiếp tục xác định trách nhiệm dân sự trong khuôn khổ VAHS khiến cho quá trình bảo vệ quyền lợi của bị hại trở nên kéo dài, phức tạp và tiềm ẩn nguy cơ không được bồi thường thỏa đáng. Việc thiếu vắng quy định về trách nhiệm của người thừa kế, về việc phong tỏa hoặc quản lý tài sản để bảo đảm nghĩa vụ dân sự, cũng như thiếu cơ chế chuyển tiếp từ TTHS sang tố tụng dân sự đã làm suy giảm hiệu lực bảo vệ quyền lợi của bị hại trên thực tế. Khi vụ án chưa được đưa ra xét xử, các yếu tố cấu thành trách nhiệm hình sự như hành vi phạm tội, lỗi, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả và mối quan hệ nhân quả đều chưa được kiểm tra, đánh giá một cách công khai, toàn diện thông qua hoạt động tranh tụng tại phiên tòa.

[207] Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc kết luận trước về trách nhiệm hình sự trong bối cảnh đó dễ dẫn đến tình trạng suy đoán, thiếu căn cứ vững chắc và không bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội.

Từ các phân tích trên, NCS kiến nghị: Bổ sung quy định cho phép Tòa án tiếp tục xác định trách nhiệm dân sự, ngay cả khi trách nhiệm hình sự không còn được đặt ra. Cụ thể, đối với các VAHS bị đình chỉ do bị can, bị cáo chết thì trong quyết định đình chỉ vụ án Toà án cần khẳng định: có hay không thiệt hại thực tế đã xảy ra làm phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo quy định của pháp luật dân sự? Trong trường hợp có thiệt hại thực tế xảy ra, cần xác định cụ thể mức thiệt hại dựa trên chứng cứ đã thu thập được nhằm tạo cơ sở pháp lý để giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án. Từ đó, bảo đảm tính kế thừa về chứng cứ, bị hại không buộc phải chứng minh lại từ đầu những tình tiết đã được cơ quan tiến hành tố tụng xác minh. Quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo toàn tài sản liên quan đến nghĩa vụ bồi thường. Trong trường hợp bị can chết, Tòa án cần được trao thẩm quyền áp dụng hoặc duy trì các biện pháp bảo đảm (như kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản) nhằm bảo toàn khối tài sản dùng để bồi thường, tránh việc tẩu tán hoặc phân tán tài sản trước khi quyền lợi của người bị hại được giải quyết. Ngoài ra, cũng cần xác định rõ: trong giai đoạn xét xử sơ thẩm việc đình chỉ vụ án, tuyên bị cáo vô tội làm chấm dứt việc giải quyết toàn bộ vụ án hình sự, vấn đề dân sự nếu có sẽ giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Nếu trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự Toà án đã giải quyết vấn đề dân sự, thì đến giai đoạn xét xử phúc thẩm việc đình chỉ vụ án chỉ làm chấm dứt việc giải quyết vấn đề hình sự, vấn dề dân sự Toà án vẫn phải tiếp tục giải quyết.

Về quyền kháng cáo của bị hại: Quy định hiện hành của BLTTHS năm 2015 về chủ thể có quyền kháng cáo vẫn bộc lộ một hạn chế đáng chú ý trong trường hợp bị hại đã chết. Khi bị hại chết, việc thực hiện quyền kháng cáo hoàn toàn phụ thuộc vào người đại diện; nếu chủ thể này không thực hiện quyền hoặc không nhận diện được sai sót của bản án thì quyền, lợi ích hợp pháp gắn với bị hại có nguy cơ không được bảo vệ. Mặc dù khoản 5 Điều 331 BLTTHS đã thừa nhận quyền kháng cáo của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong các trường hợp bị hại "yếu thế" (dưới 18 tuổi, có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất), qua đó thiết lập cơ chế hỗ

trợ đặc biệt nhằm bảo đảm quyền kháng cáo, nhưng lại chưa mở rộng cơ chế này đối với trường hợp bị hại đã chết – tình huống mà mức độ "không có khả năng tự bảo vệ" còn cao hơn. Từ các phân tích trên, NCS cho rằng cần bổ sung quy định cho phép người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được kháng cáo khi bị hại đã chết.

Điều 331. Người có quyền kháng cáo

Khoản 1,2,3,4. Giữ nguyên

5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là người dưới 18 tuổi, *đã chết* hoặc người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ.

Về quyền trình bày Bản tường trình tác động của tội phạm (VIS): Hiện nay, pháp luật chưa ghi nhận quyền của bị hại được trình bày Bản tường trình tác động của tội phạm tại phiên tòa. Trên thực tế, mặc dù bị hại có quyền trình bày ý kiến tại phiên tòa, nhưng những ý kiến này thường được thể hiện rải rác trong quá trình xét hỏi hoặc tranh luận, chưa có một cơ chế tố tụng riêng để họ trình bày một cách hệ thống, đầy đủ về các tổn thất vật chất, tinh thần, tâm lý và những tác động lâu dài mà hành vi phạm tội đã gây ra. *"Nếu không có lời khai của nạn nhân, bị cáo không phải lúc nào cũng nhận thức được mức độ thiệt hại gây ra cho nạn nhân. Nếu là tội hành hung, trọng tâm của bị cáo là những thương tích mà họ gây ra, chứ không phải là khía cạnh tình cảm và tâm lý của những gì đã xảy ra với nạn nhân. Bị cáo thường không biết mức độ và tác động của tội ác đối với nạn nhân. Nếu cho phép đưa ra lời khai của nạn nhân, bị cáo sẽ bắt đầu nhận ra nạn nhân đã bị tổn thương như thế nào, và cha mẹ hoặc con cái của nạn nhân đã bị ảnh hưởng ra sao"*[208]. Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành cho phép bị cáo được nói lời sau cùng trước khi nghị án. Vì vậy, bị hại cũng cần được trao cho cơ hội để chính thức nói về những gì mình đã phải gánh chịu bởi vì: *Một là*, quyền trình bày Bản tường trình tác động của tội phạm cũng có ý nghĩa chữa lành: giúp bị hại được nói ra tổn thương, được hệ thống

[208] Makiwane, P. N. (2010), Victim-impact statements at the sentencing stage: Giving crime victims a voice (Tạm dịch: *Bản tường trình về tác động của tội phạm trong giai đoạn tuyên án: Trao cơ hội để nạn nhân tội phạm được lên tiếng*"), Tạp chí Opiter 31(3), Nam Phi, tr.12, https://journals.co.za/doi/pdf/10.10520/EJC85381

tư pháp và cộng đồng thừa nhận đau khổ của họ. *Hai là*, quyền này có bản chất khác với quyền trình bày ý kiến hiện đã được ghi nhận trong pháp luật. Nếu quyền trình bày ý kiến chủ yếu gắn với việc làm rõ nội dung vụ án, bảo vệ yêu cầu dân sự hoặc thể hiện quan điểm đối với việc giải quyết trách nhiệm hình sự, thì quyền này cho phép bị hại trình bày một cách tổng thể, có hệ thống về những tác động thực tế của tội phạm đối với đời sống cá nhân, gia đình và quan hệ xã hội của họ. *Ba là,* việc ghi nhận VIS cũng phù hợp với xu hướng lập pháp của nhiều quốc gia trên thế giới. Tại một số quốc gia Châu Âu, VIS đã trở thành một chế định ổn định, cho phép nạn nhân hoặc thân nhân của nạn nhân trình bày về hậu quả của tội phạm tại phiên tòa như một phần của thủ tục xét xử. [209].

Như vậy, cần ghi nhận quyền được nộp, trình bày Bản tường trình tác động của tội phạm cho bị hại, đồng thời "*mở rộng chủ thể có quyền nộp và trình bày Bản tác động của tội phạm không chỉ giới hạn ở bị hại mà còn bao gồm những người thân thích hoặc người đại diện hợp pháp bị ảnh hưởng gián tiếp. Trường hợp bị hại đã chết, dưới 18 tuổi, hoặc có nhược điểm về thể chất, tâm thần không thể tự mình thực hiện quyền này, người đại diện của bị hại được quyền nộp và trình bày Bản tác động của tội phạm. Nếu có nhiều người đại diện, họ phải lập văn bản ủy quyền cho một người đứng ra thực hiện, ưu tiên người đã được công nhận tư cách đại diện cho bị hại trong các giai đoạn tố tụng trước để bảo đảm sự thống nhất với BLTTHS. Cụ thể, bổ sung thêm điểm p, khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015 như sau:*

Điều 62. Bị hại

1. Giữ nguyên

2. Điểm a đến o giữ nguyênp) Nộp bản tác động của tội phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng dưới dạng văn bản, bản ghi âm, video. Trường hợp có nhiều người đại diện, phải lập văn bản ủy quyền cho một người thực hiện quyền"[210].

Về quyền của bị hại khi tham gia phiên toà hình sự trực tuyến: Một là, bổ sung quyền đề nghị địa điểm tham gia phiên tòa xét xử trực tuyến: trong thực tiễn, đã xuất

[209] Makiwane, P. N. (2010), tlđd, tr. 610.
[210] Ngô Thị Vân Anh (2026), Quyền được lắng nghe của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS- Kinh nghiệm của Hoa Kỳ và gợi mở cho Việt Nam, *Tạp chí nhân lực Khoa học xã hội*, số 01 (tháng 3), tr. 263

hiện trường hợp "người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự không thể tham gia phiên tòa tại các điểm cầu do Tòa án bố trí nên đã có văn bản đề nghị Tòa án cho phép tham gia tại điểm cầu do mình tự bố trí. Khi điểm cầu này đáp ứng các điều kiện theo khoản 2 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP, Tòa án đã xem xét và chấp thuận cho tham gia phiên tòa xét xử trực tuyến"[211]. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 hiện hành chưa ghi nhận chính thức "quyền đề nghị tham gia phiên tòa xét xử trực tuyến" tại điểm cầu do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại lựa chọn hoặc tự bố trí. Bên cạnh đó, cũng không loại trừ chính bị hại, người đại diện của họ có nhu cầu và nguyện vọng được tham gia tố tụng tại địa điểm do mình đề xuất nhằm bảo đảm thuận lợi trong việc tham gia phiên tòa. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung vào khoản 2 Điều 62, khoản 3 Điều 84 BLTTHS năm 2015 quyền đề nghị địa điểm tham gia phiên tòa xét xử trực tuyến. *Hai là:* bổ sung quyền yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ tiếp cận công nghệ khi tham gia phiên toà xét xử trực tuyến: như đã phân tích, một trong những hạn chế của BLTTHS năm 2015 là chưa ghi nhận "quyền yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ tiếp cận công nghệ khi tham gia tố tụng trực tuyến". Trong khi đó, trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ xét xử trực tuyến, đã ghi nhận hướng giải quyết trong trường hợp bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý nhưng không đủ điều kiện kỹ thuật, công nghệ để tham gia phiên tòa trực tuyến thì Tòa án có trách nhiệm giải thích cho họ quyền được đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hỗ trợ tham gia phiên tòa trực tuyến và thông báo cho Trung tâm bằng văn bản, phương tiện điện tử hoặc hình thức phù hợp khác[212]. Điều này cho thấy trên thực tế, nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật và tiếp cận công nghệ của bị hại đã được cơ quan tiến hành tố tụng nhận diện như một điều kiện cần thiết để bảo đảm khả năng tham gia tố tụng thực chất trong môi trường số. Tuy nhiên, các nội dung nêu trên hiện chủ yếu được ghi nhận trong tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, sổ tay xét xử hoặc thông qua hoạt động tập huấn chuyên môn nên giá trị pháp lý chưa cao và chưa có tính

[211] Toà án nhân dân tối cao (2024), *Sổ tay nghiệp vụ, kỹ năng xét xử trực tuyến*, Hà Nội, tr.24-25 https://www.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=/UCMServer/TAND347399

[212] Toà án nhân dân tối cao (2024), *Sổ tay nghiệp vụ, kỹ năng xét xử trực tuyến*, Hà Nội, tr.13, https://www.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=/UCMServer/TAND347399

ràng buộc bắt buộc áp dụng như các quy phạm của BLTTHS. Mặt khác, các hướng dẫn này hiện mới tập trung chủ yếu vào nhóm bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý, trong khi trên thực tế bất kì bị hại nào cũng có thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ hoặc tham gia phiên tòa trực tuyến. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung vào khoản 2 Điều 62, khoản 3 Điều 84 BLTTHS "quyền yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ tiếp cận công nghệ và hỗ trợ tham gia phiên tòa trực tuyến" khi điều kiện kỹ thuật hoặc khả năng tiếp cận công nghệ ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền tố tụng của họ, không phân biệt họ có thuộc diện được trợ giúp pháp lý hay không. Đồng thời, để bảo đảm tính khả thi trong quá trình áp dụng, pháp luật cần ghi nhận rằng việc hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ tiếp cận công nghệ cho bị hại được thực hiện phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và khả năng đáp ứng thực tế của Tòa án. Trường hợp Tòa án không đủ điều kiện để bảo đảm hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho bị hại tham gia phiên tòa trực tuyến một cách đầy đủ và hiệu quả, cần xem xét chuyển sang tổ chức phiên tòa theo hình thức xét xử trực tiếp nhằm bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

* Giải pháp hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể trong việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể trong việc bảo đảm thủ tục đăng kí người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đã được hướng dẫn tại Thông tư 46/2019/TT-BCA. Tuy nhiên, văn bản này mới chỉ điều chỉnh "trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân" ở giai đoạn điều tra, trong khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có thể bắt đầu tham gia từ giai đoạn truy tố hoặc xét xử sơ thẩm. Do không có quy định tương ứng ràng buộc VKS và Tòa án về thủ tục tiếp nhận, đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nên thực tiễn dễ phát sinh tình trạng mỗi nơi làm một kiểu: có nơi chậm ghi nhận tư cách, thậm chí từ chối với lý do Thông tư 46/2019/TT-BCA chỉ áp dụng cho cơ quan điều tra; hậu quả là quyền "nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp" của bị hại (điểm i khoản 2 Điều 62 BLTTHS 2015) khó được bảo đảm đầy đủ. Trên cơ sở kế thừa các

nội dung đã được ghi nhận đó, NCS cho rằng cần luật hoá quy định này trong BLTTHS. Đồng thời phải được thiết kế theo hướng ghi nhận trách nhiệm chung của các cơ quan tiến hành tố tụng, không chỉ giới hạn ở Cơ quan điều tra. Cụ thể, NCS đề xuất bổ sung thêm điều luật ngay sau Điều 78 (thủ tục đăng kí bào chữa) như sau:

Điều.... Thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại

Khoản 1,2,3 sẽ kiến nghị bổ sung phía dưới

4. *Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận đủ giấy tờ quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kiểm tra giấy tờ và thấy không thuộc trường hợp từ chối việc đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại quy định tại khoản 5 Điều này thì vào sổ đăng ký, gửi ngay văn bản thông báo cho người đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại; nếu xét thấy không đủ điều kiện thì từ chối việc đăng ký và phải nêu rõ lý do bằng văn bản.*

5. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng từ chối việc đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 72 của Bộ luật này;

b) Bị hại thuộc trường hợp chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

6. Văn bản thông báo người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ các trường hợp:

a) Bị hại từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;

b) Người đại diện hoặc người thân thích của bị hại có nhược điểm về thể chất không thể tự bảo vệ được, người có nhược điểm về tâm thần từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

7. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hủy bỏ việc đăng ký và thông báo cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Khi phát hiện người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 72 của Bộ luật này;

Thứ hai, hoàn thiện quy định về nhiệm vụ tống đạt các quyết định, bản án, thông báo của Toà án: BLTTHS năm 2015 còn một số hạn chế trong quy định về nhiệm vụ tống đạt các quyết định, thông báo của Toà án: *Một là*, quy định về nhiệm vụ giao, nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và bản án chỉ được thực hiện đối với bị hại, mà không bao gồm người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Trong khi đó, quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án được giao cho cả bị hại và người đại diện của họ (Khoản 2 Điều 286 BLTTHS năm 2015). Điều này tạo ra bất lợi cho bị hại nhất là trong trường hợp bị hại đã chết thì người đại diện mới là chủ thể thực hiện các quyền tố tụng. *Hai là,* chưa có hướng dẫn cụ thể về việc giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án và các quyết định khác của Toà án trong trường hợp bị hại và người đại diện của họ đều vắng mặt tại phiên toà. Quy định tại Điều 286 BLTTHS chỉ đề cập đến tình huống bị cáo vắng mặt – khi đó, quyết định đưa vụ án ra xét xử phải được giao cho người bào chữa hoặc người đại diện của bị cáo, đồng thời được niêm yết tại trụ sở Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú cuối cùng hoặc cơ quan, tổ chức nơi bị cáo làm việc, học tập cuối cùng. Tương tự, Điều 262 cũng chỉ quy định rõ cách thức niêm yết bản án trong trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo theo điểm a hoặc b khoản 2 Điều 290. Tuy nhiên, đối với bị hại pháp luật lại không có cơ chế tương ứng trong trường hợp họ hoặc người đại diện đều vắng mặt. Trên thực tế, việc không giao nhận kịp thời bản án hoặc quyết định cho bị hại vắng mặt có thể làm ảnh hưởng quyền kháng cáo, quyền tiếp cận công lý và niềm tin của công dân vào hoạt động tư pháp. Vì vậy, cần kiến nghị bổ sung quy định theo hướng: Tòa án có trách nhiệm tống đạt văn bản tố tụng cho bị hại, người đại diện của họ; việc tống đạt cho một chủ thể không thay thế nghĩa vụ tống đạt cho các chủ thể còn lại nếu họ đã được xác định tư cách tố tụng trong hồ sơ vụ án. Cụ thể, kiến nghị bổ sung nội dung của khoản 1, khoản 2 Điều 286 và khoản 1 Điều 262 BLTTHS như sau:

Điều 262. Giao, gửi bản án

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án, Tòa án cấp sơ thẩm phải giao bản án cho … bị hại *hoặc người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*

của bị hại….; …. Trường hợp xét xử vắng mặt… *bị hại* ….thì trong thời hạn nêu trên, bản án phải được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập cuối cùng của *bị hại*.

Giữ nguyên

Điều 286. Việc giao, gửi quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm

1. Quyết định đưa vụ án ra xét xử được giao cho … bị hại hoặc người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại,… chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa….

Giữ nguyên.

* Giải pháp hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2015 về trình tự, thủ tục giải quyết VAHS

Hoàn thiện quy định về thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Việc quy định thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có ý nghĩa quan trọng nhằm xác lập địa vị pháp lý của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. Quy định tạo cơ sở để cơ quan tiến hành tố tụng công nhận và bảo đảm cho họ thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Thông tư 46/2019[213] đã có quy định về "thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.. Đồng thời, thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đã được ghi nhận tại Dự thảo BLTTHS[214]. Nghiên cứu sinh hoàn toàn nhất trí với thủ tục được ghi nhận trong Dự thảo BLTTHS. Tuy nhiên, với kiến nghị về việc quy định bổ sung "quyền được chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp" cho bị hại, NCS cho rằng cần thiết bổ sung thêm thủ tục thủ tục đăng ký trong các trường hợp: chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại hay trường hợp người đại diện cho bị hại là người đại diện theo uỷ quyền. Vì vậy,

[213] Điều 9 Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Bộ công an quy định trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong việc thực hiện các quy định của BLTTHS năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bảo chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

[214] Điều 90 Dự thảo BLTTHS (ngày 18/8/2026)

trên cơ sở tiếp thu quy định mới của Dự thảo, NCS đề xuất bổ sung điều luật mới với nội dung như sau: T quy định của Dự thảo như sau:quy:

Điều.... Thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại

1. Trong mọi trường hợp tham gia tố tụng *người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp phải đăng kí bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*

2. Khi đăng ký *bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*, người *bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* phải xuất trình các giấy tờ:

a) Luật sư xuất trình Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và giấy yêu cầu luật sư của bị hại hoặc của người đại diện, người thân thích của bị hại;

b) Người đại diện của bị hại theo pháp luật của bị hại xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và giấy tờ có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về mối quan hệ của họ với bị hại; *Trường hợp người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đại diện theo ủy quyền thì phải xuất trình giấy tờ tùy thân kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản ủy quyền hợp pháp.*

c) Bào chữa viên nhân dân xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử bào chữa viên nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận;

d) *Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý xuất trình văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực.*

3. Trường hợp chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp quy định tại Điều ... của Bộ luật này thì người được chỉ định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cần xuất trình các giấy tờ:

a) Luật sư xuất trình Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử luật sư của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đó hành nghề hoặc văn bản phân công của Đoàn luật sư đối với luật sư hành nghề là cá nhân;

b) Bào chữa viên nhân dân xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử bào chữa viên nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận;

c) Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý xuất trình Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

4. *Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận đủ giấy tờ quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kiểm tra giấy tờ và thấy không thuộc trường hợp từ chối việc đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại quy định tại khoản 5 Điều này thì vào sổ đăng ký, gửi ngay văn bản thông báo cho người đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại; nếu xét thấy không đủ điều kiện thì từ chối việc đăng ký và phải nêu rõ lý do bằng văn bản.*

5. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng từ chối việc đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 72 của Bộ luật này;

b) Bị hại thuộc trường hợp chỉ định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

6. Văn bản thông báo người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ các trường hợp:

a) Bị hại từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;

b) Người đại diện hoặc người thân thích của bị hại có nhược điểm về thể chất không thể tự bảo vệ được, người có nhược điểm về tâm thần từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

7. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hủy bỏ việc đăng ký và thông báo cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Khi phát hiện người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 72 của Bộ luật này;

b) Vi phạm pháp luật khi tiến hành bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

+ Về trình tự và cách thức tống đạt quyết định, thông báo của Toà án tới bị hại, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Nghiên cứu sinh kiến nghị bổ sung quy định cho phép Tòa án sử dụng tài khoản định danh điện tử quốc gia VNeID (mức 2) để tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị hại và

người đại diện của họ khi các chủ thể này đã đăng ký và đồng ý sử dụng phương thức điện tử. Kiến nghị này xuất phát từ các cơ sở sau: *Thứ nhất,* VNeID đã được sử dụng trong nhiều hoạt động quản lý nhà nước và tư pháp, trong đó có việc gửi thông báo liên quan đến thi hành án dân sự. Vì vậy, việc mở rộng sang hoạt động tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án là phù hợp với chủ trương chuyển đổi số và không làm thay đổi bản chất của thủ tục tố tụng. *Thứ hai*, VNeID bảo đảm khả năng định danh và xác thực người nhận ở mức độ cao hơn so với email hoặc tin nhắn điện thoại do được xây dựng trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân gắn chip và dữ liệu sinh trắc học. Điều này góp phần hạn chế rủi ro tống đạt sai chủ thể, bảo đảm tốt hơn quyền được thông tin của bị hại. *Thứ ba*, việc áp dụng VNeID phù hợp với định hướng xây dựng Tòa án điện tử, giúp rút ngắn thời gian tống đạt, giảm chi phí tố tụng, nâng cao hiệu quả quản lý hồ sơ và tăng khả năng tiếp cận thông tin của bị hại. *Thứ tư,* để bảo đảm tính khả thi, việc tống đạt qua VNeID chỉ nên được thực hiện khi bị hại hoặc người đại diện của họ đã đăng ký tài khoản VNeID mức 2 và có sự đồng ý sử dụng phương thức này; đồng thời cần quy định rõ thời điểm được coi là tống đạt hợp lệ. Trong giai đoạn đầu triển khai, đối với các văn bản tố tụng quan trọng, có thể áp dụng cơ chế tống đạt đồng thời qua VNeID và phương thức truyền thống để bảo đảm an toàn thủ tục. Cơ chế này cũng có thể được áp dụng khi người tham gia tố tụng ở vùng sâu, vùng xa, hoặc trường hợp không có điều kiện tốt về phương tiện điện tử.

+ *Về trình tự phát biểu khi tranh luận*: Có thể thấy, trình tự phát biểu khi tranh luận hiện nay vẫn đặt bị cáo và người bào chữa lên vị trí ưu tiên so với bị hại và các chủ thể khác, trong khi bị hại là người trực tiếp chịu thiệt hại từ tội phạm. Để bảo đảm vị trí tố tụng độc lập của bị hại và phù hợp hơn với nguyên tắc tranh tụng bình đẳng giữa các bên, cần thiết sửa đổi Điều 320 BLTTHS năm 2015 theo hướng: quy định lại trình tự phát biểu khi tranh luận theo thứ tự: KSV trình bày lời luận tội; bị hại (người đại diện của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại); đương sự, người đại diện của họ trình bày ý kiến...; cuối cùng mới đến bị cáo trình bày lời bào chữa, người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo. Như vậy sẽ đảm

bảo phù hợp với lôgic của trình tự tranh luận và không kéo dài thời gian cuộc tranh luận giữa các bên.

+ *Về thủ tục trình bày Bản tác động của tội phạm:* Từ yêu cầu hoàn thiện trình tự, thủ tục XXST cần nghiên cứu tiếp thu kinh nghiệm quốc tế về việc xây dựng và sử dụng bản tường trình tác động của tội phạm đối với nạn nhân trong phiên tòa. Thực tiễn so sánh cho thấy hiện nay có hai hướng tiếp cận: một số quốc gia cho phép trình bày sau khi tuyên án, coi đây chủ yếu là cơ chế biểu đạt và ghi nhận tổn hại của nạn nhân; trong khi đó, nhiều quốc gia khác quy định được trình bày trước khi Hội đồng xét xử quyết định hình phạt. Từ góc độ bảo đảm "quyền được lắng nghe" của bị hại trong TTHS, có thể kiến nghị thời điểm bị hại, người đại diện của họ hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày là trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Cách tiếp cận này giúp Hội đồng xét xử có thêm thông tin về mức độ thiệt hại vật chất, tinh thần, nhu cầu phục hồi và mong muốn của bị hại, từ đó đánh giá toàn diện hậu quả xã hội của hành vi phạm tội khi quyết định hình phạt, trách nhiệm bồi thường và các biện pháp tư pháp khác.

+ *Về thủ tục kháng cáo*: NCS cho rằng, để bảo đảm sự bình đẳng giữa các chủ thể có quyền kháng cáo và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, cần ghi nhận rõ trong điều luật rằng trường hợp bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, tương tự như đối với trường hợp bị cáo vắng mặt.

+ *Về thủ tục xét hỏi:* Tố tụng hình sự có ba chức năng: chức năng buộc tội thuộc về VKS, chức năng gỡ tội thuộc về người bào chữa, chức năng xét xử thuộc về Tòa án. Toà án đóng vai trò trọng tài và không có nghĩa vụ phải chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, Khoản 2 Điều 307 BLTTHS năm 2015 quy định "chủ toạ phiên toà hỏi trước, sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên…thực hiện việc hỏi" là chưa hợp lý. Có quan điểm cho rằng: nếu quy định trách nhiệm xét hỏi chính thuộc về các bên buộc tội và gỡ tội theo thứ tự KSV hỏi

trước rồi đến người bào chữa thì sẽ phù hợp hơn"[215]. Nghiên cứu sinh đồng ý với quan điểm trên. Đồng thời, tiếp nối kiến nghị cho bị hại có quyền được hỏi trong giai đoạn XXST, NCS đề xuất bổ sung thứ tự hỏi cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và bị hại như sau:

Điều 307. Thủ tục xét hỏi

1. Giữ nguyên

2. *Khi xét hỏi từng người, Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, bị hại, người bào chữa, bị cáo hỏi trước sau đó Thẩm phán, Hội thẩm thực hiện việc hỏi sau cùng.*

Giữ nguyên

3. Giữ nguyên

** Giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về giám sát việc thực thi quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS*

Pháp luật cần ghi nhận cơ chế ghi âm, ghi hình đầy đủ diễn biến phiên tòa, không chỉ giới hạn ở phần khai mạc và tuyên án. Việc chỉ ghi âm hoặc chỉ ghi hình một số thời điểm nhất định không phản ánh đầy đủ quá trình thực hiện quyền tố tụng của các bên, đặc biệt là quyền tham gia xét hỏi, tranh luận và trình bày ý kiến của bị hại. Trong khi ghi âm chỉ thể hiện nội dung lời nói, ghi hình còn phản ánh thái độ, cách thức điều hành phiên tòa, sự tương tác giữa các chủ thể và những biểu hiện có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền của bị hại.

Lo ngại chính của việc cho phép ghi âm, ghi hình rộng hơn là nguy cơ xâm phạm bí mật đời tư, xúc phạm danh dự, phát tán thông tin sai lệch. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành đã có các chế tài xử phạt ghi âm, ghi hình trái phép tại phiên tòa (xử phạt hành chính[216], thậm chí truy cứu trách nhiệm hình sự nếu xâm phạm bí mật cá

[215] Nguyễn Phi Hùng (2023), "Quy định về tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm vụ án hình sự và một số kiến nghị hoàn thiện", *Tạp chí điện tử Toà án nhân dân*, https://tapchitoaan.vn/quy-dinh-ve-tranh-tung-tai-phien-toa-so-tham-vu-an-hinh-su-va-mot-so-kien-nghi-hoan-thien9728.html, truy cập ngày 01/3/2025.

[216] Khoản 4 Điều 23 Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH15 ngày 18 tháng 8 năm 2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng

nhân, bí mật nhà nước[217]). Đồng thời, Luật Báo chí năm 2025, Luật An ninh mạng năm 2025, các nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân đều đặt nghĩa vụ không cắt ghép, bóp méo, không đăng tải nội dung xâm hại người khác, tạo khung pháp lý đủ mạnh để xử lý các trường hợp lạm dụng. Vì vậy, việc mở rộng phạm vi ghi âm, ghi hình toàn bộ phiên tòa, đồng thời vẫn duy trì yêu cầu xin phép chủ tọa phiên tòa và bảo đảm quyền riêng tư, sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch của hoạt động xét xử và tăng cường hiệu quả bảo vệ quyền của bị hại. Từ các phân tích trên, NCS kiến nghị sửa đổi khoản 3 Điều 141 Luật tổ chức TAND năm 2024 như sau:

Điều 141. Tham dự và hoạt động thông tin tại phiên tòa, phiên họp

1. Giữ nguyên

2. Giữ nguyên

3. Việc ghi âm lời nói, ghi hình ảnh tại phiên tòa, phiên họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, được thực hiện như sau:

a) Việc ghi âm lời nói, *ghi hình ảnh tại phiên toà* được thực hiện trong thời gian diễn ra phiên tòa, phiên họp;

b) *Bỏ*

c) Việc ghi âm lời nói, ghi hình ảnh của Hội đồng xét xử, Thẩm phán quy định tại điểm a ~~và điểm b~~ khoản này phải được sự đồng ý của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, phiên họp; trường hợp ghi âm lời nói, ghi hình ảnh của người tiến hành tố tụng khác, người tham gia phiên tòa, phiên họp thì phải được sự đồng ý của họ và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, phiên họp. *(bỏ điểm b)*

3.2.2. Giải pháp khác

Thứ nhất, về cơ sở vật chất

Để khắc phục những hạn chế xuất phát từ điều kiện cơ sở vật chất, cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động xét xử, đặc biệt là xét xử trực tuyến. Theo đó, các phòng xử án cần được bố trí đầy đủ trang thiết bị cần thiết, bảo đảm không gian xét xử phù hợp, tạo điều kiện cho bị hại thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng như trình bày ý kiến, tham gia xét hỏi, tranh luận và

[217] Điều 159 BLTTHS năm 2015

yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đối với phiên tòa trực tuyến, cần ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, bao gồm hệ thống đường truyền ổn định, thiết bị ghi âm, ghi hình có chất lượng cao, màn hình hiển thị, hệ thống lưu trữ dữ liệu điện tử và các phần mềm hỗ trợ tố tụng trực tuyến. Đồng thời, cần bảo đảm các điểm cầu thành phần đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, an ninh và bảo mật thông tin để người tham gia tố tụng, trong đó có bị hại, có thể theo dõi, trình bày ý kiến và thực hiện các quyền tố tụng một cách đầy đủ, liên tục và hiệu quả. Việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng số không chỉ nâng cao chất lượng hoạt động xét xử mà còn góp phần bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Thứ hai, về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền của bị hại trong TTHS theo hướng chuyên sâu, có trọng tâm và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Nội dung tuyên truyền không chỉ tập trung vào việc giúp bị hại nhận thức đầy đủ các quyền tố tụng của mình như quyền tham gia phiên tòa, quyền trình bày ý kiến, quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, quyền khiếu nại và quyền yêu cầu bảo vệ, mà còn cần hướng tới các chủ thể khác tham gia tố tụng. Đối với người bị buộc tội, người làm chứng và các chủ thể liên quan, cần nâng cao nhận thức về nghĩa vụ tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, bảo đảm việc thực hiện quyền tố tụng của mình không dẫn đến xâm phạm danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư hoặc các quyền hợp pháp khác của bị hại. Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa hình thức tuyên truyền thông qua các nền tảng số, cổng thông tin điện tử của cơ quan tư pháp, phương tiện thông tin đại chúng và hoạt động trợ giúp pháp lý. Tòa án, VKS và các cơ quan có liên quan cần chủ động giải thích, hướng dẫn và cung cấp thông tin pháp lý cho bị hại trong suốt quá trình tố tụng. Việc nâng cao nhận thức pháp luật cho tất cả các chủ thể tham gia tố tụng sẽ góp phần xây dựng môi trường xét xử công bằng, tôn trọng quyền con người và bảo đảm hiệu quả hơn quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

Thứ ba, về cơ chế xử lý hành vi vi phạm quyền của bị hại

Các cơ quan có thẩm quyền cần kịp thời phát hiện, xem xét và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm hoặc không bảo đảm đầy đủ quyền của bị hại theo quy định của pháp luật, đặc biệt là các hành vi không giải thích quyền và nghĩa vụ, không tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, hạn chế trái pháp luật quyền tham gia phiên tòa, quyền trình bày ý kiến, tranh luận, yêu cầu bồi thường hoặc quyền kháng cáo của bị hại. Việc xử lý phải được thực hiện khách quan, công khai, đúng thẩm quyền và gắn với trách nhiệm cụ thể của cơ quan, người tiến hành tố tụng nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công vụ trong hoạt động xét xử.

Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của các cơ quan, tổ chức và chủ thể có liên quan trong việc phát hiện, phản ánh và kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm quyền của bị hại. Luật sư, trợ giúp viên pháp lý, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và các tổ chức bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình cần chủ động tham gia giám sát, hỗ trợ bị hại thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị khi quyền và lợi ích hợp pháp của họ bị xâm phạm. Đồng thời, cần tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nghiệp vụ và xem xét trách nhiệm cá nhân đối với các trường hợp vi phạm, qua đó nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền của bị hại và củng cố niềm tin của người dân vào hoạt động tư pháp.

Thứ tư, về cơ chế Nhà nước bồi thường thiệt hại cho bị hại

Để nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền được bồi thường của bị hại, cần nghiên cứu xây dựng Quỹ bồi thường cho nạn nhân tội phạm do Nhà nước quản lý nhằm hỗ trợ trong những trường hợp người phạm tội không có khả năng bồi thường hoặc không xác định được người phạm tội. Giải pháp này đã được nhiều quốc gia áp dụng như Đức, Pháp, Anh, Hoa Kỳ[218]…, qua đó góp phần bảo đảm quyền lợi của nạn nhân, khắc phục hậu quả do tội phạm gây ra và tăng cường khả năng tiếp cận công lý. Đồng thời, cần quy định rõ nguồn hình thành quỹ, điều kiện được hỗ trợ, trình tự giải quyết yêu cầu và cơ chế Nhà nước thu hồi khoản tiền đã chi trả từ người phạm tội khi có điều kiện thi hành nghĩa vụ bồi thường.

---

[218] https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/210770/Nha-nuoc-boi-thuong-thiet-hai-do-toi-pham-gay-ra--quy-dinh-cua-phap-luat-mot-so-nuoc-va-goi-mo-cho-Viet-Nam.html, truy cập ngày 02/5/2026

Thứ năm, trong bối cảnh tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, cần tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền xét xử theo hướng bảo đảm tính độc lập, chuyên nghiệp và hiệu quả. Theo đó, cần tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức Tòa án theo hướng giảm thiểu sự tác động của các yếu tố hành chính đến hoạt động xét xử; hoàn thiện cơ chế quản lý, phân công xét xử, bổ nhiệm, đánh giá Thẩm phán và lựa chọn Hội thẩm theo hướng khách quan, minh bạch, bảo đảm nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Đồng thời, cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa Tòa án với VKS, cơ quan điều tra và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc bảo đảm các quyền tố tụng của bị hại, nhất là quyền được thông tin, quyền tham gia phiên tòa, quyền trình bày ý kiến và quyền yêu cầu bảo vệ.

Thứ sáu, cần nâng cao khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý của bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật. Theo đó, cần bổ sung trách nhiệm của Tòa án trong việc thông tin, giải thích và hướng dẫn bị hại về quyền được trợ giúp pháp lý ngay sau khi thụ lý vụ án và trước khi mở phiên tòa; đồng thời, quy định cơ chế chuyển thông tin hoặc giới thiệu kịp thời bị hại đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khi họ có nhu cầu hoặc thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Bên cạnh đó, cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa Tòa án, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm bảo đảm bị hại được tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý một cách thuận lợi, kịp thời và xuyên suốt trong giai đoạn XXST. Qua đó, tạo điều kiện để bị hại thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng và bảo vệ hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Thứ bảy, cần đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm và Kiểm sát viên theo hướng đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS. Nội dung đào tạo cần thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật, các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ nạn nhân của tội phạm và kinh nghiệm quốc tế trong bảo đảm quyền của bị hại. Đồng thời, cần thống nhất nhận thức về địa vị tố tụng độc lập của bị hại, khắc phục quan điểm coi bị hại chỉ là chủ

thể hỗ trợ hoạt động buộc tội hoặc chỉ tham gia tố tụng để yêu cầu bồi thường thiệt hại. Bên cạnh đó, cần tăng cường bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng giải quyết các yêu cầu của bị hại, điều hành phiên tòa và xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến việc thực hiện quyền của bị hại. Việc đào tạo, bồi dưỡng cần được thực hiện thường xuyên thông qua tập huấn chuyên đề, tổng kết thực tiễn xét xử, nghiên cứu án lệ và trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật và bảo đảm thực hiện thống nhất các quy định về quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 của luận án tập trung vào hai vấn đề trọng tâm: (i) xác định các yêu cầu đặt ra đối với việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS; và (ii) đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm các quyền này được thực hiện hiệu quả.

Trước hết, việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS phải gắn liền với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, với chính sách của Đảng về cải cách tư pháp và phát triển con người, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người và quyền công dân mà Việt Nam là thành viên. Các yêu cầu này vừa đòi hỏi pháp luật phải thể hiện rõ tính nhân văn, dân chủ, vừa đảm bảo sự cân bằng cần thiết giữa quyền của bị hại và quyền của người bị buộc tội.

Trên cơ sở những yêu cầu đó, Chương 3 đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST. Các giải pháp tập trung vào: hoàn thiện một số nguyên tắc cơ bản của TTHS (như nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật, nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong hoạt động TTHS); bổ sung, làm rõ các quy định của BLTTHS hiện hành về thời điểm phát sinh tư cách bị hại và hệ thống quyền của bị hại; quy định cụ thể hơn nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền; hoàn thiện trình tự, thủ tục XXST và thiết lập cơ chế giám sát hiệu quả đối với việc bảo đảm quyền của bị hại. Bên cạnh đó, luận án còn nhấn mạnh các giải pháp hỗ trợ như tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, qua đó tạo môi trường pháp lý và xã hội thuận lợi để các quyền của bị hại được thực thi trên thực tế.

KẾT LUẬN

Luận án đã nghiên cứu vấn đề "bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS" trên cả ba phương diện: lý luận, pháp luật và thực tiễn thi hành. Qua đó, luận án làm rõ vị trí, vai trò của bị hại trong TTHS và khẳng định yêu cầu tăng cường bảo đảm quyền của bị hại là một đòi hỏi tất yếu của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Trên phương diện lý luận, luận án đã hệ thống hóa và luận giải các khái niệm cơ bản như "bị hại", "bảo đảm quyền", "giai đoạn XXST VAHS" và "bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS"; đồng thời xây dựng khung lý luận về chủ thể bảo đảm, chủ thể được bảo đảm, nội dung, phạm vi, mục đích và ý nghĩa của việc bảo đảm quyền của bị hại. *Về thực trạng pháp luật*, luận án ghi nhận pháp luật đã có nhiều tiến bộ trong việc ghi nhận các quy định về bảo đảm quyền của bị hại nói chung, trong giai đoạn XXST nói riêng. Tuy nhiên, một số quy định vẫn còn chưa cụ thể, rõ ràng dẫn đến việc bảo đảm quyền của bị hại trong thực tiễn chưa hiệu quả. Luận án xác định yêu cầu hoàn thiện pháp luật theo hướng phù hợp với Hiến pháp năm 2013, chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, Nhà nước và các chuẩn mực quốc tế về quyền con người là thực sự cần thiết. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất giải pháp hoàn thiện về một số nguyên tắc cơ bản của TTHS, quy định của pháp luật về quyền của bị hại; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền; trình tự, thủ tục XXST cũng như cơ chế kiểm tra, giám sát.

Có thể khẳng định rằng, mặc dù pháp luật TTHS Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc bảo đảm quyền của bị hại trong giai đoạn XXST VAHS, nhưng vẫn còn khoảng cách nhất định giữa quy định pháp luật và thực tiễn thi hành. Những phân tích, đánh giá và hệ thống giải pháp được đề xuất trong luận án vì vậy có thể được xem là cơ sở tham khảo cho hoạt động lập pháp, hướng dẫn áp dụng pháp luật và tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Stt	**Năm đăng bài - Tên bài - Tên tạp chí**	**Điểm** (Hội đồng giáo sư ngành luật học: QĐ số 26/QĐ-HĐGSNN ngày 09/7/2025)
1	Ngô Thị Vân Anh (2024), tên bài báo: *Quyền của bị hại là người chưa thành niên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự - kinh nghiệm của Cộng hoà Liên bang Đức và Việt Nam,* Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số tháng 12/2024.	**1.00**
2	Ngô Thị Vân Anh (2025), tên bài báo: *Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thủ tục giải quyết một số yêu cầu của bị hại tại phiên tòa sơ thẩm*, Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số tháng 03/2025.	**1.00**
3	Ngô Thị Vân Anh (2026), tên bài báo: *Quyền được lắng nghe của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự - Kinh nghiệm Hoa Kỳ và gợi mở cho Việt Nam*, Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số chuyên đề tháng 01/2026	**1.00**
	Tổng điểm:	**3.0**

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật

I. Văn kiện, Nghị quyết của Đảng

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

4. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

II. Văn bản pháp luật

5. Hiến pháp năm 2013.

6. Bộ Luật dân sự năm2015.

7. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và năm 2025.

8. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

9. Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024 và năm 2025.

10. Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

11. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

12. Pháp lệnh 02/2022/UBTVQH15 ngày 18 tháng 8 năm 2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng.

13. Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Bộ công an quy định trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong việc thực hiện các quy định của BLTTHS năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang

hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

14. Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến.

15. Công văn số 254/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trong trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu khởi tố vụ án.

III. Luật quốc tế và luật quốc gia

16. Bộ Luật tố tụng hình sự của Cộng Hoà Liên Bang Đức năm 1987 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)

17. Chỉ thị của Hội đồng 2004/80/EC ngày 29 tháng 4 năm 2004 liên quan đến việc bồi thường cho nạn nhân tội phạm (Council Directive 2004/80/EC of 29 April 2004 relating to compensation to crime victims).

18. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Đại hội đồng liên hợp quốc năm 1966.

19. Đạo luật Quyền của Nạn nhân trong Tư pháp Hình sự Liên bang Hoa Kỳ năm 2004.

20. Đạo luật Quyền của Nạn nhân Tội phạm của Hoa Kỳ năm 2004.

21. Tuyên bố các nguyên tắc cơ bản về công lý cho nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực của Liên hợp quốc năm 1985

B. Tài liệu tham khảo khác

I. Tài liệu Tiếng Việt

22. Nguyễn Ngọc Anh, Phan Trung Hoài (2021), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021*), Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.

23. Ngô Thị Vân Anh (2026), Quyền được lắng nghe của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự - Kinh nghiệm của Hoa Kỳ và gợi mở cho Việt Nam, *Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội*, (01).

24. Nguyễn Hoà Bình (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Sách chuyên khảo, Nxb. Chính trị quốc gia.

25. Phạm Thanh Bình, Nguyễn Mai Bộ, Lê Văn Thư, Trần Văn Luyện, Phạm Thị Thu, Đỗ Thị Phượng, Nguyễn Cao Hùng (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Công an nhân dân.

26. Thái Chí Bình (2022), Vướng mắc, bất cập về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự trong tố tụng hình sự và kiến nghị hoàn thiện, *Tạp chí Toà án nhân dân*, (8).

27. Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

28. Lê Xuân Cảnh (2020), Một số bất cập trong quá trình thực hiện quy định về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại theo Điều 84 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, *Tạp chí Toà án nhân dân*, (6).

29. Lê Lan Chi (2022), *Bảo đảm quyền của nạn nhân và một số nhóm yếu thế trong tư pháp hình sự – Từ quy định của pháp luật đến hoạt động của người hành nghề luật*, Sách chuyên khảo, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.

30. Nguyễn Ngọc Chí (2011), Cơ chế kiểm tra, giám sát trong hoạt động tố tụng hình sự Việt Nam - thực trạng và phương hướng hoàn thiện, T*ạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội.*

31. Đào Văn Cường (2018), *Pháp luật về thủ tục xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.

32. Nguyễn Đăng Dung (chủ biên), Nguyễn Ngọc Chí, Vũ Công Giao, Lưu Bình Dương (2014), *Viện kiểm sát nhân dân trong Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

33. Lưu Bình Dương (2017), *Pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.

34. Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), G*iáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

35. Đặng Viết Đạt (2021), Hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền của nạn nhân bị xâm hại tình dục, *Tạp chí Kiểm sát*, (6).

36. Đinh Văn Đoàn (2017), Thủ tục tố tụng đối với bị hại là người dưới 18 tuổi trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (6).

37. Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Ngọc Minh (2015), Hoàn thiện các quy định về bảo vệ người bị hại, người làm chứng là người chưa thành niên trong pháp luật tố tụng hình sự, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (17).

38. Trần Thị Thu Hiền (2019), *Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

39. Nguyễn Phi Hùng (2023), Quy định về tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm vụ án hình sự và một số kiến nghị hoàn thiện, *Tạp chí điện tử Toà án nhân dân*.

40. Phạm Mạnh Hùng (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Lao động.

41. Đinh Thế Hưng (2017), *Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án trong tố tụng hình sự Việt Nam,* Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.

42. Vũ Văn Hoàng (2022), A và T là bị hại trong vụ án, *Tạp chí Toà án nhân dân điện tử.*

43. Lưu Thị Ngọc Lan (2026), Bảo đảm quyền có người bảo vệ của bị hại trong tố tụng hình sự - tiếp cận từ pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, số 363 (4/2026).

44. Vũ Gia Lâm (2011), Quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, *Tạp chí Luật học*.

45. Vũ Gia Lâm (2017), Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại – những vướng mắc khi thực hiện và kiến nghị khắc phục, *Tạp chí Luật học*, (12).

46. Vũ Gia Lâm (2019), *Thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Hà Nội.

47. Vũ Gia Lâm (2020), Hoàn thiện quy định về bị hại trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, *Tạp chí Luật học*, (03).

48. Trần Thị Liên (2015), Một số ý kiến về việc bảo đảm quyền của phụ nữ khi tham gia tố tụng hình sự với tư cách là người bị hại, *Tạp chí Nghề luật*, (1).

49. Trần Thị Liên (2019), *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

50. Trần Thị Liên (2023), Quyền bình đẳng của người bị buộc tội và bị hại là phụ nữ trong tố tụng hình sự Việt Nam, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, (4).

51. Vũ Duy Linh (2020), Lịch sử hình thành và phát triển các quy định về bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam và kiến nghị hoàn thiện, T*ạp chí khoa học kiểm sát*, (4)

52. Nguyễn Thị Lộc (2013), Sự cần thiết phải bổ sung thủ tục tố tụng đối với người bị hại là người chưa thành niên trong Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi, *Tạp chí Toà án nhân dân*, (6).

53. Nguyễn Thị Lộc (2019), *Người bị hại chưa thành niên trong các vụ án hình sự theo pháp luật Việt Nam hiện hành*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.

54. Ngô Văn Lượng (2018), Bàn về quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của bị hại, *Tạp chí Kiểm sát*, (24).

55. Đinh Thị Mai (2014), *Quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.

56. Đinh Thị Mai (2014), *Quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam,* Sách chuyên khảo, NXB Khoa học xã hội.

57. Nguyễn Đức Mai (2019), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự (hiện hành)*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.

58. Nguyễn Thị Mai (2021), *Chủ thể tranh tụng tại phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.

59. Nguyễn Thị Mai (2023), Bảo đảm quyền con người của người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự Việt Nam, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.

60. Vũ Văn Nhiêm (2010), *Một số vấn đề về bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam*, trong: Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia TPHCM.

61. Nhiều tác giả (1999), *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển Bách Khoa.

62. Đỗ Thị Phượng (2022), *Bảo đảm quyền con người trong thi hành án phạt tù tại Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.

63. Võ Thị Kim Oanh (2011), *Xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

64. Võ Thị Kim Oanh (Chủ biên), Vũ Văn Nhiêm (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.

65. Lương Thị Mỹ Quỳnh (2022), Nạn nhân của tội phạm là người chưa thành niên trong các văn bản pháp lý quốc tế và những gợi mở cho pháp luật Việt Nam, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*.

66. Đinh Văn Quế (2001), *Thủ tục xét xử sơ thẩm trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

67. Trần Thanh Sang (2022), Bàn về quyền đọc, ghi chép tài liệu có trong hồ sơ vụ án hình sự của bị hại, *Tạp chí Kiểm sát*, (06).

68. Lê Thanh Sơn, Lê Lan chi, Lưu Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Nhật Thao (2026), Nghiên cứu về bị hại, nạn nhân của tội phạm tại Việt nam: Những kết quả đạt được và định hướng nghiên cứu mới, *Tạp chí khoa học pháp lý Việt Nam* số 02 (198).

69. Nguyễn Tất Thành (2021), Nhà nước bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra – Quy định của một số nước và gợi mở cho Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*.

70. Phan Thị Thanh Tâm (2017), *Bảo đảm quyền của bị can, bị cáo là người chưa thành niên*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.

71. Nguyễn Đức Thái (2015), Vai trò của người bị hại trong lịch sử tố tụng hình sự Việt Nam, *Tạp chí Kiểm sát*, (23).

72. Diệp Huyền Thảo, Nguyễn Thị Anh Thư (2024), *Bảo đảm quyền con người ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Bảo đảm quyền con người bằng pháp luật Việt Nam", Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

73. Lê Nguyên Thanh (2012), *Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

74. Trần Hữu Tráng (2011), *Nạn nhân của tội phạm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

75. Trần Hữu Tráng (2010), Bàn về khái niệm nạn nhân của tội phạm trong tội phạm học, *Tạp chí nghề luật* số, (5)

76. Toà án nhân dân tối cao (2023), *Báo cáo Tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các Toà án*.

77. Toà án nhân dân tối cao (2024), *Báo cáo Tổng kết công tác năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2025 của các Toà án*.

78. Toà án nhân dân tối cao (2024), *Sổ tay nghiệp vụ, kỹ năng xét xử trực tuyến*, Hà Nội.

79. Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình lý luận về quyền con người*, Hà Nội.

80. Trung tâm từ điển học (2011), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.

81. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình lí luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. Tư pháp.

82. Trường Đại học Luật Hà Nội (2024), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

83. Trường Đại học Luật Hà Nội (2026), *Thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự và tố tụng hình sự trong kỉ nguyên mới*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học thuộc Diễn đàn luật học và phát triển.

84. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức.

85. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2025), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Nhân dân.

86. Võ Quốc Tuấn (2017), *Bảo đảm quyền của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Toà án nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

87. Uỷ ban luật gia quốc tế (2015), *Sổ tay theo dõi việc xét xử trong tố tụng hình sự*.

88. Ngô Thị Ngọc Vân (2016), *Hoạt động bào chữa của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận án Tiến sĩ Luật học.

89. Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão (cũ) (2024), *Kiến nghị trong công tác xét xử các vụ án hình sự gửi Toà án nhân dân huyện An Lão (cũ).*

90. Lê Quốc Việt (2023), Bàn về thủ tục tham gia vụ án hình sự với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại, đương sự, *Tạp chí Toà án nhân dân*, (9).

91. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật những vấn đề cơ bản, Giáo trình giảng dạy sau đại học*, Nxb. Khoa học xã hội.

II. Tiếng nước ngoài

92. Beloof, Douglas E., Tobolowsky, Peggy M., Gaboury, Mario T., Jackson, Arrick L., Blackburn, Ashley G. (2016), *Crime Victim Rights and Remedies (Third Edition)*, Wolters Kluwer.

93. Brown, Darryl K., Turner, Jenia I., Weisser, Bettina (Editors) (2019), *The Oxford Handbook of Criminal Process*, Oxford University Press.

94. Carlsson, Johanna (2010), *Right to Counsel for Injured Party: A Comparative Study of Sexual Assault Victims' Rights in Sweden, Arizona & Massachusetts*, Master Thesis, Faculty of Law, Lund University.

95. Cassell, P. G. (2017). Crime victims' rights. In E. Luna (Ed.), Reforming criminal justice (Vol. 3: Pretrial and trial processes). Academy for Justice, Sandra Day O'Connor College of Law, Arizona State University

96. Contreras-Garduño, Diana and Fraser, Julie (2014), "The Identification of Victims before the Inter-American Court of Human Rights and the International Criminal Court and its Impact on Participation and Reparation: A Domino Effect?", Intersentia.

97. Cox, Pamela & Walklate, Sandra (Editors) (2022), *Victims' Access to Justice: Historical and Comparative Perspectives*, Routledge.

98. Galiot, Mijo & Bahun, V. Brizic (2021), *"Položaj oštećenika u adhezijskom postupku" (The position of the injured party in adhesion proceedings)*, Zbornik Pravnog fakulteta Sveucilista u Rijeci, Vol. 42, No. 2.

99. Makiwane, P. N. (2010), Victim-impact statements at the sentencing stage: Giving crime victims a voice, *Magazine Opiter 31(3)*, South Africa.

100. Sandoval-Villalba, Clara (2009), *"The Concepts of 'Injured Party' and 'Victim' of Gross Human Rights Violations in the Inter-American Court of Human Rights' Jurisprudence: Comments on Their Implications for Reparations",* in Reparations for Victims of Genocide, War Crimes and Crimes Against Humanity: Systems in Place and Systems in the Making, Martinus Nijhoff Publishers.

101. Świątkowski, J. (2022). The procedural position of the injured party in the criminal cases in Poland, Tập 10, Số 01, *Studia Iuridica Cassoviensia*.

102. Beloof, D. E., Cassell, P. G., Garvin, M., Twist, S. J., Montgomery, B., & El-menshawi, M. (2025), *Victims in Criminal Procedure (5th ed.)*, Carolina Academic Press.

C. Website

103. http://repozitorijum.pravnifakultet.edu.rs
104. http://tratu.soha.vn/dict/vn
105. https://bacninh.toaan.gov.vn
106. https://baohungyen.vn
107. https://brill.com
108. https://congbobanan.toaan.gov.vn
109. https://core.ac.uk
110. https://heinonline.org
111. https://journals.co.za
112. https://khoahocphaplyvietnam.edu.vn
113. https://lapphap.vn
114. https://lexetscientia.univnt.ro
115. https://phaply.net.vn
116. https://scholar.dlu.edu.vn
117. https://tapchicongsan.org.vn
118. https://tapchitoaan.vn
119. https://tcdcpl.moj.gov.vn
120. https://www.law.cornell.edu

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScM22Tzpage14YHu2niMuJuAeex8uODDzSUv_oWmA3572u6xw/viewform

Mẫu phiếu khảo sát điều tra xã hội học đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đã tham gia xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

Khảo sát này không có chức năng lưu giữ thông tin người khảo sát. Nội dung trả lời trong phiếu khảo sát hoàn toàn được giữ bí mật và chỉ được sử dụng nhằm mục đích thực hiện đề tài luận án này và không sử dụng các thông tin khảo sát vì mục đích khác.

A. Địa bàn khảo sát

Tỉnh/Thành phố……...

B. Nội dung khảo sát

CÂU 1: Ông/bà có bị gây khó khăn trong quá trình tham gia bảo vệ quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự không?

☐ Không bị gây khó khăn

☐ Có bị gây khó khăn

☐ Ý kiến khác

CÂU 2: Theo ông/bà chất lượng tranh tụng các vụ án hình sự sơ thẩm hiện nay như thế nào?

☐ Phần lớn chưa bình đẳng

☐ Chưa bình đẳng

☐ Bình đẳng

☐ Ý kiến khác

CÂU 3: Theo ông/bà, việc không quy định cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại quyền thu thập chứng cứ có gây ra khó khăn cho Luật sư không?

☐ Có

☐ Không

☐ Ý kiến khác

CÂU 4: Theo ông/bà, việc không quy định quyền đọc, ghi chép tài liệu có trong hồ sơ vụ án hình sự cho bị hại (nhất là trong những vụ án không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại) có gây bất lợi cho bị hại không?

☐ Có

☐ Không

☐ Ý kiến khác

CÂU 5: Theo ông/bà, việc không quy định cho bị hại quyền hỏi trực tiếp bị cáo (nhất là trong những vụ án không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại) có gây bất lợi cho bị hại không?

☐ Có

☐ Không

☐ Ý kiến khác

CÂU 6: Theo ông/bà, bị hại có cần thiết được quy định thêm: quyền được trình bày những tác động của tội phạm hay không. Tại Mỹ, quyền này cho phép nạn nhân của tội phạm được trình bày những ảnh hưởng, tác động của tội phạm đến chính họ hoặc gia đình của họ. Thực tiễn đã chứng minh, nạn nhân cảm thấy được "chữa lành" sau khi được lắng nghe. Bị cáo cảm thấy ăn năn, nhận ra lỗi lầm của mình và những điều họ không ngờ đã gây ra cho nạn nhân… Quyền này khác với quyền trình bày ý kiến, quyền này thiên về cảm xúc cá nhân, không có giá trị pháp lý đối với việc xác định sự thật của vụ án như quyền trình bày ý kiến. Đơn giản là nạn nhân cảm thấy được lắng nghe và an ủi, xoa dịu nỗi đau.

☐ Có

☐ Không

☐ Ý kiến khác

CÂU 7: Theo ông/bà, có bất lợi cho bị hại không khi BLTTHS hiện hành không quy định cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong trường hợp bị hại chết

☐ Có

☐ Không

☐ Ý kiến khác

CÂU 8. Theo ông/bà, hiện nay nguyên tắc "bảo đảm quyền bình đẳng" trước pháp luật được thực hiện như thế nào trong giai đoạn xét xử sơ thẩm?

☐ Thực hiện hiệu quả

☐ Vẫn còn trường hợp chưa bảo đảm bình đẳng quyền và lợi ích hợp pháp giữa bị can, bị cáo và bị hại

☐ Vẫn còn trường hợp chưa bảo đảm bình đẳng quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bị hại

PHỤ LỤC 2

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đã tham gia xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

CÂU 1: Ông/bà có bị gây khó khăn trong quá trình tham gia bảo vệ quyền của bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự không?

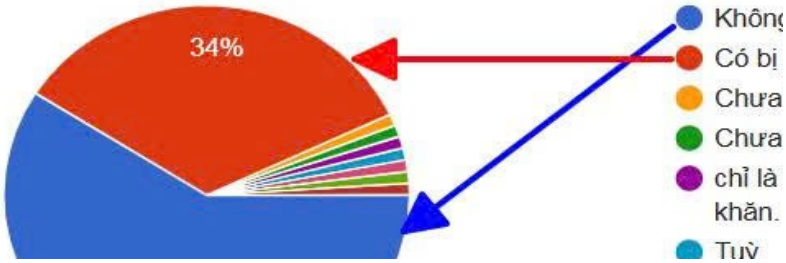

CÂU 2: Theo ông/bà chất lượng tranh tụng các vụ án hình sự sơ thẩm hiện nay như thế nào?

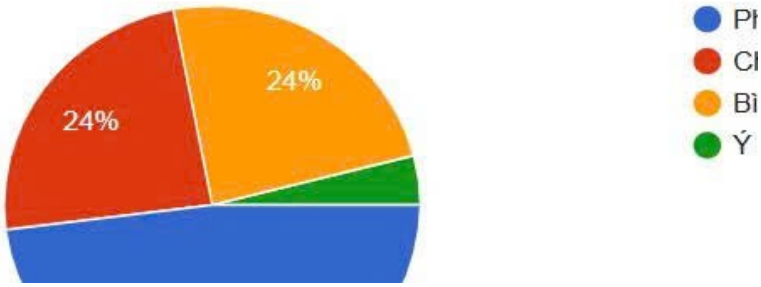

CÂU 3: Theo ông/bà, việc không quy định cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại quyền thu thập chứng cứ có gây ra khó khăn cho Luật sư không?

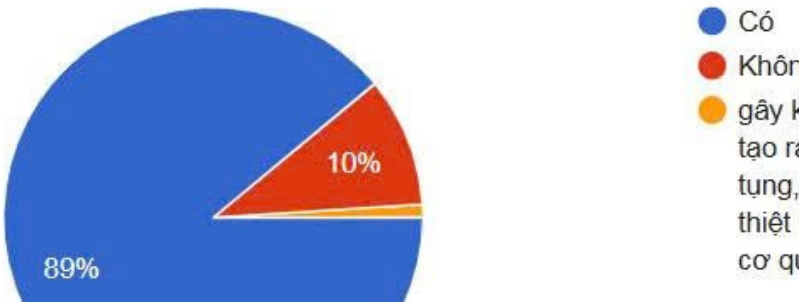

CÂU 4: Theo ông/bà, việc không quy định quyền đọc, ghi chép tài liệu có trong hồ sơ vụ án hình sự cho bị hại (nhất là trong những vụ án không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại) có gây bất lợi cho bị hại không?

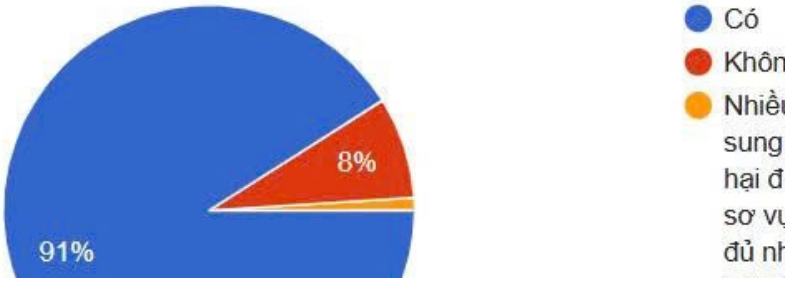

CÂU 5: Theo ông/bà, việc không quy định cho bị hại quyền hỏi trực tiếp bị cáo (nhất là trong những vụ án không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại) có gây bất lợi cho bị hại không?

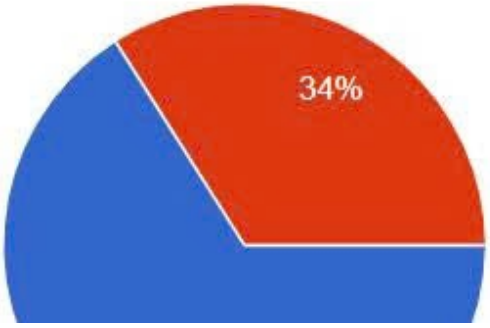

CÂU 6: Theo ông/bà, bị hại có cần thiết được quy định thêm: quyền được trình bày những tác động của tội phạm hay không. Tại Mỹ, quyền này cho phép nạn nhân của tội phạm được trình bày những ảnh hưởng, tác động của tội phạm đến chính họ hoặc gia đình của họ. Thực tiễn đã chứng minh, nạn nhân cảm thấy được "chữa lành" sau khi được lắng nghe. Bị cáo cảm thấy ăn năn, nhận ra lỗi lầm của mình và những điều họ không ngờ đã gây ra cho nạn nhân… Quyền này khác với quyền trình bày ý kiến, quyền này thiên về cảm xúc cá nhân, không có giá trị pháp lý đối với việc xác định sự thật của vụ án như quyền trình bày ý kiến. Đơn giản là nạn nhân cảm thấy được lắng nghe và an ủi, xoa dịu nỗi đau.

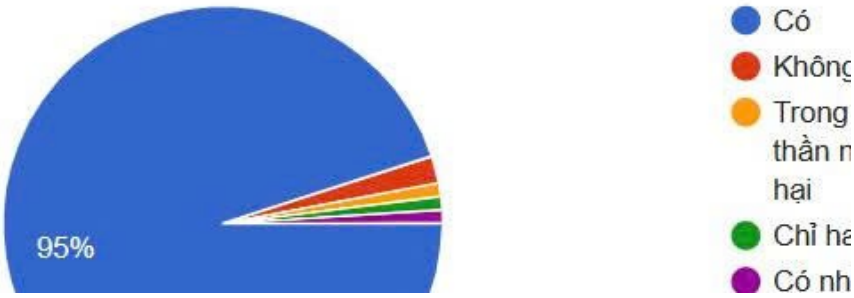

CÂU 7: Theo ông/bà, có bất lợi cho bị hại không khi BLTTHS hiện hành không quy định cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong trường hợp bị hại chết

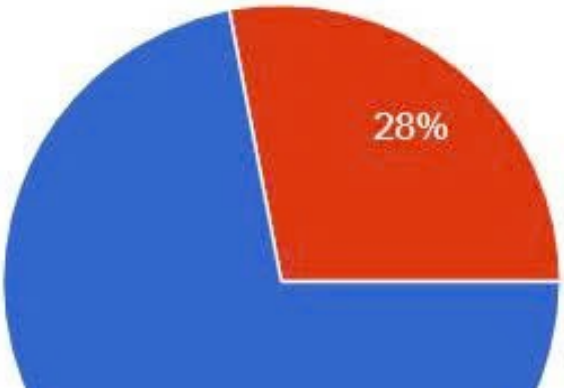

CÂU 8. Theo ông/bà, hiện nay nguyên tắc "bảo đảm quyền bình đẳng" trước pháp luật được thực hiện như thế nào trong giai đoạn xét xử sơ thẩm?

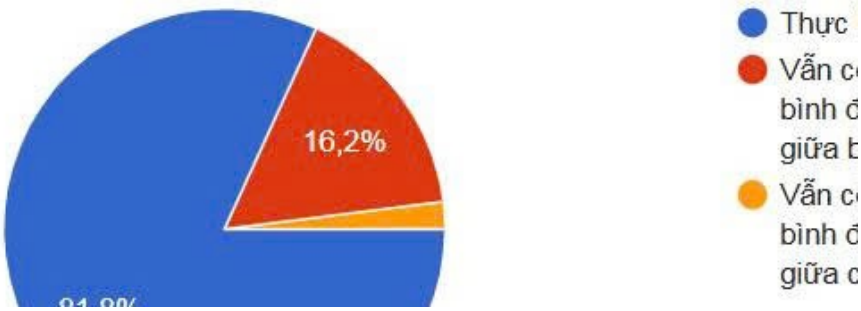

PHỤ LỤC 3

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSd-mp8nNZREeNUCHMOsD7b14WScbPn8AOjP4j3LeoL1L1t-jA/viewform

Mẫu phiếu khảo sát điều tra xã hội học đối với thẩm phán đã tham gia xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự

Khảo sát này không có chức năng lưu giữ thông tin người khảo sát. Nội dung trả lời trong phiếu khảo sát hoàn toàn được giữ bí mật và chỉ được sử dụng nhằm mục đích thực hiện đề tài luận án này và không sử dụng các thông tin khảo sát vì mục đích khác.

A. Địa bàn khảo sát

Tỉnh/Thành phố……...

B. Nội dung khảo sát

CÂU 1: Theo ông/bà, chất lượng tranh tụng các vụ án hình sự sơ thẩm hiện nay như thế nào?

☐ Chưa bình đẳng

☐ Bình đẳng

☐ Ý kiến khác

CÂU 2: Theo anh/chị, trên thực tế, nguyên tắc "bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự" (Điều 31 BLTTHS) hiện nay được thực hiện

☐ Rất hiệu quả

☐ Ít hiệu quả

☐ Không hiệu quả

☐ Ý kiến khác

CÂU 3: Theo ông/bà, việc không quy định quyền đọc, ghi chép tài liệu có trong hồ sơ vụ án hình sự cho bị hại (nhất là trong những vụ án không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại) có gây bất lợi cho bị hại không?

☐ Có

☐ Không

☐ Ý kiến khác

CÂU 4: Theo ông/bà, việc không quy định cho bị hại quyền hỏi trực tiếp bị cáo (nhất là trong những vụ án không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại) có gây bất lợi cho bị hại không?

☐ Có

☐ Không

☐ Ý kiến khác

CÂU 5: Theo quan sát của ông/bà, hiện nay các Thẩm phán, Hội thẩm có được độc lập, khi thực hiện nhiệm vụ xét xử không?

☐ Luôn được độc lập

☐ Phần lớn không được độc lập

☐ Phần nhỏ không được độc lập

☐ Ý kiến khác

CÂU 6: Theo ông/bà, có bất lợi cho bị hại không khi BLTTHS hiện hành không quy định cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong trường hợp bị hại chết

☐ Có

☐ Không

CÂU 7. Theo ông/bà, hiện nay nguyên tắc "bảo đảm quyền bình đẳng" trước pháp luật được thực hiện như thế nào trong giai đoạn xét xử sơ thẩm?

☐ Thực hiện hiệu quả

☐ Vẫn còn trường hợp chưa bảo đảm bình đẳng quyền và lợi ích hợp pháp giữa bị can, bị cáo và bị hại

☐ Vẫn còn trường hợp chưa bảo đảm bình đẳng quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bị hại

PHỤ LỤC SỐ 4

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học đối với thẩm phán đã tham gia xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

CÂU 1: Theo ông/bà, chất lượng tranh tụng các vụ án hình sự sơ thẩm hiện nay như thế nào?

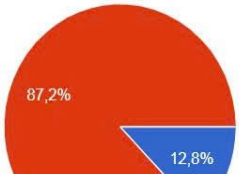

CÂU 2: Theo anh/chị, trên thực tế, nguyên tắc "bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự" (Điều 31 BLTTHS) hiện nay được thực hiện:

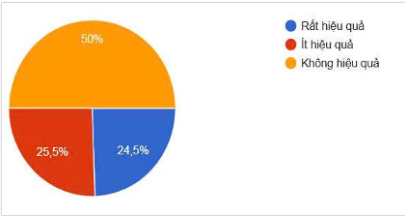

CÂU 3: Theo ông/bà, việc không quy định quyền đọc, ghi chép tài liệu có trong hồ sơ vụ án hình sự cho bị hại (nhất là trong những vụ án không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại) có gây bất lợi cho bị hại không?

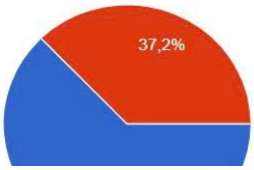

CÂU 4: Theo ông/bà, việc không quy định cho bị hại quyền hỏi trực tiếp bị cáo (nhất là trong những vụ án không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại) có gây bất lợi cho bị hại không?

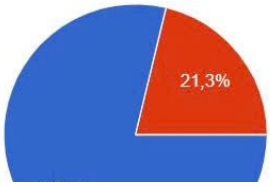

CÂU 5: Theo quan sát của ông/bà, hiện nay các Thẩm phán, Hội thẩm có được độc lập, khi thực hiện nhiệm vụ xét xử không?

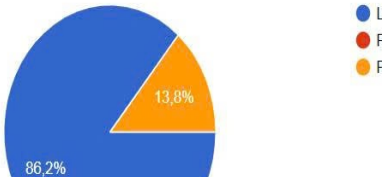

CÂU 6: Theo ông/bà, có bất lợi cho bị hại không khi BLTTHS hiện hành không quy định cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong trường hợp bị hại chết

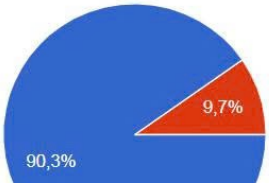

CÂU 7. Theo ông/bà, hiện nay nguyên tắc "bảo đảm quyền bình đẳng" trước pháp luật được thực hiện như thế nào trong giai đoạn xét xử sơ thẩm?

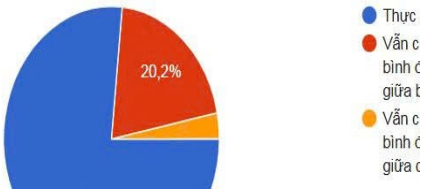

PHỤ LỤC 5

DANH MỤC CÁC BẢN ÁN ĐƯỢC NGHIÊN CỨU ĐỂ ĐÁNH GIÁ THỰC TIỄN THI HÀNH QUY ĐỊNH VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ HẠI TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

STT	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	TAND ban hành	Tội danh
5.1	28/2023/HS-ST	11/4/2023	Tỉnh Khánh Hòa	Giết người
5.2	407/2025/HS-PT	13/05/2025	Cấp cao Thành Phố Hà Nội	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
5.3	37/2019/HS-PT	16/4/2019	Tỉnh Quảng Bình	Giết người
5.4	34/2025/HS-GĐT	30/5/2025	Cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
5.5	12/2023/HS-PT	27/3/2023	Tỉnh Cao Bằng	Cố ý gây thương tích
5.6	125/2022/HSPT	01/4/2022	Thành phố Hồ Chí Minh	Cố ý gây thương tích
5.7	839/2023/HS-PT	31/10/2023	Cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh	Giết người
5.8	1163/2024/HS-PT	13/12/2024	Cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
5.9	42/2020/HS-PT	12/3/2020	Tỉnh Tiền Giang	Cố ý làm hư hỏng tài sản
5.10	19/2019/HSPT	27/02/2019	Tỉnh Phú Thọ	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
5.11	254/2020/HSPT	17/9/2020	Tỉnh Thanh Hoá	Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ
5.12	257/2022/HS-PT	05/7/2022	Thành phố Hồ Chí Minh	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

PHỤ LỤC 6

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
Số: /KN-VKS
V/v kiến nghị trong công tác xét xử các vụ án hình sự

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Lão, ngày 18 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

- Căn cứ Điều 41 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Căn cứ Điều 4 và Điều 19 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

Thông qua công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thời điểm từ ngày 01/5/2024 đến nay, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão nhận thấy: Nhìn chung, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão đã phối hợp tốt trong công tác xét xử các vụ án hình sự. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện An Lão vẫn còn có một số tồn tại cần kiến nghị như sau:

1. Về việc chậm gửi Bản án đến Viện kiểm sát

Khoản 1 Điều 262 Bộ luật Tố tụng hình sự, điều luật quy định: "*1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án, Tòa án cấp sơ thẩm phải giao bản án cho bị cáo, bị hại, Viện kiểm sát cùng cấp…*",

Trong khoảng thời gian nêu trên, có 12 Bản án Tòa án nhân dân huyện An Lão đã gửi chậm đến Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, bản án gửi chậm ít nhất là 05 ngày, nhiều nhất là 19 ngày làm ảnh hưởng đến quyền kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp, cụ thể như sau:

STT	Bản án	Ngày xét xử	Ngày gửi	Thời gian quá hạn
1	Số 68 ngày 26/8/2024	26/08/2024	11/9/2024	07 ngày
2	Số 67 ngày 23/8/2024	23/8/2024	20/9/2024	19 ngày
3	Số 66 ngày 23/8/2024	23/8/2024	10/9/2024	09 ngày

4	Số 65 ngày 23/8/2024	23/8/2024	09/9/2024	08 ngày
5	Số 56 ngày 02/8/2024	02/8/2024	16/8/2024	05 ngày
6	Số 55 ngày 31/7/2024	31/7/2024	14/8/2024	05 ngày
7	Số 53 ngày 27/9/2024	29/7/2024	16/8/2024	09 ngày
8	Số 52 ngày 29/7/2024	29/7/2024	26/8/2024	19 ngày
9	Số 51 ngày 23/7/2024	23/7/2024	09/8/2024	08 ngày
10	Số 40 ngày 13/6/2024	13/6/2024	05/7/2024	15 ngày
11	Số 38 ngày 07/6/2024	07/6/2024	24/6/2024	08 ngày
12	Số 36 ngày 31/5/2024	31/5/2024	17/6/2024	08 ngày

2. Quyết định tạm giam ghi thời hạn tạm giam bị can không bắt đầu kể từ ngày hết thời hạn tạm giam theo Quyết định tạm giam trước đó

Theo quy định tại khoản 2 Điều 278 Bộ luật Tố tụng hình sự thì thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Khoản 1 Điều 277 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định thời hạn chuẩn bị xét xử được tính kể từ ngày thụ lý vụ án.

Mẫu số 04-HS ban hành kèm theo Nghị quyết số 05 ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Quyết định tạm giam do Chánh án hoặc Phó Chánh án ban hành. Tại điểm (9) của Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 04-HS nêu trên: "*Ghi ngày hết thời hạn tạm giam theo Quyết định tạm giam trước đó*". Đa số lệnh tạm giam bị can đều thực hiện đúng hướng dẫn nêu trên, tuy nhiên còn một số vụ chưa thực hiện đúng hướng dẫn, cụ thể như sau:

- Vụ án Lưu Đại Đức gây rối trật tự công cộng

Tại Quyết định gia hạn thời hạn tạm giam để truy tố số 19 ngày 25/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão tạm giam bị can Lưu Đại Đức từ ngày 27/9/2024 đến ngày 06/10/2024.

Tại Quyết định tạm giam số 59 ngày 04/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão tạm giam bị can Lưu Đại Đức trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày 04/10/2024.

Như vậy, thời hạn tạm giam đối với bị can phải là 58 ngày, kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2024.

- Vụ án Đỗ Thanh Toàn và đồng phạm gây rối trật tự công cộng.

Tại Quyết định gia hạn thời hạn tạm giam để truy tố số 09 ngày 17/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão tạm giam bị can Đỗ Thanh Toàn từ ngày 18/6/2024 đến ngày 27/6/2024.

Tại Quyết định tạm giam số 30 ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão tạm giam bị can Đỗ Thanh Toàn trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày 24/6/2024.

Như vậy, thời hạn tạm giam đối với bị can Toàn phải là 57 ngày, kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

3. Cách tính trừ ngày chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ không phù hợp với số ngày đã bị tạm giữ

Tại Bản án số 25/2024/HS-ST ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão xét xử các bị cáo Lê Văn Quang, Bùi Văn Dũng, Bùi Văn Tiến, Bùi Văn Công, Nguyễn Văn Hồng và Bùi Văn Dân về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo trên đã bị tạm giữ từ 18 giờ ngày 02/3/2024 đến 18 giờ ngày 05/3/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn (trước 18 giờ ngày 05/3/2024), như vậy là bị tạm giữ trong vòng 03 ngày, tương ứng với 09 ngày cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của Bản án đã trừ cho mỗi bị cáo 12 ngày cải tạo không giam giữ (tương ứng với 04 ngày tạm giữ) là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định: "*Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ*".

4. Nhận định không đúng về tiền sự của bị cáo

Bản án số 82/2024/HS-ST ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão xét xử bị cáo Hoàng Trung Hiếu về tội Chống người thi hành công vụ, quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự.

Bản án nhận định Hiếu có 01 tiền sự, bị Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng xử phạt 5.000.000 đồng và tước quyền sử dụng

giấy phép lái xe 03 tháng về hành vi điều khiển xe ô tô đi ngược chiều trên đường có biển "*Cấm đi ngược chiều*" theo Quyết định số G01.839.308.026-981-24-000607/QĐ-XPHC ngày 23/02/2024 nên có nhân thân xấu.

Theo Từ điển tiếng Việt thì "Tiền sự" là hành vi phạm pháp (nhưng chưa đến mức bị kết án) đã có trước đó. Như vậy, người thực hiện các hành vi có dấu hiệu tội phạm nhưng không đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì mới coi là có tiền sự. Trong vụ án này, Tòa án xác định Hoàng Trung Hiếu có 01 tiền sự như nêu trên là không chính xác.

5. Không tuyên buộc bị cáo phải nộp số tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước

Bản án số 68/2024/HS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão xét xử bị cáo Nguyễn Phước Tiến về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Tiến đã trộm cắp số tiền 10.000.000 đồng và số vàng trị giá 47.111.000 đồng của bị hại Lê Thanh Tùng và Đồng Thị Lâm. Số vàng đã được thu hồi, trả lại cho bị hại. Mặc dù tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, nhưng đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có. Tuy nhiên, Bản án không tuyên buộc bị cáo phải nộp sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng là vi phạm điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định:"*1. Việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước… được áp dụng đối với:*

b) Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội".

6. Không ghi đầy đủ đề nghị của Viện kiểm sát

Bản án số 28/2024/HS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, xét xử bị cáo Đỗ Tuấn Dũng phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 BLHS; Phạm Nhâm Tâm và Phạm Minh Quân về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, khi luận tội Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Nhân Tâm và Phạm Minh Quân và đề nghị xử lý vật chứng là tịch thu tiêu hủy lượng ma túy sau giám định, 01 tấm phim chụp

Xquang, 01 chiếc kéo; 04 ống hút nhựa, 01 bật lửa và 01 chiếc ủng cao su màu xanh (chân phải); đề nghị trả lại 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha BKS:16M5-9006 cho bà Nguyễn Thị Tâm là mẹ của bị cáo Phạm Minh Quân. Tuy nhiên Bản án không ghi đầy đủ những nội dung đề nghị nêu trên của Kiểm sát viên, là chưa đầy đủ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều luật quy định: "*2. Bản án sơ thẩm phải ghi rõ:...*

b) Số, ngày, tháng, năm của bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố; tên Viện kiểm sát truy tố; hành vi của bị cáo theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố; tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự và mức hình phạt, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo; xử lý vật chứng".

7. Không ghi đầy đủ các cơ quan có thẩm quyền được gửi bản án tại phần "Nơi nhận"

- Bản án số 72/2024/HS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, xét xử bị cáo Cù Tuấn Nam về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Phần "**Nơi nhận**" của Bản án không ghi Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Bản án số 68/2024/HS-ST ngày 26/8/2024 xét xử bị cáo Nguyễn Phước Tiến về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Phần "**Nơi nhận**" của Bản án không ghi Trại Tạm giam Công an tỉnh Thái Bình nơi đang giam bị cáo.

- Bản án số 57/2024/HS-ST ngày 06/8/2024 xét xử các bị cáo Nguyễn Tùng Lâm, Nguyễn Trọng Đức, Khúc Văn Trường, Đỗ Thanh Toàn, Nguyễn Việt Hoàng, Nguyễn Quốc Hưng và Bùi Huy Công về tội Gây rối trật tự công cộng, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Phần "**Nơi nhận**" của Bản án không ghi Trại Tạm giam Công an thành phố Hải Phòng nơi đang giam bị cáo Đỗ Thanh Toàn.

Việc này là thực hiện không đầy đủ hướng dẫn tại Mẫu số 27-HS ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân tối cao (phần "**Nơi nhận**" *ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao*

hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án).

Khoản 1 Điều 262 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định:

"*1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án, Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi bản án cho… cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền,…*".

Để đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự trong công tác xét xử các vụ án hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão kiến nghị ông Chánh án Tòa án nhân dân huyện An Lão xem xét, tổ chức rút kinh nghiệm đối với các Thẩm phán để xảy ra những tồn tại nêu trên; đồng thời trả lời bằng văn bản cho Viện kiểm sát về kết quả thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Kiến nghị./.

Nơi nhận:
- TAND huyện An Lão (để thực hiện);
- TANDTP. Hải Phòng (để chỉ đạo);
- VKSND TP. Hải Phòng (P7-để báo cáo);
- Lưu: VT.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Lê Thị Minh Hiền

PHỤ LỤC 7

Bảng 2.1. Thống kê số bản kiến nghị của VKS với Toà án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động XXST

Phạm vi: toàn quốc từ năm 2018 đến năm 2025

STT	Năm	Tổng số vụ án đã XXST (1)	Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động XXST (2)	Tỷ lệ (2)/(1)
1.	**2018**	61.669	652	1,06 %
2.	**2019**	61.850	643	1,03%
3.	**2020**	59.343	803	1,35 %
4.	**2021**	65.696	812	1,24%
5.	**2022**	68.354	910	1,33%
6.	**2023**	76.024	947	1,25%
7.	**2024**	79.668	994	1,25%
8.	**2025**	72.738	917	1,26%
Tổng		**545.342**	**6.678**	**1,22 %**

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Bảng 2.2. Thống kê kết quả tổng đạt bản án/quyết định của Toà án cấp sơ thẩm

Phạm vi: 300 hồ sơ VAHS sơ thẩm có bị hại từ năm 2018 đến năm 2025

STT	Nội dung	Số vụ án	Tỷ lệ
1.	Tổng số VAHS sơ thẩm (1)	**300**	**100%**
2.	Số VAHS trong hồ sơ thể hiện Toà án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử (2)	**155**	**51.67** (2)/(1)
3.	Số VAHS trong hồ sơ không thể hiện TA đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử (3)	**145**	**48.33** (3)/(1)
4.	Số VAHS trong hồ sơ thể hiện đã giao bản án/ QĐ đình chỉ vụ án (4)	**248**	**82.67** (4)/(1)
5.	Số VAHS trong hồ sơ vụ án không thể hiện TA đã giao bản án/ QĐ đình chỉ vụ án (5)	**52**	**17.33** (5)/(1)
6.	Số VAHS hoãn phiên toà (6)	**85**	**28.33** (6)/(1)
7.	Số VAHS trong hồ sơ vụ án thể hiện đã gửi quyết định hoãn phiên toà (7)	**65**	**76.47** (7)/(1)
8.	Số VAHS trong hồ sơ vụ án không thể hiện đã gửi quyết định hoãn phiên toà (8)	**20**	**23.53** (8)/(1)

Nguồn: Toà án nhân dân Quận K và Toà án nhân dân Quận Đ, thành phố HN.

Bảng 2.3. Thống kê số vụ án Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại

STT	Năm	Tổng số vụ án Tòa án đã XXST (1)	Số vụ án Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại (2)	Tỷ lệ (2)/(1)
1.	**2018**	61.669	34	0,06%
2.	**2019**	61.850	100	0,16%
3.	**2020**	59.343	46	0,08%
4.	**2021**	65.696	19	0,03%
5.	**2022**	68.354	42	0,06%
6.	**2023**	76.024	50	0,07%
7.	**2024**	79.668	53	0,07%
8.	**2025**	72.738	62	0,09%
	Tổng	**545.342**	**406**	**0,07%**

Phạm vi: Toàn quốc, từ năm 2018 đến năm 2025

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Bảng 2.4

Thống kê số VAHS của Toà án cấp sơ thẩm bị Giám đốc thẩm huỷ để xét xử lại

Phạm vi: toàn quốc từ năm 2020 đến năm 2025

STT	Năm	Số vụ thụ lý (1)	Số vụ giải quyết (2)	Số vụ án sơ thẩm bị huỷ để xét xử lại (3)	Tỷ lệ (3)/(2)
1.	2020	250	158	28	**0.18**
2.	2021	375	259	65	**0.25**
3.	2022	243	182	27	**0.15**
4.	2023	233	156	22	**0.14**
5.	2024	205	140	26	**0.19**
6.	2025	131	122	26	**0.21**
Tổng		**1437**	**1017**	**194**	**0.19**

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Ghi chú: Phần mềm cũ, không có số liệu của năm 2018 và năm 2019

Bảng 2.5. Thống kê số lượng kháng cáo của bị cáo, bị hại; kháng nghị của VKS

(Phạm vi: 1000 bản án hình sự phúc thẩm từ năm 2018 đến năm 2025)

	Bị cáo kháng cáo (1)	**Bị hại kháng cáo (2)**	**Kháng nghị (3)**
Số lượng Bản án	907	213	15
Thống kê tỷ lệ trên 1000 Bản án	90,7%	21,3%	1,5%
Ghi chú	Có những bản án vừa có kháng cáo, vừa có kháng nghị nên tổng số lượng (1)+(2)+(3) có thể lớn hơn 1000		

Nguồn: Toà án nhân dân tối cao - Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Toà án

Bảng 2.6. Thống kê thẩm quyền của Toà án cấp phúc thẩm

(Phạm vi: 1000 bản án hình sự phúc thẩm từ năm 2018 đến năm 2025)

	Thẩm quyền điều 356 (1)	**Thẩm quyền K1Đ357 (2)**	**Thẩm quyền theo K2 điều 357 (3)**	**Thẩm quyền theo K2 điều 358 (4)**
Số lượng Bản án	580	392	23	7
Thống kê tỷ lệ trên 1000 bản án	58%	39,2%	2,3%	0,7%
Ghi chú	Có những bản án Toà án cấp phúc thẩm áp dụng nhiều thẩm quyền, vì vậy tổng (1)+(2)+(3)+(4) có thể lớn hơn 1000			

Nguồn: Toà án nhân dân tối cao - Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Toà án

Bảng 2.7. Thống kê số bị hại có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

Phạm vi: 1000 bản án hình sự sơ thẩm từ năm 2018 đến năm 2025

	Tổng số bị hại (1)	**Số bị hại có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp (2)**	**Tỷ lệ (2)/(1)**
	3012	111	3,69%
Tổng 1000 vụ án	3,012 bị hại/vụ án	0,111 số bị hại có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp/ vụ án	

Nguồn: Toà án nhân dân tối cao - Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Toà án

Bảng 2.8. Thống kê số vụ án hình sự sơ thẩm đã xét xử

Phạm vi toàn quốc từ năm 2018 đến năm 2025

STT	**Năm**	**Số vụ án đã thụ lý (1)**	**Số vụ án đã xét xử (2)**	**Tỷ lệ (2)/(1)**
1.	2018	66,994	61,669	92.05%
2.	2019	67,497	61,850	91.63%
3.	2020	72,263	59,343	82.12%
4.	2021	81,596	65,696	80.51%
5.	2022	83,464	68,354	81.90%
6.	2023	91,996	76,024	82.64%
7.	2024	85,354	79,668	93.34%
8.	2025	78,591	72,738	92.55%
Tổng		**627,755**	**545,342**	**86.87%**

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

PHỤ LỤC 8

BIÊN BẢN PHIÊN TOÀ

Hồ sơ hình sự sơ thẩm thụ lý số 286/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2024. Cố ý gây thương tích điểm đ Khoản 2 Điều 134 BLHS. BA số 260 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của TAND Quận HK, thành phố HN.

Cụ thể, biên bản phiên toà thể hiện như sau:

……

"III. Phần thủ tục bắt đầu phiên toà

1,2,3..

4. Chủ toạ phiên toà giới thiệu những người tiến hành tố tụng và hỏi Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên, thư kí phiên toà hay không?

Kiểm sát viên: không

Bị cáo trả lời: Không

5. Chủ toạ phiên toà hỏi bị cáo đã được giao nhận cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa? Có yêu cầu mời luật sư bào chữa không?

Các bị cáo trả lời: Đã nhận được cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tôi không yêu cầu mời luật sư

6. Chủ toạ phiên toà hỏi Kiểm sát viên, bị cáo yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng và những tài liệu khác ra phiên toà không?

Kiểm sát viên: Không

Bị cáo trả lời:Không"

Kiểm sát viên vẫn kết luận trình tự, thủ tục đúng với quy định của BLTTHS[219]*".*

Cũng có những phiên toà, trong phần thủ tục bắt đầu phiên toà, chỉ tiến hành thủ tục liên quan đến bị cáo:

---

[219] Trích trong Biên bản phiên toà, Hồ sơ hình sự sơ thẩm thụ lý số 286/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2024. Cố ý gây thương tích điểm đ Khoản 2 Điều 134 BLHS. BA số 260 ngày 30 tháng 12 năm 2024, stt. 35 trong Phụ lục 8

"...III. Phần thủ tục bắt đầu phiên toà:

1. Chủ toạ phiên toà tuyên bố khai mạc phiên toà và đọc QĐ đưa ra XX

2. Thư ký phiên toà báo cáo với HĐXX về sự có mặt của những người được Toà án triệu tập

Thư ký: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Xuân Hiển và Bảo có mặt, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hữu Bảo – Thu Hà có mặt; người bào chữa cho bị cáo Bảo – ông Hoà có mặt, bị hại Anh Nguyễn Tiến Hoà – có mặt, Anh Nguyễn Trọng Đức Dân, Nguyễn Minh Đông vắng mặt.

3. Chủ tọa phiên toà

- Kiểm tra căn cước, lý lịch của bị cáo

- Phổ biến quyền và nghĩa vụ cho bị cáo

- Giải thích cho bị cáo biết về bản án được công bố trên cổng thông tin điện tử của Toà án".[220]

[220] Trích trong hồ sơ vụ án số thứ tự 160 Phụ lục 9

PHỤ LỤC 9

DANH SÁCH 300 HỒ SƠ VAHS SƠ THẨM

Phạm vi: Toà án Quận K (STT từ 1-98) và Toà án Quận Đ, Thành phố HN (STT từ 99 – hết)

STT	Thụ lý	Tội	Điều khoản	Bản án	Bị hại
1.	41/05.03.2025	Cố ý gây thương tích	Điểm a K2 Đ134	72/09.04.2025	Bị hại vắng mặt
2.	74/10.04.2025	Cướp giật tài sản	Điểm d K2 Đ171	96/08.05.2025	Bị hại có mặt – Người đại diện theo ủy quyền của bị hại có mặt
3.	23/23.01.2025	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	54/26.03.2025	Bị hại có mặt
4.	46/06.03.2025 (bản án ghi số 40, ngoài bìa ghi 46)	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173		Bị hại có mặt
5.	68/03.04.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173		Bị hại có mặt
6.	22/22.01.2025	Trộm cắp tài sản	Điểm a K3 Đ173		Bị hại có mặt
7.	281/05.12.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	09.01.2025	Bị hại vắng mặt
8.	86/28.04.2025	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	105/21.05.2025	Bị hại vắng mặt
9.	295/30.12.2024	Gây rối trật tự công cộng Cố ý gây thương tích	Điểm b K2 Đ318 Điểm a K1 Đ134	21/20.01.2025	Bị hại có đơn xin vắng nhưng lại vẫn có mặt
10.	235/24.10.2024	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm a K3 Đ139		05 bị hại vắng mặt, 05 bị hại có mặt
11.	69/04.04.2025	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173		Bị hại có mặt
12.	443/05.03.2025	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	44/20.03.2025	Bị hại có mặt
13.					Bị hại vắng mặt
14.	287/12.12.2024	Cưỡng đoạt tài sản	Điểm d K2 Đ170		Bị hại vắng mặt
15.	58/24.03.2025	Trộm cắp tài sản	Điểm a K3 Đ173		Bị hại có mặt
16.	52/12.03.2025	Cưỡng đoạt tài sản	K1 Đ170	67/31.03.2025	Bị hại có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn có mặt tại phiên tòa

17.	17/17.01.2025	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	26.03.2025	Bị hại có mặt
18.	24/23.01.2025	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K3 Đ174		Bị hại vắng mặt
19.	38/28.02.2025	Vô ý làm chết người	K1 Đ128	69/31.03.2025	Bị hại đã thành niên, chết và có người đại diện hợp pháp. Vắng mặt cả hai lần
20.	15/16.01.2025	Cố ý gây thương tích	Điểm a K1 Đ134	69/31.03.2025	Vụ án khởi tố theo yêu cầu bị hại
21.	205/02.10.2024	Trộm cắp tài sản Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ173 Điểm c K2 Đ174	208/30.10.2024	Bị hại có mặt
22.	91/24.04.2024	Chiếm giữ trái phép tài sản	K1 Đ176	92/23.05.2024	Bị hại vắng mặt
23.	159/06.08.2024	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	151/22.08.2024	Bị hại có mặt
24.	199/27.09.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	199/24.10.2024	Bị hại vắng mặt có đơn
25.	45/12.03.2024	Cố ý gây thương tích	K1 Đ134	100/10.06.2024	Bị hại vắng mặt
26.	283/17.11.2023	Trộm cắp tài sản Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sảm	K1 Đ173 Điểm c K1 Đ290	10/24.01.2024	Bị hại vắng mặt
27.	03/05.01.2024	Cố ý gây thương tích	Điểm s K1 Đ134		Vụ án khởi tố theo yêu cầu bị hại
28.	63/02.04.2024	Cố ý gây thương tích	Điểm a K1 Đ134		
29.	244/08.11.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	248/16.12.2024	Bị hại có mặt
30.	207/04.10.2024	Cố ý gây thương tích	Điểm I K1 Đ134		Bị hại có mặt
31.	185/19.09.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	209/31.10.2024	Bị hại có mặt
32.	286/10.12.2024 Biên bản dùng làm minh chứng	Cố ý gây thương tích	Điểm đ K2 Đ134	260/30.12.2024	Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có

					mặt
33.	264/27.11.2024	Trộm cắp tài sản	K3 Đ173	259/30.12.2024	Bị hại có mặt
34.	296/05.12.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm g K2 Đ173	289/26.12.2023	Bị hại vắng mặt
35.	267/01.11.2023	Cố ý gây thương tích	Điểm a, i K1 Đ134		Không mở phiên tòa
36.	273/09.11.2023	Cố ý gây thương tích	Điểm d K2 Đ134	276/12.12.2023	Bị hại có mặt
37.	198/14.09.2023	Chiếm giữ trái phép tài sản	K1 Đ176	215/28.09.2023	Bị hại vắng mặt
38.	204/20.09.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	262/29.11.2023	Bị hại vắng mặt
39.	259/31.10.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	277/15.12.2023	Bị hại vắng mặt
40.	17/24.01.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	18/23.02.2023	03 bị hại đều vắng mặt
41.	197/11.09.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	206/22.05.2003	Bị hại vắng mặt
42.	279/13.11.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	292/27.12.2023	Bị hại vắng mặt
43.	289/29.11.2023	Cưỡng đoạt tài sản	Điểm c K2 Đ170	297/29.12.2023	Bị hại vắng mặt
44.	204/20.09.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	262/29.11.2023	Bị hại vắng mặt
45.	17/24.01.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	18/23.02.2023	Bị hại vắng mặt
46.	55/27.03.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	79/16.04.2023	Bị hại vắng mặt
47.	212/25.09.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	217/18.10.2023	Bị hại vắng mặt
48.	36/08.03.2023	Cố ý gây thương tích	Điểm a K1 Đ134	53/24.03.2023	Bị hại vắng mặt
49.	269/21.11.2022003	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Điểm a K1 Đ175	29/17.02.2023	Bị hại vắng mặt
50.	304/13.12.2003	Trộm cắp tài sản	Điểm b K1 Đ173	283/26.12.2	Bị hại vắng mặt
51.	260/31.10.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K2 Đ174	253/23.11.2023	Bị hại vắng mặt
52.	77/24.04.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	103/26.05.2023	Bị hại vắng mặt
53.	168/11.08.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	170/21.08.2023	Bị hại vắng mặt
54.	240/16.10.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	239/14.11.2023	Bị hại vắng mặt
55.	33/07.03.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	54/24.03.2023	Bị hại vắng mặt

56.	221/03.10.2023	Cưỡng đoạt tài sản Cố ý làm hư hỏng tài sản	K1 Đ170 K1 Đ178	243/15.11.2023	Bị hại vắng mặt
57.	298/05.12.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	294/28.12.2023	Bị hại vắng mặt
58.	05/05.01.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	31/21.02.2023	Bị hại vắng mặt
59.	307/27.12.2022	Cố ý gây thương tích	Điểm đ K2 Đ134	11/11.01.2023	Bị hại vắng mặt
60.	241/16.10.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	244/15.11.2023	Bị hại vắng mặt
61.	106/31.05.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm a K3 Đ174	143/19.07.2023	Bị hại vắng mặt
62.	213/29.09.2023	Cố ý gây thương tích	Điểm i K1 Đ134		Bị hại có mặt
63.	165/25.07.2019	Cố ý gây thương tích	Điểm a K1 Đ134		Bị hại vắng mặt
64.	278/20.11.2019	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	275/25.12.2019	Bị hại vắng mặt
65.	194/21.08.2019	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	190/24.09.2019	Bị hại vắng mặt
66.	142/18.06.2021	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	174/25.09.2021	Bị hại vắng mặt
67.	235/12.10.2021	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	217/20.10.2021	Bị hại vắng mặt
68.	91/03.05.2018	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm a K3 Đ139	02/04.01.2019	Bị hại vắng mặt
69.	244/16.10.2019	Cướp tài sản	Điểm e K2 Đ168	256/27.11.2019	Bị hại vắng mặt
70.	251/25.10.2019	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	251/22.11.2019	Bị hại vắng mặt
71.	242/11.10.2019	Trộm cắp tài sản Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	K1 Đ173 K1 Đ323	236/14.11.2019	Bị hại vắng mặt
72.	252/09.11.2022	Cố ý gây thương tích	Điểm c K3 Đ134	239/25.11.2023	Bị hại vắng mặt
73.	191/13.08.2021	Cố ý gây thương tích	Điểm a K1 Đ134	04/11.10.2021	Bị hại vắng mặt
74.	36/05.03.2021	Cướp tài sản	K2 Đ168	58/31.03.2021	Bị hại có mặt
75.	267/21.11.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	253/06.12.2022	Bị hại vắng mặt
76.	29/31.01.2019	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm d K2 Đ174	38A/27.02.2019	Bị hại vắng mặt
77.	117/13.06.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	132/28.07.2022	Bị hại vắng mặt

78.	102/25.05.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	105/07.06.2022	Bị hại vắng mặt
79.	227/12.10.2022	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản		235/18.11.2022	Bị hại vắng mặt
80.	43/01.02.2019	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	109/30.05.2019	Bị hại vắng mặt
81.	92/18.04.2019	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	108/30.05.2019	Bị hại vắng mặt
82.	93/18.04.2019	Cố ý gây thương tích	Điểm c K3 Đ174	107/30.05.2019	Bị hại có mặt
83.	269/18.12.2018	Cưỡng đoạt tài sản	K1 Đ170	05/15.01.2019	Bị hại vắng mặt
84.	271/18.12.2018	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	06/15.01.2019	Bị hại vắng mặt
85.	86/05.04.2019	Trộm cắp tài sản	Điểm a K3 Đ171	73/23.04.2019	Bị hại có mặt
86.	70/21.03.2019	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	69/18.04.2019Đ 174	Bị hại vắng mặt
87.	66/21.03.2019	Trộm cắp tài sản	Điểm c K2 Đ173	77/24.04.2019	Bị hại vắng mặt
88.	117/10.05.2019	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản		103/29.05.2019	Bị hại vắng mặt
89.	255/09.11.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	249/30.11.2022	Bị hại vắng mặt
90.	87/28.04.2022	Trộm cắp tài sản	Điểm g K2 Đ173	84/19.05.2022	Bị hại có mặt
91.	209/07.10.2022				Bị hại vắng mặt
92.	208/01.09.2021	Cố ý gây thương tích	Điểm a K1 Đ134		Bị hại có mặt
93.	73/09.04.2021	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Điểm a K1 Đ175	84/27.04.2021	Bị hại có mặt
94.	299/30.12.2020	Hủy hoại tài sản	Điểm d K2 Đ178	15/26.01.2021	Bị hại có mặt
95.	239/09.10.2019	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản		259/28.11.2019	Bị hại vắng mặt
96.	150/02.07.2019	Cố ý gây thương tích	Điểm c, d K3 Đ134	160/21.08.2019	Bị hại vắng mặt
97.	272/15.11.2019	Cố ý gây thương tích	Điểm a K1 Đ134	265/17.12.2019	Bị hại có mặt
98.	188/03.07.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	213/30.08.2023	Bị hại vắng mặt
99.	211/08.08.2023	Hủy hoại tài sản	K1 Đ178	234/18.09.2023	Bị hại vắng mặt
100.	225/23.08.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	226/11.09.2023	Bị hại vắng mặt

101.	214/11.08.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	22311.09.2023	Bị hại vắng mặt
102.	204/03.08.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K2 Đ174	209/28.03.2023	Bị hại vắng mặt
103.	169/31.05.2023	Cố ý gây thương tích	Điểm d K4 Đ134	206/24.08.2023	Bị hại vắng mặt
104.	167/31.05.2023	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ		202/21.08.2023	Bị hại vắng mặt
105.	191/07.07.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	195/15.08.2023	Bị hại vắng mặt
106.	220/21.08.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	238/18.09.2023	Bị hại có mặt
107.	228/29.08.2023	Cướp giật tài sản	K1 Đ171	239/18.09.2023	Bị hại có mặt
108.	240/06.09.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ174	244/19.09.2023	Bị hại có mặt
109.	184/21.06.2023	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	K2 Đ175	246/20.09.2023	04 bị hại vắng mặt
110.	234/31.08.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm a K3 Đ174	240/18.09.2023	Bị hại có mặt
111.	227/28.08.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm a K1 Đ174	235/18.09.2023	Bị hại vắng mặt
112.	230/30.08.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm a K1 Đ174	282/17.10.2023	Bị hại vắng mặt
113.	238/06.09.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm a K1 Đ174	263/27.09.2023	Bị hại vắng mặt
114.	262/08.09.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm c K2 Đ174	258/25.09.2023	Bị hại vắng mặt
115.	209/08.08.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm a K2 Đ173	275/29.09.2023	Bị hại vắng mặt
116.	287/03.10.2023	Hủy hoại tài sản	K1 Đ178	298/31.10.2023	Bị hại có mặt
117.	292/09.10.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm a K1 Đ173	298A/08.11.2023	Bị hại vắng mặt
118.	280/02.10.2023	Trộm cắp tài sản Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Điểm a K1 Đ173 K1 Đ323	296/25.10.2023	Bị hại vắng mặt
119.	274/02.10.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm a K1 Đ173	292/24.10.2023	Bị hại vắng mặt
120.	270/02.10.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm c K2 Đ174	293/24.10.2023	Bị hại vắng mặt
121.	339/30.11.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm a K1 Đ173	23/16.02.2023	Bị hại có mặt
122.	274/02.10.2022	Cướp tài sản Tiêu thụ tài sản	K2 Đ168 K1 Đ323	16/13.01.2023	Bị hại có mặt

		do phạm tội mà có			
123.	352/30.11.2022	Trộm cắp tài sản	Điểm g K2 Đ173	15/13.01.2023	Bị hại có mặt
124.	327/29.11.2022	Cố ý gây thương tích	Điểm đ K2 Đ134	02/04.01.2023	Bị hại có mặt
125.	334/30.11.2022	Hiếp dâm	K4 Đ141	05/05.01.2023	Bị hại vắng mặt
126.	283/03.10.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm c K2 Đ174	309/15.11.2023	Bị hại có mặt
127.	304/13.10.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	305/13.11.2023	Bị hại có mặt
128.	246/03.10.2022	Vi phạm quy định vê ftham gia giao thông đường bộ	Điểm b K1 Đ260	09/06.01.2023	Bị hại vắng mặt
129.	328/29.11.2022	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	11/09.01.2023	Bị hại vắng mặt
130.	340/30.11.2022	Cưỡng đoạt tài sản	K1 Đ170	10/09.01.2023	Bị hai vắng mặt
131.	04/13.01.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	28/21.02.2023	Bị hại vắng mặt
132.	07/16.01.2023	Cướp tài sản	Điểm d K2 Đ168	29/22.02.2023	Bị hại có mặt
133.	171/13.10.2023	Cố ý gây thương tích	Điểm a K1 Đ134	25/16.02.2023	Bị hại có mặt
134.	51/28.02.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173 Điểm c K2 Đ173	76/24.04.2023	Bị hại vắng mặt
135.	37/20.03.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	69/14.04.2023	Bị hại vắng mặt
136.	36/20.03.2023	Cố ý gây thương tích	Điểm c K3 Đ134	64/17.04.2023	Bị hại vắng mặt
137.	17/23.02.2023	Cố ý gây thương tích	Điểm đ K2 Đ134	45/20.03.2023	Bị hại vắng mặt
138.	18/23.02.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm g K2 Đ173	44/20.03.2023	Bị hại có mặt
139.	322/28.11.2022	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	35/27.02.2023	Bị hại có mặt
140.	29/09.03.2023	Cố ý gây thương tích	Đ134	87/16.05.2023	Bị hại có mặt
141.	69.06.04.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	83/15.05.2023	Bị hại vắng mặt
142.	42/23.03.2023	Cưỡng đoạt tài sản	K1 Đ170	82/10.05/2023	Bị hại có mặt
143.	91/27.04.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	111/14.06.2023	Bị hại vắng mặt
144.	82/14.04.2023	Lừa đảo chiếm	Điểm a K3	108/30.05.2023	Bị hại có mặt

		đoạt tài sản	Đ174		
145.	70/07.04.2023	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Điểm a K2 Đ260	110/06.06.2023	Bị hại vắng mặt
146.	66/05.04.2023	Cướp tài sản	K1 Đ168	90/18.05.2023	Bị hại có mặt
147.	268/12.09.2023	Cố ý gây thương tích	Điểm đ K2 Đ134	277/29.09.2023	Bị hại có mặt
148.	252/08.09.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	278/29.09.2003	Bị hại có mặt
149.	256/08.09.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	279/29.09.2023	Bị hại có mặt
150.	231/30.08.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	280/29.09.2023	Bị hại có mặt
151.	236/05.09.2023	Trộm cắp tài sản Tiêu thụ tài sản do ng khác phạm tội mà có	Điểm c K2 Đ173 K1 Đ323	281/30.09.2023	Bị hại có mặt
152.	47/24.03.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	128/21.06.2023	Bị hại có mặt
153.	108.19.05.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	125/21.06.2023	Bị hại có mặt
154.	96/28.04.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	114/15.06.2023	03 bị hại vắng mặt
155.	95/27.04.2023	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức	K3 Đ175 K1 Đ314	120/19.06.2023	Bị hại vắng mặt
156.	102/17.05.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	119/19.06.2023	Bị hại có mặt
157.	77/12.04.2023	Cướp tài sản	Điểm d, đ K2 Đ168	113/15.06.2023	Bị hại vắng mặt
158.	130/31.05.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm c K2 Đ173	146/07.07.2023	Bị hại có mặt
159.	135/31.05.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	148/11.07.2023	Bị hại vắng mặt
160.	163/31.05.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	169/24.07.2023	Bị hại vắng mặt
161.	180/31.05.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	184/31.07.2023	Bị hại vắng mặt
162.	150/31.05.2023	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	K1 Đ175	189/08.08.2023	Bị hại có mặt lần 1, vắng mặt lần 2
163.	164/31.05.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	170/25.07.2023	Bị hại vắng mặt
164.	310/12.11.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	22/24.02.2023	Bị hại vắng mặt
165.	303/05.11.2023	Lừa đảo chiếm	K1 Đ174	18/19.01.2022	Bị hại vắng

		đoạt tài sản			mặt
166.	160/31.05.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	179/27.07.2023	Bị hại vắng mặt
167.	174/31.05.2023	Cưỡng đoạt tài sản	Điểm d K2 Đ170	180/28.07.2023	Bị hại vắng mặt
168.	170/31.05.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	174/26.07.2023	Bị hại có mặt
169.	143/31.05.2023	Trộm cắp tài sản	Điểm c K2 Đ173	166/24.07.2023	Bị hại có mặt
170.	04/14.01.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	28/25.01.2022	Bị hại có mặt
171.	295/04.11.2021	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	Điểm c K2 Đ174	08/10.01.2022	Bị hại có mặt
172.	298/04.11.2021	Cướp giật tài sản	K1 Đ171	30/27.01.2022	Bị hại có mặt
173.	332/26.11.2021	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	25/24.01.2022	Bị hại vắng mặt
174.	43/30.03.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	76/16.05.2023	Bị hại có mặt
175.	23/18.03.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	63/25.04.2022	Bị hại có mặt
176.	35/23.03.2022	Cướp giật tài sản	Điểm d K2 Đ171	66.27.04.2022	Bị hại có mặt
177.	13/24.02.2022	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm c K2 Đ174	56/20.04.2022	Bị hại có mặt
178.	14/03.03.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	55/14.04.2022	Bị hại có mặt
179.	362/31.12.2021	Cố ý gây thương tích	Điểm a K1 Đ134	44/29.03.2022	Bị hại có mặt
180.	07/21.01.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	31/23.02.2022	Bị hại có mặt
181.	09/27.01.2022	Cướp giật tài sản	K2 Đ171	39/28.03.2022	Bị hại có mặt
182.	74/18.04.2022	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm c K2 Đ174	89/20.05.2022	Bị hại có mặt
183.	53/31.03.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	77/16.05.2022	Bị hại có mặt
184.	98/12.05.2022	Trộm cắp tài sản	Điểm g K2 Đ173	91/23.05.2022	Bị hại có mặt
185.	85/29.04.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	117/31.05.2022	Bị hại có mặt
186.	112/16.05.2022	Cướp giật tài sản	Điểm d K2 Đ171	143/06.07.2022	Bị hại có mặt
187.	133/31.05.2022	Trộm cắp tài sản	Điểm c K2 Đ173	153/11.07.2022	Bị hại vắng mặt
188.	95/03.03.2022	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ		135/23.06.2022	Bị hại chết
189.	73/18.04.2022	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	K3 Đ175	133/23.06.2022	Bị hại có mặt

190.	357/30.11.2021	Cố ý gây thương tích	K1, 2 Đ134	120/14.06.2022	Bị hại có mặt
191.	123/31.05.2022	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Điểm a K1 Đ175	145/08.07.2022	Bị hại có mặt
192.	118/26.05.2022	Trộm cắp tài sản	Điểm a K3 Đ173	147/08.07.2022	Bị hại có mặt
193.	135/31.05.2022	Trộm cắp tài sản	K2 Đ173	155/12.07.2022	Bị hại có mặt
194.	115/26.05.2022	Cướp giật tài sản	Đ171	149/08.07.2022	Bị hại có mặt
195.	192/12.08.2022	Trộm cắp tài sản	Điểm c, g K2 Đ173	223/14.09.2022	Bị hại vắng mặt
196.	193/15.08.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	216/08.09.2022	Bị hại vắng mặt
197.	172/25.07.2022	Trộm cắp tài sản	Điểm b, g K2 Đ173	212/08.09.2022	Bị hại vắng mặt
198.	172/25.07.2022	Trộm cắp tài sản	Điểm g K2 Đ173 Điểm b K1 Đ173	212/08.09.2022	Bị hại vắng mặt
199.	124/31.05.2022	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Điểm a K1 Đ260	161/13.07.2022	Bị hại vắng mặt
200.	160/12.07.2022	Cướp giật tài sản	K2 Đ171	181/16.08.2022	Bị hại có mặt
201.	127/21.05.2022	Cướp giật tài sản	K2 Đ171	177/08.08.2022	Bị hại có mặt
202.	152/17.06.2022	Trộm cắp tài sản	K2 Đ173	186/18.08.2022	Bị hại có mặt
203.	143/31.05.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	180/15.08.2022	Bị hại có mặt
204.	157/05.07.2022	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	K2 Đ260	182/16.08.2022	Bị hại có mặt
205.	201/18.08.2022	Cướp tài sản	K2 Đ168	230/19.09.2022	Bị hại vắng mặt
206.	183/10.08.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	221/12.09.2022	Bị hại có mặt
207.	219/06.09.2022	Cố ý gây thương tích	K2 Đ134	231/20.09.2022	Bị hại có mặt
208.	216/01.09.2022	Cưỡng đoạt tài sản	K1 Đ170	282/30.09.2022	Bị hại có mặt
209.	227/09.09.2022	Trộm cắp tài sản Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức	K1 Đ173 K2 Đ341	262/29.09.2022	Bị hại có mặt
210.	230/09.09.2022	Cướp giật tài sản	K2 Đ171	265/29.09.2022	Bị hại có mặt

211.	232/09.09.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	266/30.09.2022	Bị hại vắng mặt
212.	235/09.09.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	255/28.09.2022	Bị hại có mặt
213.	136/31.05.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	163/15.07.2022	Bị hại có mặt
214.	154/04.07.2022	Đe dọa giết người	K2 Đ133	199/29.08.2022	Bị hại vắng mặt
215.	155/05.07.2022	Cố ý gây thương tích	K2 Đ134	202/31.08.2022	Bị hại có mặt
216.	162/12.07.2022	Vô ý làm chết người	K1 Đ128	200/29.08.2022	Bị hại có mặt
217.	167/20.07.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	187/18.08.2022	Bị hại có mặt
218.	236/09.09.2022	Trộm cắp tài sản	K2 Đ173	257/28.09.2022	Bị hại có mặt
219.	238/09.09.2022	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	K2 Đ260	259/28.09.2022	Bị hại có mặt
220.	252/07.10.2022	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K2 Đ174	281/26.10.2022	Bị hại có mặt
221.	255/10.10.2022	Trộm cắp tài sản	K2 Đ173	280/26.10.2022	Bị hại có mặt
222.	205/22.08.2022	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	225/15.09.2022	Bị hại có mặt
223.	220/06.09.2022	Cố ý gây thương tích	K2 Đ134	228/17.09.2022	Bị hại có mặt
224.	202/19.08.2022	Trộm cắp tài sản	K2 Đ173	227/16.09.2022	Bị hại có mặt
225.	206/22.08.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	226/15.09.2022	Bị hại có mặt
226.	247/03.10.2022	Cướp giật tài sản	K1 Đ171	277/25.10.2022	Bị hại có mặt
227.	258/12.10.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	275/24.10.2022	Bị hại có mặt
228.	243/15.09.2022	Cố ý gây thương tích	K3 Đ134	274/24.10.2022	Bị hại có mặt
229.	163/13.07.2022	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K3 Đ174	272/06.10.2022	Bị hại có mặt
230.	231/09.09.2022	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K2 Đ174	270/30.09.2022	Bị hại có mặt
231.	213/30.08.2022	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	251/27.09.2022	Bị hại có mặt
232.	188/12.08.2022	Cướp giật tài sản	K1 Đ171	240/22.09.2022	Bị hại có mặt
233.	203/23.08.2022	Cho vay lãi nặng trong GDDS Cố ý gây thương tích	K1, 2 Đ201 K2 đ134	242/23.09.2022	Bị hại vắng mặt
234.	370/23.11.2023	Cố ý gây thương tích	Điểm c K3 Đ134	02/08.01.2024	02 bị hại đều có mặt
235.	407/30.11.2023	Trộm cắp TS	Điểm g K2 Đ173	04/08.01.2024	02 bị hại đều vắng mặt

236.	404/30.11.2023	Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng	Điểm a K1 Đ360	05/08.01.2024	02 bị hại đều vắng mặt
237.	394/30.11.2023	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Điểm a K1 Đ260	08/09.01.2024	Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt
238.	416/30.11.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm c K2 Đ174	12/11.01.2024	01 bị hại vắng mặt
239.	359/17.11.2023	Cướp giật tài sản	Điểm d, đ K2 Đ171	23/18.01.2024	01 bị hại vắng mặt
240.	408/30.11.2023	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Điểm a K2 Đ260	24/18.01.2024	Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt
241.	395/30.11.2023	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	K1 Đ260	27/19.01.2024	02 bị hại vắng mặt
242.	406/30.11.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm c K2 Đ174	33/23.01.2024	01 bị hại vắng mặt
243.	419/30.11.2023	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Điểm b K1 Đ260	34/23.01.2024	01 bị hại có mặt
244.	418/30.11.2023	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	38/25.01.2024	01 bị hại vắng mặt
245.	420/28.12.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	36/24.01.2024	01 bị hại vắng mặt
246.	354/13.11.2023	Cướp tài sản	Điểm d K2 Đ168	42/30.01.2024	01 bị hại vắng mặt
247.	284/03.10.2023	Cố ý gây thương tích	Điểm đ K2 Đ134	47/02.02.2024	01 bị hại vắng mặt
248.	04/15.01.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	48/05.02.2024	01 bị hại vắng mặt
249.	335/31.10.2023	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Điểm a K1 Đ260	46/02.02.2024	01 bị hại vắng mặt – Người đại diện của bị hại vắng mặt
250.	351/10.11.2023	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	53/27.02.2024	02 bị hại – 01 bị hại vắng mặt
251.	24/06.02.2024	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Điểm a K1 Đ175	61/21.3.2024	02 bị hại đều vắng mặt
252.	14/31.01.2024	Cướp tài sản	K1 Đ168	62/21.3.2024	01 bị hại vắng mặt

253.	17/02.02.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	67/28.3.2024	01 bị hại vắng mặt
254.	18/05.02.2024	Trộm cắp tài sản	Điểm g K2 Đ173	74/05.4.2024	02 bị hại đều vắng mặt
255.	27/29.02.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	75/12.4.2024	01 bị hại vắng mặt
256.	47/20.3.2024	Trộm cắp tài sản	Điểm b,c K2 Đ173	85/17.4.2024	08 bị hại – có 7 bị hại vắng mặt
257.	30/29.02.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	82/16.4.2024	01 bị hại vắng mặt
258.	44/15.3.2024	Trộm cắp tài sản	Điểm c, g K2 Đ173	89/24.4.2024	01 bị hại vắng mặt
259.	43/12.3.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	90/24.4.2024	03 bị hại đều vắng mặt
260.	60/28.3.2024	Cướp giật tài sản	Điểm d, đ K2 Đ171	92/26.4.2024	01 bị hại vắng mặt
261.	37/06.3.2024	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Điểm c K2 Đ175	93/26.4.2024	01 bị hại vắng mặt
262.	353/13.11.2023	Cướp tài sản	Điểm d K2 Đ168	94/26.4.2024	01 bị hại vắng mặt
263.	59/28.3.2024	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm c K2 Đ174	102/17.5.2024	01 bị hại có mặt
264.	96/14.4.2024	Hủy hoại tài sản	K1 Đ178	97/14.5.2024	01 bị hại vắng mặt
265.	76/08.4.2024	Cướp giật tài sản	K1 Đ171	101/17.5.2024	01 bị hại vắng mặt
266.	66/29.3.2024	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức	Điểm a K3 Đ174 K1 Đ341	104/17.5.2024	01 bị hại vắng mặt
267.	53/26.3.2024	Cướp giật tài sản	Điểm d K2 Đ171	105/20.5.2024	02 bị hại – 01 bị hại vắng mặt
268.	61/28.3.2024	Trộm cắp tài sản	K2 Đ173	106/20.5.2024	02 bị hại vắng mặt
269.	70/02.4.2024	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Điểm c K2 Đ174	107/20.5.2024	01 bị hại vắng mặt
270.	83/15.4.2024	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Điểm b K1 Đ260	112/21.5.2024	01 bị hại vắng mặt
271.	106/02.5.2024	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	126/27.5.2024	01 bị hại vắng mặt
272.	38/06.3.2024	Cố ý gây thương tích	Điểm c K3 Đ134	129/28.5.2024	Người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt

273.	111/08.5.2024	Trộm cắp tài sản	Điểm c K2 Đ173	130/29.5.2024	01 bị hại có mặt
274.	89/19.4.2024	Cướp giật tài sản	Điểm d K2 Đ171	139/31.5.2024	02 bị hại vắng mặt
275.	108/03.5.2024	Trộm cắp tài sản	Điểm c K2 Đ173	140/31.5.2024	01 bị hại vắng mặt
276.	75/04.4.2024	Trộm cắp tài sản Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có	Điểm a K2 Đ173 Điểm c K2 Đ323	146/13.6.2024	02 bị hại vắng mặt
277.	107/02.5.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	147/13.6.2024	01 bị hại có mặt
278.	118/15.5.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	148/13.6.2024	01 bị hại vắng mặt
279.	121/15.5.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	149/13.6.2024	01 bị hại và người đại diện theo PL của bị hại vắng mặt
280.	80/09.4.2024	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	K2 Đ260	150/13.6.2024	02 bị hại – 01 bị hại vắng mặt
281.	105/02.5.2024	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Điểm a K2 Đ260	152/18.6.2024	Người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt
282.	132/24.5.2024	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	153/18.6.2024	01 bị hại vắng mặt
283.	119/15.5.2024	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Điểm a K2 Đ260	154/20.6.2024	Người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt
284.	123/17.5.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	151/14.6.2024	01 bị hại vắng mặt
285.	29/29.02.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	162/24.6.2024	02 bị hại đều vắng mặt
286.	129/22.5.2024	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	K1 Đ174	163/24.6.2024	01 bị hại vắng mặt
287.	91/22.4.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	168/28.6.2024	01 bị hại vắng mặt
288.	139/28.5.2024	Trộm cắp tài sản	K1 Đ173	169/28.6.2024	01 bị hại vắng mặt
289.	137/24.5.2024	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Điểm a K1 Đ174	170/28.6.2024	01 bị hại vắng mặt
290.	136/24.5.2024	Cướp tài sản	Điểm d K2	171/28.6.2024	01 bị hại có

			Đ168		mặt
291.	142/29.5.2024	Làm nhục người khác	Điểm a, e K2 Đ155	175/01.7.2024	01 bị hại có mặt
292.	114/09.5.2024	Trộm cắp tài sản	Điểm c K2 Đ173	177/04.7.2024	Có 9 bị hại đều vắng mặt
293.	163/31.5.2024	Trộm cắp tài sản	Điểm c K2 Đ173	179/08.7.2024	04 bị hại đều vắng mặt
294.	127/12.2.2026	Cố ý gây thương tích	Điểm c, khoản 3, điều 134	163/10.3.2026	01 Bị hại vắng mặt
295.	113/11.2.2026	Vi phạm QĐ về tham gia giao thông đường bộ	Điểm c, khoản 1, điều 260	160/09.03.2026	02 bị hại vắng mặt
296.	64/29.01.2026	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và sử dụng tại liệu giả của cơ quan, tổ chức	Điểm c, khoản 2, điều 174 Điểm d, khoản 2, điều 341	156/06.03.2026	01 bị hại vắng mặt
297.	96/06.02.2026	Cướp tài sản	Điểm d, khoản 2, điều 168	147/04.03.2026	01 bị hại vắng mặt
298.	24/14.01.2026	Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản	Điểm c, khoản 2, điều 355	120/11.02.2026	02 bị hại vắng mặt
299.	53/27.01.2026	Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, trộm cắp tài sản	Khoản 1, điều 255 Khoản 1, điều 173	104/10.02.2026	02 bị hại vắng mặt
300.	43/23.01.2026	Trộm cắp tài sản	Điểm a, khoản 4, điều 173	122/12.02.2026	01 bị hại vắng mặt

PHỤ LỤC 10

THỐNG KÊ THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

(Thời gian từ 2018-2025, Số lượng: 1000 bản án phúc thẩm)

STT	Số hiệu BA	Ghi chú Link truy cập
1.	HCM Bản án số: 197/2020/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta508258t1cvn/chi-tiet-ban-an
2.	HCM Bản án số: 282/2020/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta557676t1cvn/chi-tiet-ban-an
3.	HCM Bản án số: 104/2020/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta559415t1cvn/chi-tiet-ban-an
4.	HCM Bản án số: 147/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta462202t1cvn/chi-tiet-ban-an
5.	HCM Bản án số: 43/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta462230t1cvn/chi-tiet-ban-an
6.	HCM Bản án số: 95/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta462206t1cvn/chi-tiet-ban-an
7.	HCM Bản án số: 113/2020/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta472550t1cvn/chi-tiet-ban-an
8.	HCM Bản án số: 151/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta485066t1cvn/chi-tiet-ban-an
9.	HCM Bản án số: 240/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta493898t1cvn/chi-tiet-ban-an
10.	HCM Bản án số: 234/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta493921t1cvn/chi-tiet-ban-an
11.	HCM Bản án số: 54/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta493909t1cvn/chi-tiet-ban-an
12.	HCM Bản án số: 28/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta495367t1cvn/chi-tiet-ban-an
13.	HCM Bản án số: 116/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta495355t1cvn/chi-tiet-ban-an
14.	HCM Bản án số: 203/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta506095t1cvn/chi-tiet-ban-an
15.	HCM Bản án số: 221/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta506094t1cvn/chi-tiet-ban-an
16.	HCM Bản án số: 310/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta506035t1cvn/chi-tiet-ban-an
17.	HCM Bản án số: 102/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta507009t1cvn/chi-tiet-ban-an
18.	HCM Bản án số: 42/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta506988t1cvn/chi-tiet-ban-an
19.	HCM Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta506977t1cvn/chi-tiet-ban-an

	41/2020/HS-PT	
20.	HCM Bản án số: 58/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta506970t1cvn/chi-tiet-ban-an
21.	HCM Bản án số: 350/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta837319t1cvn/chi-tiet-ban-an
22.	HCM Bản án số: 393/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta842068t1cvn/chi-tiet-ban-an
23.	HCM Bản án số: 15/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta770675t1cvn/chi-tiet-ban-an
24.	HCM Bản án số: 62/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta770686t1cvn/chi-tiet-ban-an
25.	HCM Bản án số: 69/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta770858t1cvn/chi-tiet-ban-an
26.	HCM Bản án số: 133/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta770839t1cvn/chi-tiet-ban-an
27.	HCM Bản án số: 134/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta770863t1cvn/chi-tiet-ban-an
28.	HCM Bản án số: 177/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta770864t1cvn/chi-tiet-ban-an
29.	HCM Bản án số: 237/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta770867t1cvn/chi-tiet-ban-an
30.	HCM Bản án số: 98/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta770884t1cvn/chi-tiet-ban-an
31.	HCM Bản án số: 99/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta770890t1cvn/chi-tiet-ban-an
32.	HCM Bản án số: 166/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta787721t1cvn/chi-tiet-ban-an
33.	HCM Bản án số: 105/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta787726t1cvn/chi-tiet-ban-an
34.	HCM Bản án số: 102/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta787735t1cvn/chi-tiet-ban-an
35.	HCM Bản án số: 36/2021/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta792310t1cvn/chi-tiet-ban-an
36.	HCM Bản án số: 35/2021/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta792311t1cvn/chi-tiet-ban-an
37.	HCM Bản án số: 143/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta794626t1cvn/chi-tiet-ban-an
38.	HCM Bản án số: 144/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta794545t1cvn/chi-tiet-ban-an
39.	HCM Bản án số: 58/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta794586t1cvn/chi-tiet-ban-an
40.	HCM Bản án số: 32/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta794635t1cvn/chi-tiet-ban-an
41.	HCM Bản án số: 183/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta794740t1cvn/chi-tiet-ban-an
42.	HCM Bản án số: 188/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta794994t1cvn/chi-tiet-ban-an

43.	HCM Bản án số: 212/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta795993t1cvn/chi-tiet-ban-an
44.	HCM Bản án số: 400/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta837100t1cvn/chi-tiet-ban-an
45.	HCM Bản án số: 358/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta837125t1cvn/chi-tiet-ban-an
46.	HCM Bản án số: 404/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta837311t1cvn/chi-tiet-ban-an
47.	HCM Bản án số: 356/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta837148t1cvn/chi-tiet-ban-an
48.	HCM Bản án số: 20/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta847926t1cvn/chi-tiet-ban-an
49.	HCM Bản án số: 214/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta940608t1cvn/chi-tiet-ban-an
50.	HCM Bản án số: 149/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta948949t1cvn/chi-tiet-ban-an
51.	HCM Bản án số: 247/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1010666t1cvn/chi-tiet-ban-an
52.	HCM Bản án số: 02/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta837153t1cvn/chi-tiet-ban-an
53.	HCM Bản án số: 125/2022/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1025878t1cvn/chi-tiet-ban-an
54.	HCM Bản án số: 312/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1067308t1cvn/chi-tiet-ban-an
55.	HCM Bản án số: 146/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta925962t1cvn/chi-tiet-ban-an
56.	HCM Bản án số: 199/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta925964t1cvn/chi-tiet-ban-an
57.	HCM Bản án số: 82/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta925966t1cvn/chi-tiet-ban-an
58.	HCM Bản án số: 136/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta940517t1cvn/chi-tiet-ban-an
59.	HCM Bản án số: 127/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta940463t1cvn/chi-tiet-ban-an
60.	HCM Bản án số: 162/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta940585t1cvn/chi-tiet-ban-an
61.	HCM Bản án số: 117/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta940576t1cvn/chi-tiet-ban-an
62.	HCM Bản án số: 44/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta948992t1cvn/chi-tiet-ban-an
63.	HCM Bản án số: 184/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta948944t1cvn/chi-tiet-ban-an
64.	HCM Bản án số: 118/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta948951t1cvn/chi-tiet-ban-an
65.	HCM Bản án số: 110/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta948960t1cvn/chi-tiet-ban-an
66.	HCM Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1017350t1cvn/chi-tiet-ban-an

	381/2022/HS-PT	
67.	HCM Bản án số: 219/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1028792t1cvn/chi-tiet-ban-an
68.	HCM Bản án số: 137/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1028764t1cvn/chi-tiet-ban-an
69.	HCM Bản án số: 105/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1028728t1cvn/chi-tiet-ban-an
70.	HCM Bản án số: 46/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1028719t1cvn/chi-tiet-ban-an
71.	HCM Bản án số: 332/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1029098t1cvn/chi-tiet-ban-an
72.	HCM Bản án số: 378/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1029118t1cvn/chi-tiet-ban-an
73.	HCM Bản án số: 114/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1029155t1cvn/chi-tiet-ban-an
74.	HCM Bản án số: 115/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1029140t1cvn/chi-tiet-ban-an
75.	HCM Bản án số: 405/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1033972t1cvn/chi-tiet-ban-an
76.	HCM Bản án số: 402/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1033994t1cvn/chi-tiet-ban-an
77.	HCM Bản án số: 340/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1036100t1cvn/chi-tiet-ban-an
78.	HCM Bản án số: 317/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1036085t1cvn/chi-tiet-ban-an
79.	HCM Bản án số: 240/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1036075t1cvn/chi-tiet-ban-an
80.	HCM Bản án số: 291/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1036071t1cvn/chi-tiet-ban-an
81.	HCM Bản án số: 51/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1036421t1cvn/chi-tiet-ban-an
82.	HCM Bản án số: 58/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1036377t1cvn/chi-tiet-ban-an
83.	HCM Bản án số: 28/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1314782t1cvn/chi-tiet-ban-an
84.	HCM Bản án số: 185/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1321178t1cvn/chi-tiet-ban-an
85.	HCM Bản án số: 245/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1324056t1cvn/chi-tiet-ban-an
86.	HCM Bản án số: 55/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1324048t1cvn/chi-tiet-ban-an
87.	HCM Bản án số: 319/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1332669t1cvn/chi-tiet-ban-an
88.	HCM Bản án số: 77/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1333346t1cvn/chi-tiet-ban-an
89.	HCM Bản án số: 367/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1454831t1cvn/chi-tiet-ban-an

90.	HCM Bản án số: 163/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1327506t1cvn/chi-tiet-ban-an
91.	HCM Bản án số: 23/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1326752t1cvn/chi-tiet-ban-an
92.	HCM Bản án số: 24/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1326922t1cvn/chi-tiet-ban-an
93.	HCM Bản án số: 230/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1327184t1cvn/chi-tiet-ban-an
94.	HCM Bản án số: 308/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1328389t1cvn/chi-tiet-ban-an
95.	HCM Bản án số: 584/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1379442t1cvn/chi-tiet-ban-an
96.	HCM Bản án số: 952/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1391228t1cvn/chi-tiet-ban-an
97.	HCM Bản án số: 945/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1391287t1cvn/chi-tiet-ban-an
98.	HCM Bản án số: 991/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1393307t1cvn/chi-tiet-ban-an
99.	HCM Bản án số: 992/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1394489t1cvn/chi-tiet-ban-an
100.	HCM Bản án số: 1002/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1394601t1cvn/chi-tiet-ban-an
101.	HCM Bản án số: 366/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1221089t1cvn/chi-tiet-ban-an
102.	HCM Bản án số: 345/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1221217t1cvn/chi-tiet-ban-an
103.	HCM Bản án số: 316/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1221211t1cvn/chi-tiet-ban-an
104.	HCM Bản án số: 454/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1225580t1cvn/chi-tiet-ban-an
105.	HCM Bản án số: 402/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1232670t1cvn/chi-tiet-ban-an
106.	HCM Bản án số: 430/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1234160t1cvn/chi-tiet-ban-an
107.	HCM Bản án số: 479/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1252171t1cvn/chi-tiet-ban-an
108.	HCM Bản án số: 323/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1252968t1cvn/chi-tiet-ban-an
109.	HCM Bản án số: 1009/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1463956t1cvn/chi-tiet-ban-an
110.	HCM Bản án số: 1020/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1463997t1cvn/chi-tiet-ban-an
111.	HCM Bản án số: 837/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1467905t1cvn/chi-tiet-ban-an
112.	HCM Bản án số: 1018/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1473884t1cvn/chi-tiet-ban-an
113.	HCM Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1657544t1cvn/chi-tiet-ban-an

	290/2023/HS-PT	
114.	HCM Bản án số: 381/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1657453t1cvn/chi-tiet-ban-an
115.	HCM Bản án số: 292/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1657338t1cvn/chi-tiet-ban-an
116.	HCM Bản án số: 392/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1659606t1cvn/chi-tiet-ban-an
117.	HCM Bản án số: 288/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1659596t1cvn/chi-tiet-ban-an
118.	HCM Bản án số: 284/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1659593t1cvn/chi-tiet-ban-an
119.	HCM Bản án số: 620/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1544946t1cvn/chi-tiet-ban-an
120.	HCM Bản án số: 542/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1547312t1cvn/chi-tiet-ban-an
121.	HCM Bản án số: 540/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1546644t1cvn/chi-tiet-ban-an
122.	HCM Bản án số: 562/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1547800t1cvn/chi-tiet-ban-an
123.	HCM Bản án số: 265/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1485977t1cvn/chi-tiet-ban-an
124.	HCM Bản án số: 123/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1610302t1cvn/chi-tiet-ban-an
125.	HCM Bản án số: 82/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1615967t1cvn/chi-tiet-ban-an
126.	HCM Bản án số: 139/2024/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1616442t1cvn/chi-tiet-ban-an
127.	HCM Bản án số: 333/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1629371t1cvn/chi-tiet-ban-an
128.	HCM Bản án số: 56/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1629371t1cvn/chi-tiet-ban-an
129.	HCM Bản án số: 120/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1631285t1cvn/chi-tiet-ban-an
130.	HCM Bản án số: 204/2024/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1654020t1cvn/chi-tiet-ban-an
131.	HCM Bản án số: 28/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1658280t1cvn/chi-tiet-ban-an
132.	HCM Bản án số: 76/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1661268t1cvn/chi-tiet-ban-an
133.	HCM Bản án số: 970/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1663310t1cvn/chi-tiet-ban-an
134.	HCM Bản án số: 816/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1663404t1cvn/chi-tiet-ban-an
135.	HCM Bản án số: 867/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1663388t1cvn/chi-tiet-ban-an
136.	HCM Bản án số: 916/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1663384t1cvn/chi-tiet-ban-an

137.	HCM Bản án số: 830/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1663671t1cvn/chi-tiet-ban-an
138.	HCM Bản án số: 927/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1664262t1cvn/chi-tiet-ban-an
139.	HCM Bản án số: 961/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1664237t1cvn/chi-tiet-ban-an
140.	HCM Bản án số: 808/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1667850t1cvn/chi-tiet-ban-an
141.	HCM Bản án số: 881/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1668293t1cvn/chi-tiet-ban-an
142.	HCM Bản án số: 332/2024/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1885358t1cvn/chi-tiet-ban-an
143.	HCM Bản án số: 451/2024/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1885392t1cvn/chi-tiet-ban-an
144.	HCM Bản án số: 165/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1875453t1cvn/chi-tiet-ban-an
145.	HCM Bản án số: 401/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1804286t1cvn/chi-tiet-ban-an
146.	HCM Bản án số: 456/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1804165t1cvn/chi-tiet-ban-an
147.	HCM Bản án số: 400/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1793531t1cvn/chi-tiet-ban-an
148.	HCM Bản án số: 402/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1793252t1cvn/chi-tiet-ban-an
149.	HCM Bản án số: 413/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1793490t1cvn/chi-tiet-ban-an
150.	HCM Bản án số: 388/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1793488t1cvn/chi-tiet-ban-an
151.	HCM Bản án số: 464/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1793574t1cvn/chi-tiet-ban-an
152.	HCM Bản án số: 290/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1659592t1cvn/chi-tiet-ban-an
153.	HCM Bản án số: 279/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1661113t1cvn/chi-tiet-ban-an
154.	HCM Bản án số: 34/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1662663t1cvn/chi-tiet-ban-an
155.	HCM Bản án số: 1066/2024/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1727564t1cvn/chi-tiet-ban-an
156.	HCM Bản án số: 1002/2024/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1696663t1cvn/chi-tiet-ban-an
157.	HCM Bản án số: 567/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1732799t1cvn/chi-tiet-ban-an
158.	HCM Bản án số: 677/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1732852t1cvn/chi-tiet-ban-an
159.	HCM Bản án số: 924/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1732855t1cvn/chi-tiet-ban-an
160.	HCM Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1796330t1cvn/chi-tiet-ban-an

	1206/2024/HSPT	
161.	HCM Bản án số: 55/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1793346t1cvn/chi-tiet-ban-an
162.	HCM Bản án số: 30/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1793510t1cvn/chi-tiet-ban-an
163.	HCM Bản án số: 71/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1800375t1cvn/chi-tiet-ban-an
164.	HCM Bản án số: 125/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1813279t1cvn/chi-tiet-ban-an
165.	HCM Bản án số: 121/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1845353t1cvn/chi-tiet-ban-an
166.	HCM Bản án số: 177/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1849188t1cvn/chi-tiet-ban-an
167.	HCM Bản án số: 320/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1867984t1cvn/chi-tiet-ban-an
168.	HCM Bản án số: 239/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1885343t1cvn/chi-tiet-ban-an
169.	HCM Bản án số: 304/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1887829t1cvn/chi-tiet-ban-an
170.	HCM Bản án số: 401/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1888682t1cvn/chi-tiet-ban-an
171.	HCM Bản án số: 151/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1903053t1cvn/chi-tiet-ban-an
172.	HCM Bản án số: 107/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1847882t1cvn/chi-tiet-ban-an
173.	HCM Bản án số: 206/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1847888t1cvn/chi-tiet-ban-an
174.	HCM Bản án số: 392/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1846727t1cvn/chi-tiet-ban-an
175.	HCM Bản án số: 243/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1845839t1cvn/chi-tiet-ban-an
176.	HCM Bản án số: 231/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1845697t1cvn/chi-tiet-ban-an
177.	HCM Bản án số: 185/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1843480t1cvn/chi-tiet-ban-an
178.	HCM Bản án số: 47/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1841940t1cvn/chi-tiet-ban-an
179.	HCM Bản án số: 353/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1834959t1cvn/chi-tiet-ban-an
180.	HCM Bản án số: 424/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1826684t1cvn/chi-tiet-ban-an
181.	HCM Bản án số: 438/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1823784t1cvn/chi-tiet-ban-an
182.	HCM Bản án số: 317/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1820374t1cvn/chi-tiet-ban-an
183.	HCM Bản án số: 364/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1857111t1cvn/chi-tiet-ban-an

184.	HCM Bản án số: 202/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1814004t1cvn/chi-tiet-ban-an
185.	HCM Bản án số: 263/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1834711t1cvn/chi-tiet-ban-an
186.	HCM Bản án số: 262/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1834728t1cvn/chi-tiet-ban-an
187.	HCM Bản án số: 272/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1867962t1cvn/chi-tiet-ban-an
188.	HCM Bản án số: 348/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1867612t1cvn/chi-tiet-ban-an
189.	HCM Bản án số: 298/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1851283t1cvn/chi-tiet-ban-an
190.	HCM Bản án số: 287/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1853658t1cvn/chi-tiet-ban-an
191.	HCM Bản án số: 432/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1856991t1cvn/chi-tiet-ban-an
192.	HCM Bản án số: 468/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1903128t1cvn/chi-tiet-ban-an
193.	HCM Bản án số: 380/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1888422t1cvn/chi-tiet-ban-an
194.	HCM Bản án số: 54/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1878251t1cvn/chi-tiet-ban-an
195.	HCM Bản án số: 308/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1887809t1cvn/chi-tiet-ban-an
196.	HCM Bản án số: 30/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1882538t1cvn/chi-tiet-ban-an
197.	HCM Bản án số: 97/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1903936t1cvn/chi-tiet-ban-an
198.	HCM Bản án số: 453/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1884756t1cvn/chi-tiet-ban-an
199.	HCM Bản án số: 454/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1884768t1cvn/chi-tiet-ban-an
200.	HCM Bản án số: 134/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1885012t1cvn/chi-tiet-ban-an
201.	HCM Bản án số: 322/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1883071t1cvn/chi-tiet-ban-an
202.	HCM Bản án số: 139/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1883081t1cvn/chi-tiet-ban-an
203.	HCM Bản án số: 41/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1885284t1cvn/chi-tiet-ban-an
204.	HCM Bản án số: 309/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1875236t1cvn/chi-tiet-ban-an
205.	HCM Bản án số: 247/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1868091t1cvn/chi-tiet-ban-an
206.	HCM Bản án số: 514/2020/HS-PT	514
207.	HCM Bản án số:	700

	700/2020/HS-PT	
208.	HCM Bản án số: 802/2020/HS-PT	802
209.	HCM Bản án số: 551/2020/HS-PT	551
210.	HCM Bản án số: 456/2020/HS-PT	456
211.	HCM [221]Bản án số: 834/2020/HS-PT	834
212.	HCM Bản án số: 806/2020/HS-PT	806
213.	HCM[222] Bản án số: 407/2020/HS-PT	407
214.	HCM Bản án số: 820/2020/HS-PT	820
215.	HCM [223]Bản án số: 829/2020/HS-PT	829
216.	HCM Bản án số: 367/2021/HS-PT	367
217.	HCM[224] Bản án số: 542/2021/HS-PT	542
218.	HCM Bản án số: 549/2021/HS-PT	549
219.	HCM Bản án số: 545/2021/HS-PT	545
220.	HCM Bản án số: 327/2021/HS-PT	327
221.	HCM Bản án số: 385/2021/HS-PT	385
222.	HCM Bản án số: 578/2021/HS-PT	578
223.	HCM Bản án số: 490/2021/HS-PT	490
224.	HCM Bản án số: 365/2021/HS-PT	365
225.	HCM Bản án số: 364/2021/HS-PT	364

[221] Bị cáo bị kháng nghị
[222] Căn cứ Điều 345 và 355
[223] Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị

[224] Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn kháng cáo

226.	HCM Bản án số: 983/2022/HS-PT	983
227.	HCM Bản án số: 953/2022/HS-PT	953
228.	HCM Bản án số: 929/2022/HS-PT	929
229.	HCM[225] Bản án số: 655/2022/HS-PT	655
230.	HCM [226]Bản án số: 654/2022/HS-PT	654
231.	HCM[227] Bản án số: 831/2022/HS-PT	831
232.	HCM Bản án số: 630/2022/HS-PT	630
233.	HCM Bản án số: 868/2022/HS-PT	868
234.	HCM Bản án số: 732/2022/HS-PT	732
235.	HCM Bản án số: 581/2022/HS-PT	581
236.	HCM Bản án số: 855/2022/HS-PT	855
237.	HCM Bản án số: 987/2022/HS-PT	987
238.	HCM Bản án số: 920/2022/HS-PT	920
239.	HCM Bản án số: 896/2022/HS-PT	896
240.	HCM Bản án số: 936/2022/HS-PT	936
241.	HCM Bản án số: 916/2022/HS-PT	916
242.	HCM Bản án số: 716/2022/HS-PT	716
243.	HCM Bản án số: 962/2022/HS-PT	962
244.	HCM Bản án số: 806/2022/HS-PT	806
245.	HCM[228] Bản án	811

[225] https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1190212t1cvn/chi-tiet-ban-an (áp dụng k1 điều 329)
[226] https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1190213t1cvn/chi-tiet-ban-an (áp dụng k1 điều 329)
[227] https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1177184t1cvn/chi-tiet-ban-an(áp dụng k1 điều 329)

	số: 811/2022/HS-PT	
246.	HCM Bản án số: 1018/2023/HS-PT	1018
247.	HCM Bản án số: 983/2023/HS-PT	983
248.	HCM Bản án số: 837/2023/HS-PT	837
249.	HCM Bản án số: 839/2023/HS-PT	839
250.	HCM Bản án số: 1020/2023/HS-PT	1020
251.	HCM Bản án số: 902/2023/HS-PT	902
252.	HCM Bản án số: 761/2023/HS-PT	761 Kháng nghị
253.	HCM Bản án số: 820/2023/HS-PT	820
254.	HCM Bản án số: 888/2023/HS-PT	888
255.	HCM Bản án số: 896/2023/HS-PT	896
256.	HCM Bản án số: 937/2023/HS-PT	937
257.	HCM Bản án số: 998/2023/HS-PT	998
258.	HCM Bản án số: 895/2023/HS-PT	895
259.	HCM Bản án số: 653/2023/HS-PT	653
260.	HCM Bản án số: 919/2023/HS-PT	919
261.	HCM Bản án số: 974/2023/HS-PT	974
262.	HCM Bản án số: 996/2023/HS-PT	996
263.	HCM Bản án số: 703/2023/HS-PT	703
264.	HCM Bản án số: 886/2023/HS-PT	886
265.	HCM Bản án số: 906/2023/HS-PT	886
266.	HCM Bản án số: 1206/2024/HS-PT	1206

[228] https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1123228t1cvn/chi-tiet-ban-an

267.	HCM Bản án số: 1210/2024/HS-PT	1210
268.	HCM Bản án số: 924/2024/HS-PT	924
269.	HCM Bản án số: 857/2024/HS-PT	857
270.	HCM Bản án số: 677/2024/HS-PT	677
271.	HCM Bản án số: 567/2024/HS-PT	567
272.	HCM Bản án số: 584/2024/HS-PT	584
273.	HCM Bản án số: 1002/2024/HS-PT	1002
274.	HCM Bản án số: 1151/2024/HS-PT	1151
275.	HCM Bản án số: 1066/2024/HS-PT	1066
276.	HCM Bản án số: 1266/2024/HS-PT	1266
277.	HCM Bản án số: 787/2024/HS-PT	787
278.	HCM Bản án số: 1163/2024/HS-PT	1163
279.	HCM Bản án số: 1256/2024/HS-PT	1256
280.	HCM Bản án số: 1165/2024/HS-PT	1165
281.	HCM Bản án số: 1191/2024/HS-PT	1191
282.	HCM Bản án số: 1238/2024/HS-PT	1238
283.	HCM Bản án số: 1234/2024/HS-PT	1234
284.	HCM Bản án số: 840/2024/HS-PT	840
285.	HCM Bản án số: 206/2025/HS-PT	206
286.	HCM Bản án số: 392/2025/HS-PT	392
287.	HCM Bản án số: 243/2025/HS-PT	243
288.	HCM Bản án số: 458/2025/HS-PT	458
289.	HCM Bản án số: 384/2025/HS-PT	384
290.	HCM Bản án số:	231

	231/2025/HS-PT	
291.	HCM Bản án số: 182/2025/HS-PT	182
292.	HCM Bản án số: 325/2025/HS-PT	325
293.	HCM Bản án số: 401/2025/HS-PT	401
294.	HCM Bản án số: 225/2025/HS-PT	225
295.	HCM Bản án số: 409/2025/HS-PT	409
296.	HCM Bản án số: 257/2025/HS-PT	257
297.	HCM Bản án số: 411/2025/HS-PT	411
298.	ĐN[229] Bản án số: 129/2020/HS-PT	129
299.	ĐN Bản án số: 180/2020/HS-PT	180
300.	ĐN Bản án số: 200/2020/HS-PT	200
301.	ĐN Bản án số: 16/2020/HS-PT	16
302.	ĐN Bản án số: 17/2020/HS-PT	17
303.	ĐN Bản án số: 28/2020/HS-PT	28
304.	ĐN Bản án số: 30/2020/HS-PT	30
305.	ĐN Bản án số: 40/2020/HS-PT	40
306.	ĐN Bản án số: 150/2020/HS-PT	150
307.	ĐN Bản án số: 97/2020/HS-PT	97
308.	ĐN Bản án số: 108/2020/HS-PT	108
309.	ĐN Bản án số: 137/2020/HS-PT	137
310.	ĐN Bản án số: 132/2020/HS-PT	132
311.	ĐN Bản án số: 185/2020/HS-PT	185

[229] Kí hiệu địa phương: Đà Nẵng (ĐN), Hà Nội (HN), Hồ Chí Minh (HCM). Điều 355 là một điều luật chung ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng XXPT. Còn các điều luật từ 356 đến 359 là thẩm quyền cụ thể của Hôi đồng cấp PT

312.	ĐN Bản án số: 76/2020/HS-PT	76
313.	ĐN Bản án số: 43/2020/HS-PT	43
314.	ĐN Bản án số: 31/2020/HS-PT	31
315.	ĐN Bản án số: 170/2020/HS-PT	170
316.	ĐN Bản án số: 26/20202/HS-PT	26
317.	ĐN Bản án số: 25/2020/HS-PT	25
318.	ĐN Bản án số: 82/2020/HS-PT	82
319.	ĐN Bản án số: 145/2020/HS-PT	145
320.	ĐN Bản án số: 159/2020/HS-PT	159
321.	ĐN Bản án số: 20/2020/HS-PT	20
322.	ĐN Bản án số: 36/2020/HS-PT	36
323.	ĐN Bản án số: 29/2020/HS-PT	29
324.	ĐN Bản án số: 133/2020/HS-PT	133
325.	ĐN Bản án số: 134/2020/HS-PT	134
326.	ĐN Bản án số: 99/2020/HS-PT	99
327.	ĐN Bản án số: 66/2020/HS-PT	66
328.	ĐN Bản án số: 123/2020/HS-PT	123
329.	ĐN Bản án số: 74/2020/HS-PT	74
330.	ĐN Bản án số: 88/2020/HS-PT	88
331.	ĐN Bản án số: 27/2020/HS-PT	27
332.	ĐN Bản án số: 54/2020/HS-PT	54
333.	ĐN Bản án số: 158/2020/HS-PT	158
334.	ĐN Bản án số: 71/2020/HS-PT	71
335.	ĐN Bản án số:	52

	52/2020/HS-PT	
336.	ĐN Bản án số: 89/2020/HS-PT	89
337.	ĐN Bản án số: 72/2020/HS-PT	72
338.	ĐN Bản án số: 161/2020/HS-PT	161
339.	ĐN Bản án số: 138/2020/HS-PT	138
340.	ĐN Bản án số: 05/2020/HS-PT	05
341.	ĐN Bản án số: 193/2020/HS-PT	193
342.	ĐN Bản án số: 73/2020/HS-PT	73
343.	ĐN Bản án số: 94/2020/HS-PT	94
344.	ĐN Bản án số: 06/2021/HS-PT	06/21
345.	ĐN Bản án số: 17/2021/HS-PT	17
346.	ĐN Bản án số: 27/2021/HS-PT	27
347.	ĐN Bản án số: 28/2021/HS-PT	28
348.	ĐN Bản án số: 33/2021/HS-PT	33
349.	ĐN Bản án số: 40/2021/HS-PT	40
350.	ĐN Bản án số: 37/2021/HS-PT	37
351.	ĐN Bản án số: 38/2021/HS-PT	38
352.	ĐN Bản án số: 41/2021/HS-PT	41
353.	ĐN Bản án số: 42/2021/HS-PT	42
354.	ĐN Bản án số: 43/2021/HS-PT	43
355.	ĐN Bản án số: 44/2021/HS-PT	44
356.	ĐN Bản án số: 47/2021/HS-PT	47
357.	ĐN Bản án số: 124/2021/HS-PT	124
358.	ĐN Bản án số: 12/2021/HS-PT	12

359.	ĐN Bản án số: 115/2021/HS-PT	115
360.	ĐN Bản án số: 120/2021/HS-PT	120
361.	ĐN Bản án số: 109/2021/HS-PT	109
362.	ĐN Bản án số: 105/2021/HS-PT	105
363.	ĐN Bản án số: 104/2021/HS-PT	104
364.	ĐN Bản án số: 111/2021/HS-PT	111
365.	ĐN Bản án số: 84/2021/HS-PT	84
366.	ĐN Bản án số: 88/2021/HS-PT	88
367.	ĐN[230] Bản án số: 09/2021/HS-PT	09
368.	ĐN Bản án số: 90/2021/HS-PT	90
369.	ĐN Bản án số: 81/2021/HS-PT	81
370.	ĐN Bản án số: 07/2021/HSPT-CTN	07
371.	ĐN Bản án số: 09/2022/HS-PT	09
372.	ĐN Bản án số: 10/2022/HS-PT	10
373.	ĐN Bản án số: 07/2022/HS-PT	07
374.	ĐN Bản án số: 06/2022/HS-PT	06
375.	ĐN Bản án số: 34/2022/HS-PT	34
376.	ĐN Bản án số: 42/2022/HS-PT	42
377.	ĐN Bản án số: 53/2022/HS-PT	53
378.	ĐN Bản án số: 54/2022/HS-PT	54
379.	ĐN Bản án số: 50/2022/HS-PT	50

[230] Bản án: số 09/2021/HSPT ngày 17/09/2021 của TAND TP Đà Nẵng Nguyễn Thị H - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác (điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999) - Nguyễn Thị H Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác

380.	ĐN Bản án số: 60/2022/HS-PT	60
381.	ĐN Bản án số: 61/2022/HS-PT	61
382.	ĐN Bản án số: 63/2022/HS-PT	63
383.	ĐN Bản án số: 69/2022/HS-PT	69
384.	ĐN Bản án số: 71/2022/HS-PT	71
385.	ĐN Bản án số: 65/2022/HS-PT	65
386.	ĐN Bản án số: 66/2022/HS-PT	66
387.	ĐN Bản án số: 67/2022/HS-PT	67
388.	ĐN Bản án số: 101/2022/HS-PT	101
389.	ĐN Bản án số: 98/2022/HS-PT	98
390.	ĐN Bản án số: 99/2022/HS-PT	99
391.	ĐN Bản án số: 94/2022/HS-PT	94
392.	ĐN Bản án số: 113/2022/HS-PT	113
393.	ĐN Bản án số: 112/2022/HS-PT	112
394.	ĐN Bản án số: 114/2022/HS-PT	114
395.	ĐN Bản án số: 157/2022/HS-PT	157
396.	ĐN Bản án số: 08/2022/HS-PT	08
397.	ĐN Bản án số: 55/2022/HS-PT	55
398.	ĐN Bản án số: 57/2022/HS-PT	57
399.	ĐN Bản án số: 77/2022/HS-PT	77
400.	ĐN Bản án số: 88/2022/HS-PT	88
401.	ĐN Bản án số: 95/2022/HS-PT	95
402.	ĐN Bản án số: 91/2022/HS-PT	91
403.	ĐN Bản án số:	187

	187/2023/HS-PT	
404.	ĐN Bản án số: 216/2023/HS-PT	216
405.	ĐN Bản án số: 192/2023/HS-PT	192
406.	ĐN Bản án số: 211/2023/HS-PT	211
407.	ĐN Bản án số: 203/2023/HS-PT	203
408.	ĐN Bản án số: 189/2023/HS-PT	189
409.	ĐN Bản án số: 178/2023/HS-PT	178
410.	ĐN Bản án số: 195/2023/HS-PT	195
411.	ĐN Bản án số: 181/2023/HS-PT	181
412.	ĐN Bản án số: 194/2023/HS-PT	194
413.	ĐN Bản án số: 198/2023/HS-PT	198
414.	ĐN[231] Bản án số: 184/2023/HS-PT	184
415.	ĐN Bản án số: 177/2023/HS-PT	177
416.	ĐN Bản án số: 163/2023/HS-PT	163
417.	ĐN Bản án số: 157/2023/HS-PT	157
418.	ĐN Bản án số: 153/2023/HS-PT	153
419.	ĐN Bản án số: 125/2023/HS-PT	125
420.	ĐN Bản án số: 115/2023/HS-PT	115
421.	ĐN Bản án số: 120/2023/HS-PT	120
422.	ĐN Bản án số: 104/2023/HS-PT	104
423.	ĐN Bản án số: 148/2023/HS-PT	148
424.	ĐN Bản án số: 150/2023/HS-PT	150
425.	ĐN Bản án số: 132/2023/HS-PT	132

[231] Bản án 184/2023 có 3 bị cáo có kháng cáo, mỗi bị cáo áp dụng các điểm khác trong khoản 1 Điều 357

426.	ĐN Bản án số: 131/2023/HS-PT	131
427.	ĐN Bản án số: 94/2023/HS-PT	94
428.	ĐN Bản án số: 110/2023/HS-PT	110
429.	ĐN Bản án số: 109/2023/HS-PT	109
430.	ĐN Bản án số: 90/2023/HS-PT	90
431.	ĐN Bản án số: 98/2023/HS-PT	98
432.	ĐN Bản án số: 87/2023/HS-PT	87
433.	ĐN Bản án số: 66/2023/HS-PT	66
434.	ĐN Bản án số: 63/2023/HS-PT	63
435.	ĐN[232] Bản án số: 60/2023/HS-PT	60
436.	ĐN Bản án số: 61/2023/HS-PT	61
437.	ĐN Bản án số: 64/2023/HS-PT	64
438.	ĐN Bản án số: 50/2023/HS-PT	50
439.	ĐN Bản án số: 48/2023/HS-PT	48
440.	ĐN Bản án số: 31/2023/HS-PT	31
441.	ĐN Bản án số: 248/2024/HS-PT	248
442.	ĐN Bản án số: 247/2024/HS-PT	247
443.	ĐN Bản án số: 246/2024/HS-PT	246
444.	ĐN Bản án số: 235/2024/HS-PT	235
445.	ĐN Bản án số: 239/2024/HS-PT	239
446.	ĐN Bản án số: 45/2024/HS-PT-CTN	45

[232] Bản án: số 60 ngày 31/03/2023 của TAND TP Đà Nẵng Lý Thị Diễm Ph - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Lý Thị Diễm Ph Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

447.	ĐN Bản án số: 237/2024/HS-PT	237
448.	ĐN Bản án số: 241/2024/HS-PT	241
449.	ĐN Bản án số: 231/2024/HS-PT	231
450.	ĐN Bản án số: 224/2024/HS-PT	224
451.	ĐN Bản án số: 215/2024/HS-PT	215
452.	ĐN Bản án số: 225/2024/HS-PT	225
453.	ĐN Bản án số: 206/2024/HS-PT	206
454.	ĐN Bản án số: 190/2024/HS-PT	190
455.	ĐN Bản án số: 189/2024/HS-PT	189
456.	ĐN Bản án số: 195/2024/HS-PT	195
457.	ĐN Bản án số: 60/2024/HS-PT	60
458.	ĐN Bản án số: 151/2024/HS-PT	151
459.	ĐN Bản án số: 166/2024/HS-PT	166
460.	ĐN Bản án số: 152/2024/HS-PT	152
461.	ĐN Bản án số: 201/2024/HS-PT	201
462.	ĐN Bản án số: 186/2024/HS-PT	186
463.	ĐN Bản án số: 169/2024/HS-PT	169
464.	ĐN Bản án số: 130/2024/HS-PT	130
465.	ĐN Bản án số: 97/2024/HS-PT	97
466.	ĐN Bản án số: 88/2024/HS-PT	88
467.	ĐN Bản án số: 04/2024/HS-PT	04/24
468.	ĐN Bản án số: 183/2024/HS-PT	183
469.	ĐN Bản án số: 141/2024/HS-PT	141
470.	ĐN Bản án số:	142

	142/2024/HS-PT	
471.	ĐN Bản án số: 160/2024/HS-PT	160
472.	ĐN[233] Bản án số: 158/2024/HS-PT	158
473.	ĐN Bản án số: 146/2024/HS-PT	146
474.	ĐN Bản án số: 114/2024/HS-PT	114
475.	ĐN Bản án số: 109/2024/HS-PT	109
476.	ĐN Bản án số: 86/2024/HS-PT	86
477.	ĐN Bản án số: 66/2024/HS-PT	66
478.	ĐN Bản án số: 84/2024/HS-PT	84
479.	ĐN Bản án số: 27/2024/HS-PT	27
480.	ĐN Bản án số: 23/2024/HS-PT	23
481.	ĐN Bản án số: 49/2024/HS-PT	49
482.	ĐN Bản án số: 158/2025/HS-PT	158
483.	ĐN Bản án số: 140/2025/HS-PT	140
484.	ĐN Bản án số: 157/2025/HS-PT	157
485.	ĐN Bản án số: 146/2025/HS-PT	146
486.	ĐN Bản án số: 138/2025/HS-PT	138
487.	ĐN Bản án số: 111/2025/HS-PT	111
488.	ĐN Bản án số: 172/2025/HS-PT	172
489.	ĐN Bản án số: 144/2025/HS-PT	144
490.	ĐN Bản án số: 151/2025/HS-PT	151
491.	ĐN Bản án số: 139/2025/HS-PT	139
492.	ĐN Bản án số:	145

[233] Bản án: số 158 ngày 09/08/2024 của TAND TP Đà Nẵng Trộm cắp tài sản - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Trộm cắp tài sản Tội trộm cắp tài sản

	145/2025/HS-PT	
493.	ĐN Bản án số: 134/2025/HS-PT	134
494.	ĐN Bản án số: 76/2025/HS-PT	76
495.	ĐN Bản án số: 92/2025/HS-PT	92
496.	ĐN Bản án số: 113/2025/HS-PT	113
497.	ĐN Bản án số: 156/2025/HS-PT	156
498.	ĐN Bản án số: 155/2025/HS-PT	155
499.	ĐN Bản án số: 108/2025/HS-PT	108
500.	ĐN Bản án số: 87/2025/HS-PT	87
501.	ĐN Bản án số: 72/2025/HS-PT	72
502.	ĐN Bản án số: 73/2025/HS-PT	73
503.	ĐN[234] Bản án số: 77/2025/HS-PT	77
504.	ĐN Bản án số: 90/2025/HS-PT	90
505.	ĐN Bản án số: 148/2025/HS-PT	148
506.	ĐN Bản án số: 93/2025/HS-PT	93
507.	ĐN Bản án số: 343/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1842989t1cvn/chi-tiet-ban-an
508.	ĐN Bản án số: 345/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1842987t1cvn/chi-tiet-ban-an
509.	ĐN Bản án số: 346/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1842965t1cvn/chi-tiet-ban-an
510.	ĐN Bản án số: 341/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1842950t1cvn/chi-tiet-ban-an
511.	ĐN Bản án số: 344/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1842951t1cvn/chi-tiet-ban-an
512.	ĐN Bản án số: 348/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1842954t1cvn/chi-tiet-ban-an
513.	ĐN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1842961t1cvn/chi-tiet-ban-an

[234] Bản án: số 77 ngày 14/05/2025 của TAND TP Đà Nẵng Nguyễn Văn T phạm tội Cố ý gây thương tích - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Nguyễn Văn T phạm tội Cố ý gây thương tích Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

	347/2025/HS-PT	
514.	ĐN Bản án số: 77/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1842594t1cvn/chi-tiet-ban-an
515.	ĐN Bản án số: 84/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1842592t1cvn/chi-tiet-ban-an
516.	ĐN Bản án số: 86/2025/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1842610t1cvn/chi-tiet-ban-an
517.	ĐN Bản án số: 184/2025/HS-PT	http://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1841694t1cvn/chi-tiet-ban-an
518.	ĐN Bản án số: 220/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1841697t1cvn/chi-tiet-ban-an
519.	ĐN Bản án số: 254/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1842585t1cvn/chi-tiet-ban-an
520.	ĐN Bản án số: 334/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1839677t1cvn/chi-tiet-ban-an
521.	ĐN Bản án số: 312/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1839677t1cvn/chi-tiet-ban-an
522.	ĐN Bản án số: 340/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1829548t1cvn/chi-tiet-ban-an
523.	ĐN Bản án số: 519/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1822357t1cvn/chi-tiet-ban-an
524.	ĐN Bản án số: 520/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1822379t1cvn/chi-tiet-ban-an
525.	Bản án số: 563/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1820015t1cvn/chi-tiet-ban-an
526.	ĐN Bản án số: 561/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1820026t1cvn/chi-tiet-ban-an
527.	ĐN Bản án số: 540/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1820012t1cvn/chi-tiet-ban-an
528.	ĐN Bản án số: 512/2024/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1820022t1cvn/chi-tiet-ban-an
529.	ĐN Bản án số: 545/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1819964t1cvn/chi-tiet-ban-an
530.	ĐN Bản án số: 558/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1819923t1cvn/chi-tiet-ban-an
531.	ĐN Bản án số: 562/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1547800t1cvn/chi-tiet-ban-an
532.	Bản án số: 592/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1716358t1cvn/chi-tiet-ban-an
533.	Bản án số: 591/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1716379t1cvn/chi-tiet-ban-an
534.	Bản án số: 550/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1689304t1cvn/chi-tiet-ban-an
535.	Bản án số: 554/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1689320t1cvn/chi-tiet-ban-an
536.	ĐN Bản án số: 572/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1688304t1cvn/chi-tiet-ban-an

537.	ĐN Bản án số: 578/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1688302t1cvn/chi-tiet-ban-an
538.	Bản án số: 436/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1681102t1cvn/chi-tiet-ban-an
539.	Bản án số: 432/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1351954t1cvn/chi-tiet-ban-an
540.	Bản án số: 444/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1350652t1cvn/chi-tiet-ban-an
541.	Bản án số: 411/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1350669t1cvn/chi-tiet-ban-an
542.	ĐN Bản án số: 433/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1347574t1cvn/chi-tiet-ban-an
543.	ĐN Bản án số: 419/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1347244t1cvn/chi-tiet-ban-an
544.	ĐN Bản án số: 407/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1347243t1cvn/chi-tiet-ban-an
545.	ĐN Bản án số: 417/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1347232t1cvn/chi-tiet-ban-an
546.	ĐN Bản án số: 402/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1347229t1cvn/chi-tiet-ban-an
547.	ĐN Bản án số: 406/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1347228t1cvn/chi-tiet-ban-an
548.	ĐN Bản án số: 354/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1346073t1cvn/chi-tiet-ban-an
549.	ĐN Bản án số: 314/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1346071t1cvn/chi-tiet-ban-an
550.	Đn Bản án số: 353/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1346040t1cvn/chi-tiet-ban-an
551.	ĐN Bản án số: 352/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1346018t1cvn/chi-tiet-ban-an
552.	ĐN Bản án số: 357/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1346027t1cvn/chi-tiet-ban-an
553.	Đn Bản án số: 429/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1345730t1cvn/chi-tiet-ban-an
554.	ĐN Bản án số: 430/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1345731t1cvn/chi-tiet-ban-an
555.	ĐN Bản án số: 424/2023/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1345716t1cvn/chi-tiet-ban-an
556.	ĐN Bản án số: 331/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1345673t1cvn/chi-tiet-ban-an
557.	ĐN Bản án số: 388/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1067149t1cvn/chi-tiet-ban-an
558.	ĐN Bản án số: 390/2022/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1067150t1cvn/chi-tiet-ban-an
559.	ĐN Bản án số: 384/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1067173t1cvn/chi-tiet-ban-an
560.	ĐN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1065434t1cvn/chi-tiet-ban-an

	393/2022/HSPT	
561.	ĐN Bản án số: 392/2022/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1065414t1cvn/chi-tiet-ban-an
562.	ĐN Bản án số: 382/2022/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1064933t1cvn/chi-tiet-ban-an
563.	ĐN Bản án số: 362/2022/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1064910t1cvn/chi-tiet-ban-an
564.	ĐN Bản án số: 327/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1063132t1cvn/chi-tiet-ban-an
565.	ĐN Bản án số: 328/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1063128t1cvn/chi-tiet-ban-an
566.	ĐN Bản án số: 331/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1063130t1cvn/chi-tiet-ban-an
567.	ĐN Bản án số: 325/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1063143t1cvn/chi-tiet-ban-an
568.	ĐN Bản án số: 332/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1063144t1cvn/chi-tiet-ban-an
569.	ĐN Bản án số: 291/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1063105t1cvn/chi-tiet-ban-an
570.	ĐN Bản án số: 183/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta707186t1cvn/chi-tiet-ban-an
571.	ĐN Bản án số: 192/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta707188t1cvn/chi-tiet-ban-an
572.	ĐN Bản án số: 199/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta707191t1cvn/chi-tiet-ban-an
573.	ĐN Bản án số: 177/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta707180t1cvn/chi-tiet-ban-an
574.	ĐN Bản án số: 181/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta705726t1cvn/chi-tiet-ban-an
575.	ĐN Bản án số: 169/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta705709t1cvn/chi-tiet-ban-an
576.	ĐN Bản án số: 179/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta705046t1cvn/chi-tiet-ban-an
577.	ĐN Bản án số: 164/2021/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta702027t1cvn/chi-tiet-ban-an
578.	ĐN Bản án số: 139/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta498745t1cvn/chi-tiet-ban-an
579.	ĐN Bản án số: 128/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta498735t1cvn/chi-tiet-ban-an
580.	ĐN Bản án số: 81/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta498748t1cvn/chi-tiet-ban-an
581.	ĐNN Bản án số: 135/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta498737t1cvn/chi-tiet-ban-an
582.	ĐN Bản án số: 124/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta498752t1cvn/chi-tiet-ban-an
583.	ĐN Bản án số: 137/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta498756t1cvn/chi-tiet-ban-an

584.	ĐN Bản án số: 85/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta498705t1cvn/chi-tiet-ban-an
585.	ĐN Bản án số: 114/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta497529t1cvn/chi-tiet-ban-an
586.	ĐN Bản án số: 84/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta497504t1cvn/chi-tiet-ban-an
587.	ĐN Bản án số: 131/2020/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta497500t1cvn/chi-tiet-ban-an
588.	HN Bản án số: 450/2025/HS-PT	1-2025
589.	HN Bản án số: 148/2025/HS-PT	2-2025
590.	HN Bản án số: 593/2025/HS-PT	3-2025
591.	HN Bản án số: 271/2025/HS-PT	4-2025
592.	HN Bản án số 415/2025/HS-PT	11-2025
593.	HN Bản án số 349/2025/HS-PT	12-2025
594.	HN Bản án số 304/2025/HS-PT	13-2025
595.	HN Bản án số 351/2025/HS-PT	14-2025
596.	HN Bản án số: 446/2025/HS-PT	15-2025
597.	HN Bản án số: 547/2025/HS-PT	16-2025
598.	HN Bản án số: 520/2025/HS-PT	17-2025
599.	HN Bản án số: 414/2025/HS-PT	18-2025
600.	HN Bản án số: 401/2025/HSPT	19-2025
601.	HN Bản án số: 332/2025/HS-PT	20-2025
602.	HN Bản án số 794/2024/HS-PT	1-2024
603.	HN Bản án số: 903/2024/HS-PT	2-2024
604.	HN Bản án số: 1001/2024/HS-PT	3-2024
605.	HN Bản án số 926/2024/HS-PT	4-2024

606.	HN Bản án số 776/2024/HS-PT	5-2024
607.	HN Bản án số: 913/2024/HS-PT	10-2024
608.	HN Bản án số 801/2024/HS-PT	11-2024
609.	HN Bản án số: 765/2024/HSPT	12-2024
610.	HN Bản án số: 911/2024/HS-PT	13-2024
611.	HN Bản án số: 834/2024/HS-PT	14-2024
612.	HN Bản án số: 985/2024/HS-PT	15-2024
613.	HN Bản án số 918/2024/HS-PT	16-2024
614.	HN Bản án số 848/2024/HS-PT	17-2024
615.	HN Bản án số 864/2024/HS-PT	18-2024
616.	HN Bản án số 839/2024/HS-PT	19-2024
617.	HN Bản án số 708/2024/HS-PT	20-2024
618.	HN Bản án số: 414/2023/HS-PT	1-2023
619.	HN Bản án số: 456/2023/HS-PT	2-2023
620.	HN Bản án số: 434/2023/HS-PT	3-2023
621.	HN Bản án số: 141/2023/HS-PT	4-2023
622.	HN Bản án số: 446/2023/HS-PT	9-2023
623.	HN Bản án số: 331/2023/HS-PT	10-2023
624.	HN Bản án số: 352/2023/HS-PT	11-2023
625.	HN Bản án số: 232/2023/HS-PT	12-2023
626.	HN Bản án số: 589/2023/HS-PT	16-2023
627.	HN Bản án số 889/2022/HS-PT	17-2023
628.	HN Bản án số 379/2023/HS-PT	18-2023
629.	HN Bản án số	19-2023

	520/2023/HS-PT	
630.	HN Bản án số: 60/2023/HS-PT	20-2023
631.	HN Bản án số: 855/2022/HSPT	1-2022
632.	HN Bản án số: 719/2022/HS-PT	6-2022
633.	HN Bản án số: 722/2022/HSPT	7-2022
634.	HN Bản án số: 711/2022/HS-PT	8-2022
635.	HN Bản án số: 881/2022/HS-PT	9-2022
636.	HN Bản án số: 855/2022/HSPT	10-2022
637.	HN Bản án số: 593/2022/HSPT	12-2022
638.	HN Bản án số: 588/2022/HS-PT	13-2022
639.	HN Bản án số: 682/2022/HS-PT	14-2022
640.	HN Bản án số: 162/2021/HS-PT	1-2021
641.	HN Bản án số: 189/2021/HSPT	2-2021
642.	HN Bản án số: 216/2021/HSPT	3-2021
643.	HN Bản án số: 185/2021/HS-PT	4-2021
644.	HN Bản án số: 176/2021/HSPT	5-2021
645.	HN Bản án số: 160/2021/HS-PT	6-2021
646.	HN Bản án số: 226/2021/HS-PT	10-2021
647.	HN Bản án số :262/2020/HSPT	1-2020
648.	HN Bản án số: 263/2020/HSPT	2-2020
649.	HN Bản án số: 294/2020/HSPT	3-2020
650.	HN Bản án số: 363/2020/HS-PT	4-2020
651.	HN Bản án số: 353/2020/HS-PT	5-2020
652.	HN Bản án số: 281/2020/HS-PT	6-2020

653.	HN Bản án số: 333/2020/HS-PT	10-2020
654.	HN Bản án số: 122/2022/HS-PT	11-2022
655.	HN[235] Bản án số: 729/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1138215t1cvn/chi-tiet-ban-an
656.	HN Bản án số: 731/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1138182t1cvn/chi-tiet-ban-an
657.	HN Bản án số: 292/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta793343t1cvn/chi-tiet-ban-an
658.	HN Bản án số: 748/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta793239t1cvn/chi-tiet-ban-an
659.	HN Bản án số: 709/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta777413t1cvn/chi-tiet-ban-an
660.	HN Bản án số: 981/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta765788t1cvn/chi-tiet-ban-an
661.	HN Bản án số: 844/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta765723t1cvn/chi-tiet-ban-an
662.	HN Bản án số: 949/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta762134t1cvn/chi-tiet-ban-an
663.	HN Bản án số: 952/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta762244t1cvn/chi-tiet-ban-an
664.	HN Bản án số: 958/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta762299t1cvn/chi-tiet-ban-an
665.	HN Bản án số: 712/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta727794t1cvn/chi-tiet-ban-an
666.	HN Bản án số: 984/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta726040t1cvn/chi-tiet-ban-an
667.	HN Bản án số: 901/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta725975t1cvn/chi-tiet-ban-an
668.	HN Bản án số: 859/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta725730t1cvn/chi-tiet-ban-an
669.	HN Bản án số: 997/2020/HS-PT	https://drive.google.com/file/d/1yWzO8lTBSufixRdjjVPHOIiAfF_nELJ9/view?usp=sharing
670.	HN Bản án số: 1002/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta708550t1cvn/chi-tiet-ban-an
671.	HN Bản án số: 828/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta708568t1cvn/chi-tiet-ban-an
672.	HN Bản án số: 976/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta698900t1cvn/chi-tiet-ban-an
673.	HN Bản án số: 645/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta650678t1cvn/chi-tiet-ban-an
674.	HN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta650613t1cvn/chi-tiet-ban-an

[235] Kí hiệu địa phương: Đà Nẵng (ĐN), Hà Nội (HN), Hồ Chí Minh (HCM). Điều 355 là một điều luật chung ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng XXPT. Còn các điều luật từ 356 đến 359 là thẩm quyền cụ thể của Hội đồng cấp PT

	1003/2020/HS-PT	
675.	HN Bản án số: 496/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta616176t1cvn/chi-tiet-ban-an
676.	HN Bản án số: 495/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta613446t1cvn/chi-tiet-ban-an
677.	HN Bản án số: 489/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta613465t1cvn/chi-tiet-ban-an
678.	HN Bản án số: 445/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta612705t1cvn/chi-tiet-ban-an
679.	HN Bản án số: 490/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta611382t1cvn/chi-tiet-ban-an
680.	HN Bản án số: 475/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta611411t1cvn/chi-tiet-ban-an
681.	HN Bản án số: 459/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta611427t1cvn/chi-tiet-ban-an
682.	HN Bản án số: 258/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta608943t1cvn/chi-tiet-ban-an
683.	HN Bản án số: 467/2020/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta608620t1cvn/chi-tiet-ban-an
684.	HN Bản án số: 440/2020/HS-PT	https://drive.google.com/file/d/13xY58FppsnK9kAyb1gkhWTT9jGa_rOle/view?usp=sharing
685.	HN Bản án số: 441/2020/HS-PT	https://drive.google.com/file/d/1V6b8T23Z8CP4BLJQoSk2sEwtciVLjmcx/view?usp=sharing
686.	HN Bản án số: 639/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1372703t1cvn/chi-tiet-ban-an
687.	HN Bản án số: 403/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1358780t1cvn/chi-tiet-ban-an
688.	HN Bản án số: 419/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1358780t1cvn/chi-tiet-ban-an
689.	HN Bản án số: 223/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1159627t1cvn/chi-tiet-ban-an
690.	HN Bản án số: 476/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1131583t1cvn/chi-tiet-ban-an
691.	HN Bản án số: 537/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1105552t1cvn/chi-tiet-ban-an
692.	HN Bản án số: 347/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1053965t1cvn/chi-tiet-ban-an
693.	HN Bản án số: 252/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1052810t1cvn/chi-tiet-ban-an
694.	HN Bản án số: 532/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta977330t1cvn/chi-tiet-ban-an
695.	HN Bản án số: 417/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta963190t1cvn/chi-tiet-ban-an
696.	HN Bản án số: 447/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta962761t1cvn/chi-tiet-ban-an
697.	HN Bản án số: 393/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta920408t1cvn/chi-tiet-ban-an

698.	HN Bản án số: 391/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta805255t1cvn/chi-tiet-ban-an
699.	HN Bản án số: 522/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta907523t1cvn/chi-tiet-ban-an
700.	HN Bản án số: 579/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta907430t1cvn/chi-tiet-ban-an
701.	HN Bản án số: 710/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta891844t1cvn/chi-tiet-ban-an
702.	HN Bản án số: 520/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta891576t1cvn/chi-tiet-ban-an
703.	HN Bản án số: 578/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta884765t1cvn/chi-tiet-ban-an
704.	HN Bản án số: 512/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta884767t1cvn/chi-tiet-ban-an
705.	HN Bản án số: 659/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta884745t1cvn/chi-tiet-ban-an
706.	HN Bản án số: 609/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta847294t1cvn/chi-tiet-ban-an
707.	HN Bản án số: 558/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta847279t1cvn/chi-tiet-ban-an
708.	HN Bản án số: 608/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta814107t1cvn/chi-tiet-ban-an
709.	HN Bản án số: 554/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta834373t1cvn/chi-tiet-ban-an
710.	HN Bản án số: 552/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta834315t1cvn/chi-tiet-ban-an
711.	HN Bản án số: 567/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta834316t1cvn/chi-tiet-ban-an
712.	HN Bản án số: 815/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1415480t1cvn/chi-tiet-ban-an
713.	HN Bản án số: 859/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1413465t1cvn/chi-tiet-ban-an
714.	HN Bản án số: 139/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1526174t1cvn/chi-tiet-ban-an
715.	HN Bản án số: 138/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1526181t1cvn/chi-tiet-ban-an
716.	HN Bản án số: 567/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1123115t1cvn/chi-tiet-ban-an
717.	HN Bản án số: 907/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1123119t1cvn/chi-tiet-ban-an
718.	HN Bản án số: 653/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1123135t1cvn/chi-tiet-ban-an
719.	HN Bản án số: 825/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1121702t1cvn/chi-tiet-ban-an
720.	HN Bản án số: 732/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1117229t1cvn/chi-tiet-ban-an
721.	HN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1115928t1cvn/chi-tiet-ban-an

	848/2022/HS-PT	
722.	HN Bản án số: 854/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1114357t1cvn/chi-tiet-ban-an
723.	HN Bản án số: 894/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1114332t1cvn/chi-tiet-ban-an
724.	HN Bản án số: 899/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1114332t1cvn/chi-tiet-ban-an
725.	HN Bản án số: 845/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1112431t1cvn/chi-tiet-ban-an
726.	HN Bản án số: 841/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1112430t1cvn/chi-tiet-ban-an
727.	HN Bản án số: 861/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1111944t1cvn/chi-tiet-ban-an
728.	HN Bản án số: 811/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1108814t1cvn/chi-tiet-ban-an
729.	HN Bản án số: 855/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1102622t1cvn/chi-tiet-ban-an
730.	HN Bản án số: 807/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1102182t1cvn/chi-tiet-ban-an
731.	HN Bản án số: 881/2022/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1101760t1cvn/chi-tiet-ban-an
732.	HN Bản án số: 502/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1665503t1cvn/chi-tiet-ban-an
733.	HN Bản án số: 500/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1654943t1cvn/chi-tiet-ban-an
734.	HN Bản án số: 794/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1649892t1cvn/chi-tiet-ban-an
735.	HN Bản án số: 938/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1637430t1cvn/chi-tiet-ban-an
736.	HN Bản án số: 925/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1618628t1cvn/chi-tiet-ban-an
737.	HN Bản án số: 525/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1517646t1cvn/chi-tiet-ban-an
738.	HN Bản án số: 896/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1445920t1cvn/chi-tiet-ban-an
739.	HN Bản án số: 773/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1445878t1cvn/chi-tiet-ban-an
740.	HN Bản án số: 865/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1443342t1cvn/chi-tiet-ban-an
741.	HN Bản án số: 831/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1443324t1cvn/chi-tiet-ban-an
742.	HN Bản án số: 849/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1441240t1cvn/chi-tiet-ban-an
743.	HN Bản án số: 800/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1440846t1cvn/chi-tiet-ban-an
744.	HN Bản án số: 856/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1440758t1cvn/chi-tiet-ban-an

745.	HN Bản án số: 936/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1440775t1cvn/chi-tiet-ban-an
746.	HN Bản án số: 951/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1439750t1cvn/chi-tiet-ban-an
747.	HN Bản án số: 952/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1440063t1cvn/chi-tiet-ban-an
748.	HN Bản án số: 742/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1419292t1cvn/chi-tiet-ban-an
749.	HN Bản án số: 804/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1415454t1cvn/chi-tiet-ban-an
750.	HN Bản án số: 815/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1415480t1cvn/chi-tiet-ban-an
751.	HN Bản án số: 859/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1413465t1cvn/chi-tiet-ban-an
752.	HN Bản án số: 910/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1413181t1cvn/chi-tiet-ban-an
753.	HN Bản án số: 785/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1398153t1cvn/chi-tiet-ban-an
754.	HN Bản án số: 970/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1412709t1cvn/chi-tiet-ban-an
755.	HN Bản án số: 939/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1412720t1cvn/chi-tiet-ban-an
756.	HN Bản án số: 993/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1393907t1cvn/chi-tiet-ban-an
757.	HN Bản án số: 885/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1400542t1cvn/chi-tiet-ban-an
758.	HN Bản án số: 924/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1400511t1cvn/chi-tiet-ban-an
759.	HN Bản án số: 866/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1400511t1cvn/chi-tiet-ban-an
760.	HN Bản án số: 843/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1400429t1cvn/chi-tiet-ban-an
761.	HN Bản án số: 877/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1400392t1cvn/chi-tiet-ban-an
762.	HN Bản án số: 845/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1400335t1cvn/chi-tiet-ban-an
763.	HN Bản án số: 969/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1397894t1cvn/chi-tiet-ban-an
764.	HN Bản án số: 735/2023/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1397728t1cvn/chi-tiet-ban-an
765.	HN Bản án số: 995/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1728671t1cvn/chi-tiet-ban-an
766.	HN Bản án số: 938/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1728399t1cvn/chi-tiet-ban-an
767.	HN Bản án số: 937/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1728397t1cvn/chi-tiet-ban-an
768.	HN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1728399t1cvn/chi-tiet-ban-an

	720/2024/HS-PT	
769.	HN Bản án số: 946/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1725075t1cvn/chi-tiet-ban-an
770.	HN Bản án số: 899/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1725083t1cvn/chi-tiet-ban-an
771.	HN Bản án số: 846/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1717086t1cvn/chi-tiet-ban-an
772.	HN Bản án số: 926/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1709675t1cvn/chi-tiet-ban-an
773.	HN Bản án số: 1006/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1704843t1cvn/chi-tiet-ban-an
774.	HN Bản án số: 921/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1699841t1cvn/chi-tiet-ban-an
775.	HN Bản án số: 765/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1699231t1cvn/chi-tiet-ban-an
776.	HN Bản án số: 985/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1697565t1cvn/chi-tiet-ban-an
777.	HN Bản án số: 839/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1696555t1cvn/chi-tiet-ban-an
778.	HN Bản án số: 708/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1696582t1cvn/chi-tiet-ban-an
779.	HN Bản án số: 904/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1696282t1cvn/chi-tiet-ban-an
780.	HN Bản án số: 900/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1696284t1cvn/chi-tiet-ban-an
781.	HN Bản án số: 886/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1695084t1cvn/chi-tiet-ban-an
782.	HN Bản án số: 729/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1695085t1cvn/chi-tiet-ban-an
783.	HN Bản án số: 461/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1695038t1cvn/chi-tiet-ban-an
784.	HN Bản án số: 888/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1695047t1cvn/chi-tiet-ban-an
785.	HN Bản án số: 460/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1695048t1cvn/chi-tiet-ban-an
786.	HN Bản án số: 545/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1687225t1cvn/chi-tiet-ban-an
787.	HN Bản án số: 833/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1687199t1cvn/chi-tiet-ban-an
788.	HN Bản án số: 744/2024/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1673319t1cvn/chi-tiet-ban-an
789.	HN Bản án số: 570/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1673319t1cvn/chi-tiet-ban-an
790.	HN Bản án số: 596A/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1673319t1cvn/chi-tiet-ban-an
791.	HN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1841221t1cvn/chi-tiet-ban-an

	466/2025/HS-PT	
792.	HN Bản án số: 415/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1840274t1cvn/chi-tiet-ban-an
793.	HN Bản án số: 349/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1840276t1cvn/chi-tiet-ban-an
794.	HN Bản án số: 547/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1835172t1cvn/chi-tiet-ban-an
795.	HN Bản án số: 414/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1834967t1cvn/chi-tiet-ban-an
796.	HN Bản án số: 323/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1834932t1cvn/chi-tiet-ban-an
797.	HN Bản án số: 186/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1834932t1cvn/chi-tiet-ban-an
798.	HN Bản án số: 185/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1833598t1cvn/chi-tiet-ban-an
799.	HCM Bản án số: 488/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426557t1cvn/chi-tiet-ban-an
800.	HCM Bản án số: 486/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426561t1cvn/chi-tiet-ban-an
801.	HCM Bản án số: 494/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426554t1cvn/chi-tiet-ban-an
802.	HCM Bản án số: 560/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426547t1cvn/chi-tiet-ban-an
803.	HCM Bản án số: 561/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426542t1cvn/chi-tiet-ban-an
804.	HCM Bản án số: 562/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426504t1cvn/chi-tiet-ban-an
805.	HCM Bản án số: 487/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426572t1cvn/chi-tiet-ban-an
806.	HCM Bản án số: 123/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta569824t1cvn/chi-tiet-ban-an
807.	HCM Bản án số: 465/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425918t1cvn/chi-tiet-ban-an
808.	HCM Bản án số: 401/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta357993t1cvn/chi-tiet-ban-an
809.	HCM Bản án số: 263/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta358047t1cvn/chi-tiet-ban-an
810.	HCM Bản án số: 125/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta328342t1cvn/chi-tiet-ban-an
811.	HCM Bản án số: 49/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta327857t1cvn/chi-tiet-ban-an
812.	HCM Bản án số: 171/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta327944t1cvn/chi-tiet-ban-an
813.	HCM Bản án số: 545/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta327339t1cvn/chi-tiet-ban-an
814.	HCM Bản án số: 546/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta327360t1cvn/chi-tiet-ban-an

815.	HCM Bản án số: 300/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta327374t1cvn/chi-tiet-ban-an
816.	HCM Bản án số: 192/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta327375t1cvn/chi-tiet-ban-an
817.	HCM Bản án số: 407/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta327412t1cvn/chi-tiet-ban-an
818.	HCM Bản án số: 291/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta327427t1cvn/chi-tiet-ban-an
819.	HCM Bản án số: 290/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta327428t1cvn/chi-tiet-ban-an
820.	HCM Bản án số: 250/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta327440t1cvn/chi-tiet-ban-an
821.	HCM Bản án số: 548/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta297484t1cvn/chi-tiet-ban-an
822.	HCM Bản án số: 524/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta293840t1cvn/chi-tiet-ban-an
823.	HCM Bản án số: 420/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta293841t1cvn/chi-tiet-ban-an
824.	HCM Bản án số: 533/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta293857t1cvn/chi-tiet-ban-an
825.	HCM Bản án số: 205/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta293869t1cvn/chi-tiet-ban-an
826.	HCM Bản án số: 496/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta249321t1cvn/chi-tiet-ban-an
827.	HCM Bản án số: 480/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta249322t1cvn/chi-tiet-ban-an
828.	HCM Bản án số: 451/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta249323t1cvn/chi-tiet-ban-an
829.	HCM Bản án số: 553/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta249347t1cvn/chi-tiet-ban-an
830.	HCM Bản án số: 497/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta249362t1cvn/chi-tiet-ban-an
831.	HCM Bản án số: 452/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta249369t1cvn/chi-tiet-ban-an
832.	HCM Bản án số: 413/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta242398t1cvn/chi-tiet-ban-an
833.	HCM Bản án số: 465/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta242419t1cvn/chi-tiet-ban-an
834.	HCM Bản án số: 543/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233929t1cvn/chi-tiet-ban-an
835.	HCM Bản án số: 515/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233931t1cvn/chi-tiet-ban-an
836.	HCM Bản án số: 514/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233933t1cvn/chi-tiet-ban-an
837.	HCM Bản án số: 534/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233945t1cvn/chi-tiet-ban-an
838.	HCM Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233946t1cvn/chi-tiet-ban-an

	529/2018/HSPT	
839.	HCM Bản án số: 477/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233572t1cvn/chi-tiet-ban-an
840.	HCM Bản án số: 438/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233574t1cvn/chi-tiet-ban-an
841.	HCM Bản án số: 538/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233584t1cvn/chi-tiet-ban-an
842.	HCM Bản án số: 537/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233585t1cvn/chi-tiet-ban-an
843.	HCM Bản án số: 510/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233587t1cvn/chi-tiet-ban-an
844.	HCM Bản án số: 439/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233589t1cvn/chi-tiet-ban-an
845.	HCM Bản án số: 519/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233535t1cvn/chi-tiet-ban-an
846.	HCM Bản án số: 528/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233558t1cvn/chi-tiet-ban-an
847.	HCM Bản án số: 453/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta233562t1cvn/chi-tiet-ban-an
848.	HCM Bản án số: 602/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta833820t1cvn/chi-tiet-ban-an
849.	HCM Bản án số: 596/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta598022t1cvn/chi-tiet-ban-an
850.	HCM Bản án số: 563/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta596508t1cvn/chi-tiet-ban-an
851.	HCM Bản án số: 538/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta596497t1cvn/chi-tiet-ban-an
852.	HCM Bản án số: 539/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta596496t1cvn/chi-tiet-ban-an
853.	HCM Bản án số: 564/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta596495t1cvn/chi-tiet-ban-an
854.	HCM Bản án số: 571/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta595300t1cvn/chi-tiet-ban-an
855.	HCM Bản án số: 557/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta595265t1cvn/chi-tiet-ban-an
856.	HCM Bản án số: 537/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta595270t1cvn/chi-tiet-ban-an
857.	HCM Bản án số: 556/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta595269t1cvn/chi-tiet-ban-an
858.	HCM Bản án số: 458/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426562t1cvn/chi-tiet-ban-an
859.	HCM Bản án số: 511/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426551t1cvn/chi-tiet-ban-an
860.	HCM Bản án số: 314/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426662t1cvn/chi-tiet-ban-an
861.	HCM Bản án số: 392/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426653t1cvn/chi-tiet-ban-an

862.	HCM Bản án số: 393/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426650t1cvn/chi-tiet-ban-an
863.	HCM Bản án số: 426/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426648t1cvn/chi-tiet-ban-an
864.	HCM Bản án số: 429/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426645t1cvn/chi-tiet-ban-an
865.	HCM Bản án số: 457/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426575t1cvn/chi-tiet-ban-an
866.	HCM Bản án số: 133/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426698t1cvn/chi-tiet-ban-an
867.	HCM Bản án số: 143/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426694t1cvn/chi-tiet-ban-an
868.	HCM Bản án số: 134/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426697t1cvn/chi-tiet-ban-an
869.	HCM Bản án số: 144/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426691t1cvn/chi-tiet-ban-an
870.	HCM Bản án số: 222/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426681t1cvn/chi-tiet-ban-an
871.	HCM Bản án số: 223/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426680t1cvn/chi-tiet-ban-an
872.	HCM Bản án số: 293/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426676t1cvn/chi-tiet-ban-an
873.	HCM Bản án số: 315/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426668t1cvn/chi-tiet-ban-an
874.	HCM Bản án số: 604/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta595187t1cvn/chi-tiet-ban-an
875.	HCM Bản án số: 606/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta595164t1cvn/chi-tiet-ban-an
876.	HCM Bản án số: 102/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426727t1cvn/chi-tiet-ban-an
877.	HCM Bản án số: 103/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426717t1cvn/chi-tiet-ban-an
878.	HCM Bản án số: 104/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426700t1cvn/chi-tiet-ban-an
879.	HCM Bản án số: 602/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta593618t1cvn/chi-tiet-ban-an
880.	HCM Bản án số: 609/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta593461t1cvn/chi-tiet-ban-an
881.	HCM Bản án số: 574/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta593463t1cvn/chi-tiet-ban-an
882.	HCM Bản án số: 592/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta591566t1cvn/chi-tiet-ban-an
883.	HCM Bản án số: 591/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta591567t1cvn/chi-tiet-ban-an
884.	HCM Bản án số: 569/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta573254t1cvn/chi-tiet-ban-an
885.	HCM Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta573256t1cvn/chi-tiet-ban-an

	568/2019/HSPT	
886.	HCM Bản án số: 557/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425694t1cvn/chi-tiet-ban-an
887.	HCM Bản án số: 552/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425696t1cvn/chi-tiet-ban-an
888.	HCM Bản án số: 551/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425697t1cvn/chi-tiet-ban-an
889.	HCM Bản án số: 430/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425698t1cvn/chi-tiet-ban-an
890.	HCM Bản án số: 342/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425700t1cvn/chi-tiet-ban-an
891.	HCM Bản án số: 336/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425702t1cvn/chi-tiet-ban-an
892.	HCM Bản án số: 559/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425708t1cvn/chi-tiet-ban-an
893.	HCM Bản án số: 557/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425709t1cvn/chi-tiet-ban-an
894.	HCM Bản án số: 541/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425710t1cvn/chi-tiet-ban-an
895.	HCM Bản án số: 433/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425712t1cvn/chi-tiet-ban-an
896.	HCM Bản án số: 431/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425714t1cvn/chi-tiet-ban-an
897.	HCM Bản án số: 236/2019/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425726t1cvn/chi-tiet-ban-an
898.	HCM Bản án số: 488/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426557t1cvn/chi-tiet-ban-an
899.	HCM Bản án số: 486/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426561t1cvn/chi-tiet-ban-an
900.	HCM Bản án số: 494/2018/HSPT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426554t1cvn/chi-tiet-ban-an
901.	HN Bản án số: 663/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta389439t1cvn/chi-tiet-ban-an
902.	HN Bản án số: 134/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta389435t1cvn/chi-tiet-ban-an
903.	HN Bản án số: 327/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta389433t1cvn/chi-tiet-ban-an
904.	HN Bản án số: 525/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta389423t1cvn/chi-tiet-ban-an
905.	HN Bản án số: 23/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta389429t1cvn/chi-tiet-ban-an
906.	HN Bản án số: 583/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta355442t1cvn/chi-tiet-ban-an
907.	HN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta355195t1cvn/chi-tiet-ban-an

	659/2018/HS-PT	
908.	HN Bản án số: 706/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta354981t1cvn/chi-tiet-ban-an
909.	HN Bản án số: 561/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta354985t1cvn/chi-tiet-ban-an
910.	HN Bản án số: 731/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta333093t1cvn/chi-tiet-ban-an
911.	HN Bản án số: 832/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta333094t1cvn/chi-tiet-ban-an
912.	HN Bản án số: 833/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta333095t1cvn/chi-tiet-ban-an
913.	HN Bản án số: 669/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta333159t1cvn/chi-tiet-ban-an
914.	HN Bản án số: 834/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta333160t1cvn/chi-tiet-ban-an
915.	HN Bản án số: 752/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta309604t1cvn/chi-tiet-ban-an
916.	HN Bản án số: 721/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta308759t1cvn/chi-tiet-ban-an
917.	HN Bản án số: 842/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta308736t1cvn/chi-tiet-ban-an
918.	HN Bản án số: 405/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta308290t1cvn/chi-tiet-ban-an
919.	HN Bản án số: 604/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta308269t1cvn/chi-tiet-ban-an
920.	HN Bản án số: 380/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta308165t1cvn/chi-tiet-ban-an
921.	HN Bản án số: 260/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta308119t1cvn/chi-tiet-ban-an
922.	HN Bản án số: 837/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta303204t1cvn/chi-tiet-ban-an
923.	HN Bản án số: 357/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta294946t1cvn/chi-tiet-ban-an
924.	HN Bản án số: 857/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta288863t1cvn/chi-tiet-ban-an
925.	HN Bản án số: 858/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta288863t1cvn/chi-tiet-ban-an
926.	HN Bản án số: 843/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta246988t1cvn/chi-tiet-ban-an
927.	HN Bản án số: 734/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta230558t1cvn/chi-tiet-ban-an
928.	HN Bản án số: 675/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta230560t1cvn/chi-tiet-ban-an
929.	HN Bản án số: 826/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta227983t1cvn/chi-tiet-ban-an
930.	HN Bản án số: 762/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta223793t1cvn/chi-tiet-ban-an

931.	HN Bản án số: 754/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta223806t1cvn/chi-tiet-ban-an
932.	HN Bản án số: 726/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta223027t1cvn/chi-tiet-ban-an
933.	HN Bản án số: 724/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta223064t1cvn/chi-tiet-ban-an
934.	HN Bản án số: 676/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta221980t1cvn/chi-tiet-ban-an
935.	HN Bản án số: 751/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta221995t1cvn/chi-tiet-ban-an
936.	HN Bản án số: 527/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta211551t1cvn/chi-tiet-ban-an
937.	HN Bản án số: 406/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta211511t1cvn/chi-tiet-ban-an
938.	HN Bản án số: 442/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta211522t1cvn/chi-tiet-ban-an
939.	HN Bản án số: 309/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta209768t1cvn/chi-tiet-ban-an
940.	HN Bản án số: 227/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta209722t1cvn/chi-tiet-ban-an
941.	HN Bản án số: 426/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta209596t1cvn/chi-tiet-ban-an
942.	HN Bản án số: 423/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta188242t1cvn/chi-tiet-ban-an
943.	HN Bản án số: 424/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta181330t1cvn/chi-tiet-ban-an
944.	HN Bản án số: 446/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta177920t1cvn/chi-tiet-ban-an
945.	HN Bản án số: 695/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta177919t1cvn/chi-tiet-ban-an
946.	HN Bản án số: 545/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta177918t1cvn/chi-tiet-ban-an
947.	HN Bản án số: 606/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta177901t1cvn/chi-tiet-ban-an
948.	HN Bản án số: 488/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta177900t1cvn/chi-tiet-ban-an
949.	HN Bản án số: 485/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta176204t1cvn/chi-tiet-ban-an
950.	HN Bản án số: 616/2018/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta176376t1cvn/chi-tiet-ban-an
951.	HN Bản án số: 24/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1139413t1cvn/chi-tiet-ban-an
952.	HN Bản án số: 470/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1139394t1cvn/chi-tiet-ban-an
953.	HN Bản án số: 780/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1139292t1cvn/chi-tiet-ban-an
954.	HN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1139322t1cvn/chi-tiet-ban-an

	655/2019/HS-PT	
955.	HN Bản án số: 903/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1139359t1cvn/chi-tiet-ban-an
956.	HN Bản án số: 280/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1139031t1cvn/chi-tiet-ban-an
957.	HN Bản án số: 256/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1139015t1cvn/chi-tiet-ban-an
958.	HN Bản án số: 671/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1139035t1cvn/chi-tiet-ban-an
959.	HN Bản án số: 865/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1138924t1cvn/chi-tiet-ban-an
960.	HN Bản án số: 798/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1138948t1cvn/chi-tiet-ban-an
961.	HN Bản án số: 827/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1138955t1cvn/chi-tiet-ban-an
962.	HN Bản án số: 934/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1138812t1cvn/chi-tiet-ban-an
963.	HN Bản án số: 257/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1138846t1cvn/chi-tiet-ban-an
964.	HN Bản án số: 921/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta650758t1cvn/chi-tiet-ban-an
965.	HN Bản án số: 158/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta490336t1cvn/chi-tiet-ban-an
966.	HN Bản án số: 354/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta490312t1cvn/chi-tiet-ban-an
967.	HN Bản án số: 564/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta470325t1cvn/chi-tiet-ban-an
968.	HN Bản án số: 861/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta467021t1cvn/chi-tiet-ban-an
969.	HN Bản án số: 759/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta464037t1cvn/chi-tiet-ban-an
970.	HN Bản án số: 973/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta461396t1cvn/chi-tiet-ban-an
971.	HN Bản án số: 996/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta455596t1cvn/chi-tiet-ban-an
972.	HN Bản án số: 980/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta455607t1cvn/chi-tiet-ban-an
973.	HN Bản án số: 863/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta451636t1cvn/chi-tiet-ban-an
974.	HN Bản án số: 428/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta450145t1cvn/chi-tiet-ban-an
975.	HN Bản án số: 787/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta450146t1cvn/chi-tiet-ban-an
976.	HN Bản án số: 728/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta450124t1cvn/chi-tiet-ban-an
977.	HN Bản án số: 712/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta450123t1cvn/chi-tiet-ban-an

978.	HN Bản án số: 713/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta450121t1cvn/chi-tiet-ban-an
979.	HN Bản án số: 714/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta450133t1cvn/chi-tiet-ban-an
980.	HN Bản án số: 943/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta450130t1cvn/chi-tiet-ban-an
981.	HN Bản án số: 891/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta450120t1cvn/chi-tiet-ban-an
982.	HN Bản án số: 936/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta450127t1cvn/chi-tiet-ban-an
983.	HN Bản án số: 959/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta450126t1cvn/chi-tiet-ban-an
984.	HN Bản án số: 941/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta450084t1cvn/chi-tiet-ban-an
985.	HN Bản án số: 673/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta445205t1cvn/chi-tiet-ban-an
986.	HN Bản án số: 705/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta445206t1cvn/chi-tiet-ban-an
987.	HN Bản án số: 745/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta445207t1cvn/chi-tiet-ban-an
988.	HN Bản án số: 927/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444298t1cvn/chi-tiet-ban-an
989.	HN Bản án số: 889/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444296t1cvn/chi-tiet-ban-an
990.	HN Bản án số: 888/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444294t1cvn/chi-tiet-ban-an
991.	HN Bản án số: 904/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444311t1cvn/chi-tiet-ban-an
992.	HN Bản án số: 785/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444266t1cvn/chi-tiet-ban-an
993.	HN Bản án số: 822/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444288t1cvn/chi-tiet-ban-an
994.	HN Bản án số: 852/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444290t1cvn/chi-tiet-ban-an
995.	HN Bản án số: 882/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444291t1cvn/chi-tiet-ban-an
996.	HN Bản án số: 883/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444305t1cvn/chi-tiet-ban-an
997.	HN Bản án số: 335/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444230t1cvn/chi-tiet-ban-an
998.	HN Bản án số: 970/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444247t1cvn/chi-tiet-ban-an
999.	HN Bản án số: 681/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444164t1cvn/chi-tiet-ban-an
1000.	HN Bản án số: 902/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444151t1cvn/chi-tiet-ban-an

PHỤ LỤC 11
THỐNG KÊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
(Thời gian từ 2018-2025, Số lượng: 1000 bản án sơ thẩm)

STT	Số hiệu BA	Link bản án
01	HP Bản án số: 44/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1453523t1cvn/chi-tiet-ban-an
02	HP Bản án số: 45/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1453516t1cvn/chi-tiet-ban-an
03	HP Bản án số: 115 ngày 17/06/2024	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1529154t1cvn/chi-tiet-ban-an
04	HP Bản án số: 134/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1542536t1cvn/chi-tiet-ban-an
05	HP Bản án số: 165/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1569046t1cvn/chi-tiet-ban-an
06	HP Bản án số: 153/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1650515t1cvn/chi-tiet-ban-an
07	HP Bản án số: 157/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1657210t1cvn/chi-tiet-ban-an
08	HP Bản án số: 174/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1657304t1cvn/chi-tiet-ban-an
09	HP Bản án số: 201/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1685270t1cvn/chi-tiet-ban-an
10	HP Bản án số: 225/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1687712t1cvn/chi-tiet-ban-an
11	HP Bản án số: 238/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1694722t1cvn/chi-tiet-ban-an
12	HP Bản án số: 223/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1698164t1cvn/chi-tiet-ban-an
13	HP bản án số: 04/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1728057t1cvn/chi-tiet-ban-an
14	HP Bản án số: 10/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1751909t1cvn/chi-tiet-ban-an
15	HP Bản án số: 272/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1755300t1cvn/chi-tiet-ban-an
16	HP Bản án số: 13/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1755277t1cvn/chi-tiet-ban-an
17	HP Bản án số: 39/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1758123t1cvn/chi-tiet-ban-an
18	HP Bản án số: 61/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1775658t1cvn/chi-tiet-ban-an

19	HP Bản án số: 108/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1832805t1cvn/chi-tiet-ban-an
20	HP Bản án số: 88/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1832794t1cvn/chi-tiet-ban-an
21	HP Bản án số: 112/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1832792t1cvn/chi-tiet-ban-an
22	HP Bản án số: 42/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1833228t1cvn/chi-tiet-ban-an
23	HP Bản án số: 44/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1833224t1cvn/chi-tiet-ban-an
24	HP Bản án số: 02/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1833187t1cvn/chi-tiet-ban-an
25	HP Bản án số: 33/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1833185t1cvn/chi-tiet-ban-an
26	HP Bản án số: 46/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1833134t1cvn/chi-tiet-ban-an
27	HP Bản án số: 58/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1833117t1cvn/chi-tiet-ban-an
28	HP Bản án số: 56/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1833116t1cvn/chi-tiet-ban-an
29	HP Bản án số: 19/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1833110t1cvn/chi-tiet-ban-an
30	HP Bản án số: 94/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1833379t1cvn/chi-tiet-ban-an
31	HP Bản án số: 65/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1834403t1cvn/chi-tiet-ban-an
32	HP Bản án số: 66/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1845543t1cvn/chi-tiet-ban-an
33	HP Bản án số: 97/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1850354t1cvn/chi-tiet-ban-an
34	HP Bản án số: 50/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1850952t1cvn/chi-tiet-ban-an
35	HP Bản án số: 49/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1861063t1cvn/chi-tiet-ban-an
36	HP Bản án số 151/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1877881t1cvn/chi-tiet-ban-an
37	HP Bản án số: 138/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1877878t1cvn/chi-tiet-ban-an
38	HP Bản án số: 118/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1881214t1cvn/chi-tiet-ban-an
39	HP Bản án số: 78/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1885275t1cvn/chi-tiet-ban-an
40	HP Bản án số: 119/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn

		/2ta1887456t1cvn/chi-tiet-ban-an
41	HP Bản án số: 180/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1913412t1cvn/chi-tiet-ban-an
42	HP Bản án số: 165/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1913320t1cvn/chi-tiet-ban-an
43	HP Bản án số: 187/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1962530t1cvn/chi-tiet-ban-an
44	HP Bản án số: 85/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1973400t1cvn/chi-tiet-ban-an
45	HP Bản án số: 213/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1977449t1cvn/chi-tiet-ban-an
46	HP Bản án số: 228/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta1981021t1cvn/chi-tiet-ban-an
47	HP Bản án số: 332/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta2040389t1cvn/chi-tiet-ban-an
48	HP Bản án số: 336/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta2046048t1cvn/chi-tiet-ban-an
49	HP Bản án số: 335/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta2046044t1cvn/chi-tiet-ban-an
50	HP Bản án số: 232/2025/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta2050053t1cvn/chi-tiet-ban-an
51	HP Bản án số: 322/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta2050035t1cvn/chi-tiet-ban-an
52	HP Bản án số: 10/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta2050272t1cvn/chi-tiet-ban-an
53	HP Bản án số: 334/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta2050686t1cvn/chi-tiet-ban-an
54	HP Bản án số: 356/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta2050741t1cvn/chi-tiet-ban-an
55	HP Bản án số: 244/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta2071910t1cvn/chi-tiet-ban-an
56	HP Bản án số: 85/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn /2ta2071879t1cvn/chi-tiet-ban-an
57	NB Bản án số: 116/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2049342t1cvn /chi-tiet-ban-an
58	NB Bản án số: 128/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2040801t1cvn /chi-tiet-ban-an
59	NB Bản án số: 112/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2038928t1cvn /chi-tiet-ban-an
60	NB Bản án số: 120/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2038043t1cvn /chi-tiet-ban-an
61	NB Bản án số: 67/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2032462t1cvn /chi-tiet-ban-an

62	NB Bản án số: 48/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1930408t1cvn/chi-tiet-ban-an
63	NB Bản án số: 17/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1502856t1cvn/chi-tiet-ban-an
64	NB Bản án số: 09/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1475450t1cvn/chi-tiet-ban-an
65	NB Bản án số: 35/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1315310t1cvn/chi-tiet-ban-an
66	NB Bản án số: 42/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1354002t1cvn/chi-tiet-ban-an
67	NB Bản án số: 38/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1111764t1cvn/chi-tiet-ban-an
68	ĐN Bản án số: 29/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta329642t1cvn/chi-tiet-ban-an
69	ĐN Bản án số: 25/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta313858t1cvn/chi-tiet-ban-an
70	ĐN Bản án số: 28/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta313447t1cvn/chi-tiet-ban-an
71	ĐN Bản án số: 23/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta302840t1cvn/chi-tiet-ban-an
72	ĐN Bản án số: 24/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta301671t1cvn/chi-tiet-ban-an
73	ĐN Bản án số: 17/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta295479t1cvn/chi-tiet-ban-an
74	ĐN Bản án số: 13/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta274365t1cvn/chi-tiet-ban-an
75	ĐN Bản án số: 02/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta247714t1cvn/chi-tiet-ban-an
76	ĐN Bản án số: 37/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta339571t1cvn/chi-tiet-ban-an
77	ĐN Bản án số: 43/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta343592t1cvn/chi-tiet-ban-an
78	ĐN Bản án số: 45/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta349343t1cvn/chi-tiet-ban-an
79	ĐN Bản án số: 50/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta351644t1cvn/chi-tiet-ban-an
80	ĐN Bản án số: 59/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta361909t1cvn/chi-tiet-ban-an
81	ĐN Bản án số: 58/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta378550t1cvn/chi-tiet-ban-an
82	ĐN Bản án số: 68/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta381642t1cvn/chi-tiet-ban-an
83	ĐN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta383934t1cvn/

	64/2019/HS-ST	chi-tiet-ban-an
84	ĐN Bản án số: 63/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta385846t1cvn/chi-tiet-ban-an
85	ĐN Bản án số: 65/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta420269t1cvn/chi-tiet-ban-an
86	ĐN Bản án số: 90/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta443250t1cvn/chi-tiet-ban-an
87	ĐN Bản án số: 99/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta453111t1cvn/chi-tiet-ban-an
88	ĐN Bản án số: 55/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta405569t1cvn/chi-tiet-ban-an
89	ĐN Bản án số: 01/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta454255t1cvn/chi-tiet-ban-an
90	ĐN Bản án số: 58/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta623396t1cvn/chi-tiet-ban-an
91	ĐN Bản án số: 56/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta617578t1cvn/chi-tiet-ban-an
92	ĐN Bản án số: 34/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta605601t1cvn/chi-tiet-ban-an
93	ĐN Bản án số: 36/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta599177t1cvn/chi-tiet-ban-an
94	ĐN Bản án số: 23/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta590839t1cvn/chi-tiet-ban-an
95	ĐN Bản án số: 26/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta542659t1cvn/chi-tiet-ban-an
96	ĐN Bản án số: 14/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta508025t1cvn/chi-tiet-ban-an
97	ĐN Bản án số: 11/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta494696t1cvn/chi-tiet-ban-an
98	ĐN Bản án số: 09/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta499288t1cvn/chi-tiet-ban-an
99	ĐN Bản án số: 01/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta454255t1cvn/chi-tiet-ban-an
100	ĐN Bản án số: 70/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta807620t1cvn/chi-tiet-ban-an
101	ĐN Bản án số: 80/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta806064t1cvn/chi-tiet-ban-an
102	ĐN Bản án số: 82/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta806045t1cvn/chi-tiet-ban-an
103	ĐN Bản án số: 61/202/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta797762t1cvn/chi-tiet-ban-an
104	ĐN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta714775t1cvn/

Commented [1]: bản án cấp huyện của tp Đà Nẵng

	34/2021/HS-ST	chi-tiet-ban-an
105	ĐN Bản án số: 35/2021/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta701777t1cvn/chi-tiet-ban-an
106	ĐN Bản án số: 23/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta699272t1cvn/chi-tiet-ban-an
107	ĐN Bản án số: 24/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta695107t1cvn/chi-tiet-ban-an
108	ĐN Bản án số: 17/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta690883t1cvn/chi-tiet-ban-an
109	ĐN Bản án số: 11/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta687371t1cvn/chi-tiet-ban-an
110	ĐN Bản án số: 25/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta684962t1cvn/chi-tiet-ban-an
111	ĐN Bản án số: 19/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta681264t1cvn/chi-tiet-ban-an
112	ĐN Bản án số: 14/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta678910t1cvn/chi-tiet-ban-an
113	ĐN Bản án số: 24/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1202696t1cvn/chi-tiet-ban-an
114	ĐN Bản án số: 32/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1202698t1cvn/chi-tiet-ban-an
115	ĐN Bản án số: 101/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1115531t1cvn/chi-tiet-ban-an
116	ĐN Bản án số: 94/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1099031t1cvn/chi-tiet-ban-an
117	ĐN Bản án số: 93/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1098424t1cvn/chi-tiet-ban-an
118	ĐN Bản án số: 78/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1081660t1cvn/chi-tiet-ban-an
119	ĐN Bản án số: 71/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1072016t1cvn/chi-tiet-ban-an
120	ĐN Bản án số: 70/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1071661t1cvn/chi-tiet-ban-an
121	ĐN Bản án số: 74/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1068547t1cvn/chi-tiet-ban-an
122	ĐN Bản án số: 63/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1063087t1cvn/chi-tiet-ban-an
123	ĐN Bản án số: 48/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1012219t1cvn/chi-tiet-ban-an
124	ĐN Bản án số: 22/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta917161t1cvn/chi-tiet-ban-an
125	ĐN Bản án số: 11A/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta905590t1cvn/chi-tiet-ban-an

126	ĐN Bản án số: 07/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta874061t1cvn/chi-tiet-ban-an
127	ĐN Bản án số: 01/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta860895t1cvn/chi-tiet-ban-an
128	ĐN Bản án số: 107/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1580024t1cvn/chi-tiet-ban-an
129	ĐN Bản án số: 125/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1453348t1cvn/chi-tiet-ban-an
130	ĐN Bản án số: 101/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1453249t1cvn/chi-tiet-ban-an
131	ĐN Bản án số: 98/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1453212t1cvn/chi-tiet-ban-an
132	ĐN Bản án số: 88/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1453183t1cvn/chi-tiet-ban-an
133	ĐN Bản án số: 75/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1453012t1cvn/chi-tiet-ban-an
134	ĐN Bản án số: 70/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1452985t1cvn/chi-tiet-ban-an
135	ĐN Bản án số: 46/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1452980t1cvn/chi-tiet-ban-an
136	ĐN Bản án số: 102/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1378699t1cvn/chi-tiet-ban-an
137	ĐN Bản án số: 84/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1350134t1cvn/chi-tiet-ban-an
138	ĐN Bản án số: 68/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1348834t1cvn/chi-tiet-ban-an
139	ĐN Bản án số: 78/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1348074t1cvn/chi-tiet-ban-an
140	ĐN Bản án số: 69/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1344502t1cvn/chi-tiet-ban-an
141	ĐN Bản án số: 65/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1315998t1cvn/chi-tiet-ban-an
142	ĐN Bản án số: 71/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1308275t1cvn/chi-tiet-ban-an
143	ĐN Bản án số: 55/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1283134t1cvn/chi-tiet-ban-an
144	ĐN Bản án số: 67/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1280834t1cvn/chi-tiet-ban-an
145	ĐN Bản án số: 61/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1255988t1cvn/chi-tiet-ban-an
146	ĐN Bản án số: 52/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1240964t1cvn/chi-tiet-ban-an
147	ĐN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1236117t1cvn

	57/2023/HS-ST	/chi-tiet-ban-an
148	ĐN Bản án số: 53/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1231522t1cvn/chi-tiet-ban-an
149	ĐN Bản án số: 43/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1212926t1cvn/chi-tiet-ban-an
150	ĐN Bản án số: 42/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1209651t1cvn/chi-tiet-ban-an
151	ĐN Bản án số: 23/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1171522t1cvn/chi-tiet-ban-an
152	ĐN Bản án số: 06/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1134252t1cvn/chi-tiet-ban-an
153	ĐN Bản án số: 05/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1134253t1cvn/chi-tiet-ban-an
154	ĐN Bản án số: 123/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1952129t1cvn/chi-tiet-ban-an
155	ĐN Bản án số: 131/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1951995t1cvn/chi-tiet-ban-an
156	ĐN Bản án số: 126/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1951186t1cvn/chi-tiet-ban-an
157	ĐN Bản án số: 84/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910591t1cvn/chi-tiet-ban-an
158	ĐN Bản án số: 95/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910568t1cvn/chi-tiet-ban-an
159	ĐN Bản án số: 101/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910469t1cvn/chi-tiet-ban-an
160	ĐN Bản án số: 83/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1909618t1cvn/chi-tiet-ban-an
161	ĐN Bản án số: 116/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1669068t1cvn/chi-tiet-ban-an
162	ĐN Bản án số: 101/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1660501t1cvn/chi-tiet-ban-an
163	ĐN Bản án số: 93/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1650394t1cvn/chi-tiet-ban-an
164	ĐN Bản án số: 66/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1646110t1cvn/chi-tiet-ban-an
165	ĐN Bản án số: 91/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1629574t1cvn/chi-tiet-ban-an
166	ĐN Bản án số: 60/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1610195t1cvn/chi-tiet-ban-an
167	ĐN Bản án số: 84/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1605222t1cvn/chi-tiet-ban-an
168	ĐN Bản án số: 86/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1604421t1cvn/chi-tiet-ban-an

169	ĐN Bản án số: 75/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1604411t1cvn/chi-tiet-ban-an
170	ĐN Bản án số: 74/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1604405t1cvn/chi-tiet-ban-an
171	ĐN Bản án số: 90/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1594256t1cvn/chi-tiet-ban-an
172	ĐN Bản án số: 88/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1594028t1cvn/chi-tiet-ban-an
173	ĐN Bản án số: 82/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1577151t1cvn/chi-tiet-ban-an
174	ĐN Bản án số: 69/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1560819t1cvn/chi-tiet-ban-an
175	ĐN Bản án số: 70/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1544694t1cvn/chi-tiet-ban-an
176	ĐN Bản án số: 62/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1543878t1cvn/chi-tiet-ban-an
177	ĐN Bản án số: 59/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1521688t1cvn/chi-tiet-ban-an
178	ĐN Bản án số: 42/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1508880t1cvn/chi-tiet-ban-an
179	ĐN Bản án số: 51/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1505764t1cvn/chi-tiet-ban-an
180	ĐN Bản án số: 53/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1504174t1cvn/chi-tiet-ban-an
181	ĐN Bản án số: 37/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1475915t1cvn/chi-tiet-ban-an
182	ĐN Bản án số: 21/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1453443t1cvn/chi-tiet-ban-an
183	ĐN Bản án số: 07/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1453398t1cvn/chi-tiet-ban-an
184	ĐN Bản án số: 02/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1453331t1cvn/chi-tiet-ban-an
185	ĐN Bản án số: 06/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1453355t1cvn/chi-tiet-ban-an
186	ĐN Bản án số: 191/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2008015t1cvn/chi-tiet-ban-an
187	ĐN Bản án số: 63/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1982099t1cvn/chi-tiet-ban-an
188	ĐN Bản án số: 53/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1979594t1cvn/chi-tiet-ban-an
190	ĐN Bản án số: 160/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1974985t1cvn/chi-tiet-ban-an
191	ĐN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1962504t1cvn

	139/2025/HS-ST	/chi-tiet-ban-an
192	ĐN Bản án số: 147/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1962639t1cvn/chi-tiet-ban-an
193	ĐN Bản án số: 150/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1962683t1cvn/chi-tiet-ban-an
194	ĐN Bản án số: 58/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1956591t1cvn/chi-tiet-ban-an
195	ĐN Bản án số: 72/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1951418t1cvn/chi-tiet-ban-an
196	ĐN Bản án số: 123/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1951328t1cvn/chi-tiet-ban-an
197	ĐN Bản án số: 13/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1951123t1cvn/chi-tiet-ban-an
198	ĐN Bản án số: 137/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1943094t1cvn/chi-tiet-ban-an
199	ĐN Bản án số: 129/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1943121t1cvn/chi-tiet-ban-an
200	ĐN Bản án số: 141/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1941935t1cvn/chi-tiet-ban-an
201	ĐN Bản án số: 50/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1936173t1cvn/chi-tiet-ban-an
202	ĐN Bản án số: 40/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1936189t1cvn/chi-tiet-ban-an
203	ĐN Bản án số: 43/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1936169t1cvn/chi-tiet-ban-an
204	ĐN Bản án số: 12/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1936234t1cvn/chi-tiet-ban-an
205	ĐN Bản án số: 151/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1933005t1cvn/chi-tiet-ban-an
206	ĐN Bản án số: 111/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1920567t1cvn/chi-tiet-ban-an
207	ĐN Bản án số: 34/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1913258t1cvn/chi-tiet-ban-an
208	ĐN Bản án số: 133/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910594t1cvn/chi-tiet-ban-an
209	ĐN Bản án số: 02/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910597t1cvn/chi-tiet-ban-an
210	ĐN Bản án số: 13/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910607t1cvn/chi-tiet-ban-an
211	ĐN Bản án số: 15/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910629t1cvn/chi-tiet-ban-an
212	ĐN Bản án số: 29/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910573t1cvn/chi-tiet-ban-an

213	ĐN Bản án số: 117/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910525t1cvn/chi-tiet-ban-an
214	ĐN Bản án số: 05/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910571t1cvn/chi-tiet-ban-an
215	ĐN Bản án số: 04/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910537t1cvn/chi-tiet-ban-an
216	ĐN Bản án số: 27/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910491t1cvn/chi-tiet-ban-an
217	ĐN Bản án số: 106/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910485t1cvn/chi-tiet-ban-an
218	ĐN Bản án số: 53/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1910435t1cvn/chi-tiet-ban-an
219	ĐN Bản án số: 25/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1899034t1cvn/chi-tiet-ban-an
220	ĐN Bản án số: 30/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1876705t1cvn/chi-tiet-ban-an
221	ĐN Bản án số: 28/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1876732t1cvn/chi-tiet-ban-an
222	ĐN Bản án số: 33/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1876737t1cvn/chi-tiet-ban-an
223	ĐN Bản án số: 99/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1853093t1cvn/chi-tiet-ban-an
224	ĐN Bản án số: 84/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1846431t1cvn/chi-tiet-ban-an
225	ĐN Bản án số: 58/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1797125t1cvn/chi-tiet-ban-an
226	ĐN Bản án số: 41/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1790069t1cvn/chi-tiet-ban-an
227	ĐN Bản án số: 36/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1774694t1cvn/chi-tiet-ban-an
228	ĐN Bản án số: 33/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1774674t1cvn/chi-tiet-ban-an
229	HN Bản án số: 04/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta247093t1cvn/chi-tiet-ban-an
230	HN Bản án số: 23/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta247125t1cvn/chi-tiet-ban-an
231	HN Bản án số: 125/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta307033t1cvn/chi-tiet-ban-an
232	HN Bản án số: 67/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta307052t1cvn/chi-tiet-ban-an
233	HN Bản án số: 132/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta309543t1cvn/chi-tiet-ban-an
234	HN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta311231t1cvn/

	75/2019/HS-ST	chi-tiet-ban-an
235	HN Bản án số: 20/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta311221t1cvn/chi-tiet-ban-an
236	HN Bản án số: 11/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta316094t1cvn/chi-tiet-ban-an
237	HN Bản án số: 189/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta323494t1cvn/chi-tiet-ban-an
238	HN Bản án số: 223/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta338566t1cvn/chi-tiet-ban-an
239	HN Bản án số: 131/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta340293t1cvn/chi-tiet-ban-an
240	HN Bản án số: 141/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta340301t1cvn/chi-tiet-ban-an
241	HN Bản án số: 231/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta340311t1cvn/chi-tiet-ban-an
242	HN Bản án số: 190/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta340331t1cvn/chi-tiet-ban-an
243	HN Bản án số: 352/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444289t1cvn/chi-tiet-ban-an
244	HN Bản án số: 370/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta444307t1cvn/chi-tiet-ban-an
245	HN Bản án số: 146/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta451718t1cvn/chi-tiet-ban-an
246	HN Bản án số: 414/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta455465t1cvn/chi-tiet-ban-an
247	HN Bản án số: 408/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta460953t1cvn/chi-tiet-ban-an
248	HN Bản án số: 412/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta465660t1cvn/chi-tiet-ban-an
249	HN Bản án số: 33/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta457855t1cvn/chi-tiet-ban-an
250	HN Bản án số: 26/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta460635t1cvn/chi-tiet-ban-an
251	HN Bản án số: 03/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta458046t1cvn/chi-tiet-ban-an
252	HN Bản án số: 22/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta458056t1cvn/chi-tiet-ban-an
253	HN Bản án số: 74/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta469779t1cvn/chi-tiet-ban-an
254	HN Bản án số: 48/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta476533t1cvn/chi-tiet-ban-an
255	HN Bản án số: 91/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta476524t1cvn/chi-tiet-ban-an

256	HN Bản án số: 29/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta476522t1cvn/chi-tiet-ban-an
257	HN Bản án số: 67/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta489425t1cvn/chi-tiet-ban-an
258	HN Bản án số: 124/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta491648t1cvn/chi-tiet-ban-an
259	HN Bản án số: 112/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta493475t1cvn/chi-tiet-ban-an
260	HN Bản án số: 114/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta493476t1cvn/chi-tiet-ban-an
261	HN Bản án số: 123/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta493477t1cvn/chi-tiet-ban-an
262	HN Bản án số: 201/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta511862t1cvn/chi-tiet-ban-an
263	HN Bản án số: 246/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta533353t1cvn/chi-tiet-ban-an
264	HN Bản án số: 259/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta618697t1cvn/chi-tiet-ban-an
265	HN Bản án số: 238/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta618957t1cvn/chi-tiet-ban-an
266	HN Bản án số: 145/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta618959t1cvn/chi-tiet-ban-an
267	HN Bản án số: 262/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta619308t1cvn/chi-tiet-ban-an
268	HN Bản án số: 27/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta646037t1cvn/chi-tiet-ban-an
269	HN Bản án số: 444/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta647887t1cvn/chi-tiet-ban-an
270	HN Bản án số: 345/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta648137t1cvn/chi-tiet-ban-an
271	HN Bản án số: 418/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta648124t1cvn/chi-tiet-ban-an
272	HN Bản án số: 446/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta649917t1cvn/chi-tiet-ban-an
273	HN Bản án số: 366/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta649936t1cvn/chi-tiet-ban-an
274	HN Bản án số: 391/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta650026t1cvn/chi-tiet-ban-an
275	HN Bản án số: 239/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta650149t1cvn/chi-tiet-ban-an
276	HN Bản án số: 235/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta650150t1cvn/chi-tiet-ban-an
277	HN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta650691t1cvn/

	454/2020/HS-ST	chi-tiet-ban-an
278	HN Bản án số: 361/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta650804t1cvn/chi-tiet-ban-an
279	HN Bản án số: 95/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta651252t1cvn/chi-tiet-ban-an
280	HN Bản án số: 01/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta648015t1cvn/chi-tiet-ban-an
281	HN Bản án số: 15/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta648138t1cvn/chi-tiet-ban-an
282	HN Bản án số: 191/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta793645t1cvn/chi-tiet-ban-an
283	HN Bản án số: 99/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta725612t1cvn/chi-tiet-ban-an
284	HN Bản án số: 523/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1163717t1cvn/chi-tiet-ban-an
285	HN Bản án số: 503/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1139933t1cvn/chi-tiet-ban-an
286	HN Bản án số: 546/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1132871t1cvn/chi-tiet-ban-an
287	HN Bản án số: 100/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1118548t1cvn/chi-tiet-ban-an
288	HN Bản án số: 545/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1116330t1cvn/chi-tiet-ban-an
289	HN Bản án số: 216/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1073645t1cvn/chi-tiet-ban-an
290	HN Bản án số: 99/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta929148t1cvn/chi-tiet-ban-an
291	HN Bản án số: 835/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2085317t1cvn/chi-tiet-ban-an
292	HN Bản án số: 823/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2018476t1cvn/chi-tiet-ban-an
293	HN Bản án số: 691/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2004146t1cvn/chi-tiet-ban-an
294	HN Bản án số: 556/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1976048t1cvn/chi-tiet-ban-an
295	HN Bản án số: 529/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1952594t1cvn/chi-tiet-ban-an
296	HN Bản án số: 720/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1950058t1cvn/chi-tiet-ban-an
297	HN Bản án số: 724/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1950053t1cvn/chi-tiet-ban-an
298	HN Bản án số: 261/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1950042t1cvn/chi-tiet-ban-an

299	HN Bản án số: 433/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1950022t1cvn/chi-tiet-ban-an
300	HN Bản án số: 218/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1950007t1cvn/chi-tiet-ban-an
301	HN Bản án số: 279/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1950001t1cvn/chi-tiet-ban-an
302	HN Bản án số: 204/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1949955t1cvn/chi-tiet-ban-an
303	HN Bản án số: 211/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1949927t1cvn/chi-tiet-ban-an
304	HN Bản án số: 35/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1929385t1cvn/chi-tiet-ban-an
305	HN Bản án số: 36/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1929417t1cvn/chi-tiet-ban-an
306	HN Bản án số: 81/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1929422t1cvn/chi-tiet-ban-an
307	HN Bản án số: 584/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1928961t1cvn/chi-tiet-ban-an
308	HN Bản án số: 584/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1928859t1cvn/chi-tiet-ban-an
309	HN Bản án số: 713/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1928273t1cvn/chi-tiet-ban-an
310	HN Bản án số: 196/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1928305t1cvn/chi-tiet-ban-an
311	HN Bản án số: 249/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1928312t1cvn/chi-tiet-ban-an
312	HN Bản án số: 346/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1928340t1cvn/chi-tiet-ban-an
313	HN Bản án số: 179/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1926374t1cvn/chi-tiet-ban-an
314	HN Bản án số: 441/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1926258t1cvn/chi-tiet-ban-an
315	HN Bản án số: 706/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1926114t1cvn/chi-tiet-ban-an
316	HN Bản án số: 679/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1926136t1cvn/chi-tiet-ban-an
317	HN Bản án số: 80/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1926154t1cvn/chi-tiet-ban-an
318	HN Bản án số: 517/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1925543t1cvn/chi-tiet-ban-an
319	HN Bản án số: 236/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1913724t1cvn/chi-tiet-ban-an
320	HN Bản án số: 17/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1893915t1cvn

		/chi-tiet-ban-an
321	HN Bản án số: 742/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1893917t1cvn/chi-tiet-ban-an
322	HN Bản án số: 740/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1893921t1cvn/chi-tiet-ban-an
323	HN Bản án số: 514/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1893922t1cvn/chi-tiet-ban-an
324	HN Bản án số: 382/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1893923t1cvn/chi-tiet-ban-an
325	HN Bản án số: 56/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1876882t1cvn/chi-tiet-ban-an
326	HN Bản án số: 388/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1871811t1cvn/chi-tiet-ban-an
327	HN Bản án số: 313/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1871782t1cvn/chi-tiet-ban-an
328	HN Bản án số: 84/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1867331t1cvn/chi-tiet-ban-an
329	HN Bản án số: 689/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1867317t1cvn/chi-tiet-ban-an
330	HN Bản án số: 719/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1867304t1cvn/chi-tiet-ban-an
331	HN Bản án số: 304/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1800062t1cvn/chi-tiet-ban-an
332	HN Bản án số: 145/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1798587t1cvn/chi-tiet-ban-an
333	HN Bản án số: 11/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1786983t1cvn/chi-tiet-ban-an
334	HN Bản án số: 201/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1780836t1cvn/chi-tiet-ban-an
335	HN Bản án số: 149/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1773777t1cvn/chi-tiet-ban-an
336	HN Bản án số: 744/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1771036t1cvn/chi-tiet-ban-an
337	HN Bản án số: 74/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1763639t1cvn/chi-tiet-ban-an
338	HN Bản án số: 755/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1763627t1cvn/chi-tiet-ban-an
339	HN Bản án số: 776/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1746268t1cvn/chi-tiet-ban-an
340	HN Bản án số: 758/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1746266t1cvn/chi-tiet-ban-an
341	HN Bản án số: 514/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1705872t1cvn/chi-tiet-ban-an

342	HN Bản án số: 537/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1705873t1cvn/chi-tiet-ban-an
343	HN Bản án số: 513/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1705874t1cvn/chi-tiet-ban-an
344	HN Bản án số: 407/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1667855t1cvn/chi-tiet-ban-an
345	HN Bản án số: 581/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1667857t1cvn/chi-tiet-ban-an
346	HN Bản án số: 605/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1678197t1cvn/chi-tiet-ban-an
347	HN Bản án số: 558/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1609731t1cvn/chi-tiet-ban-an
348	HN Bản án số: 275/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1609804t1cvn/chi-tiet-ban-an
349	HN Bản án số: 107/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1609907t1cvn/chi-tiet-ban-an
350	HN Bản án số: 145/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1604985t1cvn/chi-tiet-ban-an
351	CT Bản án số: 57/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta630405t1cvn/chi-tiet-ban-an
352	CT Bản án số: 07/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta470541t1cvn/chi-tiet-ban-an
353	CT Bản án số: T 04/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta462566t1cvn/chi-tiet-ban-an
354	CT Bản án số: 163/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta832778t1cvn/chi-tiet-ban-an
355	CT Bản án số: 34/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta730488t1cvn/chi-tiet-ban-an
356	CT Bản án số: 33/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta638070t1cvn/chi-tiet-ban-an
357	CT Bản án số: 3/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta610677t1cvn/chi-tiet-ban-an
358	CT Bản án số: 05/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta610688t1cvn/chi-tiet-ban-an
359	CT Bản án số: 16/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta610691t1cvn/chi-tiet-ban-an
360	CT Bản án số: 21/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta610449t1cvn/chi-tiet-ban-an
361	CT Bản án số: 29/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta609761t1cvn/chi-tiet-ban-an
362	CT Bản án số: 26/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta608885t1cvn/chi-tiet-ban-an
363	CT Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta600844t1cvn/

	24/2020/HS-ST	chi-tiet-ban-an
364	CT Bản án số: 22/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta532770t1cvn/chi-tiet-ban-an
365	CT Bản án số: 03/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta527679t1cvn/chi-tiet-ban-an
366	CT Bản án số: 19/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta527706t1cvn/chi-tiet-ban-an
367	CT Bản án số: 63/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta527709t1cvn/chi-tiet-ban-an
368	CT Bản án số: 07/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta506041t1cvn/chi-tiet-ban-an
369	CT Bản án số: 08/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta506042t1cvn/chi-tiet-ban-an
370	CT Bản án số: 10/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta506060t1cvn/chi-tiet-ban-an
371	CT Bản án số: 41/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta417289t1cvn/chi-tiet-ban-an
372	CT Bản án số: 48/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta417299t1cvn/chi-tiet-ban-an
373	CT Bản án số: 04/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta410940t1cvn/chi-tiet-ban-an
374	CT Bản án số: 38/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta411127t1cvn/chi-tiet-ban-an
375	CT Bản án số: 45/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta411159t1cvn/chi-tiet-ban-an
376	CT Bản án số: 57/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta615358t1cvn/chi-tiet-ban-an
377	CT Bản án số: 15/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta449732t1cvn/chi-tiet-ban-an
378	CT Bản án số: 30/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta404496t1cvn/chi-tiet-ban-an
379	CT Bản án số: 31/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta404501t1cvn/chi-tiet-ban-an
380	CT Bản án số: 26/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta337507t1cvn/chi-tiet-ban-an
381	CT Bản án số: 49/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta438894t1cvn/chi-tiet-ban-an
382	CT Bản án số: 18/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta322976t1cvn/chi-tiet-ban-an
383	CT Bản án số: 13/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta310577t1cvn/chi-tiet-ban-an
384	CT Bản án số: 54/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta621349t1cvn/chi-tiet-ban-an

385	CT Bản án số: 61/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta620509t1cvn/chi-tiet-ban-an
386	CT Bản án số: 57/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta615358t1cvn/chi-tiet-ban-an
387	CT Bản án số: 72/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta615575t1cvn/chi-tiet-ban-an
388	CT Bản án số: 75/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta615584t1cvn/chi-tiet-ban-an
389	CT Bản án số: 13/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta609448t1cvn/chi-tiet-ban-an
390	CT Bản án số: 27/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta602470t1cvn/chi-tiet-ban-an
391	CT Bản án số: 04/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta427763t1cvn/chi-tiet-ban-an
392	CT Bản án số: 148/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta428225t1cvn/chi-tiet-ban-an
393	CT Bản án số: 99/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta428215t1cvn/chi-tiet-ban-an
394	CT Bản án số: 50/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1118817t1cvn/chi-tiet-ban-an
395	CT Bản án số: 47/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1118813t1cvn/chi-tiet-ban-an
396	CT Bản án số: 45/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1092948t1cvn/chi-tiet-ban-an
397	CT Bản án số: 09/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1051583t1cvn/chi-tiet-ban-an
398	CT Bản án số: 32/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1036769t1cvn/chi-tiet-ban-an
399	CT Bản án số: 32/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1036822t1cvn/chi-tiet-ban-an
400	CT Bản án số: 16/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1036834t1cvn/chi-tiet-ban-an
401	CT Bản án số: 13/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta981866t1cvn/chi-tiet-ban-an
402	CT Bản án số: 30/2022/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta975558t1cvn/chi-tiet-ban-an
403	CT Bản án số: 20/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta926955t1cvn/chi-tiet-ban-an
404	CT Bản án số: 08/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta865695t1cvn/chi-tiet-ban-an
405	CT Bản án số: 06/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta683833t1cvn/chi-tiet-ban-an
406	CT Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1244498t1cvn

	22/2022/HSST	/chi-tiet-ban-an
407	CT Bản án số: 28/2022/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1244531t1cvn/chi-tiet-ban-an
408	CT Bản án số: 34/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1116341t1cvn/chi-tiet-ban-an
409	CT Bản án số: 31/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1106669t1cvn/chi-tiet-ban-an
410	CT Bản án số: 11/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1012379t1cvn/chi-tiet-ban-an
411	CT Bản án số: 36/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta888415t1cvn/chi-tiet-ban-an
412	CT Bản án số: 37/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta888416t1cvn/chi-tiet-ban-an
413	CT Bản án số: 01/2022/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta837269t1cvn/chi-tiet-ban-an
414	CT Bản án số: 30/2021/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta827646t1cvn/chi-tiet-ban-an
416	CT Bản án số: 31/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta827276t1cvn/chi-tiet-ban-an
417	CT Bản án số: 09/2021/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta792572t1cvn/chi-tiet-ban-an
418	CT Bản án số: 17/2021/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta792581t1cvn/chi-tiet-ban-an
419	CT Bản án số: 06/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta671084t1cvn/chi-tiet-ban-an
420	CT Bản án số: 07/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta671104t1cvn/chi-tiet-ban-an
420	CT Bản án số: 45/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1245994t1cvn/chi-tiet-ban-an
421	CT Bản án số: 08/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta764340t1cvn/chi-tiet-ban-an
422	CT Bản án số: 30/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1214967t1cvn/chi-tiet-ban-an
423	CT Bản án số: 54/2022/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1078261t1cvn/chi-tiet-ban-an
424	CT Bản án số: 20/2022/HNGĐ.ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1061257t1cvn/chi-tiet-ban-an
425	CT Bản án số: 13/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1053249t1cvn/chi-tiet-ban-an
426	CT Bản án số: 50/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta862448t1cvn/chi-tiet-ban-an
427	CT Bản án số: 38/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta862446t1cvn/chi-tiet-ban-an

428	CT Bản án số: 10/2021/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta774760t1cvn/chi-tiet-ban-an
429	CT Bản án số: 47/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta812004t1cvn/chi-tiet-ban-an
430	CT Bản án số: 43/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta808652t1cvn/chi-tiet-ban-an
431	CT Bản án số: 44/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta804129t1cvn/chi-tiet-ban-an
432	CT Bản án số: 37/2021/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta802589t1cvn/chi-tiet-ban-an
433	CT Bản án số: 35/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta800862t1cvn/chi-tiet-ban-an
434	CT Bản án số: 23/2021/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta769468t1cvn/chi-tiet-ban-an
435	CT Bản án số: 14/2021/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta751000t1cvn/chi-tiet-ban-an
436	CT Bản án số: 13/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta750159t1cvn/chi-tiet-ban-an
437	CT Bản án số: 29/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta750156t1cvn/chi-tiet-ban-an
438	CT Bản án số: 18/2021/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta750060t1cvn/chi-tiet-ban-an
439	CT Bản án số: 56/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1811386t1cvn/chi-tiet-ban-an
440	CT Bản án số: 02/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1438497t1cvn/chi-tiet-ban-an
441	CT Bản án số: 03/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1438025t1cvn/chi-tiet-ban-an
442	CT Bản án số: 29/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1438039t1cvn/chi-tiet-ban-an
443	CT Bản án số: 23/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1381046t1cvn/chi-tiet-ban-an
444	CT Bản án số: 06/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1316570t1cvn/chi-tiet-ban-an
445	CT Bản án số: 07/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1311088t1cvn/chi-tiet-ban-an
446	CT Bản án số: 68/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1755906t1cvn/chi-tiet-ban-an
447	CT Bản án số: 64/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1755811t1cvn/chi-tiet-ban-an
448	CT Bản án số: 63/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1755751t1cvn/chi-tiet-ban-an
449	CT Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1755668t1cvn

	44/2024/HS-ST	/chi-tiet-ban-an
450	CT Bản án số: 03/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1739102t1cvn/chi-tiet-ban-an
451	CT Bản án số: 48/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1731989t1cvn/chi-tiet-ban-an
452	CT Bản án số: 36/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1624599t1cvn/chi-tiet-ban-an
453	CT Bản án số: 02/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1617463t1cvn/chi-tiet-ban-an
454	CT Bản án số: 53/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1617510t1cvn/chi-tiet-ban-an
455	CT Bản án số: 52/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1617570t1cvn/chi-tiet-ban-an
456	CT Bản án số: 19/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1617611t1cvn/chi-tiet-ban-an
457	CT Bản án số: 51/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1617650t1cvn/chi-tiet-ban-an
458	CT Bản án số: 20/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1521662t1cvn/chi-tiet-ban-an
459	CT Bản án số: 10/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1520120t1cvn/chi-tiet-ban-an
460	CT Bản án số: 12/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1520111t1cvn/chi-tiet-ban-an
461	CT Bản án số: 15/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1477896t1cvn/chi-tiet-ban-an
462	CT Bản án số: 07/2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1467580t1cvn/chi-tiet-ban-an
463	CT Bản án số: 08/2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1467583t1cvn/chi-tiet-ban-an
464	CT Bản án số: 56/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1440720t1cvn/chi-tiet-ban-an
465	CT Bản án số: 49/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1387878t1cvn/chi-tiet-ban-an
466	CT Bản án số: 45/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1384052t1cvn/chi-tiet-ban-an
467	CT Bản án số: 47/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1383526t1cvn/chi-tiet-ban-an
468	CT Bản án số: 23/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1367138t1cvn/chi-tiet-ban-an
469	CT Bản án số: 43/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1359859t1cvn/chi-tiet-ban-an
470	CT Bản án số: 30/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1324132t1cvn/chi-tiet-ban-an

471	CT Bản án số: 25/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1315491t1cvn/chi-tiet-ban-an
472	CT Bản án số: 26/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1309840t1cvn/chi-tiet-ban-an
473	CT Bản án số: 03/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1244496t1cvn/chi-tiet-ban-an
474	CT Bản án số: 07/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1455287t1cvn/chi-tiet-ban-an
475	CT Bản án số: 48/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1599651t1cvn/chi-tiet-ban-an
476	CT Bản án số: 26/2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1488983t1cvn/chi-tiet-ban-an
477	CT Bản án số: 14/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1344152t1cvn/chi-tiet-ban-an
478	CT Bản án số: 63/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1323711t1cvn/chi-tiet-ban-an
479	CT Bản án số: 65/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1320307t1cvn/chi-tiet-ban-an
480	CT Bản án số: 74/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1278254t1cvn/chi-tiet-ban-an
481	CT Bản án số: 66/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1278113t1cvn/chi-tiet-ban-an
482	CT Bản án số: 55/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1274299t1cvn/chi-tiet-ban-an
483	CT Bản án số: 51/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1242868t1cvn/chi-tiet-ban-an
484	CT Bản án số: 41/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1236314t1cvn/chi-tiet-ban-an
485	CT Bản án số: 54/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1232183t1cvn/chi-tiet-ban-an
486	CT Bản án số: 08/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1120897t1cvn/chi-tiet-ban-an
487	CT Bản án số: 177/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1965684t1cvn/chi-tiet-ban-an
488	CT Bản án số: 69/2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1696610t1cvn/chi-tiet-ban-an
489	CT Bản án số: 122/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1269620t1cvn/chi-tiet-ban-an
490	CT Bản án số: 111/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1261907t1cvn/chi-tiet-ban-an
491	CT Bản án số: 53/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1647621t1cvn/chi-tiet-ban-an
492	CT Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1519166t1cvn

	39/2024/HSST	/chi-tiet-ban-an
493	CT Bản án số: 41/2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1530357t1cvn/chi-tiet-ban-an
494	CT Bản án số: 12/2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1536963t1cvn/chi-tiet-ban-an
495	CT Bản án số: 22/2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1537523t1cvn/chi-tiet-ban-an
496	CT Bản án số: 55/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1305777t1cvn/chi-tiet-ban-an
497	CT Bản án số: 18/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1314662t1cvn/chi-tiet-ban-an
498	CT Bản án số: 59/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1361810t1cvn/chi-tiet-ban-an
499	CT Bản án số: 63/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1353020t1cvn/chi-tiet-ban-an
500	CT Bản án số: 41/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1316506t1cvn/chi-tiet-ban-an
501	CT Bản án số: 15/2026/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2109546t1cvn/chi-tiet-ban-an
502	CT Bản án số: 16/2026/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2101620t1cvn/chi-tiet-ban-an
503	CT Bản án số: 08/2026/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2101525t1cvn/chi-tiet-ban-an
504	CT Bản án số: 02/2026/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2056233t1cvn/chi-tiet-ban-an
505	CT Bản án số: 01/2026/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2043133t1cvn/chi-tiet-ban-an
506	CT Bản án số: 61/2025/HS – ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2043098t1cvn/chi-tiet-ban-an
507	CT Bản án số: 56/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1994010t1cvn/chi-tiet-ban-an
508	CT Bản án số: 20/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1987676t1cvn/chi-tiet-ban-an
509	CT Bản án số: 42/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1971377t1cvn/chi-tiet-ban-an
510	CT Bản án số: 39/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1960261t1cvn/chi-tiet-ban-an
511	CT Bản án số: 35/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1926814t1cvn/chi-tiet-ban-an
512	CT Bản án số: 11/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1851514t1cvn/chi-tiet-ban-an
513	CT Bản án số: 17/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1811371t1cvn/chi-tiet-ban-an

514	CT Bản án số: 16/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1800029t1cvn/chi-tiet-ban-an
515	CT Bản án số: 08/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1756153t1cvn/chi-tiet-ban-an
516	CT Bản án số: 04/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1726524t1cvn/chi-tiet-ban-an
517	CT Bản án số: 08/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1839947t1cvn/chi-tiet-ban-an
518	CT Bản án số: 17/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1839853t1cvn/chi-tiet-ban-an
519	CT Bản án số: 07/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1799788t1cvn/chi-tiet-ban-an
520	CT Bản án số: 15/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1794990t1cvn/chi-tiet-ban-an
521	CT Bản án số: 01/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1737420t1cvn/chi-tiet-ban-an
522	CT Bản án số: 32/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1818301t1cvn/chi-tiet-ban-an
523	CT Bản án số: 19/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1762981t1cvn/chi-tiet-ban-an
524	CT Bản án số: 16/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1761417t1cvn/chi-tiet-ban-an
525	CT Bản án số: 15/2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1822338t1cvn/chi-tiet-ban-an
526	HP Bản án số: 50/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2082992t1cvn/chi-tiet-ban-an
527	HP Bản án số: 49/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta841769t1cvn/chi-tiet-ban-an
528	HP Bản án số: 44/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta824298t1cvn/chi-tiet-ban-an
529	HP Bản án số: 46/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta823530t1cvn/chi-tiet-ban-an
530	HP Bản án số: 41/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta815414t1cvn/chi-tiet-ban-an
531	HP Bản án số: 34/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta804557t1cvn/chi-tiet-ban-an
532	HP Bản án số: 37/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta804839t1cvn/chi-tiet-ban-an
533	HP Bản án số: 33/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta804454t1cvn/chi-tiet-ban-an
534	HP Bản án số: 36/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta800634t1cvn/chi-tiet-ban-an
535	HP Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta800090t1cvn/

	35/2021/HS-ST	chi-tiet-ban-an
536	HP Bản án số: 26/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta755023t1cvn/chi-tiet-ban-an
537	HP Bản án số: 25/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta743814t1cvn/chi-tiet-ban-an
538	HP Bản án số: 23/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta742966t1cvn/chi-tiet-ban-an
539	HP Bản án số: 21/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta722677t1cvn/chi-tiet-ban-an
540	HP Bản án số: 18/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta721438t1cvn/chi-tiet-ban-an
541	HP Bản án số: 12/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta701585t1cvn/chi-tiet-ban-an
542	HP Bản án số: 10/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta696925t1cvn/chi-tiet-ban-an
543	HP Bản án số: 05/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta672406t1cvn/chi-tiet-ban-an
544	HP Bản án số: 07/2021/HS-ST	http://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta661365t1cvn/chi-tiet-ban-an
545	HP Bản án số: 04/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta657468t1cvn/chi-tiet-ban-an
546	HP Bản án số: 43/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta643478t1cvn/chi-tiet-ban-an
547	HP Bản án số: 41/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta643492t1cvn/chi-tiet-ban-an
548	HP Bản án số: 39/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta642521t1cvn/chi-tiet-ban-an
549	HP Bản án số: 38/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta630480t1cvn/chi-tiet-ban-an
550	HP Bản án số: 34/2020/HS-ST	http://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta622800t1cvn/chi-tiet-ban-an
551	HP Bản án số: 30/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta613712t1cvn/chi-tiet-ban-an
552	HP Bản án số: 31/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta613713t1cvn/chi-tiet-ban-an
553	HP Bản án số: 20/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta542780t1cvn/chi-tiet-ban-an
554	HP Bản án số: 21/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta540324t1cvn/chi-tiet-ban-an
555	HP Bản án số: 18/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta530177t1cvn/chi-tiet-ban-an
556	HP Bản án số: 17/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta518102t1cvn/chi-tiet-ban-an

557	HP Bản án số: 12/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta498347t1cvn/chi-tiet-ban-an
558	HP Bản án số: 13/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta495214t1cvn/chi-tiet-ban-an
559	HP Bản án số: 05/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta465712t1cvn/chi-tiet-ban-an
560	HP Bản án số: 04/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta462516t1cvn/chi-tiet-ban-an
561	HP Bản án số: 03/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta452645t1cvn/chi-tiet-ban-an
562	HP Bản án số: 57/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta446150t1cvn/chi-tiet-ban-an
563	HP Bản án số: 55/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta436100t1cvn/chi-tiet-ban-an
564	HP Bản án số: 53/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta434599t1cvn/chi-tiet-ban-an
565	HP Bản án số: 51/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta428128t1cvn/chi-tiet-ban-an
566	HP Bản án số: 49/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425520t1cvn/chi-tiet-ban-an
567	HP Bản án số: 40/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta366622t1cvn/chi-tiet-ban-an
568	HP Bản án số: 38/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta366546t1cvn/chi-tiet-ban-an
569	HP Bản án số: 35/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta360740t1cvn/chi-tiet-ban-an
570	HP Bản án số: 33/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta346523t1cvn/chi-tiet-ban-an
571	HP Bản án số: 29/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta344421t1cvn/chi-tiet-ban-an
572	HP Bản án số: 30/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta344420t1cvn/chi-tiet-ban-an
573	HP Bản án số: 26/2019/HS-ST	http://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta328675t1cvn/chi-tiet-ban-an
574	HP Bản án số: 28/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta323892t1cvn/chi-tiet-ban-an
575	HP Bản án số: 17/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta299045t1cvn/chi-tiet-ban-an
576	HP Bản án số: 14/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta271860t1cvn/chi-tiet-ban-an
577	HP Bản án số: 11/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta265872t1cvn/chi-tiet-ban-an
578	HP Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta260427t1cvn/

	07/2019/HS-ST	chi-tiet-ban-an
579	HP Bản án số: 08/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta260433t1cvn/chi-tiet-ban-an
580	HP Bản án số: 05/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta248940t1cvn/chi-tiet-ban-an
581	HP Bản án số: 06/2019/HS-ST	http://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta247862t1cvn/chi-tiet-ban-an
582	HP Bản án số: 03/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta246104t1cvn/chi-tiet-ban-an
583	HP Bản án số: 02/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta245285t1cvn/chi-tiet-ban-an
584	HUE Bản án: số 09/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta261629t1cvn/chi-tiet-ban-an
585	HUE Bản án: số 07/2019/HS-PT	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta239556t1cvn/chi-tiet-ban-an
586	H Bản án:số 11 /2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta278619t1cvn/chi-tiet-ban-an
587	HUE Bản án:số 07 /2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta278657t1cvn/chi-tiet-ban-an
588	HUE Bản án:số 06 /2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta278785t1cvn/chi-tiet-ban-an
589	HUE Bản án:số 01/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta297055t1cvn/chi-tiet-ban-an
590	HUE Bản án:số 15/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta314659t1cvn/chi-tiet-ban-an
591	HUE Bản án:số 27/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta318800t1cvn/chi-tiet-ban-an
592	H Bản án:số 23/2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta352841t1cvn/chi-tiet-ban-an
593	H Bản án:số 46 /2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425049t1cvn/chi-tiet-ban-an
594	H Bản án:số 03/2019/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426466t1cvn/chi-tiet-ban-an
595	H Bản án:số 28 /2019/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425070t1cvn/chi-tiet-ban-an
596	*HUE Bản án: số 39 /2018/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta278636t1cvn/chi-tiet-ban-an
597	*HUE Bản án: số 19 /2019/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta278686t1cvn/chi-tiet-ban-an
598	*HUE Bản án: số 22/2019/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta301578t1cvn/

		chi-tiet-ban-an
599	*HUE Bản án: số 08/2019/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta352842t1cvn/chi-tiet-ban-an
600	*HUE Bản án: số 42/2019/HS- ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta365406t1cvn/chi-tiet-ban-an
601	*HUE Bản án: số 16/2019/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta393130t1cvn/chi-tiet-ban-an
602	*HUE Bản án: số 40/2019/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta423486t1cvn/chi-tiet-ban-an
603	*HUE Bản án: số 37 /2019/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta425047t1cvn/chi-tiet-ban-an
604	*HUE Bản án: số 52/2019/HSST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426417t1cvn/chi-tiet-ban-an
605	*HUE Bản án: số 41/2019/HSST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426459t1cvn/chi-tiet-ban-an
606	*HUE Bản án: số 47/2019/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta430359t1cvn/chi-tiet-ban-an
607	*HUE Bản án: số 59/2019/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta426417t1cvn/chi-tiet-ban-an
608	H Bản án:số 28/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta528307t1cvn/chi-tiet-ban-an
609	H Bản án:số 61 ngày 04/11/2020	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta624122t1cvn/chi-tiet-ban-an
610	H Bản án:số 25/2020/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta563060t1cvn/chi-tiet-ban-an
611	H Bản án:số 44/2021/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta746825t1cvn/chi-tiet-ban-an
612	*HUE Bản án:số 61/2024/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1793950t1cvn/chi-tiet-ban-an
613	*HUE Bản án số: 17/2025/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1793926t1cvn/chi-tiet-ban-an
614	*HUE Bản án: số 58/2019/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta438222t1cvn/chi-tiet-ban-an
615	*HUE Bản án: số 62/HSST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta449591t1cvn/chi-tiet-ban-an

616	*HUE Bản án: số 09/2020/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta474009t1cvn/chi-tiet-ban-an
617	*HUE Bản án: số 08/HSST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta476172t1cvn/chi-tiet-ban-an
618	*HUE Bản án:số 15/2025/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1793957t1cvn/chi-tiet-ban-an
619	*HUE Bản án số:20/2020/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta513407t1cvn/chi-tiet-ban-an
620	*HUE Bản án: số 33* /2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta521487t1cvn/chi-tiet-ban-an
621	*HUE Bản án: số 27/2020/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta528308t1cvn/chi-tiet-ban-an
622	*HUE Bản án: số 15/2020/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta589664t1cvn/chi-tiet-ban-an
623	*HUE Bản án: số 17/2020/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta589689t1cvn/chi-tiet-ban-an
624	*HUE Bản án: số 75/2020/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta646219t1cvn/chi-tiet-ban-an
625	*HUE Bản án: số 69/2020/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta656397t1cvn/chi-tiet-ban-an
626	H Bản án:số 20/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta753039t1cvn/chi-tiet-ban-an
627	H Bản án:số 27/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta757849t1cvn/chi-tiet-ban-an
628	H Bản án:số 38/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta757775t1cvn/chi-tiet-ban-an
629	H Bản án:số 32/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta969002t1cvn/chi-tiet-ban-an
630	*HUE Bản án: số 15/2021/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta687316t1cvn/chi-tiet-ban-an
631	*HUE Bản án: số 21/2020/HSST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta562221t1cvn/chi-tiet-ban-an
632	*HUE Bản án: số 18/2021/HSST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta696104t1cvn/chi-tiet-ban-an

633	*HUE Bản án: số 19/2021/HSST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta696108t1cvn/chi-tiet-ban-an
634	*HUE Bản án: số 49/2021/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta748803t1cvn/chi-tiet-ban-an
635	*HUE Bản án: số 06/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta893760t1cvn/chi-tiet-ban-an
636	*HUE Bản án: số 16/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta896766t1cvn/chi-tiet-ban-an
637	*HUE Bản án: số 52-2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta936526t1cvn/chi-tiet-ban-an
638	*HUE Bản án: số 34/2022/HSST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta976225t1cvn/chi-tiet-ban-an
639	*HUE Bản án: số 36/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta990134t1cvn/chi-tiet-ban-an
640	*HUE Bản án: số 24/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1003787t1cvn/chi-tiet-ban-an
641	*HUE Bản án: số 27/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1003777t1cvn/chi-tiet-ban-an
642	*HUE Bản án: số 31/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1066714t1cvn/chi-tiet-ban-an
643	*HUE Bản án: số 38a/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1066701t1cvn/chi-tiet-ban-an
644	*HUE Bản án: số : 86/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1139081t1cvn/chi-tiet-ban-an
645	HUE Bản án số: 80/2022/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1107390t1cvn/chi-tiet-ban-an
646	*HUE Bản án: số 86/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1176601t1cvn/chi-tiet-ban-an
647	HUE Bản án: số 24/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1176601t1cvn/chi-tiet-ban-an
648	*HUE Bản án: số 22/2023/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1199746t1cvn/chi-tiet-ban-an

649	HUE Bản án: số 03/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1162863t1cvn/chi-tiet-ban-an
650	*HUE Bản án: số 40/2023/HS-St*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1200399t1cvn/chi-tiet-ban-an
651	*HUE Bản án: số 13/2023/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1216819t1cvn/chi-tiet-ban-an
652	HUE Bản án: số 43/2023/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1314461t1cvn/chi-tiet-ban-an
653	*HUE Bản án: số 16/2023/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1343475t1cvn/chi-tiet-ban-an
654	*HUE Bản án: số 66/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1343458t1cvn/chi-tiet-ban-an
655	*HUE Bản án: số 63/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1343529t1cvn/chi-tiet-ban-an
656	*HUE Bản án: số 91/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1343559t1cvn/chi-tiet-ban-an
657	*HUE Bản án: số 85/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1343562t1cvn/chi-tiet-ban-an
658	*HUE Bản án: số 53/2023/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1343536t1cvn/chi-tiet-ban-an
659	*HUE Bản án: số 65/2022/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1343594t1cvn/chi-tiet-ban-an
660	*HUE Bản án: số 23/2023/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1343619t1cvn/chi-tiet-ban-an
661	HCM Bản án số: 14/2025/HS-ST	Bản án: số 14/2025/HS-ST ngày 27/03/2025 của TAND huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh bị cáo Nguyễn Văn Hồ Vũ phạm tội "Cố ý gây thương tích" - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - bị cáo Nguyễn Văn Hồ Vũ phạm tội "Cố ý gây thương tích" Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác
662	HCM Bản án số: 12/2025/HS-ST	Bản án: số 12/2025/HSST ngày 21/03/2025 của TAND huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh Huỳnh

		Văn Minh và đồng phạm - phạm tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai (điều 173 Bộ luật hình sự năm 1999) - Huỳnh Văn Minh và đồng phạm Tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai
663	HCM Bản án số: 53/2024/HS-ST	Bản án: số 53 ngày 22/11/2024 của TAND huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh võ văn thanh trộm cắp tài sản - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - võ văn thanh trộm cắp tài sản Tội trộm cắp tài sản
664	HCM Bản án số: 26/2024/HS-ST	Bản án: số hoàng văn m ngày 26/07/2024 của TAND huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh hoàng văn m - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác (điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999) - hoàng văn m Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác
665	HCM Bản án số: 37/2024/HS-ST	Bản án: số 37 ngày 21/08/2024 của TAND huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh Trộm cắp tài sản - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Trộm cắp tài sản Tội trộm cắp tài sản
666	HCM Bản án số: 110/2025/HSST	Bản án: số 110 ngày 17/04/2025 của TAND huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Thi D - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Nguyễn Thi D Tội trộm cắp tài sản
667	HCM Bản án số: 70/2025/HS-ST	Bản án: số 70 ngày 17/03/2025 của TAND huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh Võ Hoài N - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Võ Hoài N Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác
668	HCM Bản án số: 208/2025/HS-ST	Bản án: số 208 ngày 20/09/2025 của TAND huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh Trộm cắp tài sản - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Trộm cắp tài sản Tội trộm cắp tài sản
669	HCM Bản án số: 42/2024/HSST	Bản án: số 42 ngày 01/03/2024 của TAND huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh Lê Văn Tài - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Lê Văn Tài Tội trộm cắp tài sản

670	HCM Bản án số: 20/2025/HSST	Bản án: số 20 ngày 22/01/2025 của TAND huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh Cướp giật tài sản - phạm tội cướp giật tài sản (điều 171 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Cướp giật tài sản Tội cướp giật tài sản
671	HCM Bản án số: 07/2025/HSST	Bản án: số 07 ngày 13/01/2025 của TAND huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Hoài K - Trộm cắp tài sản - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Nguyễn Hoài K - Trộm cắp tài sản Tội trộm cắp tài sản
672	HCM Bản án số: 146/2025/HS-ST	Bản án: số 146 ngày 03/06/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Trần Minh Hoàng - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Trần Minh Hoàng Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác
673	HCM Bản án số: 137/2025/HS-ST	Bản án: số 137 ngày 29/05/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Đỗ Trung Dũng cùng đồng phạm - phạm tội cưỡng đoạt tài sản (điều 170 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Đỗ Trung Dũng cùng đồng phạm Tội cưỡng đoạt tài sản
674	HCM Bản án số: 102/2025/HS-ST	Bản án: số 102 ngày 23/04/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Trung Nghĩa - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Nguyễn Trung Nghĩa Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
675	HCM Bản án số: 81/2025/HS-ST	Bản án: số 81 ngày 25/03/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Trộm cắp tài sản - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Trộm cắp tài sản Tội trộm cắp tài sản
676	HCM Bản án số: 127/2025/HS-ST	Bản án: số 127 ngày 22/05/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Trộm cắp tài sản - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Trộm cắp tài sản Tội trộm cắp tài sản
677	HCM Bản án số: 89/2025/HS-ST	Bản án: số 89 ngày 28/03/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Cố ý làm hư hỏng tài sản - phạm tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng

		tài sản (điều 178 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Cố ý làm hư hỏng tài sản Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản
678	HCM Bản án số: 105/2025/HS-ST	Bản án: số 105 ngày 23/04/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Trộm cắp tài sản - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Trộm cắp tài sản Tội trộm cắp tài sản
679	HCM Bản án số: 86/2025/HS-ST	Bản án: số 86 ngày 26/03/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Trộm cắp tài sản - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Trộm cắp tài sản Tội trộm cắp tài sản
680	HCM Bản án số: 45/2025/HS-ST	Bản án: số 45 ngày 19/02/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Cướp giật tài sản - phạm tội cướp giật tài sản (điều 171 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Cướp giật tài sản Tội cướp giật tài sản
681	HCM Bản án số: 85/2025/HS-ST	Bản án: số 85 ngày 26/03/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Cố ý gây thương tích - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Cố ý gây thương tích Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác
682	HCM Bản án số: 109/2025/HS-ST	Bản án: số 109 ngày 25/04/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Trộm cắp tài sản - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Trộm cắp tài sản Tội trộm cắp tài sản
683	HCM Bản án số: 55/2025/HS-ST	Bản án: số 55/2025/HS-ST ngày 27/02/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh bị cáo Lê Hoàng A đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - bị cáo Lê Hoàng A đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác
684	HCM Bản án số: 56/2025/HS-ST	Bản án: số 56/2025/HS-ST ngày 27/02/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ

		sung một số điều của BLHS năm 2015) - bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" Tội trộm cắp tài sản
685	HCM Bản án số: 58/2025/HS-ST	Bản án: số 58/2025/HS-ST ngày 27/02/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" Tội trộm cắp tài sản
686	HCM Bản án số: 57/2025/HS-ST	Bản án: số 57/2025/HS-ST ngày 27/02/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh bị cáo Hồ Văn M đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - bị cáo Hồ Văn M đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" Tội trộm cắp tài sản
686	HCM Bản án số: 66/2025/HS-ST	Bản án: số 66 ngày 07/03/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Đoàn Thanh Thuân - phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điều 134 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Đoàn Thanh Thuân Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác
687	HCM Bản án số: 45/2024/HS-ST	Bản án: số 45 ngày 06/03/2024 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Hồ Thanh Minh - phạm tội cướp tài sản (điều 168 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Hồ Thanh Minh Tội cướp tài sản
688	HCM Bản án số: 50/2025/HS-ST	Bản án: số 50 ngày 25/02/2025 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Hồ Văn Chơn - phạm tội cướp tài sản (điều 168 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Hồ Văn Chơn Tội cướp tài sản
689	HCM Bản án số: 295/2024/HS-ST	Bản án: số 295 ngày 03/12/2024 của TAND huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh Huỳnh Thanh Nhã - phạm tội trộm cắp tài sản (điều 173 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015) - Huỳnh Thanh Nhã Tội trộm cắp tài sản
690	HN Bản án số: 537/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1705873t1cvn/chi-tiet-ban-an
691	HN Bản án số: 199/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1617612t1cvn/chi-tiet-ban-an

692	HN Bản án số: 558/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1609731t1cvn/chi-tiet-ban-an
693	HN Bản án số: 603/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1605110t1cvn/chi-tiet-ban-an
694	HN Bản án số: 502/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1593051t1cvn/chi-tiet-ban-an
695	HN Bản án số: 623/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1558119t1cvn/chi-tiet-ban-an
696	HN Bản án số: 555/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1528806t1cvn/chi-tiet-ban-an
697	HN Bản án số: 579/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1506242t1cvn/chi-tiet-ban-an
698	HN Bản án số: 588/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1493845t1cvn/chi-tiet-ban-an
699	HN Bản án số: 587/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1493536t1cvn/chi-tiet-ban-an
700	HN Bản án số: 592/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1492179t1cvn/chi-tiet-ban-an
701	HN Bản án số: 560/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1489841t1cvn/chi-tiet-ban-an
702	HN Bản án số: 567/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1388812t1cvn/chi-tiet-ban-an
703	HN Bản án số: 468/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1424430t1cvn/chi-tiet-ban-an
704	HN Bản án số: 502/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1424445t1cvn/chi-tiet-ban-an
705	HN Bản án số: 579/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1404311t1cvn/chi-tiet-ban-an
706	HN Bản án số: 600/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1399986t1cvn/chi-tiet-ban-an
707	HN Bản án số: 541/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1399984t1cvn/chi-tiet-ban-an
708	HN Bản án số: 433/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1369207t1cvn/chi-tiet-ban-an
709	HN Bản án số: 434/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1363692t1cvn/chi-tiet-ban-an
710	HN Bản án số: 303/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1342632t1cvn/chi-tiet-ban-an
711	HN Bản án số: 268/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1342665t1cvn/chi-tiet-ban-an
712	HN Bản án số: 258/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1342675t1cvn/chi-tiet-ban-an
713	HN Bản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1255853t1cvn

	177/2023/HS-ST	/chi-tiet-ban-an
714	HN Bản án số: 232/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1255834t1cvn/chi-tiet-ban-an
715	HCMBản án số: 30/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2082992t1cvn/chi-tiet-ban-an
716	HCMBản án số: 254/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1641234t1cvn/chi-tiet-ban-an
717	HCMBản án số: 256/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1641161t1cvn/chi-tiet-ban-an
718	HCMBản án số: 27/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1641114t1cvn/chi-tiet-ban-an
719	HCMBản án số: 258/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1641011t1cvn/chi-tiet-ban-an
720	HCMBản án số: 233/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1463981t1cvn/chi-tiet-ban-an
721	HCMBản án số: 106/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1464080t1cvn/chi-tiet-ban-an
722	HCMBản án số: 199/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1464472t1cvn/chi-tiet-ban-an
723	HCMBản án số: 156/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1464534t1cvn/chi-tiet-ban-an
724	HCMBản án số: 113/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1464569t1cvn/chi-tiet-ban-an
725	HCMBản án số: 114/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1471911t1cvn/chi-tiet-ban-an
726	HCMBản án số: 211/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1472352t1cvn/chi-tiet-ban-an
727	HCMBản án số: 39/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1592843t1cvn/chi-tiet-ban-an
728	HCMBản án số: 37/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1559567t1cvn/chi-tiet-ban-an
729	HCMBản án số: 29/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1448833t1cvn/chi-tiet-ban-an
730	HCMBản án số: 295/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1448837t1cvn/chi-tiet-ban-an
731	HCMBản án số: 281/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1447255t1cvn/chi-tiet-ban-an
732	HCMBản án số: 05/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1447217t1cvn/chi-tiet-ban-an
733	HCMBản án số: 12/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1438899t1cvn/chi-tiet-ban-an
734	HCMBản án số: 30/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1436965t1cvn/chi-tiet-ban-an

735	HCMBản án số: 248/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1436994t1cvn/chi-tiet-ban-an
736	HCMBản án số: 263/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1437044t1cvn/chi-tiet-ban-an
737	HCMBản án số: 303/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1437197t1cvn/chi-tiet-ban-an
738	HCMBản án số: 266/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1437198t1cvn/chi-tiet-ban-an
739	HCMBản án số: 298/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1434285t1cvn/chi-tiet-ban-an
740	HCMBản án số: 25/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1431715t1cvn/chi-tiet-ban-an
741	HCMBản án số: 260/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1428273t1cvn/chi-tiet-ban-an
742	HCMBản án số: 292/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1426983t1cvn/chi-tiet-ban-an
743	HCMBản án số: 297/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1426519t1cvn/chi-tiet-ban-an
744	HCMBản án số: 240/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1426551t1cvn/chi-tiet-ban-an
745	HCMBản án số: 207/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1426564t1cvn/chi-tiet-ban-an
746	HCMBản án số: 174/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1426568t1cvn/chi-tiet-ban-an
747	HCMBản án số: 227/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1426654t1cvn/chi-tiet-ban-an
748	HCMBản án số: 306/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1426665t1cvn/chi-tiet-ban-an
749	HCMBản án số: 21/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1423423t1cvn/chi-tiet-ban-an
750	HCMBản án số: 33/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1423493t1cvn/chi-tiet-ban-an
751	HCMBản án số: 17/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1423503t1cvn/chi-tiet-ban-an
752	HCMBản án số: 24/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1423522t1cvn/chi-tiet-ban-an
753	HCMBản án số: 223/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1417387t1cvn/chi-tiet-ban-an
754	HCMBản án số: 237/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1417395t1cvn/chi-tiet-ban-an
755	HCMBản án số: 243/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1417396t1cvn/chi-tiet-ban-an
756	HCMBản án số:	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1417408t1cvn

	270/2023/HS-ST	/chi-tiet-ban-an
757	HCMBản án số: 284/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1417415t1cvn/chi-tiet-ban-an
758	HCMBản án số: 208/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1417418t1cvn/chi-tiet-ban-an
759	HCMBản án số: 242/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1417419t1cvn/chi-tiet-ban-an
760	HCMBản án số: 296/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1417424t1cvn/chi-tiet-ban-an
761	*HUE Bản án số: 39/2024/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1544312t1cvn/chi-tiet-ban-an
762	*HUE Bản án:số 34/2024/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1544291t1cvn/chi-tiet-ban-an
763	*HUE Bản án số: 07/2024/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1448054t1cvn/chi-tiet-ban-an
764	*HUE Bản án:số 90/2024/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1659671t1cvn/chi-tiet-ban-an
765	*HUE Bản án:số 43/2024/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1659656t1cvn/chi-tiet-ban-an
766	HUE Bản án:số 16/2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1666359t1cvn/chi-tiet-ban-an
767	*HUE Bản án:số 08* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1656034t1cvn/chi-tiet-ban-an
768	*HUE Bản án:số 15* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1652068t1cvn/chi-tiet-ban-an
769	HUE Bản án:số 10/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1650062t1cvn/chi-tiet-ban-an
770	*HUE Bản án:số 14* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1594978t1cvn/chi-tiet-ban-an
771	*HUE Bản án:số 12* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1539174t1cvn/chi-tiet-ban-an
772	*HUE Bản án:số 08*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1504234t1cvn/chi-tiet-ban-an

	/2024/HSST	
773	*HUE Bản án:số 04* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1449011t1cvn/chi-tiet-ban-an
774	*HUE Bản án:số 12* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1671536t1cvn/chi-tiet-ban-an
775	*HUE Bản án:số 10* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1661294t1cvn/chi-tiet-ban-an
776	*HUE Bản án:số 11* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1560367t1cvn/chi-tiet-ban-an
777	*HUE Bản án:số 04* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1560341t1cvn/chi-tiet-ban-an
778	*HUE Bản án:số 07* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1553813t1cvn/chi-tiet-ban-an
779	*HUE Bản án:số 03* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1435475t1cvn/chi-tiet-ban-an
780	*HUE Bản án:số 333* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1699512t1cvn/chi-tiet-ban-an
781	*HUE Bản án:số 324/2024/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1694625t1cvn/chi-tiet-ban-an
782	*HUE Bản án:số 297* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1683386t1cvn/chi-tiet-ban-an
783	*HUE Bản án:số 275* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1683405t1cvn/chi-tiet-ban-an
784	*HUE Bản án:số 244* /2024/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1657331t1cvn/chi-tiet-ban-an
785	HUE Bản án:số 01/2025/HSS	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1887974t1cvn/chi-tiet-ban-an
786	HUE Bản án:số 95/2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1931440t1cvn/chi-tiet-ban-an
787	HUE Bản án:số 04/2025/HSS	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1940746t1cvn/chi-tiet-ban-an
788	*HUE Bản án:số 12/2025/HSST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1940719t1cvn/chi-tiet-ban-an

789	*HUE Bản án:số 01/2025/HSST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1947712t1cvn/chi-tiet-ban-an
790	*HUE Bản án:số 09/2025/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1949882t1cvn/chi-tiet-ban-an
791	*HUE Bản án:số 33/2025/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1952490t1cvn/chi-tiet-ban-an
792	*HUE Bản án:số 53/2025/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1952477t1cvn/chi-tiet-ban-an
793	HUE Bản án:số: 93/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1952501t1cvn/chi-tiet-ban-an
794	HUE Bản án:số 23/2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1952522t1cvn/chi-tiet-ban-an
795	*HUE Bản án:số 29* /2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1952475t1cvn/chi-tiet-ban-an
796	*HUE Bản án:số 95/2025/HS-PT*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1952573t1cvn/chi-tiet-ban-an
797	*HUE Bản án:số 18 /2025/HS-PT*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1677866t1cvn/chi-tiet-ban-an
798	*HUE Bản án:số 42* /2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1959924t1cvn/chi-tiet-ban-an
799	*HUE Bản án:số 71* /2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1960048t1cvn/chi-tiet-ban-an
800	*HUE Bản án:số 07/2025/HS-ST*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1967952t1cvn/chi-tiet-ban-an
801	HUE Bản án:số 39/2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1968570t1cvn/chi-tiet-ban-an
802	HUE Bản án:số 11/2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1812736t1cvn/chi-tiet-ban-an
803	*HUE Bản án:số 24* /2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1805834t1cvn/chi-tiet-ban-an
804	*HUE Bản án:số 32* /2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1805832t1cvn/chi-tiet-ban-an
805	*HUE Bản án:số 59*	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1801078t1cvn

	/2025/HSST	/chi-tiet-ban-an
806	*HUE Bản án:số 20* /2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1801070t1cvn /chi-tiet-ban-an
807	*HUE Bản án số 49* /2025/HSST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1799398t1cvn /chi-tiet-ban-an
808	TANI Bản án số 44/2026/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2116351t1cvn /chi-tiet-ban-an
809	TANI Bản án số 40/2026/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2114919t1cvn /chi-tiet-ban-an
810	TANI Bản án số 30/2026/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2103326t1cvn /chi-tiet-ban-an
811	TANI Bản án số 15/2026/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2101156t1cvn /chi-tiet-ban-an
812	TANI Bản án số 136/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2045329t1cvn /chi-tiet-ban-an
813	TANI Bản án số 01/2026/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2045316t1cvn /chi-tiet-ban-an
814	TANI Bản án số 130/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2029020t1cvn /chi-tiet-ban-an
815	TANI Bản án số 102/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1975968t1cvn /chi-tiet-ban-an
816	TANI Bản án số 82/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1964245t1cvn /chi-tiet-ban-an
817	TANI Bản án số 05/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1739660t1cvn /chi-tiet-ban-an
818	TANI Bản án số 73/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1699609t1cvn /chi-tiet-ban-an
819	TANI Bản án số 74/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1781205t1cvn /chi-tiet-ban-an
820	TANI Bản án số 77/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1717294t1cvn /chi-tiet-ban-an
821	TANI Bản án số 54/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1677052t1cvn /chi-tiet-ban-an
822	TANI Bản án số 49/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1581118t1cvn /chi-tiet-ban-an
823	TANI Bản án số 50/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1575805t1cvn /chi-tiet-ban-an
824	TANI Bản án số 43/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1533001t1cvn /chi-tiet-ban-an
825	TANI Bản án số 21/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1490563t1cvn /chi-tiet-ban-an

826	TANI Bản án số 25/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1480555t1cvn/chi-tiet-ban-an
827	TANI Bản án số 95/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1434428t1cvn/chi-tiet-ban-an
828	TANI Bản án số 68/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1376813t1cvn/chi-tiet-ban-an
829	TANI Bản án số 83/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1374719t1cvn/chi-tiet-ban-an
830	TANI Bản án số 71/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1374710t1cvn/chi-tiet-ban-an
831	TANI Bản án số 49/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1345885t1cvn/chi-tiet-ban-an
832	TANI Bản án số 65/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1345101t1cvn/chi-tiet-ban-an
833	TANI Bản án số 36/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1314447t1cvn/chi-tiet-ban-an
834	TANIk Bản án số 43/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1241623t1cvn/chi-tiet-ban-an
835	TANI Bản án số 35/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1233731t1cvn/chi-tiet-ban-an
836	TANI Bản án số 04/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1220184t1cvn/chi-tiet-ban-an
837	TANI Bản án số 23/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1146784t1cvn/chi-tiet-ban-an
838	TANI Bản án số 04/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1146793t1cvn/chi-tiet-ban-an
839	TANI Bản án số 05/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1146364t1cvn/chi-tiet-ban-an
840	TANI Bản án số 17/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1145976t1cvn/chi-tiet-ban-an
841	TANI Bản án số 60/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1143996t1cvn/chi-tiet-ban-an
842	TANI Bản án số 55/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1102444t1cvn/chi-tiet-ban-an
843	TANI Bản án số 47/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1076675t1cvn/chi-tiet-ban-an
844	TANI Bản án số 09/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta952161t1cvn/chi-tiet-ban-an
845	TANI Bản án số 13/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta951935t1cvn/chi-tiet-ban-an
846	TANI Bản án số 56/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta951648t1cvn/chi-tiet-ban-an
847	TANI Bản án số 24/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta918768t1cvn/

		chi-tiet-ban-an
848	TANI Bản án số 01/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta862542t1cvn/chi-tiet-ban-an
849	TANI Bản án số 57/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta842889t1cvn/chi-tiet-ban-an
850	TANI Bản án số 49/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta820352t1cvn/chi-tiet-ban-an
851	TANI Bản án số 31/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta747961t1cvn/chi-tiet-ban-an
852	TANI Bản án số 12/2021/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta727559t1cvn/chi-tiet-ban-an
853	TANI Bản án số 10/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta609463t1cvn/chi-tiet-ban-an
854	LA Bản án số 43/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1871928t1cvn/chi-tiet-ban-an
855	LA Bản án số 46/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1891588t1cvn/chi-tiet-ban-an
856	LA Bản án số 49/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1871916t1cvn/chi-tiet-ban-an
857	LA Bản án số 28/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1930317t1cvn/chi-tiet-ban-an
858	LA Bản án số 08/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1824513t1cvn/chi-tiet-ban-an
859	LA Bản án số 19/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1790261t1cvn/chi-tiet-ban-an
860	LA Bản án số 18/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1790228t1cvn/chi-tiet-ban-an
861	LA Bản án số 65/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1729886t1cvn/chi-tiet-ban-an
862	LA Bản án số 51/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1714351t1cvn/chi-tiet-ban-an
863	LA Bản án số 53/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1714289t1cvn/chi-tiet-ban-an
864	LA Bản án số 48/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1714267t1cvn/chi-tiet-ban-an
865	LA Bản án số 64/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1700161t1cvn/chi-tiet-ban-an
866	LA Bản án số 44/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1656251t1cvn/chi-tiet-ban-an
867	LA Bản án số 43/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1580921t1cvn/chi-tiet-ban-an
868	LA Bản án số 42/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1652506t1cvn/chi-tiet-ban-an

869	LA Bản án số 46/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1652387t1cvn/chi-tiet-ban-an
870	LA Bản án số 20/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1547323t1cvn/chi-tiet-ban-an
871	LA Bản án số 27/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1547317t1cvn/chi-tiet-ban-an
872	LA Bản án số 17/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1521516t1cvn/chi-tiet-ban-an
873	LA Bản án số 67/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1473248t1cvn/chi-tiet-ban-an
874	LA Bản án số 04/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1471809t1cvn/chi-tiet-ban-an
875	LA Bản án số 09/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1471777t1cvn/chi-tiet-ban-an
876	LA Bản án số 76/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1471802t1cvn/chi-tiet-ban-an
877	LA Bản án số 10/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1471750t1cvn/chi-tiet-ban-an
878	LA Bản án số 83/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1425702t1cvn/chi-tiet-ban-an
879	LA Bản án số 05/2024/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1421056t1cvn/chi-tiet-ban-an
880	LA Bản án số 80/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1421067t1cvn/chi-tiet-ban-an
881	LA Bản án số 81/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1402122t1cvn/chi-tiet-ban-an
882	LA Bản án số 31/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1326604t1cvn/chi-tiet-ban-an
883	LA Bản án số 33/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1326517t1cvn/chi-tiet-ban-an
884	LA Bản án số 36/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1263578t1cvn/chi-tiet-ban-an
885	LA Bản án số 19/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1263081t1cvn/chi-tiet-ban-an
886	LA Bản án số 64/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1261932t1cvn/chi-tiet-ban-an
887	LA Bản án số 39/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1255796t1cvn/chi-tiet-ban-an
888	LA Bản án số 37/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1255791t1cvn/chi-tiet-ban-an
889	LA Bản án số 04/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1209327t1cvn/chi-tiet-ban-an
890	LA Bản án số	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1208838t1cvn

	61/2022/HS-ST	/chi-tiet-ban-an
891	LA Bản án số 10/2023/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1170471t1cvn/chi-tiet-ban-an
892	LA Bản án số 55/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1105252t1cvn/chi-tiet-ban-an
893	LA Bản án số 25/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta952061t1cvn/chi-tiet-ban-an
894	LA Bản án số 14/2022/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta916700t1cvn/chi-tiet-ban-an
895	LA Bản án số 49/2020/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta623327t1cvn/chi-tiet-ban-an
896	PT Bản án số 143/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2056983t1cvn/chi-tiet-ban-an
897	PT Bản án số 114/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2013552t1cvn/chi-tiet-ban-an
898	PT Bản án số 123/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta2001172t1cvn/chi-tiet-ban-an
899	PT Bản án số 109/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1999586t1cvn/chi-tiet-ban-an
900	PT Bản án số 86/2025/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta1969916t1cvn/chi-tiet-ban-an
901	TH Bản án số 83/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta267818t1cvn/chi-tiet-ban-an
902	TH Bản án số 52/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta141973t1cvn/chi-tiet-ban-an
903	TH Bản án số 40/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta141994t1cvn/chi-tiet-ban-an
904	TH Bản án số 12/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta71320t1cvn/chi-tiet-ban-an
905	LC Bản án số 43/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta236300t1cvn/chi-tiet-ban-an
906	LC Bản án số 53/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta225965t1cvn/chi-tiet-ban-an
907	LC Bản án số 28/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta133477t1cvn/chi-tiet-ban-an
908	LC Bản án số 05/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta67287t1cvn/chi-tiet-ban-an
909	LC Bản án số 02/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta67266t1cvn/chi-tiet-ban-an
910	LC Bản án số 03/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta67246t1cvn/chi-tiet-ban-an
911	BG Bản án số 46/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta218181t1cvn/chi-tiet-ban-an

912	BG Bản án số 40/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta218201t1cvn/chi-tiet-ban-an
913	BG Bản án số 38/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta218175t1cvn/chi-tiet-ban-an
914	BG Bản án số 34/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta218154t1cvn/chi-tiet-ban-an
915	BG Bản án số 25/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta150134t1cvn/chi-tiet-ban-an
916	BG Bản án số 17/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta124140t1cvn/chi-tiet-ban-an
917	BD Bản án số 63/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta238623t1cvn/chi-tiet-ban-an
918	BD Bản án số 65/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta237640t1cvn/chi-tiet-ban-an
919	BD Bản án số 36/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta174750t1cvn/chi-tiet-ban-an
920	BD Bản án số 39/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta174747t1cvn/chi-tiet-ban-an
921	BD Bản án số 17/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta124782t1cvn/chi-tiet-ban-an
922	BD Bản án số 11/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta116412t1cvn/chi-tiet-ban-an
923	BD Bản án số 13/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta99834t1cvn/chi-tiet-ban-an
924	BD Bản án số 10/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta99407t1cvn/chi-tiet-ban-an
925	BN Bản án số 51/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta162540t1cvn/chi-tiet-ban-an
926	BN Bản án số 57/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta162481t1cvn/chi-tiet-ban-an
927	BN Bản án số 11/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta99942t1cvn/chi-tiet-ban-an
928	BN Bản án số 16/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta99884t1cvn/chi-tiet-ban-an
929	BN Bản án số 06/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta67296t1cvn/chi-tiet-ban-an
930	BP Bản án số 30/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta279585t1cvn/chi-tiet-ban-an
931	BP Bản án số 18/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta273641t1cvn/chi-tiet-ban-an
932	BP Bản án số 38/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta259976t1cvn/chi-tiet-ban-an
933	BP Bản án số 55/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta242144t1cvn/

		chi-tiet-ban-an
934	BP Bản án số 24/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta214449t1cvn/chi-tiet-ban-an
935	BP Bản án số 32/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta192834t1cvn/chi-tiet-ban-an
936	BP Bản án số 33/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta165695t1cvn/chi-tiet-ban-an
937	BP Bản án số 08/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta73257t1cvn/chi-tiet-ban-an
938	CB Bản án số 35/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta174682t1cvn/chi-tiet-ban-an
939	ĐB Bản án số 114/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta237247t1cvn/chi-tiet-ban-an
940	ĐB Bản án số 63/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta139840t1cvn/chi-tiet-ban-an
941	ĐB Bản án số 59/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta129657t1cvn/chi-tiet-ban-an
942	ĐB Bản án số 58/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta129587t1cvn/chi-tiet-ban-an
943	ĐB Bản án số 52/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta124092t1cvn/chi-tiet-ban-an
944	ĐB Bản án số 35/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta66373t1cvn/chi-tiet-ban-an
945	HG Bản án số 50/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta166937t1cvn/chi-tiet-ban-an
946	HG Bản án số 45/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta166920t1cvn/chi-tiet-ban-an
947	HG Bản án số 41/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta141716t1cvn/chi-tiet-ban-an
948	HG Bản án số 31/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta129332t1cvn/chi-tiet-ban-an
949	HT Bản án số 42/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta231998t1cvn/chi-tiet-ban-an
950	HT Bản án số 22/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta161826t1cvn/chi-tiet-ban-an
951	HT Bản án số 27/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta153677t1cvn/chi-tiet-ban-an
952	HT Bản án số 14/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta128524t1cvn/chi-tiet-ban-an
953	HT Bản án số 11/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta127184t1cvn/chi-tiet-ban-an
954	HD Bản án số 35/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta225279t1cvn/chi-tiet-ban-an

955	HD Bản án số 17/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta184527t1cvn/chi-tiet-ban-an
956	HD Bản án số 06/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta117572t1cvn/chi-tiet-ban-an
957	HAUGIA Bản án số 10/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta201173t1cvn/chi-tiet-ban-an
958	HAUGIA Bản án số 06/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta149010t1cvn/chi-tiet-ban-an
959	HB Bản án số 40/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta230060t1cvn/chi-tiet-ban-an
960	HB Bản án số 42/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta240821t1cvn/chi-tiet-ban-an
961	HB Bản án số 11/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta113035t1cvn/chi-tiet-ban-an
962	HB Bản án số 07/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta81436t1cvn/chi-tiet-ban-an
963	HB Bản án số 06/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta70827t1cvn/chi-tiet-ban-an
964	HY Bản án số 63/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta168026t1cvn/chi-tiet-ban-an
965	HY Bản án số 50/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta137265t1cvn/chi-tiet-ban-an
966	HY Bản án số 55/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta155319t1cvn/chi-tiet-ban-an
967	HY Bản án số 42/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta132717t1cvn/chi-tiet-ban-an
968	HY Bản án số 26/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta124882t1cvn/chi-tiet-ban-an
969	HY Bản án số 20/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta107671t1cvn/chi-tiet-ban-an
970	KH Bản án số 34/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta212725t1cvn/chi-tiet-ban-an
971	KH Bản án số 16/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta203945t1cvn/chi-tiet-ban-an
972	KH Bản án số 10/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta199788t1cvn/chi-tiet-ban-an
973	KH Bản án số 20/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta197770t1cvn/chi-tiet-ban-an
974	KH Bản án số 27/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta156164t1cvn/chi-tiet-ban-an
975	KH Bản án số 26/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta154960t1cvn/chi-tiet-ban-an
976	KH Bản án số 21/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta150355t1cvn/

		chi-tiet-ban-an
977	KH Bản án số 14/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta130412t1cvn/chi-tiet-ban-an
978	KH Bản án số 20/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta149425t1cvn/chi-tiet-ban-an
979	KH Bản án số 18/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta144906t1cvn/chi-tiet-ban-an
980	KH Bản án số 13/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta123202t1cvn/chi-tiet-ban-an
981	KH Bản án số 09/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta97906t1cvn/chi-tiet-ban-an
982	KG Bản án số 39/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta201804t1cvn/chi-tiet-ban-an
983	KG Bản án số 43/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta150783t1cvn/chi-tiet-ban-an
984	KG Bản án số 57/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta176405t1cvn/chi-tiet-ban-an
985	KG Bản án số 64/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta176410t1cvn/chi-tiet-ban-an
986	KG Bản án số 65/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta176400t1cvn/chi-tiet-ban-an
987	KG Bản án số 35/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta165964t1cvn/chi-tiet-ban-an
988	KG Bản án số 48/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta165853t1cvn/chi-tiet-ban-an
989	KG Bản án số 45/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta151743t1cvn/chi-tiet-ban-an
990	KG Bản án số 36/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta133878t1cvn/chi-tiet-ban-an
991	KG Bản án số 15/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta108464t1cvn/chi-tiet-ban-an
992	LĐ Bản án số 46/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta193276t1cvn/chi-tiet-ban-an
993	LĐ Bản án số 33/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta166970t1cvn/chi-tiet-ban-an
994	LĐ Bản án số 43/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta166979t1cvn/chi-tiet-ban-an
995	LĐ Bản án số 13/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta132675t1cvn/chi-tiet-ban-an
996	NA Bản án số 162/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta268740t1cvn/chi-tiet-ban-an
997	NA Bản án số 166/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta268714t1cvn/chi-tiet-ban-an

998	NA Bản án số 179/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta268737t1cvn/chi-tiet-ban-an
999	NA Bản án số 89/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta219497t1cvn/chi-tiet-ban-an
1000	NA Bản án số 134/2018/HS-ST	https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta219251t1cvn/chi-tiet-ban-an